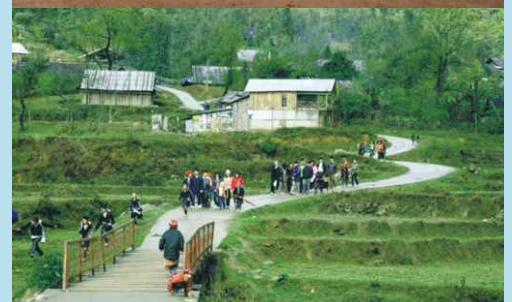


# TỪ KẾ HOẠCH ĐẾN HÀNH ĐỘNG: HƯỚNG ĐẾN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

Báo cáo Quan hệ đối tác 2006



Báo cáo không chính thức tại  
Hội nghị Nhóm Tư vấn Các Tài trợ cho Việt nam  
Hà nội, ngày 14 - 15 tháng 12 năm 2006



**TỪ KẾ HOẠCH ĐẾN HÀNH ĐỘNG:  
HƯỚNG ĐẾN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ XÃ HỘI**

**Báo cáo Quan hệ đối tác 2006**

**Báo cáo không chính thức tại  
Hội nghị Nhóm Tư vấn Các Tài trợ cho Việt nam**

Hà nội, ngày 14-15 tháng 12 năm 2006

## LỜI CẢM ƠN

Tài liệu này là sản phẩm của nỗ lực tập thể và quan hệ đối tác ở Việt Nam với sự đóng góp của nhiều nhóm đối tác giữa Chính phủ – Nhà tài trợ – Tổ chức phi Chính phủ (TCPCP). Tất cả các nhóm đối tác đã hợp tác nhằm giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển và cải thiện công tác điều phối và cung cấp Viện trợ Phát triển Chính thức (ODA). Tài liệu này không thể hoàn thành nếu không có sự hợp tác, đóng góp và hỗ trợ tích cực của rất nhiều các đối tác phát triển, bao gồm các cán bộ chính phủ, các nhà tài trợ và các TCPCP. Danh sách các đầu mối liên lạc chính (mặc dù không nhất thiết họ là trưởng nhóm) của các Nhóm được nêu lên trong báo cáo này được trình bày chi tiết dưới đây. Trường hợp các cơ quan, tổ chức không được nêu tên sau đây không có nghĩa là họ không đóng góp hoạt động gì trong nhóm đối tác.

Nhóm Công tác Xoá nghèo/ Tổ công tác chống nghèo đói	Cao Viết Sinh (MPI) Martin Rama/Đoàn Hồng Quang (WB); Nguyễn Tiến Phong (UNDP)
Nhóm đối tác chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	Nguyễn Hải Hữu/Trần Hữu Trung/Trần Phi Tước (MOLISA); Trần Văn Thuật (CEMA); Đỗ Thành Lâm (UNDP)
Nhóm đối tác Hành động Giới	Trần Mai Hương (NCFAW)
Nhóm hỗ trợ quốc tế về tài nguyên và môi trường	Nguyễn Thị Thọ (MoNRE)
Nhóm Sự tham gia của người dân	Vũ thị Bích Hợp (SRD)
Nhóm Cải cách DNNN và Cổ phần hoá	Martin Rama (WB); Nguyễn Danh Hào (IMF)
Nhóm QHĐT về thúc đẩy DN nhỏ và vừa và phát triển khu vực tư nhân	Nguyễn Văn Trung (ASMED); Ayumi Konishi (ADB)
Nhóm Khu vực tài chính	Đặng Anh Mai (Ngân hàng Nhà nước)
Nhóm Cải cách Thương mại	Martin Rama/Nguyễn Minh Đức (WB)
Nhóm Diễn đàn Doanh nghiệp	Sin Foong Wong (IFC)
Nhóm QHĐT ngành Giáo dục	Trần Bá Việt Dũng (MoET); Noala Skinner (UNICEF); Anouk Van-Neck (EC)
Nhóm QHĐT ngành Y tế	Lê Thị Thu Hà (MoH); Hans Troedsson (WHO)
Nhóm HIV/AIDS	Nancy Fee (UNAIDS)
Nhóm Lâm nghiệp	Nguyễn Tường Vân/Paula J. Williams (FSSP CO - MARD)
Nhóm QHĐT Giảm nhẹ Thiên tai	Nguyễn Sỹ Nuôi (MARD)
Nhóm hỗ trợ quốc tế về nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lê Văn Minh (MARD-ISG)
Nhóm QHĐT về Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn	Lê Văn Minh (MARD-ISG)
Nhóm Giao thông	Trương Tấn Viên (MoT); Masayuki Karasawa (JBIC)
HCMC ODAP	Trang Trung Sơn (ODAP)
Diễn đàn Đô thị Việt nam	Nguyễn Khánh Toàn (Ministry of Construction)
Nhóm Cải cách Luật pháp	Lưu Tiến Dũng (UNDP)
Nhóm Quản lý Tài chính công	Nguyễn Bá Toàn (Bộ Tài chính)
Nhóm QHĐT Cải cách hành chính	Phạm Văn Điềm (MoHA)/Nguyễn Tiến Dũng (UNDP)/Đào Việt Dũng (ADB)
Nhóm đối tác nâng cao hiệu quả tài trợ	Hồ Quang Minh (MPI)

Bồ Thị Hồng Mai (Ngân hàng Thế giới) phụ trách quá trình xây dựng tài liệu này và điều phối việc thu thập các báo cáo theo chủ đề từ các Nhóm Đối tác Phát triển và là tác giả của phần giới thiệu tổng quan. Anh của Trịnh Quang Vinh, Simone D. McCourtie

Các phiên bản báo cáo này có thể được cung cấp tại:

**Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam, Tầng trệt, 63 Lý Thái Tổ**  
và tại trang: [www.worldbank.org.vn](http://www.worldbank.org.vn), [www.un.org.vn](http://www.un.org.vn) và [www.vdic.org.vn](http://www.vdic.org.vn)

## MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VÀ TỔNG QUAN	5
NHÓM ĐỐI TÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	10
NHÓM HỖ TRỢ QUỐC TẾ VỀ MÔI TRƯỜNG	15
NHÓM LÀM VIỆC VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	17
NHÓM KHU VỰC TÀI CHÍNH	21
NHÓM GIÁO DỤC	36
ĐỐI TÁC HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP (FSSP)	40
NHÓM HỖ TRỢ QUỐC TẾ - NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	45
ĐỐI TÁC CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN	71
NHÓM GIAO THÔNG	75
DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM	85
NHÓM CẢI CÁCH LUẬT PHÁP	87
NHÓM QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	115
NHÓM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	123

In 500 cuốn, khổ 21cm x 29,7 cm. Giấy phép xuất bản số: 527-2006/CXB/32-116/LĐXH, Ngày 6 tháng 12 năm 2006, Cục Xuất bản. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 - 2006.

## TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
AFD	Cơ quan Phát triển Pháp
BCĐQG	Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phát triển và Cải cách Doanh nghiệp
BTP	Bộ Tư pháp
BTM	Bộ Thương mại
CEPT	Thuế ưu đãi có hiệu lực chung
CIDA	Tổ chức Phát triển quốc tế Canada
CIE	Trung tâm Kinh tế Quốc tế
CPNET	Mạng lưới thông tin chính phủ
CLTT&GN	Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo toàn diện
CPLAR	Chương trình Hợp tác về Cải cách công tác Quản lý Đất đai
DANIDA	Cơ quan phát triển Quốc tế Đan Mạch
ĐHQG	Trường Đại học quốc gia Việt Nam
EU	Liên minh Châu Âu
FSSP	Đối tác hỗ trợ ngành Lâm nghiệp
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản
JBIC	Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản
LPTS	Trường Đào tạo Ngành luật
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên nhiên kỷ
NGO	Tổ chức Phi chính phủ
NORAD	Cơ quan phát triển Na-uy
NHCP	Ngân hàng cổ phần
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
ISG	Nhóm Hỗ trợ quốc tế (ISG)
KfW	Ngân hàng Tái thiết Đức
ODA	Viện trợ Phát triển Chính thức
OSS	Chế độ một cửa
PPA	Đánh giá nghèo có sự tham gia của người dân
RPA	Đánh giá nghèo cấp Vùng
SEDP	`Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội
SDC	Hợp tác Phát triển Thụy sỹ
SIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Thụy sỹ
TNT	Toà án Nhân dân tối cao
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
UNODC	Văn phòng Kiểm soát ma túy Liên hợp quốc
VDG	Mục tiêu phát triển Việt Nam
VHLSS	Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam
VQLKTTW	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM)
VPQH	Văn phòng Quốc hội
VKSNT	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

# GIỚI THIỆU VÀ TỔNG QUAN

## Giới thiệu:

1. Trong năm vừa qua, mối quan hệ đối tác đã đạt được tiến bộ to lớn trong việc tăng cường hiệu quả của công tác cung cấp và quản lý viện trợ phát triển chính thức (ODA) ở Việt Nam, trong đó vai trò sở hữu của Chính phủ trong chương trình nghị sự của quan hệ đối tác ngày càng được tăng cường. Cộng đồng quốc tế cam kết theo sát các mục tiêu và chiến lược dài hạn của Việt Nam. Các nhà tài trợ cũng đã cam kết sẽ gắn kết các chiến lược hỗ trợ ODA của họ với Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội 2006-2010 (KH PTKHXH), đồng thời sử dụng khung giám sát kết quả của chính phủ để giám sát kết quả các hỗ trợ của họ cũng như cùng tiến hành đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu của Tuyên bố Hà Nội.

Các quan hệ đối tác phát triển được nhấn mạnh trong tài liệu này đã góp phần to lớn vào công cuộc giảm nghèo của Việt Nam. Các nhóm đối tác hiện tích cực hoạt động để thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội 5 Năm 2006-2010.

2. Các thách thức trong việc nâng cao hiệu quả viện trợ, tăng cường điều phối, giảm chi phí giao dịch, trong khi vẫn duy trì được vai trò sở hữu mạnh mẽ của Chính phủ, vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên, nhìn chung, Việt Nam vẫn đang đi đúng hướng trong việc thực hiện các mục tiêu tự đặt ra.

Phần chính của báo cáo này bao gồm một loạt các báo cáo ngắn do 14 nhóm quan hệ đối tác phát triển chuẩn bị (xem mục lục), nêu lên những tiến bộ và kết quả phát triển đạt được kể từ Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà Tài trợ lần trước và những thay đổi to lớn trong lĩnh vực này. Báo cáo của các nhóm đã nhấn mạnh những thay đổi hành vi thông qua việc trả lời 4 “câu hỏi chủ yếu” (Khung 1). Phần trả lời cho 4 câu hỏi này đã tạo nên nội dung chính của các báo cáo ngắn trong báo cáo đối tác này; một vài hoạt động chủ yếu của mỗi nhóm đối tác được trình bày tóm tắt trong Khung 2. Hầu hết các nhóm đối tác có sự tham gia của đại diện Chính phủ, các nhà tài trợ và rất nhiều nhóm còn có sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong nước lẫn quốc tế.

### **Khung 1: Bốn "câu hỏi chủ yếu"**

1. Nhóm quan hệ đối tác của bạn đạt được tiến bộ gì trong sáu (hoặc 12) tháng qua?
2. Nhóm quan hệ đối tác của bạn đã làm những gì để hỗ trợ các cơ quan chính phủ cấp trung ương và địa phương để chuẩn bị soạn thảo KH PTKHXH 2006-2010 cũng như các chương trình và chiến lược phát triển ngành?
3. Trong 12 tháng tới, nhóm quan hệ đối tác của bạn sẽ thực hiện những hành động cụ thể gì, bao gồm cả việc gắn hỗ trợ của các nhà tài trợ với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và chiến lược phát triển ngành?
4. Các tiêu chí thành công sửa đổi hay các điểm mốc chính của của bạn cho năm 2006 là gì để bảo đảm rằng nhóm quan hệ đối tác đạt được các kết quả phát triển? Xin đưa các tiêu chí hoặc điểm mốc đó vào một mô hình ma trận có xác định rõ các mục như thời gian, các hoạt động theo kế hoạch, kết quả và những đối tác chính



## **Khung 2: Những điểm nổi bật trong hoạt động của các Nhóm Đối tác trong sáu (hoặc 12) tháng qua**

### **Hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia**

- Hỗ trợ các cơ quan chính phủ chuẩn bị thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2
- Hỗ trợ đối thoại về giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội dân tộc thiểu số

### **Môi trường**

- Đối thoại về một loạt các vấn đề liên quan đến môi trường và nguồn tài nguyên như hệ thống theo dõi và giám sát, xây dựng năng lực, quản lý lưu vực sông, đa dạng sinh học, thích ứng với thay đổi khí hậu...

### **Sự Tham gia của Người dân**

- Tạo một diễn đàn trao đổi thông tin và tạo mạng lưới làm việc giữa các tổ chức quốc tế và Việt nam tăng cường sự tham gia của người dân
- Các cuộc họp chuyên đề về dự thảo Luật Hiệp hội, xã hội dân sự ở Việt nam, các mẫu khuyến khích và tăng cường sự tham gia của người dân

### **Khu vực tài chính**

- Tạo điều kiện thảo luận về chương trình cải cách ngân hàng và các vấn đề khác liên quan đến khu vực tài chính, gồm phát triển thị trường vốn và các thể chế tài chính phi ngân hàng

### **Xúc tiến các DN vừa và nhỏ và phát triển khu vực tư nhân**

- Điều phối hỗ trợ và hoạt động của các nhà tài trợ, tạo một diễn đàn để trao đổi thông tin và thảo luận về thúc đẩy sự phát triển của khu vực DN vừa và nhỏ
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn gắn kết phân tích các chuỗi giá trị để giảm nghèo

### **Giáo dục**

- Đối thoại chính sách thông qua cuộc họp Đối thoại giáo dục Thường niên
- Các sáng kiến chuyên đề của nhiều nhà tài trợ gồm Chiến lược giáo dục hòa nhập, Sáng kiến giáo dục trẻ em gái của UN, Phát triển và chăm sóc nhi đồng, HIV/AIDS và giáo dục

### **Lâm nghiệp**

- Hỗ trợ soạn thảo các quy định và nghị định quan trọng liên quan đến ngành lâm nghiệp
- Hoàn thành bộ chỉ số cho dữ liệu dùng để giám sát việc thực hiện Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia sắp tới

### **Nông nghiệp và phát triển nông thôn**

- Tiến hành ba nghiên cứu: Đánh giá các mô hình giao dịch nông sản, Đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế trong Bộ nông nghiệp và PTNT và Phân tích tình hình thu hút FDI trong ngành NN&PTNT
- Hỗ trợ xây dựng kế hoạch 5 năm cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực NNPTNT
- Hỗ trợ các nhóm quan hệ đối tác khác như nhóm Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn

### **Cấp nước và vệ sinh nông thôn**

- Lập ban điều phối, Ban chỉ đạo nhóm quan hệ đối tác
- Đóng góp xây dựng Chiến lược ngành vệ sinh môi trường và Kế hoạch hành động thống nhất

### **Giao thông**

- Cập nhật thông tin và kinh nghiệm về các dự án và các chương trình trong ngành để khuyến khích sự gắn kết của các nhà tài trợ và nâng cao hiệu quả viện trợ
- Tiến hành thảo luận về duy trì bảo dưỡng đường, an toàn giao thông và cải cách PMU

### **Quản lý tài chính công**

- Thúc đẩy cải cách quản lý tài chính và ngân sách
- Thực hiện các khuyến nghị đưa ra trong Báo cáo Đánh giá chi tiêu công năm 2004

- Thúc đẩy thực hiện phát triển bền vững và các mục tiêu giảm nghèo

#### **Cải cách Hành chính công**

- Củng cố khung quy định và thể chế
- Nâng cao hiệu quả và chất lượng thực thi công vụ
- Góp phần tăng cường những mối quan hệ đối tác về CCHC nhằm tạo cơ hội chia sẻ, học hỏi và nhân rộng các mô hình, thực tiễn tốt giữa các cơ quan, đơn vị và giữa các địa phương

### **Định hướng của Mối quan hệ Đối tác - Tăng cường hiệu quả**

3. Cách tiếp cận Quan hệ Đối tác kể từ khi chính thức được áp dụng ở Việt nam năm 1998 đã trở thành một công cụ quan trọng và hữu hiệu để cải thiện hiệu quả điều phối, tăng cường đối thoại giữa chính phủ và các đối tác phát triển hướng tới một mục tiêu chung là tăng hiệu quả viện trợ. Nhìn chung các nhóm quan hệ đối tác tham gia ngày càng sâu rộng vào xây dựng và thực hiện Kế hoạch PTK-TXH của Việt nam cũng như các chiến lược phát triển ngành và vùng khác.

4. Nhiều nhóm đối tác đã chuyển sang mô hình chính thức (ví dụ: Nhóm hỗ trợ quốc tế - ISG ở Bộ NNPTNT và Bộ Tài Nguyên Môi trường, và nhóm QHĐT Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn mới được thành lập) và mô hình này đã chứng tỏ tính hữu ích và hiệu quả trong việc tăng cường hiểu biết, tính minh bạch và điều phối giữa các cơ quan Chính phủ và các nhà tài trợ quốc tế. Mô hình chính thức còn giúp nâng cao tính sở hữu của chính phủ và hiệu quả của quá trình phối hợp trong nội bộ của các cơ quan chính phủ, mà điều này sẽ giúp nâng cao hiệu quả của các chương trình phát triển nói chung và sự hỗ trợ của cộng đồng tài trợ và phi chính phủ quốc tế nói riêng.

Mặt khác, những nhóm quan hệ đối tác khác thấy phương thức chia sẻ thông tin là một cơ chế hiệu quả cho các thành viên của mình. Mô hình này cho phép các nhóm công tác được hoạt động linh hoạt hơn và có thể đưa ra thảo luận những vấn đề mới nảy sinh và thay đổi trọng tâm hoạt động tùy nhiên mô hình này không phải lúc nào cũng được gắn kết với quá trình hoạch định chính sách.

Mỗi mô hình đều có điểm mạnh và điểm yếu và rõ ràng là không có một công thức hoạt động chung cho tất cả các nhóm. Điều quan trọng là các thành viên của nhóm chọn mô hình nào là tốt nhất đối với họ để đạt được mục tiêu mong muốn. Thành công của một nhóm công tác cũng phụ thuộc vào mức độ linh hoạt trong cơ cấu và hình thức hoạt động phù hợp với sự thay đổi của môi trường.

Trong năm qua, một số nhóm đã tiến hành đánh giá toàn diện các hoạt động, nhiệm vụ, tổ chức và phương hướng của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động và bắt kịp những thay đổi của tình hình mới.

5. Mức độ làm chủ của chính phủ trong các nhóm quan hệ đối tác tiếp tục được nâng cao trong năm qua, hiện nay các cơ quan của chính phủ nắm vai trò chủ trì 15 nhóm đối tác (ví dụ như Nhóm đối tác Khu vực Tài chính, Nhóm đối tác Ngành Y tế, Diễn đàn Đô thị). Chính phủ hỗ trợ và quản lý hoàn toàn một số Nhóm khác như Chương trình Hỗ trợ quốc tế thuộc Bộ NNPTNT và tại Bộ TNMT, đối tác Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp. Vai trò sở hữu của chính phủ trong là hết sức quan trọng và cần thiết để đảm bảo thành công của quan hệ đối tác.

6. Tuy đạt được nhiều thành công và tiến bộ trong năm qua, việc xây dựng quan hệ đối tác có hiệu quả hơn để phục vụ phát triển vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Hiệu quả hoạt động của các nhóm quan hệ đối tác còn ở nhiều mức khác nhau. Các nhóm khác nhau cũng phải đương đầu với những khó khăn khác nhau trong nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động. Khả năng trùng lặp giữa các nhóm đối tác cũng đã được nêu lên thành một vấn đề cần lưu ý.

7. Các yếu tố dẫn tới thành công: thái độ, tính linh hoạt và khả năng thích nghi, tính làm chủ, cam kết mạnh, hỗ trợ rộng cho tất cả các cấp, tài chính, tri thức kỹ thuật

### **Tiến tới năm 2010 – nhìn về phía trước**



8. Các nhà tài trợ đã cam kết mạnh mẽ trong việc gắn kết các chiến lược hỗ trợ của họ với Kế hoạch Phát triển Kinh tế-xã hội 5 năm 2006-2010 của Việt nam. KH 5 Năm mới được dùng làm khung điều phối các hoạt động viện trợ chính thức cho cả thời kỳ 5 năm.

Các nhóm đối tác đã hỗ trợ tích cực cho quá trình xây dựng KH PTKTXH và trở thành các diễn đàn trao đổi thông tin, đối thoại chính sách và thảo luận kỹ thuật cho các đối tác phát triển. Các nhóm đối tác sẽ tiếp tục là một cơ chế tốt để tăng cường hiệu quả phối hợp nhằm đảm bảo rằng hỗ trợ của các nhà tài trợ sẽ được sử dụng một cách tốt nhất và để tiếp tục nâng cao vai trò sở hữu của chính phủ trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm.

9. Kinh nghiệm của Việt Nam chỉ rõ lợi ích đạt được khi các nhà tài trợ và các TCPCP làm việc trong quan hệ đối tác với chính phủ để hỗ trợ tất cả các giai đoạn của quá trình phát triển. Việc đảm bảo một mối quan hệ đối tác mạnh mẽ giữa tất cả các bên liên quan đang trở nên ngày càng quan trọng hơn để hỗ trợ Việt nam đạt được các mục tiêu phát triển.

#### **Các báo cáo theo chủ đề**

10. Quá trình tư liệu hóa hoạt động của các nhóm quan hệ đối tác trong suốt năm 2006 và đặt ra chặng đường phía trước đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ. Chính vì thế, các bên đã nhất trí rằng các Nhóm quan hệ đối tác nên đưa ra các báo cáo ngắn theo từng chủ đề trên cơ sở trả lời các 'câu hỏi chính' được quy định chi tiết trong Khung 1. Những báo cáo ngắn này là nội dung chính của báo cáo quan hệ đối tác.

#### **Thông tin thêm và tài liệu tham khảo**

Những thông tin thêm về các mối quan hệ đối tác ở Việt Nam có thể được tham khảo tại:  
[www.un.org.vn](http://www.un.org.vn) , [www.undp.org.vn](http://www.undp.org.vn) , [www.vdic.org.vn](http://www.vdic.org.vn), [www.worldbank.org.vn](http://www.worldbank.org.vn)

Những tài liệu sau đây cung cấp các thông tin chi tiết về phương pháp hợp tác thông qua quan hệ đối tác và CLTT&GN ở Việt Nam

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2001). *Đưa quan hệ Đối tác vào hoạt động tại Việt nam* - Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Hà Nội

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (tháng 6/2002), *Đưa quan hệ Đối tác vào hoạt động tại Việt nam*: Tài liệu cập nhật. Báo cáo Không chính thức cho Hội nghị Nhóm tài trợ giữa kỳ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (SRV) (2002) *Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo Toàn diện*, Hà Nội

Ngân hàng Thế giới với Ngân hàng Phát triển Châu á (2002). *Việt Nam: Thực hiện lời hứa*. Báo cáo Phát triển Việt Nam 2003, Hà Nội

Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác (2003). Nghèo. Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004, Hà Nội

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2003), *Quan hệ Đối tác phục vụ phát triển*: Tài liệu cập nhật. Báo cáo Không chính thức cho Hội nghị Nhóm tài trợ. Hà nội.

Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác (2005). *Báo cáo Phát triển Việt Nam 2005*, Hà Nội  
*Báo Cáo về Hòa Hòa Hóa và Kết Hợp để đạt được Hiệu Quả Tài Trợ cao hơn tại Việt Nam –2004*, Nhóm Quan hệ đối tác về hiệu quả tài trợ.

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2004). *Việt nam tiến tới 2010 – Báo cáo quan hệ đối tác*- Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Hà Nội

Hội nghị giữa kỳ Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 6/2005). Việt nam tiến tới 2010: báo cáo cập nhật. Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Cần thơ

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2005). Quan hệ đối tác mang lại thành quả – Báo cáo quan hệ đối tác- Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Hà Nội

Hội nghị giữa kỳ Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 6/2006). Quan hệ đối tác mang lại thành quả: báo cáo cập nhật. Báo cáo không chính thức cho Hội nghị giữa kỳ Nhóm Tài trợ, Nha Trang

# **QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135**

## **Giới thiệu**

Báo cáo này mô tả các hoạt động của các tổ chức quốc tế và cơ quan của chính phủ đã đóng góp cho quan hệ đối tác hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo trong những năm qua. Có lẽ đặc biệt đáng chú ý nhất là cùng với việc Chương trình 135 giai đoạn II (CT135 II) chính thức được khởi động, số lượng các nhà tài trợ cũng như mức độ tham gia của họ vào chương trình đã tăng lên đáng kể, và việc hình thành một nhóm đối tác chính thức hơn với việc hình thành Ban Đối Tác với mục đích hỗ trợ ngân sách chung cho CT135 II. Tại thời điểm viết báo cáo này, việc thực hiện trợ ngân sách chung này đang trong quá trình thẩm định, nhằm phục vụ cho đàm phán giữa Chính Phủ và Ngân hàng thế giới/các nhà tài trợ khác, và quá trình phê duyệt sẽ được thực hiện dự kiến vào Quý 1/2007.

Chương trình 135 II đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bằng Quyết định số 07/2006/QĐ-Ttg ngày 10/01/2006, trong khi CTMTQG-GN vẫn đang chờ Chính phủ xem xét. Trong những năm qua, nhóm các nhà tài trợ đã làm việc hiệu quả thông qua quá trình hợp tác và tham vấn, nhằm hỗ trợ các cơ quan của Chính phủ chuẩn bị công tác triển khai CT135 II. Với các hỗ trợ kỹ thuật của UNDP thông qua Dự án VIE/02/001, cũng như của các nhà tài trợ khác như Ngân hàng thế giới, SIDA, Phần Lan, DFID, AusAid và IFAD, văn kiện hai chương trình và một số văn bản hướng dẫn triển khai đã được hoàn thiện. Về phía các nhà tài trợ, Ngân hàng thế giới (WB) đã chỉ đạo việc thiết kế hoạt động hỗ trợ ngân sách cho CT135 II với sự tham gia của nhiều nhà tài trợ bao gồm SIDA, Phần Lan, Ireland, DFID, AusAid và IFAD. Về phía Chính phủ, Ủy ban dân tộc (UBDT) đã thể hiện vai trò chủ đạo mạnh mẽ với việc tiếp cận cởi mở và linh hoạt. Quan hệ đối tác không chính thức này cho thấy nhiều dấu hiệu tích cực về tiến độ và kết quả đạt được, và thông qua những nỗ lực chung này, có thể thấy CT135 II đang được cải thiện và tăng cường.

## **1. Hỗ trợ CT135 II và CTMTQG-GN trong vòng 12 tháng qua:**

### **(a) Hỗ trợ quy trình soạn thảo Thông tư liên Bộ, các Thông tư cấp Bộ hướng dẫn triển khai chương trình và "Lộ trình" triển khai CT135 II:**

Với cương vị là cơ quan phụ trách CT135 II, Ủy ban dân tộc đã làm việc chặt chẽ với các ban ngành liên quan như Bộ KHĐT, Bộ XD, Bộ TC và Bộ NN và PTNT, và các nhà tài trợ để soạn thảo và ban hành Thông tư liên Bộ hướng dẫn địa phương triển khai chương trình. Dự thảo cuối cùng của Thông tư đã hoàn thiện vào tháng 05 và được Chính phủ ban hành trong tháng 08/2006. Đồng thời, các Bộ XD, NN&PTNN, TC và UBDT cũng đã chuẩn bị các văn bản hướng dẫn cụ thể cho từng hợp phần của chương trình. Bộ XD đã chính thức ban hành Thông tư số 01/2006/TT-BXD về dự toán và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng CT135 II; trong khi đó, các Bộ TC và NN&PTNT cũng đã đưa ra một số dự thảo văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính và hợp phần phát triển sản xuất và xin ý kiến rộng rãi về các văn bản này. Đặc biệt, UBDT đã chỉ đạo soạn thảo một "Lộ trình", nêu lên các mục tiêu chính, chỉ số và các giai đoạn triển khai CT135, cũng như soạn thảo Thông tư cho hợp phần 04 "Cải thiện đời sống". UBDT cũng đã tổ chức các hội thảo tập huấn cho cả 45 tỉnh thành tham gia chương trình P135II để chuẩn bị "Lộ trình" của tỉnh và kế hoạch đào tạo của các tỉnh này. Bên cạnh đó, một số văn bản hướng dẫn cấp xã làm chủ đầu tư, truyền thông, nâng cao năng lực, quản lý và báo cáo tài chính, giám sát đánh giá... cũng đang được xây dựng.

Tất cả các quy trình soạn thảo đều có sự tham vấn rộng rãi của các bộ ngành và nhà tài trợ. Một số

nhà tài trợ cũng đã hỗ trợ kỹ thuật cho các bộ ngành, như: IFAD hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và PTNN lấy ý kiến người dân về xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai phát triển sản xuất; Phần Lan hỗ trợ xây dựng quỹ hỗ trợ kỹ thuật địa phương, xã làm chủ đầu tư, và hoạt động giám sát đánh giá; SIDA hỗ trợ điều phối tổng thể giữa các tài trợ; UNICEF hỗ trợ hợp phần cải thiện đời sống, và hỗ trợ kỹ thuật của UNDP xây dựng thông tư, văn bản hướng dẫn, và quản lý CT135 II. Ngoài ra, Bộ KH&ĐT đã chỉ đạo việc chuẩn bị một số các nghiên cứu kỹ thuật đóng góp cho việc thiết kế phương thức tiếp cận hỗ trợ ngân sách chung với sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ Nhật bản thông qua quỹ PHRD do WB quản lý.

Mặc dù hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ và các cơ quan Liên hợp quốc được thực hiện qua nhiều kênh và cơ chế khác nhau, song UBND đã thể hiện vai trò lãnh đạo và tính tự chủ của mình trong việc đảm bảo thống nhất tối đa với các chính sách và cơ cấu của Chính phủ. Một ví dụ tiêu biểu cho vai trò quan trọng này của UBND là việc xây dựng lộ trình CT135 II. Cùng với sự tham gia tích cực của các đối tác Chính phủ, các nhà tài trợ và cơ quan Liên hợp quốc; UBND đã chỉ đạo quy trình xây dựng lộ trình - đưa ra chính sách cam kết của Chính phủ, các hoạt động thể chế và kết quả dự kiến. Lộ trình này cũng (i) giúp xác định các hoạt động về mặt thể chế và chính sách chính được tóm tắt trong Khung kết quả của hoạt động liên kết trợ giúp ngân sách đề xuất cho CT135 II; (ii) tạo cơ sở thống nhất các hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ; và (iii) tạo mốc khởi đầu để giám sát đánh giá kết quả các nỗ lực của Chính phủ cũng như hỗ trợ của các nhà tài trợ trong việc thực hiện chương trình.

Nhằm lấy ý kiến của các tổ chức phi Chính phủ (NGO) quốc tế về việc triển khai CT135 II và hỗ trợ liên kết chặt chẽ hơn giữa NGO quốc tế với các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, UNDP và các nhà tài trợ khác đã có sáng kiến hợp tác với Trung tâm nguồn lực NGO và các nhóm công tác của trung tâm. IFAD đã hỗ trợ Bộ Nông nghiệp tổ chức quá trình tham vấn riêng các NGO về dự thảo văn bản hướng dẫn hợp phần phát triển sản xuất, trong khi UNDP tổ chức lấy ý kiến của Nhóm công tác khuyến nông vì người nghèo. Ngân hàng thế giới và DFID đã hệ thống hoạt động của các nhà tài trợ tại các xã thuộc CT135 II, và UNDP cũng đã phối hợp với Trung tâm nguồn lực NGO tiến hành tham vấn các NGO khác về những hoạt động đã triển khai tại các xã này. Ngoài ra, UNDP cũng làm việc với UBND và Trung tâm nguồn lực trong nỗ lực đẩy mạnh hợp tác với các NGO trong nước và quốc tế. Ngày 27 tháng 11 đã diễn ra một hội thảo giới thiệu về hoạt động này, qua đó UBND và các NGO trao đổi những nội dung hợp tác và quan hệ đối tác sâu rộng hơn.

#### **(b) Hỗ trợ ngân sách chung cho CT135 II**

Nhóm các nhà tài trợ hỗ trợ ngân sách chung cho CT135 II dự kiến sẽ hỗ trợ tổng số xấp xỉ khoảng 274 triệu USD từ 2007 -2010 bao gồm các khoản tài trợ và vay ưu đãi. Nguồn này sẽ chuyển trực tiếp vào ngân sách nhà nước. Hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ được tiến hành song song với hỗ trợ ngân sách trực tiếp, tập trung vào hoạt động nâng cao năng lực ở tất cả các cấp cơ sở nhằm giúp hoàn thành các mục tiêu chiến lược của chương trình.

Từ 08-26/05 và 18/09 - 09/10/2006, đã có hai đoàn "tiền thẩm định" của các nhà tài trợ để xem xét mức độ sẵn sàng của CT135 đối với hoạt động hỗ trợ ngân sách. Qua hai đoàn thẩm định trên, đã có bước tiến triển đáng kể về các thỏa thuận giữa Chính phủ và các nhà tài trợ về hỗ trợ ngân sách, bao gồm phương thức cho vay, cơ chế đối tác, và cơ sở rà soát và đánh giá tiến độ. Các bên đã xác định được một số nội dung chính sách và thể chế chủ yếu cần thực hiện. Những nội dung chính sách và thể chế này, cũng như lộ trình triển khai nêu trên đã giúp xác định và điều phối các hỗ trợ kỹ thuật cho CT135 II.

Các nhà tài trợ hỗ trợ ngân sách cho CT135 đã nhất trí với UBND, Bộ KH&ĐT, Bộ TC và Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thiết lập Ban đối tác cho mục đích này, và dự kiến tổ chức họp lần 1 vào đầu năm 2007. Sáng kiến thành lập Ban đối tác bắt nguồn từ kinh nghiệm hỗ trợ ngân sách của DFID cho giai đoạn I của chương trình, và mỗi năm Ban sẽ họp rà soát tiến độ hai lần. Mục đích họp

là nhằm theo dõi và tổng kết công tác triển khai CT135 II, kể cả về tiến độ thực hiện các chính sách và hoạt động thể chế trong khuôn khổ hỗ trợ ngân sách. Ban đối tác sẽ hỗ trợ cho Ban chỉ đạo CT135 do Phó thủ tướng Chính phủ làm trưởng ban trong việc chỉ đạo triển khai chương trình.

**(c) Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các văn bản hướng dẫn triển khai CTMTQG-GN giai đoạn 2006 - 2010**

Hiện Chính phủ vẫn đang trong giai đoạn xem xét thẩm định Văn kiện CTMTQG-GN nên chỉ có một số ít hoạt động quan hệ đối tác được triển khai cho chương trình này.

Bộ Lao động và thương binh xã hội (LĐTBXH) đã đề nghị các nhà tài trợ và các NGO hỗ trợ kỹ thuật lập kế hoạch giảm nghèo cho 17 tỉnh ưu tiên tại Việt Nam. Vào tháng 03, các cơ quan đã họp bàn nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác với các tổ chức ở những địa phương này. Dự án đã tổ chức một hội thảo tập huấn vào ngày 23 - 24/03, nhằm phổ biến khung quy trình lập kế hoạch cấp tỉnh cho tất cả thành viên của ban soạn thảo 17 tỉnh nghèo. Các tỉnh này đã hoàn tất quy trình lập kế hoạch thực tế tại địa phương. Lần đầu tiên, kế hoạch giảm nghèo của tỉnh được chuẩn bị với sự tham gia và tham vấn sâu rộng của các tổ chức ngoài Sở Lao động ở tất cả các cấp: tỉnh, huyện và xã. Quy trình tham vấn sẽ giúp cho kế hoạch công tác tập trung vào nghèo đói hơn và khả thi hơn. Trong tháng 06/2006, dự thảo hướng dẫn lập kế hoạch giảm nghèo ở địa phương cũng như các bài học rút ra từ quy trình lập kế hoạch đã được chia sẻ với các cơ quan trung ương, các nhà tài trợ và các tổ chức phi Chính phủ.

Trong tháng 06/2006, Bộ LĐTBXH cũng đã tổ chức một hội thảo tham vấn với các ban ngành, nhà tài trợ và tổ chức phi Chính phủ; trong đó các đối tác đã đóng góp nhiều ý kiến/ đầu vào kỹ thuật giúp hoàn thiện bản dự thảo cuối cùng Khung nâng cao năng lực và ma trận các khóa đào tạo cho CTMTQG-GN giai đoạn 2006-2010.

**(d) Hỗ trợ đối thoại về giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội dân tộc thiểu số**

Với sự hỗ trợ của UNDP và WB, UBND và Bộ KHĐT đã tổ chức "Diễn đàn tham vấn hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội cho khu vực miền núi và dân tộc thiểu số, giai đoạn 2006 - 2010" vào ngày 28/09/2006. Cùng với nhiều ban ngành Chính phủ liên quan, các nhà tài trợ, các cơ quan Liên hợp quốc và NGO quốc tế cũng đã tham gia sự kiện này. Bộ trưởng - Chủ nhiệm UBND Ksor Phước và Thứ trưởng Bộ KHĐT Cao Viết Sinh đã chủ trì diễn đàn. Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm cũng đã đến dự và phát biểu khai mạc diễn đàn. Diễn đàn là cơ hội hiếm có để cùng đối thoại cởi mở về các chính sách dân tộc. Một trong những kết quả chính của diễn đàn này là các bên nhất trí sẽ tiếp tục những đối thoại như vậy thường xuyên hơn.

**2. Những hoạt động chính trong 12 tháng tới:**

**Trong năm 2007 sẽ có những nội dung hỗ trợ hai chương trình chủ yếu như sau:**

**Cho CT135 II:**

- Hỗ trợ UBND và các bộ ngành liên quan hoàn thành công tác xây dựng các Thông tư và văn bản hướng dẫn triển khai từng hợp phần
- Hỗ trợ UBND xây dựng và triển khai hệ thống giám sát đánh giá cũng như văn bản hướng dẫn vận hành, trong đó có hỗ trợ thực hiện điều tra cơ bản
- Hỗ trợ UBND xây dựng và thực hiện chương trình nâng cao năng lực, đồng thời hỗ trợ các cơ chế xác định và chia sẻ những bài học, kinh nghiệm hay, chiến lược truyền thông và văn bản hướng dẫn thực hiện cho các ngành theo chiều dọc và ngang
- Hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho UBND ở các cấp và cho các cơ quan trợ giúp kỹ thuật liên quan, đặc biệt tại các cấp tỉnh, huyện và xã.

- Hỗ trợ thiết lập và vận hành Ban đối tác của CT135 II.

**Cho CTMTQG-GN giai đoạn II:**

- Hỗ trợ Bộ LĐTBXH và các ban ngành liên quan hoàn thiện các Thông tư và văn bản hướng dẫn triển khai các hợp phần của chương trình
- Hỗ trợ Bộ LĐTBXH xây dựng và triển khai hệ thống giám sát đánh giá và các văn bản hướng dẫn vận hành
- Hỗ trợ Bộ LĐTBXH xây dựng và thực hiện các chương trình nâng cao năng lực, đồng thời hỗ trợ các cơ chế xác định và chia sẻ những bài học, kinh nghiệm hay, chiến lược truyền thông, và các văn bản hướng dẫn cho các ngành theo chiều dọc và ngang
- Tiếp tục xây dựng cơ chế quan hệ đối tác về giảm nghèo, đưa ra cơ cấu hoạt động, các nguyên tắc điều phối và quan hệ đối tác, mở rộng thành viên như các NGO trong nước và quốc tế, và các tổ chức xã hội dân sự khác, bên cạnh sự tham gia của Chính phủ và các nhà tài trợ.

**3. Tương lai của cơ chế đối tác và các tiêu chí đánh giá thành công (đã sửa đổi)**

Đặc điểm cơ chế đối tác tổng thể cho CT135 và CTMTQG-GN đã thay đổi theo sự thay đổi lịch trình của Chính phủ về các chương trình giảm nghèo và theo mối quan tâm của các nhà tài trợ cũng như các NGO. Theo tinh thần của Tuyên bố Hà Nội, một số nhà tài trợ như DFID, SIDA, Phần Lan, AusAid, Ai len, Ngân hàng thế giới và IFAD đang tiếp cận và coi CT135 II là một đối tượng quan trọng để hỗ trợ ngân sách trực tiếp cũng như hỗ trợ kỹ thuật nhằm hoàn thiện tình hình triển khai chương trình. Quan hệ đối tác này sẽ được chính thức thiết lập cùng với Ban đối tác nhằm theo dõi công tác triển khai và hỗ trợ ngân sách chung cho CT135 II. Ban đối tác cho CT135 II được xác định thông qua một Đề cương giao việc sơ bộ do Chính phủ và các nhà tài trợ thống nhất, và trong năm tới, Ban này cần đi vào hoạt động với các quy định chi tiết hơn về vai trò nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch công tác và có thể sẽ phải cân nhắc phương án nâng cao năng lực cho cơ quan chủ quản của nó là UBND.

Một số NGO quốc tế cũng đang quan tâm tới việc tham gia chặt chẽ hơn vào việc trợ giúp thực hiện CT135, phù hợp với Tuyên bố Hà Nội, đặc biệt ở các cấp địa phương. Tuy nhiên, dù các NGO quốc tế có tham gia hỗ trợ gì cho CT135 II, thì phương thức hợp tác cũng sẽ phải khác đáng kể so với hình thức Quan hệ đối tác thể hiện qua Ban đối tác cho chương trình. Do đó, cần phải thảo luận và thống nhất chính thức về cơ cấu, đặc điểm, cơ chế hoạt động, các nguyên tắc và quy định thành viên của phương thức hợp tác sâu rộng này. May mắn là chúng ta có rất nhiều kinh nghiệm để học tập, cả về những quan hệ đối tác giảm nghèo đã và đang có như PAC (Nhóm đối tác hỗ trợ cho các xã nghèo), Nhóm công tác nghèo đói, và Nhóm hành động về đói nghèo; cũng như các quan hệ đối tác ở các lĩnh vực khác như Nhóm hỗ trợ quốc tế thuộc Bộ Nông nghiệp và Bộ Tài nguyên môi trường.

Các thành viên quan hệ đối tác CT135 cần phải thảo luận và xây dựng những tiêu chí đánh giá thành công của việc thiết lập Quan hệ đối tác chính thức cho chương trình. Về lĩnh vực hợp tác hay quan hệ đối tác cho CT135 II và CTMTQG-GN, còn quá sớm để đánh giá thành công khi mà chúng ta còn chưa xây dựng được cơ chế đối tác như vậy. Tuy nhiên, cũng có thể áp dụng rà soát một số nhân tố có thể cần cân nhắc khi thành lập cơ chế đối tác sau này. Các tiêu chí đã đề xuất trong năm 2005 bao gồm: tính tự chủ và quyền lãnh đạo của Chính phủ Việt Nam trong cơ chế đối tác; cơ chế phối hợp với các tổ chức Chính phủ qua các cấp, và trong nội bộ các nhà tài trợ và NGO; việc xây dựng mạng lưới quan hệ đối tác; mức độ và chất lượng hỗ trợ kỹ thuật thực hiện thông qua cơ chế đối tác; phạm vi hỗ trợ của các cơ chế đối tác cấp quốc gia, cấp tỉnh đối với công tác triển khai hai chương trình; vai trò, chức năng của cơ chế đối tác trong việc theo dõi, đánh giá và rà soát tiến độ triển khai; sự tham gia tích cực của Chính phủ, các tổ chức đoàn thể, cơ quan cấp tỉnh và các đại diện dân sự khác, các nhà tài trợ, các NGO; sự hài hoà hoá ngày càng tăng trong hỗ trợ của các nhà tài trợ đối với các chương trình quốc gia về giảm nghèo.



*Cán bộ đầu mối:*

1. Ông Trần Văn Thuật, Vụ trưởng, Vụ chính sách dân tộc, Ủy ban dân tộc, Phó giám đốc dự án quốc gia, hợp phần SEDEMA, Dự án VIE/02/001; Số 80 Phan Đình Phùng, Hà Nội. ĐT: (844) 8230500; email: tranvanthuat@cema.gov.vn;
2. Ông Trần Hữu Trung, Phó giám đốc dự án quốc gia, CTMTQG-GN, Dự án VIE/02/001 Số 2 Đinh Lễ, Hà Nội. ĐT: (844) 9362931; email: trantrungvn195@yahoo.com.vn;
3. Ông Trần Phi Tước, Vụ trưởng, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ LĐTBXH, Số 2 Đinh Lễ, Hà Nội. ĐT: 8269533; email: ird-molisa@fpt.vn
4. Ông Đỗ Thành Lâm, Cán bộ chương trình, UNDP. ĐT: 9421495, máy lẻ 212 email: do.thanh.lam@undp.org
5. Ông Robin Mearns, Ngân hàng Thế giới (đại diện cho nhóm đối tác hỗ trợ ngân sách chung NHTG/nhà tài trợ cho chương trình 135) Telephone: 934 6600, ext. 315; email: rmearns@world-bank.org

**Danh sách các thành viên Quan hệ đối tác:**

	Bộ ngành Việt Nam	Nhà tài trợ
1	Bộ Lao động	UNDP
2	Ủy ban dân tộc	UNICEF
3	Bộ Kế hoạch đầu tư	DFID
4	Bộ Tài chính	SIDA
5	Bộ Tư pháp	AUSAID
6	Văn phòng Chính phủ	AI LEN
7	Bộ Nông nghiệp	PHẦN LAN
8	Bộ Xây dựng	NGÂN HÀNG THẾ GIỚI
9	Bộ Ngoại giao	IFAD
10	Kiểm toán Việt nam	
11	Tổng cục Thống kê	
12	Viện KHLĐ& XH	
13	Bộ Nội vụ	

## **BÁO CÁO QUAN HỆ ĐỐI TÁC 2006**

**Phục vụ Hội nghị Nhóm Tư vấn Tháng 12, 2006**

Với vai trò là một diễn đàn đối thoại giữa cộng đồng tài trợ và chính phủ về tài nguyên và môi trường, ISGE đã xác định một số vấn đề ưu tiên và tìm kiếm cách tiếp cận lô gic để đối thoại về các vấn đề này. ISGE mong muốn sự tham gia rộng rãi và tích cực của các tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần đối với các nội dung đối thoại dưới đây.

### **Trọng tâm đối thoại năm 2006**

#### *1. Khung theo dõi và đánh giá thực hiện Kế hoạch 5 năm ngành TNMT*

Để đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch 5 năm ngành tài nguyên và môi trường (TNMT) cần phải xây dựng các chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện. Cách tiếp cận đưa ra từ ISGE là thiết lập Khung lô gic theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả thực hiện Kế hoạch. Tài liệu nghiên cứu ý tưởng cho việc xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá được ISGE xây dựng cùng với tài liệu "Khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010" sẽ là tài liệu quan trọng cho việc hình thành Khung theo dõi và đánh giá thực hiện Kế hoạch 5 năm ngành TNMT.

#### *2. Chương trình nghị sự 21 TNMT*

Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam đã được xây dựng, trong đó có đề cập đến 9 lĩnh vực liên quan đến TNMT. Các lĩnh vực này sẽ là nội dung định hướng cho việc xây dựng Chương trình nghị sự 21 TNMT. Bộ TNMT được Chính phủ giao làm cơ quan đầu mối xây dựng Chương trình nghị sự 21 về TNMT đã xúc tiến các công tác tổ chức và ban hành các văn bản định hướng cho nhiệm vụ này. Trọng tâm trước mắt là hoàn thiện văn kiện Chương trình nghị sự 21 TNMT. ISGE dự kiến sẽ tham vấn cho Bộ TNMT để hoàn thành Chương trình này. Tài liệu dự thảo ban đầu của Chương trình đã được xây dựng với sự hỗ trợ của dự án PEP và sẽ được hoàn thiện vào giữa năm 2007.

#### *3. Khung chiến lược về tăng cường năng lực và thể chế ngành TNMT*

Là một ngành mới, ngành TNMT đang phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó đặc biệt là vấn đề tăng cường năng lực và thể chế. Trong khuôn khổ của Nhóm Công tác chuyên đề 3 (TAG 3) thuộc ISGE, nhiệm vụ xây dựng Khung chiến lược về tăng cường năng lực và thể chế ngành TNMT đã được đặt ra nhằm mong muốn tạo được một bức tranh tổng thể về nhiệm vụ tăng cường năng lực của ngành hướng đến các mục tiêu chiến lược của ngành hay các kế hoạch dài hạn (5 năm). Từ đó, xác định những trọng tâm, những khoảng trống hay chồng chéo cho nhiệm vụ trước mắt về tăng năng lực của ngành.

#### *4. Chính sách quốc gia về quản lý lưu vực sông.*

Xây dựng Quy hoạch quản lý lưu vực sông đang được Bộ TN&MT triển khai thực hiện và vấn đề chính sách về chia sẻ tài nguyên nước được xem là một vấn đề rất phức tạp và là trọng tâm của quản lý lưu vực sông. Thảo luận và đưa ra các đề xuất chính sách về chia sẻ tài nguyên nước sẽ được tiến hành trong khuôn khổ Nhóm công tác chuyên đề 1 (TAG1) của ISGE.

## 5. Nhóm công tác đa dạng sinh học

Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học là một trong các ưu tiên của ngành TNMT và đã có nhiều đối thoại giữa nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam, tuy nhiên hiện vẫn còn sự chưa thống nhất về quản lý nhà nước và đối thoại về chính sách quản lý đối với bảo tồn đa dạng sinh học chưa được tiến hành đầy đủ. Đó là lý do ISGE đề cập thành lập Nhóm công tác đa dạng sinh học trong khuôn khổ ISGE nhằm đối thoại và điều phối đối thoại cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thủy sản là hai thành viên của ISGE.

### Các vấn đề đối thoại khác

## 6. Thích ứng biến đổi khí hậu.

Thích ứng biến đổi khí hậu là một vấn đề quan tâm hiện nay của Chính phủ Việt Nam. ISGE dự kiến sẽ thành lập Nhóm công tác thích ứng biến đổi khí hậu trong năm 2007 nhằm chỉ rõ ma trận các hoạt động về thích ứng biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Trong năm 2006 sẽ xem xét hiện trạng hỗ trợ quốc tế và đề xuất một số trọng tâm về thích ứng biến đổi khí hậu dải ven biển.

## 7. Ngành công nghiệp môi trường

Định hướng xây dựng ngành công nghiệp môi trường và việc xem xét tác động của các chính sách bảo vệ môi trường đối với hoạt động của doanh nghiệp sẽ là những vấn đề quan tâm của ISGE. Đây được xem là cách thức đầu tiên có sự đối thoại trực tiếp giữa các bộ, ngành và các doanh nghiệp trong khuôn khổ ISGE về bảo vệ môi trường.

## 8. Rà soát, đánh giá văn bản pháp luật TNMT

Hệ thống văn bản pháp luật TNMT được quan tâm và tập trung xây dựng với một số lượng khá lớn, tuy nhiên, thực tế cho thấy còn có rất nhiều bất cập trong việc áp dụng các quy định pháp luật vào cuộc sống. ISGE dự kiến hỗ trợ Bộ TNMT rà soát, đánh giá toàn diện hệ thống văn bản pháp luật TNMT, thảo luận và tham vấn kết quả đánh giá trong khuôn khổ đối thoại của ISGE nhằm đưa đến một hệ thống VBPL hoàn chỉnh đáp ứng mục tiêu chung của ngành TNMT và các mục tiêu quốc gia.

### Các hoạt động khác

Các bản tin tháng và bản tin chuyên đề của ISGE được xuất bản và gửi đến tất cả các tổ chức và cá nhân liên quan về các vấn đề đối thoại trong khuôn khổ ISGE. Các nội dung đối thoại và các thông tin liên quan đến ODA về TNMT cũng liên tục được cập nhật trong trang Web của ISGE.

Tới đây, nhằm thúc đẩy hơn nữa vai trò của ISGE, dự kiến công tác rà soát, đánh giá hoạt động ISGE sẽ được tiến hành, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch công tác của ISGE trong giai đoạn 2007-2008.

ISGE là một diễn đàn đối thoại rộng mở và khuyến khích sự tham gia đóng góp ý kiến của mọi tổ chức, cá nhân.

ISGE đang tiến hành rà soát, đánh giá các hoạt động của Nhóm trong hai năm vừa qua, nhằm điều chỉnh các hoạt động để phục vụ tốt hơn vai trò cầu nối giữa cộng đồng các nhà tài trợ và chính phủ về các vấn đề liên quan của ngành tài nguyên và môi trường.

Địa chỉ liên hệ: Ban Thư ký ISGE, phòng 215, số 83, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại: 04-7735510; Fax: 04-7735509

Email: [isgemonre@fpt.vn](mailto:isgemonre@fpt.vn); Website: [www.isge.monre.gov.vn](http://www.isge.monre.gov.vn)

# NHÓM CÔNG TÁC VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

[www.un.org.vn/donor/civil.htm](http://www.un.org.vn/donor/civil.htm)

*Báo Cáo Đối Tác*  
*Hà Nội, tháng 11 năm 2006*

Nhóm Công Tác Về Sự Tham Gia Của Người Dân (PPWG) được thành lập năm 1999 với tư cách là một trong những nhóm đối tác và đã trở thành một diễn đàn không chính thức cho các tổ chức và các nhà chuyên môn – gồm các nhà tài trợ, những người công tác trong chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (PCP), những người quản lý dự án và các nhà tư vấn và nghiên cứu - để gặp gỡ và trao đổi thông tin và các ý tưởng về các vấn đề liên quan đến sự tham gia của người dân, dân chủ cơ sở và xã hội dân sự. Những người tham gia nhóm được khuyến khích trao đổi những thông tin phù hợp và thú vị cho các thành viên khác trong mạng lưới.

**Mục tiêu** chung của nhóm là *hỗ trợ các nỗ lực của Chính Phủ Việt Nam nhằm tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển tại địa phương của họ nói riêng và quá trình phát triển ở Việt Nam nói chung bao gồm tham gia vào việc xây dựng chính sách phát triển, thực hiện và giám sát những chính sách này.*

**Mục tiêu** trước mắt của nhóm là xúc tiến i) *một môi trường thuận lợi và tăng cường năng lực để nâng cao sự tham gia của người dân và ii) điều phối các hoạt động để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được đầu tư trong lĩnh vực này.*

## **Điều phối nhóm công tác về sự tham gia của người dân (PPWG)**

Nhóm PPWG do một Chủ Tọa giữ vai trò điều phối được nhóm cử ra và được một nhóm hạt nhân tình nguyện hỗ trợ. Nhóm hạt nhân này hiện đang có 15 thành viên từ các tổ chức LHQ, Đại Sứ Quán Phần Lan, các tổ chức PCP quốc tế và các tổ chức PCP Việt Nam, các thành viên này thường xuyên gặp gỡ để tổ chức các hội thảo chuyên đề và các sự kiện khác. Bà Nguyễn Thị Lê Hoa của tổ chức Oxfam Great Britain giữ vị trí chủ tọa đến cuối tháng 8 năm 2006. Chủ tọa hiện nay là Bà Vũ Thị Bích Hợp, Giám đốc của Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD). Các hoạt động ở các cấp độ khác nhau chú trọng đến sự tham gia của người dân và sự phát triển của xã hội dân sự đã được đẩy mạnh trong năm 2006, nhóm hạt nhân đã thường xuyên gặp nhau để lập kế hoạch và cập nhật các hoạt động cũng như các sự kiện của nhóm.

Nhóm PPWG luôn sẵn sàng kết nạp những thành viên muốn tham gia đóng góp chia sẻ thông tin cũng như thực hiện các mục tiêu chung của nhóm.

## **I. Cập nhật về hoạt động của PPWG trong năm 2006**

Trong năm 2006, Nhóm PPWG tiếp tục là một diễn đàn trao đổi thông tin và hình thành mạng lưới giữa các tổ chức quốc tế và Việt Nam để tham gia vào việc tăng cường sự tham gia của người dân. Năm nay PPWG đã thu hút được sự tham gia của nhiều cơ quan chính phủ Việt Nam và các tổ chức dân sự. Cụ thể, các cuộc hội thảo theo chuyên đề chính và các cuộc họp khác được nêu dưới đây đã trở thành diễn đàn đối thoại giữa các bên hữu quan. Một vài vấn đề chủ chốt như sự tham gia của các tổ chức vào việc thực hiện Kế hoạch Phát Triển Kinh Tế Xã Hội, Nghị định dân chủ cơ sở và tham gia vào các diễn đàn khác; củng cố các tổ chức; theo dõi sự phát triển của khung pháp lý của các tổ chức. Ngoài ra, nhóm PPWG sẽ tiếp tục các thảo luận về các khái niệm mà nhóm sử dụng liên quan đến xã hội dân sự và sự tham gia.

## **II. Các cuộc họp chuyên đề do PPWG tổ chức trong năm 2006**

### **Tình nguyện ở Việt Nam (17 tháng 2)**

Cuộc họp này do văn phòng Tình nguyện Liên Hợp Quốc (UNV) tổ chức và do nhóm PPWG thực hiện nhằm tăng cường thảo luận về tình nguyện quốc gia bao gồm ý tưởng về một Trung Tâm Tình nguyện Quốc Gia cho Việt Nam.

### **Luật về Hội (15 tháng 5)**

Dự thảo Luật về Hội được Quốc Hội sửa đổi vào Kỳ họp mùa xuân năm 2006 và đã thu hút sự quan tâm của Cộng đồng các tổ chức phát triển và phương tiện thông tin đại chúng tại Việt Nam. Nhận thấy tầm quan trọng của Luật này đối với các tổ chức PCP Việt Nam, nhóm hạt nhân của PPWG quyết định tổ chức một hội thảo của PPWG về chủ đề này. Hội thảo diễn ra ngày 15 tháng 5 năm 2006 với mục tiêu chia sẻ thông tin và tăng cường thảo luận về dự thảo luật sửa đổi. Tiến sĩ Giao của Trung tâm LERES đã có một bài trình bày về dự thảo Luật về Hội và về những hàm ý trong Luật này. Đại diện của Bộ Nội vụ cũng được mời nhưng đã thông báo không tham dự được. Các tổ chức PCP Việt Nam đã tham gia hội thảo rất nhiệt tình.

### **Tình hình xã hội dân sự tại Việt Nam và làm thế nào để củng cố tình hình này (14 tháng 6).**

Hội thảo này do UNDP và SNV trình bày nhằm ủng hộ Nghiên Cứu Các Chỉ Số Xã Hội Dân Sự CIVICUS, một đánh giá ban đầu về những gì mà nghiên cứu mô tả là xã hội dân sự nổi bật tại Việt Nam. Điều phối viên quốc gia Đặng Ngọc Dinh từ VIDS và Irene Norlund, tư vấn quốc tế của UNDP/SNV, đã trình bày kết quả trong một năm nghiên cứu, và bốn nhà nghiên cứu lâu năm về dự án này cũng đã đưa ra những nhận xét của mình về những điểm mạnh và điểm yếu của Nghiên cứu này. Các thành viên tham dự đã tham gia rất tích cực vào các thảo luận.

Link: [http://www.undp.org.vn/undpLive/digitalAssets/3202\\_Civicuc\\_report\\_\\_E\\_.pdf](http://www.undp.org.vn/undpLive/digitalAssets/3202_Civicuc_report__E_.pdf)

### **Các mô hình có sự tham gia (16 tháng 11)**

Plan International đã ủy nhiệm nhà tư vấn Anna Lauridsen so sánh các cách tiếp cận khác nhau đối với sự tham gia. Nhận thức được các tổ chức khác nhau thực hiện “sự tham gia” khác nhau đối với từng dự án, nghiên cứu đã được thực hiện nhằm đưa ra các mô hình khác nhau và giúp cho việc tìm ra các ưu điểm và nhược điểm của các cách tiếp cận khác nhau được thuận lợi. Những kết quả của Nghiên cứu đã được trình bày trong cuộc họp ngày 16 tháng 11 của nhóm PPWG.

Hai cuộc hội thảo của nhóm PPWG dự kiến tổ chức vào mùa thu năm 2006 đã phải hoãn lại do bị trùng với các hội thảo và các diễn đàn tương tự của Chính phủ.

Cuộc hội thảo về Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế Xã Hội 5 năm của Việt Nam 2006-2010: kinh nghiệm của Việt Nam và các tổ chức PCP quốc tế trong kế hoạch tham gia thực hiện đã bị hoãn vì một cuộc hội thảo do Bộ Kế hoạch và Đầu tư dưới sự hỗ trợ của SCF UK có chủ đề tương tự tổ chức vào ngày 26 tháng 9.

Một cuộc hội thảo khác với chủ đề Nhóm Hợp Tác Nông Thôn và mạng lưới các tổ chức PCP Việt Nam cũng đã bị hoãn lại vì một nghiên cứu về chủ đề này (do Cục hợp tác xã, Bộ NN&PTNT thực hiện với các điều tra ở địa phương do IFAD, CARE, OXFAM GB và SRD hỗ trợ thực hiện) cho Bản thảo Nghị định về Nhóm Hợp Tác Nông Thôn. Nhóm PPWG hạt nhân đang tổ chức lấy ý kiến trong nhóm và dự kiến sẽ có đóng góp ý kiến vào dự thảo gửi cho Bộ NN&PTNT trước hội thảo quốc gia dự định sẽ được tổ chức vào ngày 13 tháng 12 năm 2006. Nghị định này sẽ được đệ trình để Chính phủ thông qua vào thời gian tới.

### III. Các hoạt động khác trong năm 2006

- Tiếp tục cập nhật về Trang Web của PPWG tại <http://www.un.org.vn/donor/civil.htm>. Trung tâm dữ liệu các tổ chức PCP nước ngoài thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO-NGO Centres) đã lập một trang web mới, cập nhật và có hiệu quả hơn, và nhóm hạt nhân của PPWG đã quyết định chuyển trang web của PPWG sang trang Web: [http://www.ngocentre.org.vn/Default.asp?page=People\\_Participation\\_Working\\_Group](http://www.ngocentre.org.vn/Default.asp?page=People_Participation_Working_Group).  
Trang web cũ vẫn được duy trì. Email chủ của PPWG cung cấp thư cho tất cả thành viên trong nhóm sẽ được chuyển tới: [ppwg@ngocentre.org.vn](mailto:ppwg@ngocentre.org.vn). Trang web mới sẽ đi vào hoạt động từ 10 tháng 12 năm 2006.
- Cập nhật báo cáo cho các tổ chức tham gia vào nhóm PPWG. Báo cáo sẽ được cập nhật hai lần một năm kể từ năm 2007.

### IV. Các hoạt động liên quan

- Tham gia Buổi Báo cáo tóm tắt dự thảo Luật về Hội tại Bộ Nội Vụ (BNV) cho các Đại Sứ cũng như các thành viên PPWG vào ngày 3 tháng 4
- Công bố Nghiên Cứu Các Chỉ Số Xã Hội Dân Sự CIVICUS do Viện Nghiên Cứu Phát Triển Việt Nam, SNV và UNDP hỗ trợ, vào ngày 9 tháng 5
- Nghiên cứu của Đại Sứ Quán Phần Lan về Đánh Giá Nghị Định Dân Chủ Cơ Sở, do Công ty Mekong Economics tiến hành, và đánh giá việc hỗ trợ đối với Nghị Định Dân Chủ Cơ Sở. Đại sứ quán Phần Lan đã đưa ra một vài tư vấn cho các tổ chức PCP.
- Tài liệu của UNDP/VASS về dân chủ cấp cơ sở và quản trị có sự tham gia tại Việt Nam. Tài liệu này đã được phát tại “Hội nghị hai mươi năm đổi mới” do UNDP và VASS tổ chức vào tháng 6.
- Nghiên Cứu Tình Huống của Mạng Lưới tổ chức PCP Việt Nam theo Chương Trình Đối Tác Có Năng Lực (CAP), Văn Phòng Hợp Tác Tình Nguyên Tư Nhân của USAID (USAID/PVC) và Học Viện Phát Triển Giáo Dục (AED) cùng với đối tác chính là Hệ Thống Quản Lý Quốc Tế (MSI) – báo cáo này dự kiến được hoàn tất vào giữa năm.
- Thành viên của PPWG đang tham gia tích cực và đóng góp cho Báo cáo phát triển Việt Nam của Ngân hàng thế giới. Các tổ chức PCP quốc tế và PCP Việt Nam lần đầu tiên được mời tham dự, từ tháng 6 đến tháng 11.
- PPWG đã hỗ trợ chuẩn bị hội thảo “Xây dựng và nâng cao năng lực các tổ chức PCP cho sự phát triển Kinh tế - Xã hội ở Việt Nam”, ngày 9 tháng 11. Hội thảo do VUSTA tổ chức dưới sự hỗ trợ của UNDP và SNV. Đây là một sự kiện lớn với sự tham gia của hơn 140 thành viên của các bên hữu quan (tổ chức PCP quốc tế và Việt Nam, các quan chức chính phủ và nhóm các nhà tài trợ).
- Hỗ trợ dự án của tổ chức Plan International về đánh giá các mô hình tham gia khác nhau. Đánh giá này đã được trình bày tại cuộc họp của PPWG, ngày 16 tháng 11.

### V. Kế hoạch hoạt động của Nhóm PPWG cho năm 2007

#### **Chủ đề 1: Xây dựng ngân sách và lập kế hoạch có sự tham gia – vai trò của các tổ chức PCP**

Chủ đề này đang được thảo luận ở rất nhiều các tổ chức có sử dụng mô hình mới về phát triển có sự tham gia, và PPWG cam kết sẽ tham gia và hình thành mạng lưới về các kết quả từ những sự tiếp cận này. Các tổ chức đã có kinh nghiệm sẽ trình bày các tình huống để thảo luận trước toàn thể mọi người.



## **Chủ đề 2: Các nhóm Hợp tác nông thôn và xây dựng mạng lưới các tổ chức PCP Việt Nam.**

Theo dự kiến, bản dự thảo cuối cùng Nghị định về Nhóm Hợp Tác Nông Thôn (RCG) sẽ được xây dựng vào cuối năm 2006. PPWG đi tiên phong trong việc thúc đẩy thay đổi này trong khung pháp lý đối với các nhóm nông thôn nhỏ (cho đến nay vẫn chưa có khung pháp lý nào dành riêng cho các nhóm này).

Mục tiêu của hội thảo này là thảo luận dự thảo và báo cáo rút ra từ cuộc họp trong năm 2005 về chủ đề tương tự. Chủ đề RCG có thể được kết hợp với việc thảo luận làm thế nào để xây dựng các mạng lưới giữa RCG. Các chủ đề sẽ được đề cập đến bao gồm việc xây dựng các mạng lưới, cấu trúc và năng lực, các hoạt động và đóng góp cho quá trình phát triển, và những thách thức sẽ gặp phải trong việc thúc đẩy các mạng lưới này để tiếp tục các hoạt động đã bắt đầu từ năm 2005.

## **Chủ đề 3: Tiếp tục chủ đề “Xây dựng và nâng cao năng lực cho các tổ chức PCP”.**

Hội thảo của VUSTA ngày 9 tháng 11 năm 2006 là một sự kiện có tính bước ngoặt, với các bài phát biểu của các diễn giả quốc tế và trong nước, của các ban ngành trong và ngoài chính phủ. Trong buổi chiều của ngày hội thảo, các nhóm đã thảo luận về vấn đề làm thế nào để hỗ trợ các tổ chức PCP tham gia vào quá trình phát triển của Việt Nam. UNDP, SNV và VUSTA đều bày tỏ cam kết sẽ hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức PCP, ví dụ như thông qua việc đề xuất thành lập quỹ Phát triển năng lực cho các tổ chức PCP. Hội thảo của PPWG sẽ được tiến hành dựa trên các đề xuất của cuộc hội thảo.

## **Chủ đề 4: Sự tham gia của các tổ chức PCP quốc tế và PCP Việt Nam trong việc thực hiện, giám sát và đánh giá Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội.**

Hội thảo này nhằm thăm dò sự tham gia của các tổ chức PCP Việt Nam và quốc tế vào việc phát triển và thực hiện KH PTKTXH, và điều này có nghĩa như thế nào đối với việc đóng góp của những tổ chức này vào chính sách của chính phủ và cải tiến việc quản lý nhà nước có sự tham gia của người dân.

## **Chủ đề 5: Xây dựng môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các tổ chức xã hội dân sự**

Tất cả đều hiểu rằng các tổ chức xã hội dân sự chỉ có thể phát triển và đóng góp nếu chúng được hoạt động trong một môi trường thuận lợi. Ngoài trừ Luật về Hội đang được hoàn thành (Luật này có thể sẽ không được tiếp tục thảo luận lại trong Quốc hội trước năm 2008) các thành viên của PPWG sẽ tìm những cơ hội để xem xét toàn bộ khung pháp lý cho các tổ chức xã hội dân sự (bao gồm các văn kiện luật đối với các hình thức khác của các tổ chức xã hội dân sự ví dụ như các quỹ tài trợ, các tổ chức xã hội dân sự ở các cấp cơ sở...) và cơ chế cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các tổ chức xã hội dân sự. Cơ chế này bao gồm khoản tài chính bền vững đã được cam kết cho các chức xã hội dân sự như điều khoản về thuế, tài trợ, viện trợ, cho tặng, công việc tự nguyện...; sự tham gia có hiệu quả và thực tế của các chức xã hội dân sự vào việc cung cấp các dịch vụ công, chương trình quốc gia 135...; xây dựng năng lực để nâng cao tính minh bạch, khả năng của các tổ chức xã hội dân sự; đẩy mạnh các cuộc đối thoại giữa nhà nước với các chức xã hội dân sự, giữa nhà nước- các tổ chức xã hội dân sự - thị trường...

### **Các hoạt động khác**

Các hoạt động khác dự kiến trong năm 2007 bao gồm:

- Vạch ra cách thức và phương hướng phát triển PPWG mạnh hơn nữa, vạch ra các định hướng chiến lược. Định hướng này bao gồm xem xét lại mục tiêu, mục đích, và các khái niệm có liên quan đến PPWG
- Các thảo luận nhằm đóng góp cho Quy chế dân chủ cơ sở.
- Ảnh hưởng của WTO đến các tổ chức PCP

## NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC KHU VỰC TÀI CHÍNH

Nhóm quan hệ đối tác khu vực tài chính gồm các nhà tài trợ và các cơ quan chính phủ được thành lập từ cuối năm 1999 để thảo luận chương trình cải cách ngân hàng dự kiến do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xây dựng (NHNNVN), nhằm hỗ trợ việc thực hiện chương trình đó và điều phối các chương trình hỗ trợ cải cách ngân hàng của nhà tài trợ. Từ đó đến nay, nhóm công tác đã mở rộng hoạt động ngoài phạm vi cải cách ngân hàng và hiện đang giải quyết rất nhiều vấn đề của ngành tài chính, bao gồm cả việc phát triển thị trường vốn và các định chế tài chính phi ngân hàng, các đại diện của Bộ Tài Chính (BTC) và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cũng được mời tham dự các cuộc họp.

Nhóm quan hệ đối tác về cải cách khu vực tài chính hoạt động không chính thức nhưng đóng vai trò là một diễn đàn hiệu quả trong đó chính phủ và các đối tác có thể chia sẻ thông tin theo định kỳ về chương trình cải cách khu vực tài chính, cung cấp các thông tin cập nhật về quá trình phát triển khu vực tài chính và phối hợp các hoạt động hỗ trợ khác nhau của nhà tài trợ. Ngoài ra, nhóm công tác còn đóng vai trò là một diễn đàn nhằm tìm kiếm sự trợ giúp của nhà tài trợ.

### Tính làm chủ mạnh mẽ của Chính phủ

Việc thực thi chương trình cải cách của Chính phủ trong khu vực tài chính tiếp tục được sự ủng hộ mạnh mẽ của các nhà tài trợ, minh chứng bởi số lượng các dự án hỗ trợ cũng như mức độ hỗ trợ mà Nhóm Các nhà tài trợ đem lại. Nhóm công tác tiến hành gặp gỡ trên cơ sở hàng quý hoặc nửa năm và kỳ họp Quý 3 được tổ chức vào tháng 9/2006. Cuộc họp này tập trung vào các mục tiêu và những điểm chính của bản “Các mục tiêu phát triển và giải pháp cho ngành ngân hàng đến 2010 và định hướng đến 2020” được Thủ tướng phê chuẩn theo Quyết 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/05/2006, thị trường vốn, bảo hiểm tiền gửi, các định chế tài chính phi ngân hàng, cho thuê và việc chuyển đổi DAF thành Ngân hàng Phát triển. Cuộc họp được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) tổ chức với sự chủ trì của Phó Thống đốc, cùng sự tham dự của đại diện 15 cơ quan tài trợ cũng như dự án được tài trợ.

### Tiến độ cải cách của khu vực tài chính

Trong cuộc họp, SBV thông báo tiến độ cải cách và những biện pháp cần áp dụng để đối mặt với những thách thức. Phần trình bày của SBV gồm những vấn đề sau: (i) **Thực hiện việc chuyển đổi SBV thành một ngân hàng trung ương hiện đại:** SBV cần tinh giản bộ máy, có được các nguồn lực và năng lực để xây dựng được các chính sách tiền tệ dựa trên cơ chế thị trường và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế cũng như các thông lệ quốc tế tốt nhất trong hoạt động của thanh tra ngân hàng, đảm bảo việc hội nhập đầy đủ với cộng đồng tài chính khu vực; (ii) **Tái cơ cấu các ngân hàng thương mại và phát triển các định chế tài chính phi ngân hàng:** SBV quyết tâm đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu các ngân hàng thương mại, đặc biệt là năng lực tài chính, quản trị, và khả năng cạnh tranh. Công tác giám sát của SBV đối với các định chế tài chính sẽ được thay đổi cơ bản theo hướng các định chế sẽ được độc lập hoàn toàn và tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình. Ngoài ra, SBV cũng khuyến khích việc phát triển các công ty tài chính và cho thuê tài chính, các tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân, bảo hiểm tiền gửi, đơn vị cho vay chính sách và thị trường vốn và tiền tệ.

SBV thông báo với các nhà tài trợ về Lộ trình hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện theo dự án lập kế hoạch tổng thể hỗ trợ SBV xác định và lên lịch trình hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế của khu vực ngân hàng. Lộ trình nhằm giúp cho SBV điều phối các hoạt động cải cách được nêu trong Quyết định 112. Lộ trình là một chương trình sẽ được liên tục cập nhật trên cơ sở công cụ quản lý bằng Excel nhằm hỗ trợ SBV tối đa hóa những lợi ích mà các hỗ trợ kỹ thuật mà những nhà tài trợ mang lại cho khu vực tài chính đồng thời tiết kiệm thời gian nghiên cứu khi cần nhắc hỗ

trợ kỹ thuật cho khu vực tài chính. Để các nhà tài trợ dễ hình dung về công cụ mới được xây dựng này, một nhà tư vấn xây dựng Hệ thống thông tin quản lý các hỗ trợ kỹ thuật (TAMIS) đã thị phạm chương trình sử dụng các công cụ tìm kiếm nhanh để xác định tình trạng cung cấp những hỗ trợ kỹ thuật và cam kết trong giai đoạn 2006-2020.

Vụ các ngân hàng và định chế tài chính phi ngân hàng thuộc SBV trình bày hai mảng quan trọng trong khu vực tài chính: **cho thuê và tài chính vi mô**. Có 10 công ty trong công nghiệp cho thuê và 7 trong số đó là công ty thuộc các ngân hàng thương mại. Tính đến 30/06/2006 tổng mức vốn điều lệ của các công ty đạt xấp xỉ 1,1 nghìn tỷ đồng, tổng vốn huy động đạt xấp xỉ 7,8 nghìn tỷ đồng, và tổng dư nợ cho vay là 8,1 nghìn tỷ đồng. Hoạt động cho thuê khá an toàn so với hoạt động cho vay ngân hàng. Hiện tại tỷ lệ nợ xấu của ngành này là 3,6% tổng dư nợ, hay tương đương 293 tỷ đồng. Tổng dự phòng đạt 156 tỷ đồng. Tuy nhiên, các công ty cho thuê hiện vẫn gặp phải nhiều bất cập như hệ thống luật điều chỉnh còn yếu, vốn điều lệ và khả năng huy động vốn còn thấp, rủi ro tín dụng tiềm tàng do khách hàng chất lượng chưa cao, nhận thức của xã hội về cho thuê với tư cách là một công cụ tài chính v.v. **ADB, KfW và AFD** đã cung cấp các hỗ trợ cho các công ty này song các hỗ trợ tiếp theo là rất cần thiết cho ngành công nghiệp còn non trẻ này.

Trong khu vực tài chính vi mô, các đơn vị cung cấp chính thức (gồm Agribank, Ngân hàng chính sách xã hội, các Quỹ tín dụng nhân dân, các ngân hàng cổ phần) chiếm hầu hết thị phần, còn những đơn vị cung cấp bán chính thức (gồm các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan chính trị xã hội) hiện đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức, ví dụ như môi trường pháp lý còn yếu, thiếu chiến lược phát triển tổng thể, v.v. **ADB** đang cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho việc chuẩn bị văn bản hướng dẫn cho Nghị định 28/2005/NĐ-CP và hệ thống giám sát cho các hoạt động tài chính vi mô. Tuy nhiên, nên có nhiều tài trợ hơn nữa để tạo ra môi trường hoạt động tốt cho các hoạt động này cũng như việc xây dựng năng lực cho thanh tra SBV và các đơn vị cung cấp tài chính vi mô, đặc biệt là phân đào tạo quản trị kinh doanh, phân tích tài chính, và kiểm toán nội bộ. Ngoài ra một hiệp hội tài chính vi mô để điều phối và hỗ trợ các hoạt động tài chính vi mô.

**Ủy ban chứng khoán quốc gia (SSC)** trình bày các tiến triển của thị trường vốn Việt Nam và các chương chính của Luật chứng khoán mới sẽ có hiệu lực vào 01/01/2007. Thị trường vốn có nhiều phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây, chẳng hạn như trong Quý 1, 2006 có 63 công ty được niêm yết với tổng lượng vốn hóa hơn 65 nghìn tỷ đồng (số lượng công ty niêm yết hiện đã lên đến 77 với tổng vốn hóa ước vượt 70 nghìn tỷ đồng), chiếm đến 7.8% GDP (so với mức hơn 1% vào cuối 2005) và số lượng các công ty cổ phần hóa đã đạt tới con số 3.000, hứa hẹn các mức tiến triển hơn nữa trong tương lai. Đến 2010, mức vốn hóa thị trường dự tính sẽ đạt mức 15%-25% GDP và Sở giao dịch chứng khoán sẽ được thành lập vào năm 2007 (với khoản vay 50 triệu đôla Mỹ của **USAID**) tại TP HCM để thay thế trung tâm giao dịch chứng khoán, còn Trung tâm giao dịch chứng khoán tại Hà Nội sẽ trở thành một thị trường lưỡng tính vào 2010. Các thị trường trái phiếu và phái sinh sẽ phát triển hơn trong 5 năm tới. Cho đến nay dự án **USAID – STAR** giúp hỗ trợ xây dựng Luật chứng khoán và **WB** phối hợp với **SSC** để soạn thảo báo cáo “Tổng quan về thị trường vốn tại Việt Nam và các định hướng phát triển” và tiến hành đánh giá quản trị doanh nghiệp toàn quốc. Việc phát triển thị trường vốn cần có thêm rất nhiều hỗ trợ từ các nhà tài trợ, các khu vực cần hỗ trợ bao gồm (i) chuẩn bị các văn bản hướng dẫn và các luật liên quan đến việc thực thi Luật chứng khoán; (ii) hỗ trợ việc phát triển một trung tâm lưu ký chứng khoán đầy đủ chức năng; (iii) tái cơ cấu thị trường; (iv) tăng tính minh bạch của thị trường và quản trị doanh nghiệp; (v) tăng cường năng lực quản lý của **SSC** và đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, giám sát và bắt buộc thi hành.

**Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (DIV)** trình bày với các nhà tài trợ báo cáo tổng quan khá toàn diện về các hoạt động bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam. Từ khi thành lập năm 1999, **DIV** đã đóng một vai

trò tích cực trong việc duy trì ổn định cho hệ thống tài chính Việt Nam. Ngay khi đi vào hoạt động, DIV đã thực hiện bồi hoàn kịp thời cho gần 3.000 người gửi tiền của 33 Quỹ tín dụng nhân dân bị phá sản vào năm 2000. Điều này đã giúp ngăn chặn được bất ổn lan sang các định chế khác. Hiện nay, DIV có 2 nghìn tỷ đồng vốn và các quỹ, và bảo hiểm cho 991 định chế tài chính trên toàn quốc, bao gồm 67 ngân hàng, 6 công ty tài chính và 918 Quỹ tín dụng nhân dân. Ban lãnh đạo DIV có tầm nhìn và chiến lược rõ ràng về công tác hiện đại hóa DIV và rất cần các hỗ trợ kỹ thuật được xác định rõ ràng.

**Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB)**, trình bày về quá trình chuyển đổi Quỹ hỗ trợ phát triển thành VDB trong tháng 6 với sự hỗ trợ kỹ thuật của Quỹ ASEM do WB quản lý. Tính đến thời điểm đó, VDB có: (i) 5.800 dự án với số tiền cam kết là 83,4 nghìn tỷ đồng; (ii) 293 dự án ODA với lượng vốn cam kết là 62 tỷ đôla Mỹ và số dư là 43,9 nghìn tỷ đồng; (iii) 2.676 dự án sau đầu tư với tổng vốn cam kết là 3,2 tỷ đôla Mỹ; (iv) 720 khoản tín dụng xuất khẩu với trị giá hợp đồng là 4,2 tỷ đôla Mỹ. VDB có vai trò phục vụ đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu theo chỉ đạo của Chính phủ với các mục tiêu rõ ràng cho giai đoạn 2006-2010; Do vậy ngân hàng này phải thực hiện rất nhiều nhiệm vụ đòi hỏi phải có một cơ chế tài chính minh bạch, cơ cấu gọn nhẹ, cung cấp các dịch vụ trên cơ sở công nghệ thông tin và theo cơ chế thị trường. VDB cần có hỗ trợ của các nhà tài trợ, đặc biệt là trong phần xây dựng năng lực và tạo khung pháp lý và kế toán hỗ trợ cho quá trình phát triển.

### **Gắn kết hỗ trợ với các kế hoạch phát triển chiến lược**

Các kế hoạch phát triển chiến lược của chính phủ như KH PTKHXH 2010 và CPRGS và các hỗ trợ kỹ thuật cũng như các khoản vay của các nhà tài trợ tiếp tục có những nét tích cực trong phần liên quan đến cải cách khu vực ngân hàng. Thêm vào đó, các cơ quan chủ chốt của chính phủ tham gia vào thực hiện cải cách, SBV và SSC đã gắn kết các chiến lược phát triển ngành của họ với nhu cầu hỗ trợ và các ưu tiên. Các kế hoạch chiến lược của chính phủ, kể cả các kế hoạch chung và các kế hoạch ngành, đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ thành viên của nhóm làm việc về cải cách khu vực tài chính, và điều này được mong đợi sẽ tiếp tục tiến triển trong tương lai.

### **Hỗ trợ của các nhà tài trợ cho chương trình cải cách**

Ngoài những hỗ trợ được nêu trên, nhiều hỗ trợ khác đã được các nhà tài trợ thực hiện trong năm. Các thông tin tổng thể về hoạt động của các nhà tài trợ được cung cấp trong Bảng ma trận về hỗ trợ cho khu vực tài chính (nêu dưới đây), là bảng được các nhà tài trợ cập nhật và được đăng trên trang web của WB để các nhà tài trợ biết được tình hình. Sau đây là những hỗ trợ nổi bật:

- **Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)** hiện có một chương trình hỗ trợ trong các lĩnh vực như chống rửa tiền, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển thị trường vốn và tài chính, tài chính nhà ở, các định chế tài chính phi ngân hàng. ADB cùng với WB đang cung cấp tư vấn cho việc phát triển thị trường trái phiếu và giúp tăng cường năng lực giám sát cho SSC.
- **Cơ quan phát triển quốc tế Ôxtrâyliá (AusAID)** trợ giúp cho SBV trong việc nghiên cứu hội nhập quốc tế để đánh giá khả năng cạnh của khu vực ngân hàng cũng như tiến trình hội nhập.
- **Cơ quan phát triển quốc tế Ca-na-đa (CIDA)** đã khởi động dự án cải cách SBV, tập trung vào (i) sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; (ii) hỗ trợ pháp lý, và (iii) xây dựng quy trình kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro.
- **Ủy ban châu Âu (EC)** hỗ trợ SBV về: (i) đánh giá việc tuân thủ các quy định hiện hành về giám sát từ xa của các ngân hàng trong nước; (ii) đánh giá mức độ chính xác, tin cậy và kịp thời của những thông tin do các tổ chức tín dụng báo cáo cho SBV, và (iii) đào tạo thanh tra SBV.
- **Quỹ First** hiện đang làm việc cùng SSC xây dựng các quy định và hướng dẫn cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và chuẩn bị nghiên cứu khả thi cho hoạt động của Trung tâm lưu

ký chứng khoán.

- **Cơ quan GTZ** của Đức hỗ trợ kỹ thuật trong những lĩnh vực: (i) chính sách tiền tệ; (ii) thanh tra giám sát hệ thống ngân hàng, các hoạt động kiểm toán nội bộ các ngân hàng thương mại và Quỹ tín dụng nhân dân; (iii) xử lý nợ tồn, và (iv) hỗ trợ pháp lý: xây dựng Luật chứng khoán và Luật SBV và tổ chức hội thảo về 2 Luật ngân hàng.
- **Công ty tài chính quốc tế (IFC)** tiếp tục hỗ trợ cho khu vực tài chính thông qua việc giúp hình thành các cơ quan thông tin tín dụng tư nhân và hiện đại hóa quy định về giao dịch bảo đảm.
- **Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)** cung cấp hỗ trợ trong lĩnh vực quản lý tiền tệ, giám sát ngân hàng, thống kê cán cân thanh toán, quản lý dự trữ ngoại tệ, tái cơ cấu bộ máy tổ chức của SBV.
- **Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)** đang làm việc với SBV, tập trung vào: (i) cải cách quản lý dữ liệu; (ii) cải tiến hệ thống thanh toán; (iii) phát triển hệ thống quản lý nợ thứ cấp; (iv) khung pháp lý lĩnh vực ngân hàng, và (v) các kiến nghị hỗ trợ kỹ thuật trong tương lai.
- **Bộ tài chính Nhật Bản** cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho SSC và Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- **Bộ Kinh tế Thụy Sĩ (SECO)** cung cấp hỗ trợ cho SSC.
- **Cơ quan phát triển quốc tế Mỹ (USAID)** đã làm việc với SSC để xây dựng Luật chứng khoán và các cải cách pháp lý/chính sách cho thị trường vốn. Hiện tại USAID cũng đang hỗ trợ Bộ Tư pháp để phát triển một khung pháp lý hiện đại cho giao dịch bảo đảm. Ngoài ra USAID cũng cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật tổng thể cho SBV và Quốc hội trong việc xây dựng Luật các tổ chức tín dụng và các công cụ thanh toán, nghị định về ngân hàng nước ngoài và quy định về an toàn.

**Ngân hàng thế giới (WB)** đã và đang hỗ trợ Việt Nam trong tiến trình cải cách trong mười năm qua và sẽ tiếp tục hỗ trợ trong giai đoạn tiếp theo của những thay đổi về chính sách và mang tính kỹ thuật trong khu vực tài chính. Việc đa dạng hóa khu vực tài chính ngày càng trở nên cấp bách vì khu vực tài chính đang phát triển mạnh và việc phát triển không tương xứng của thị trường vốn có khả năng tạo ra những rủi ro cao hơn cho ngành ngân hàng và làm giảm tiềm năng cho việc tăng cường quản trị do ít có sự tham gia của các nhà đầu tư định chế. Do vậy, hỗ trợ của WB trong lĩnh vực tài chính đã mở rộng sang tập trung vào cả việc phát triển thị trường vốn. Chương trình hỗ trợ hiện tại có nhiều cấu phần. WB đã hoàn tất phần hỗ trợ hạ tầng cơ sở tài chính rất thiết yếu là hệ thống thanh toán quốc gia. Hiện tại, một dự án trị giá 105 triệu đôla Mỹ đang tiếp tục được tiến hành để tăng cường hơn nữa hệ thống thanh toán cũng như các hệ thống ngân hàng lõi ở các ngân hàng lớn nhất. Một dự án mới đang được xây dựng, tập trung đáp ứng các nhu cầu cụ thể của SBV, cụ thể là một hệ thống quản lý dữ liệu tổng thể, gồm cả phần thu thập, quản lý, bảo mật và phân tích thông tin.

Trong vài năm qua, WB đã hỗ trợ khu vực tài chính thông qua việc một số quỹ tín thác, chủ yếu là quỹ ASEM và một quỹ tín thác đa biên cho Bộ Tài chính. Ngoài ra, các quỹ tín thác tư vấn song phương cũng được cung cấp cho WB để thực hiện thu thập và phân tích số liệu. Đây là những nguồn hỗ trợ quý báu cho việc xây dựng năng lực, đối thoại chính sách và thay đổi hệ thống pháp lý. Một số hoạt động gần đây bao gồm (xem chi tiết ở bảng Ma trận hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ): a) hỗ trợ tài chính cho kiểm toán theo IAS ở một số định chế trong một số năm vừa qua, b) bản tự đánh giá dựa trên các nguyên tắc cơ bản của Basel, c) thảo luận và hỗ trợ xây dựng hệ thống xếp loại giám sát (CAMELS), d) rà soát cơ cấu quản trị của hệ thống ngân hàng và hỗ trợ việc phát triển các quy định với về quản trị doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại, e) hỗ trợ SBV trong việc lĩnh hội và quản lý các hỗ trợ kỹ thuật, f) hỗ trợ việc tăng cường khả năng giám sát và đưa ra các quy định về an toàn, và g) hỗ trợ xây dựng năng lực của SSC trong các lĩnh vực xây dựng chính sách và quy định. Những hỗ trợ này sẽ là nền tảng để xây dựng những phát triển mới trong tương lai, cụ thể là triển khai những



công việc đã được bắt đầu và hỗ trợ quản lý chiến lược đối với các nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật tổng thể hơn.

### **Các bước tiếp theo của Nhóm công tác**

Nhóm công tác sẽ tiếp tục nhóm họp vào đầu năm 2007 để xử lý những chủ đề rộng hơn nữa của khu vực tài chính. Từ nay cho đến thời điểm đó, các nhà tài trợ sẽ được tham vấn về những quan ngại hoặc các thách thức có thể có liên quan đến những vấn đề được nêu để có thể đưa vào lịch trình cuộc họp. Các hành động bổ sung bao gồm:

- Tiếp tục cập nhật bảng ma trận hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ thông qua việc xác định các nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật và thông báo với SBV và WB, kể cả trong trường hợp dự án được hoàn tất.
- Tiếp tục cung cấp các chi tiết cho bảng ma trận trước khi diễn ra cuộc họp kỳ tới về các dự án hiện tại và tiềm năng.
- Chuyển bảng ma trận cho SBV để hiệu chỉnh, cập nhật và công bố thường xuyên.

Bảng ma trận tổng thể đối với các hỗ trợ kỹ thuật và các khoản vay mà các nhà tài trợ đã thực hiện cho chương trình cải cách của Chính phủ trong khu vực tài chính đã được cập nhật và các dự án đã xong thì được chuyển sang một phần riêng của bảng ma trận. Bảng ma trận sẽ tiếp tục được xây dựng theo các định chế và khu vực hỗ trợ để tiện theo dõi với những thông tin liên hệ và được đăng tải trên trang web của WB tại Việt Nam ([www.worldbank.org.vn](http://www.worldbank.org.vn)).



## CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ NGÀNH TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM

Nhóm Công Tác Tài Trợ Ngành Tài Chính

Cập nhật tháng 9/2006

LĨNH VỰC CẢI CÁCH	NHIỆM VỤ	NHÀ TÀI TRỢ / NHÀ CUNG CẤP	TÌNH TRẠNG	NGÀY BẮT ĐẦU	LIÊN HỆ
Các Ngân hàng Thương mại Quốc doanh (SOCBs)					
TÁI CƠ CẤU NGÂN HÀNG	Hỗ trợ việc thực hiện Kế Hoạch Tái Cơ Cấu ICB	AFD	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	Melody Sang sangm@groupe-afd.org
	Cải cách công tác kiểm toán nội bộ cho các ngân hàng thương mại	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
	Nâng cấp công nghệ thông tin (hệ thống xử lý thông tin ngân hàng chính) cho các ngân hàng thương mại	USAID-VNCI	Đang thực hiện	2004	David Brunell, USAID dbrunell@usaid.gov Bob Webster, VNCI - Robert@vnci.org
	Hỗ trợ kỹ thuật về tăng cường quản lý rủi ro, quản lý tài sản - nợ, chuyển đổi sang hệ thống kế toán IAS cho Ngân Hàng Thương Mại Á Châu – US\$ 850.000. Các phần chính:	Quỹ tín thác Thụy Sĩ	Đang thực hiện	Năm 2002	Lâm Bảo Quang, IFC lquang@ifc.org
	1. Quản Lý Rủi Ro Tín Dụng (bao gồm phân tích thiếu sót, khuyến nghị, các mô hình thang điểm đối với các khoản vay công ty và cá nhân): đã hoàn tất	Quỹ Hà Lan			
	2. Đào tạo về báo cáo IFRS: đã hoàn tất	Quỹ Nhật Bản			
	3. Hiện đại hóa công nghệ thông tin: hợp đồng đang được thương lượng	IFC			
	4. Hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến ALM: hợp đồng đang được thương lượng				
	5. Lập Kế Hoạch Chiến Lược: việc lựa chọn nhà tư vấn đang được thực hiện				
	6. Cố vấn thường trú cao cấp: việc lựa chọn nhà tư vấn đang được tiến hành				
	Hỗ trợ kỹ thuật về tăng cường quản lý rủi ro, quản lý tài sản-nợ, chuyển đổi sang hệ thống kế toán IAS cho Ngân Hàng Thương Mại Sài Gòn (Sacombank) – US\$ 850.000. Các phần chính:	Quỹ tín thác Thụy Sĩ	Đang thực hiện	Năm 2002	Lâm Bảo Quang, IFC lquang@ifc.org
	1. Quản lý Rủi ro Tín dụng: đã hoàn tất	Quỹ Hà Lan			
	2. Hiện đại hóa công nghệ thông tin: đã hoàn tất	Quỹ Nhật Bản			
	3. ALM: đã hoàn tất	IFC			

	4. Cố vấn thường trú cao cấp: việc lựa chọn nhà tư vấn đang được tiến hành.				
	Hỗ trợ tư vấn cho giao dịch cổ phần hóa Ngân Hàng Nhà Mê Kông	IFC	Đang thực hiện	Năm 2004	Sin Foong Wong swong@ifc.org
	Hỗ trợ kỹ thuật cho Ngân Hàng Nhà Mê Kông về Quản Lý Tín Dụng, Quản Lý Kho Quỹ và Tài Sản Nợ, Quản lý nguồn nhân lực, công nghệ thông tin và MIS	Seco / Khu vực Tư nhân	Đang thực hiện	Năm 2004	Barbara Jaggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch Quondam Partners, Juerg Vontobel quondam@bluewin.ch
	Các hội thảo về Tái Cơ Cấu Ngân Hàng	Seco (Đại Sứ Quán Thụy Sĩ) / Khu Vực Tư Nhân	Đã được phê duyệt	Tháng 12 năm 2003	Barbara Jaggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch Quondam Partners, Juerg Vontobel quondam@bluewin.ch
<b>Hệ thống thanh toán</b>	Dự Án Hiện Đại Hóa Ngân Hàng và Hệ Thống Thanh Toán	Ngân Hàng Thế Giới	Đang thực hiện	Năm 2005	Xiaofeng Hua xhua@worldbank.org
					James Seward, Ngân Hàng Thế Giới Jseward@worldbank.org
					Melody Sang sangm@groupe-afd.org
	Dự Án Hiện Đại Hóa Ngân Hàng và Hệ Thống Thanh Toán cho VBARD (phần mở rộng của Dự Án Hiện Đại Hóa Ngân Hàng và Hệ Thống Thanh Toán của Ngân Hàng Thế Giới)	AFD	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	
<b>Các Ngân hàng Cổ phần (JSBs)</b>					
<b>Quản lý Rủi ro</b>	Quản lý rủi ro cho các Ngân Hàng Cổ Phần	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2003	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
		Seco (Đại Sứ Quán Thụy Sĩ) / Khu Vực Tư Nhân / BTC	Đang thực hiện	Tháng 12/2005	Barbara Jaggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch
	Hỗ trợ kỹ thuật cho các ngân hàng thương mại về quản lý rủi ro, tài sản, quản lý nợ và phát triển nhân lực				
	Quản Lý Rủi Ro Tín Dụng và Quản Lý Hồ Sơ Vốn Vay	IFC-Vụ Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ và IFC-MPDF	Đang thực hiện	Tháng 7 năm 2005	Nguyen Hanh Nam, IFC/MPDF
	- Sách bài tập	Quỹ tín thác Hà Lan			NNam@ifc.org
	- Tài liệu đào tạo				

	- Đào tạo giảng viên				
	- Các khóa đào tạo				
	US\$ 60.000				
	Đối tác: Trung Tâm Đào Tạo Ngân Hàng (BTC)				
	Đào tạo và thực hiện năng lực, đặc biệt là các lĩnh vực chính sách tín dụng, quản lý rủi ro và phân tích theo ngành cho Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam	AFD	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	Melody Sang sangm@groupe-afd.org
Thay Đổi Tổ Chức	Hỗ trợ Trung Tâm Đào Tạo Ngân Hàng (BTC) để cung cấp đào tạo có chất lượng cho các ngân hàng thương mại	IFC-MPDF	Đang thực hiện	Năm 2002	Nguyen Hanh Nam, IFC/MPDF - nnam@ifc.org
	Các phần chính:				
	- Xây dựng năng lực cho các giảng viên				
	- Chương trình xác nhận chức năng tín dụng				
	US\$ 175.000/năm				
	Đối tác: Trung Tâm đào Tạo Ngân Hàng (BTC)				
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN)					
Thay Đổi Tổ Chức	Tái cơ cấu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Đào tạo dài hạn và hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN Việt Nam về các vấn đề giám sát, điều hành và dịch vụ ngân hàng	CIDA	Đang thực hiện	Tháng 2 năm 2004	Lara Bremner, CIDA Larachristine.bremner@international.gc.ca
	Hướng dẫn cải cách NHNN thành một ngân hàng trung ương hiện đại	IMF/MFD/APD	Đang thực hiện	Tháng 3/2006	Il Houng Lee, IMF - ilee@imf.org
					Nga Ha, IMF - nha@imf.org
	Xây dựng năng lực của NHNNVN	Liên Minh Châu Âu	Dự kiến	Năm 2005	Francisco Fontan, EC Francisco.Fontan@cec.eu.int
Các tiêu chuẩn giám sát/ An toàn-Bền vững	Tăng cường giám sát/kiểm toán ngân hàng	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2000	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Đánh giá công tác chống rửa tiền và trợ giúp việc soạn thảo nghị định, kế hoạch hành động cho việc thiết lập FIU	ADB	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	VV Subramanian, ADB vsubramanian@adb.org

	Chống rửa tiền - đánh giá và hỗ trợ soạn thảo nghị định, hoạt động của cơ quan điều tra tài chính và đào tạo cán bộ, giáo dục đại chúng về phòng chống rửa tiền.	IMF/MFD/LEG	Đang thực hiện	Tháng 12/2003	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
	Giám sát việc tuân thủ và kiểm toán theo các yêu cầu giám sát ngân hàng và đào tạo cho các thành tra ngân hàng trong lĩnh vực thanh tra	Liên minh Châu Âu	Đang thực hiện	Năm 2005	Hans Farnhammer, EC, Hans Farnhammer@cec.eu.int
	Các dịch vụ tư vấn về tăng cường công điều hành và giám sát ngân hàng	IMF/MFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
<b>Khung Pháp lý cho ngành Ngân hàng</b>	Đánh giá Luật Ngân hàng Nhà Nước và Luật Các Tổ Chức Tín Dụng	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2003	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Tư vấn kỹ thuật về Luật Ngân Hàng Nhà Nước và Luật Các Tổ Chức Tín Dụng	CIDA	Đang thực hiện	Tháng 6 năm 2003	Lara Bremner, CIDA Larachristine.bremner@international.gc.ca
					Chris Mains/BRP Project Manager crmfa@aol.com
	Giới thiệu các tiêu chuẩn quốc tế (Nguyên tắc Basel)	GTZ	Đang thực hiện		Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Hội thảo, phân tích pháp lý và tài liệu tham khảo nhằm hỗ trợ việc xây dựng các nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Các Tổ Chức Tín Dụng sửa đổi của NHNNVN	USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov  Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
	Hỗ trợ việc xây dựng Nghị định về Ngân hàng Nước ngoài	USAID (Dự án STAR)	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov  Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
	Hỗ trợ việc xây dựng Luật Hồi phiếu	USAID (Dự án STAR)	Đang thực hiện	Tháng 11 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov  Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com  Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org
Hỗ trợ NHNN soạn thảo pháp lệnh về ngoại hối	IMF/MFD/LEG	Đã phê duyệt	Tháng 2-6/2005	Nga Ha, IMF, nha@imf.org	

	Hỗ trợ NHNN soạn thảo một số quyết định để tăng cường khuôn khổ pháp lý và hoạt động của công tác thanh tra ngân hàng	IMF/MFD/LEG	Đang thực hiện	Tháng 11/2004	Il Hong Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
	Hỗ trợ NHNN soạn thảo nghị định về cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý chính sách tiền tệ	IMF/APD	Đang chuẩn bị	Tháng 6/2006	Il Hong Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
<b>Thông tin Tín dụng</b>	Thực hiện khung chiến lược: soạn thảo khung pháp lý và xây dựng quan hệ đối tác: hỗ trợ việc thành lập vụ tín dụng khu vực tư nhân	MPDF	Đang thực hiện	Tháng 5/2006	Nguyen Hanh Nam, IFC/MPDF NNam@ifc.org
	US\$ 110.000				
	Các phần chính:				
	1. Hỗ Trợ Kỹ Thuật: cung cấp hỗ trợ kỹ thuật hợp pháp cho NHNNVN. Công tác này bao gồm:				
	- Xây dựng khung pháp lý				
	- Xây dựng quy tắc ứng xử				
	- Đề ra B138 các yêu cầu cấp phép.				
	- Tư vấn thông qua các hoạt động thúc đẩy/phổ biến quá trình				
	2. Xây dựng /Thiết lập quan hệ đối tác: Dự án sẽ tìm kiếm lợi ích từ các vụ tín dụng quốc tế tiềm năng và cam kết của cộng đồng ngân hàng và sau đó với tư cách là tổ chức ủy thác trung gian, tạo điều kiện cho việc thành lập một vụ tín dụng tư nhân với sự tham gia của nhà đầu tư /nhà tài trợ nước ngoài có uy tín.				
	Đối tác: Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam				
Đánh giá các hội thảo kỹ thuật về các dự kiến của ngành tài chính của Hiệp Định Thương Mại Việt - Mỹ		USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	Tháng 11 năm 2002	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov  Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
<b>Các Hiệp Định Quốc Tế</b>	Trợ giúp NHNNVN xây dựng chiến lược hòa nhập quốc tế cho ngành ngân hàng	AusAID	Đang thực hiện	Tháng 10 năm 2004	Graham Alliband, CEG Facility Galliband@ceg.edu.com
	Xây dựng năng lực quản lý dự trữ	Sida/Ngân hàng Trung ương Thụy Điển	Đang thực hiện	Tháng 5 năm 2003	Lê Ngọc Liên, SIDA mrs.lien@sida.se
	Đánh giá mức độ an toàn	IMF/Vụ Tài Chính	Đang thực hiện	Năm 2001	Il Hong Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org

	Hỗ trợ NHNN thực hiện Điều khoản Hiệp định với IMF cho phép tự do hóa tài khoản vãng lai	IMF/LEG	Đã phê duyệt	Tháng 2-6/2005	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
<b>Quản Lý Dự Trữ</b>	Trợ giúp công tác kiểm toán NHNNVN	IMF/MFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
	Hỗ trợ quản lý dự trữ ngoại hối	IMF/MFD	Đang thực hiện	Tháng 3/2006	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
	Thị trường/chính sách tài chính	Seco (Thụy Sĩ) / Viện Nghiên Cứu Cao Học Quốc Tế	Đang thực hiện	Giai đoạn I: 1997-1999	Barbara Jaggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch
	Đào tạo giảng viên, quản lý nguồn nhân lực/kỹ năng thẩm định, nghiên cứu theo kinh nghiệm			Giai đoạn II: 2000-2002	
				Giai đoạn III: 200 005	Graduate Institute of International Studies Geneva, Prof. Camen Camen@hei.unige.ch
	Đào tạo về việc xây dựng và dự báo mô hình kinh tế vĩ mô	INSEE/Ngân hàng Pháp/ ADE-TEF	Đang thực hiện	Năm 2002	Alain Fontanel Afontanel@hotmail.com
<b>Chính Sách Tiền Tệ</b>	Các Hội thảo về Phối Hợp Chính Sách Kinh Tế Vĩ Mô	IMF	Đang thực hiện	Năm 2002	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
	Trao đổi nhân viên	Sida/Ngân Hàng Trung Ương Thụy Điển	Đang thực hiện	Năm 2003	Lê Ngọc Liên, SIDA mrs.lien@sida.se
	Hướng dẫn về các công cụ chính sách tiền tệ và hoạt động	IMF/MFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
	Đào tạo các nhân viên ngân hàng thương mại và NHNNVN, Các công cụ tiền tệ	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ Ahauskrecht@aol.com
	Cố vấn về chính sách tiền tệ, quản lý dự trữ quốc tế và phát triển thị trường nợ thứ cấp	JICA	Mới phê duyệt	Tháng 9/2006	Yamada Minoru, JICA Vietnam Yamada.Minoru@jica.go.jp
	Hỗ trợ về tính toán, dự báo lạm phát và xây dựng khuôn khổ tiền tệ	IMF/MFD	Đang thực hiện	Tháng 9/2006	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
	Trợ giúp việc phát triển cơ sở dữ liệu để tiến hành các giao dịch thị trường tiền tệ	ADB	Đã được phê duyệt	Tháng 05 năm 2003	Alessandro A. Pio, ADB Apio@adb.org
<b>Thống kê và Cơ sở Dữ liệu</b>	Hỗ trợ thống kê tiền tệ và hệ thống báo cáo	IMF/STA	Đang thực hiện	Tháng 4/2005	Il Houg Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org



	Hỗ trợ thống kê cán cân thanh toán	IMF/STA	Đang thực hiện	Tháng 4/2006	Il Hounng Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org
<b>Phát Triển Thị Trường Tiền Tệ</b>	Xây dựng năng lực của NHNNVN với vai trò là cơ quan thực hiện các chính sách tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ	JBIC	Đang thực hiện	Tháng 12 năm 2001	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
	Dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (ii)	JBIC	Đang thực hiện	2005	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
<b>Chính sách Tín dụng của Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ</b>	Nghiên cứu thí điểm việc phát triển cơ sở hạ tầng phần mềm để sử dụng tài chính tốt hơn của doanh nghiệp vừa và nhỏ	JBIC	Đang thực hiện	Tháng 03 năm 2003	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
	Hạn mức tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ (ICBV)	KfW	Đang thực hiện	Năm 2001	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Vốn vay của chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (do ADB và AFD đồng tài trợ)	KfW	Đang thực hiện	Tháng 12 năm 2004	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Quý điều hành doanh nghiệp vừa và nhỏ	Liên Minh Châu Âu	Đang thực hiện	Tháng 10 năm 2004	Francisco Fontan, EC Francisco.FONTAN@cec.eu.int
	Hạn mức Tín Dụng Nhà thông qua Ngân Hàng Nhà Mê Kông	AFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Melody Sang sangm@groupe-afd.org
	Sáng kiến cạnh tranh của Việt Nam - đào tạo và trợ giúp kỹ thuật cho các ngân hàng cổ phần (JSBs) để tạo điều kiện cho việc sử dụng tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	USAID - VNCI	Đã hoàn thành	Năm 2004	David Brunell, USAID dbrunell@usaid.gov  Bob Webster, DAI Robert_Webster@dai.com
	Cấp bảo lãnh vốn vay cho các ngân hàng cổ phần Việt Nam để thúc đẩy (a) tín dụng mở rộng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và (b) các thông lệ cho vay bằng tiền mặt	USAID	Đang thực hiện	Năm 2003	David Brunell, USAID dbrunell@usaid.gov
<b>Giám sát Ngân hàng</b>	Trợ giúp NHNNVN tăng cường giám sát ngân hàng dựa vào rủi ro, kể cả việc thông qua phương thức đơn giản hóa cơ sở dữ liệu và đào tạo nhân viên. Đưa ra nhận xét về kế hoạch giám sát ngoài ngân hàng của NHNNVN, và phân loại tài sản, tỉ lệ bảo đảm an toàn, và các quy định kiểm toán nội bộ cho các ngân hàng thương mại.	IMF/MFD	Đang thực hiện	Tháng 4 năm 2004	Il Hounng Lee, IMF, ilee@imf.org Nga Ha, IMF, nha@imf.org

<b>Hoạt động Tiền tệ và Hối đoái</b>	Trợ giúp NHNNVN tăng cường OMO, TB, và các hoạt động thị trường tiền tệ. Giới thiệu các công cụ và phương pháp quản lý chính sách tiền tệ gián tiếp cho nhân viên NHNNVN, bao gồm cả việc hủy bỏ và thiết lập tỉ lệ chính sách.	IMF/MFD	Đang thực hiện	Tháng 4 đến tháng 11 năm 2005	Il Hong Lee, IMF ilee@imf.org  Nga Ha, IMF Nha@imf.org
<b>Các tổ chức cho vay chính sách</b>					
<b>Đào tạo Ngân hàng</b>	Đào tạo cho các ngân hàng Việt Nam	Chính phủ Luxembourg/ATTF	Đang thực hiện	2005-2007	amlux@fpt.vn
<b>Các tổ chức tài chính vi mô (MFIs)</b>					
<b>Tiếp cận Tài Chính Vi Mô</b>	Khung pháp lý, điều hành và giám sát cho MFIs	ADB	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2002	Brett Coleman, ADB bcoleman@adb.org
	Hiện đại hóa một số Quỹ Tín Dụng Nhân Dân và cải tiến các dịch vụ của Quỹ Tín Dụng Nhân Dân	Ban Quốc Tế Desjardins (DID)/CIDA	Đã được phê duyệt	Tháng 2 năm 2004	jmcrevier@did.qc.ca
	Vốn vay và trợ giúp kỹ thuật để hỗ trợ tài chính doanh nghiệp nông thôn thông qua NHNN&PTNNVN và Quỹ Tín Dụng Nhân Dân	ADB	Đang thực hiện	Tháng 11 năm 2000	Bui Trong Nghia, ADB btnghia@adb.org
	Hỗ trợ phát triển Quỹ Tín dụng Nhân dân (Kiểm toán độc lập, nội bộ và giám sát)	GTZ	Đang thực hiện	Khởi động lại 2004	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
	Vốn vay hỗ trợ tài chính doanh nghiệp nông thôn thông qua NHNN&PTNTVN	AFD	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	Melody Sang sangm@groupe-afd.org
	Nghiên cứu về Tài Chính Nông Thôn	JBIC	Đang thực hiện	Tháng 2 năm 2003	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
	Chương trình Tiết kiệm và Tín dụng Nông thôn (VBARD)	KfW	Đã thông qua	Năm 2002	Thao Nguyen, KfW, thaonguyen!@kfw.de  Giang Tran, KfW, giang@kfwvn.com
	Quỹ Tín dụng Quay vòng để Giảm Nghèo (NHNN&PTNTVN)	KfW	Đã thông qua	Năm 2001	Thao Nguyen, KfW, thaonguyen!@kfw.de  Giang Tran, KfW, giang@kfwvn.com
	Vốn tài trợ nông thôn - Quỹ Vốn Vay tài chính vi mô (MLF) và các cơ quan thực hiện (các Tổ Chức Tài Chính Vi Mô, MFIs)	Ngân hàng Thế giới	Đang thực hiện	Năm 2003	Liza Valenzuela, World Bank lvalenzuela@worldbank.org
	Tăng cường tổ chức cho Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam về cung cấp tài chính vi mô và tư vấn về khung pháp lý của Tổ Chức Tài Chính Vi Mô	Đại sứ quán Bỉ	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Marcus Leroy, Embassy of Belgium badc@hn.vnn.vn

	Tăng cường tổ chức cho Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam về cung cấp tài chính vi mô và tư vấn về khung pháp lý của Tổ Chức Tài Chính Vi Mô	Đại sứ quán Bỉ	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Marcus Leroy, Embassy of Belgium badc@hn.vnn.vn
	Tăng cường tổ chức cho Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam về cung cấp tài chính vi mô và tư vấn về khung pháp lý của Tổ Chức Tài Chính Vi Mô	Đại sứ quán Bỉ	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Marcus Leroy, Embassy of Belgium badc@hn.vnn.vn
<b>Các Tổ chức Tài chính phi Ngân hàng (NBFIs)</b>					
<b>Thuê Mua</b>	Vốn Vay của Chương Trình Ngành Tài Chính Thứ Cấp hỗ trợ việc phát triển các kênh khác nhau của trung gian tài chính dựa vào thị trường bao gồm cả lĩnh vực bảo hiểm, lĩnh vực thuê mua, thị trường tiền tệ và thị trường vốn, và cơ sở hạ tầng thị trường tài chính như đăng ký giao dịch bảo đảm và hiệp hội kế toán	ADB	Đang thực hiện	Tháng 1 năm 2003	VV Subramanian, ADB, vsubramanian@adb.org
	Vốn Vay của Chương trình, do ADB và AFD đồng tài trợ để tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa các nguồn vốn của các công ty thuê mua tài chính nhằm tăng cường việc sử dụng tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	KfW	Đang thực hiện	Tháng 12 năm 2004	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Vốn Vay của Chương trình Ngành Tài chính Thứ Cấp, do ADB, đồng tài trợ nhằm hỗ trợ ngành tài chính phi ngân hàng.	AFD	Đang thực hiện	Năm 2003	Melody Sang sangm@groupe-afd.org
	Hỗ Trợ Kỹ Thuật cho việc Xây Dựng Năng Lực cho các Tổ Chức Tài Chính Phi Ngân Hàng và Thị Trường Vốn	ADB	Đang thực hiện	Năm 2003	VV Subramanian, ADB, vsubramanian@adb.org
<b>Trung gian Tài chính dựa vào Thị trường</b>	Phát triển Thị trường Vốn	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2004 và 2005	Andreas Hauskrecht Hauskrecht@sbcglobal.net
	Tăng cường năng lực cho Trung tâm Chứng khoán Hà Nội và TP HCM	JICA	Mới phê duyệt	2006	Oshikiri Koji, JICA Vietnam Oshikiri.Koji@jica.go.jp
	Trợ giúp kỹ thuật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (SSC) để phát triển thị trường chứng khoán và thị trường vốn trung và dài hạn	Seco (Đại sứ quán Thụy Sĩ) / Khu vực Tư nhân	Đang thực hiện	Năm 2004	Barbara Jäggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch
	Trợ giúp Bộ Tài Chính phát triển thị trường trái phiếu công ty	NRI (Nhật Bản)	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Kengo Mizuno, NRI k-mizuno@nri.co.jp
	Trợ giúp Chính Phủ (BTC, NHNNVN, BKHĐT, VPCP, BTP) để quản lý nợ nước ngoài	UNDP	Đang thực hiện	Năm 2000	Trinh Tien Dung, UNDP Trinh.tien.dung@undp.org

	Hỗ trợ xây dựng năng lực cho BTC để phân tích chính sách tài chính	UNDP	Đang thực hiện	Năm 2003	Trinh Tien Dung, UNDP Trinh.tien.dung@undp.org
	Đánh giá tổng hợp việc phát hành và phát triển thị trường trái phiếu thành phố	USTDA	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Paul Marin, USTDA PMarin@tda.gov
	Hỗ trợ UBCKNN xây dựng khung pháp lý để phát triển thị trường chứng khoán và xây dựng năng lực cho UBCKNN và các trung gian chứng khoán khác; tổ chức giáo dục và đào tạo nhà đầu tư và công chúng	USAID	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2005	David Brunell, USAID dbrunell@usaid.gov
	Các hội thảo, phân tích pháp lý và tài liệu tham khảo nhằm hỗ trợ việc xây dựng Luật Chứng Khoán mới và một Nghị Định về Kinh Doanh Không Qua Trung Gian của UBCKNN	USAID-Dự án STAR	Đã hoàn thành	Tháng 8 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov  Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
	Đánh giá khuôn khổ pháp lý cho các giao dịch bảo đảm và Tăng cường Năng lực cho Cơ quan Đăng lý Quốc gia cho các giao dịch đảm bảo" i) Thu thập, phân tích môi trường cho vay hiện tại và hỗ trợ việc giải quyết các yếu kém trong khuôn khổ pháp lýT (ii) Hỗ trợ xác định các bất cập trong việc thành lập và điều hành hệ thống đăng ký giao dịch đảm bảo (iii) Các hoạt động tuyên truyền và giáo dục đại chúng cho người sử dụng dịch vụ	IFC-MPDF và FIAS	Đã phê duyệt	Tháng 5/2006	Nguyen Hanh Nam, IFC/MPDF, Nnam@ifc.org
	Xây dựng năng lực cho Cơ quan Đăng ký Giao dịch Bảo Đảm Quốc Gia	ADB	Đang thực hiện	Tháng 12 năm 2002	Ames Adhikari, ADB Radhikari@adb.org
	Hỗ trợ Bộ Tư pháp xây dựng khung pháp lý cho các giao dịch bảo đảm.	USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	Năm 2002	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov  Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
<b>Tài trợ Bền vững</b>	Chương trình tài trợ bền vững cho các tổ chức tài chính – dựa vào tình hình kinh doanh: quản lý rủi ro và các cơ hội phát sinh từ các vấn đề môi trường và xã hội.  Các phần chính: - Hội thảo về tăng cường nhận thức (đã hoàn tất) -Đào tạo giảng viên -Đào tạo về tài chính bền vững (chia sẻ chi phí) -Hỗ trợ kỹ thuật theo mục tiêu cho các ngân hàng cam kết (dựa vào việc chia sẻ chi phí)	IFC-SFMF và  IFC-MPDF Quỹ tín thác Luxemburg	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2005	Nguyen Hanh Nam, IFC/MPDF, Nnam@ifc.org
	US\$ 230.000 Đối tác: Trung tâm Đào tạo Ngân hàng (BTC) đóng vai trò là cơ quan thực hiện, nhằm tới tất cả các tổ chức tài chính tại Việt Nam.				

# NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỀ GIÁO DỤC

**Báo cáo Đối tác Ngành Giáo dục  
Tháng 11/2006**

## *Điều phối*

Nhóm QHĐT Ngành Giáo dục (ESG) là đối tác giữa Bộ Giáo dục Đào tạo (Bộ GD&ĐT) và các cơ quan tài trợ quốc tế, với mục đích điều phối các hoạt động hỗ trợ quốc tế để phát triển giáo dục tại Việt Nam và thúc đẩy tính hiệu quả trong hoạt động trợ giúp nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục của Việt Nam. ESG gồm có một Ban Thư ký do Bộ GD&ĐT thành lập, bao gồm các khách mời, các đại diện của Liên Hợp Quốc và các cơ quan đa phương và song phương quan tâm đến các chương trình và hỗ trợ cho ngành giáo dục. Ba tổ chức phi chính phủ quốc tế do Trung tâm VUFO-NGO lựa chọn cũng tham gia ESG. Các cuộc họp toàn thể của ESG được tổ chức hàng tháng theo định kỳ, ngoài ra có thể họp bất thường khi cần. Các đối tác quốc tế của ESG đã tham gia họp hàng tháng để thảo luận các vấn đề giáo dục được cộng đồng các nhà tài trợ quan tâm, và trong năm 2006 đã thành lập các nhóm công tác đặc biệt để giải quyết một số vấn đề cụ thể.

Ban Thư ký ESG và Ngân sách hoạt động. Bắt đầu từ năm 2006, ESG đã tăng cường và chính thức hóa cơ chế điều phối thông qua một Thỏa thuận Tài trợ chung giữa Bộ GD&ĐT và Nhóm Các nhà tài trợ đồng quan điểm (LMDG) LMDG<sup>1</sup> gồm có Ôxtrâyliya, Canada, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Ailen, Hà Lan, New Zealand, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ và Vương quốc Anh.. Thỏa thuận này được ký kết vào cuối năm 2005, trong đó nêu ra các mục đích chung, các quy tắc và tổ chức công việc của ESG. Vụ Hợp tác Quốc tế Bộ GD&ĐT, thông qua Ban Thư ký ESG, có trách nhiệm chỉ đạo và quản lý Nhóm, kể cả soạn thảo kế hoạch công việc hàng năm. Nhóm Các nhà tài trợ đồng quan điểm đã thống nhất cử DFID (Vương quốc Anh) làm cơ quan đầu mối thay mặt các đối tác quốc tế của ESG để làm việc với bộ GD&ĐT, đồng thời Nhóm các nhà tài trợ đồng quan điểm cũng đã cung cấp gần 100.000 USD cho các hoạt động của ESG trong thời gian 18 tháng từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2007. Ngân sách này bao gồm cả lương cho một thư ký làm việc chuyên trách, chi phí cho các cuộc họp hàng năm và họp tổng kết thường niên, các nghiên cứu chính sách và chuyên đề về những nội dung quan trọng, hỗ trợ duy trì trang web và thư viện.

Trang web và Thư viện. Trang web của ESG website – <http://esg.moet.gov.vn/index.php> – bắt đầu khai trương vào giữa năm 2006. Thư viện – vốn được thiết kế làm nơi thu thập các tài liệu về giáo dục tại Việt Nam – được đặt tại Bộ GD&ĐT, và cho đến nay chủ yếu mới có các tài liệu của Chính phủ và các báo cáo nghiên cứu bằng tiếng Việt. Các đối tác quốc tế cũng sẽ đóng góp thêm tư liệu cho thư viện.

Bản đồ hoạt động của các nhà tài trợ. ESG đã chuẩn bị một cơ sở dữ liệu gồm các thông tin cơ bản về các chương trình/dự án trong nước cũng như của các tổ chức phi chính phủ và dự án/chương trình ODA tại Việt Nam – thông tin được trình bày dưới dạng dễ sử dụng. Cơ sở dữ liệu được đưa lên mạng thành một phần trong Cơ sở dữ liệu Hỗ trợ Phát triển Việt Nam (<http://dad.mpi.gov.vn>).

Họp tổng kết. ESG sẽ tổ chức cuộc họp tổng kết thường niên gồm tất cả các thành viên của nhóm vào tháng 12/2006. Các chủ đề sẽ thảo luận gồm có tiến độ thực hiện trong năm 2006, các bài học kinh nghiệm và soạn thảo kế hoạch công việc năm 2007.

---

<sup>1</sup> LMDG gồm có Ôxtrâyliya, Canada, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Ailen, Hà Lan, New Zealand, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ và Vương quốc Anh.

## Hài hòa hóa

ESG được thành lập để phản ánh quan hệ đối tác và hoạt động dưới cơ chế đồng chủ tọa gồm có một chủ tọa của Bộ GD&ĐT và hai chủ tọa của các nhà tài trợ<sup>2</sup>. Các nhà tài trợ đang giữ trách nhiệm đồng chủ tọa là Ủy ban Châu Âu và UNICEF.. Các thành viên ESG cùng tham gia vào các đối thoại chính sách thông qua Cuộc họp Đối thoại Giáo dục thường niên. Ngoài ra, ESG cũng đã đạt được những tiến triển trong thực hiện Tuyên bố chung Hà Nội về Hài hòa hóa, thông qua một số hoạt động chung như dự thảo Báo cáo Phát triển Việt Nam năm 2007, thiết kế và tài trợ một loạt các chương trình Tín dụng Hỗ trợ Xóa đói giảm nghèo (PRSC), hỗ trợ Chính phủ để áp dụng Chuẩn Chất lượng Trường học Cơ bản (FSQL) và tài trợ Kế hoạch Hành động Giáo dục vì Mọi người (EFA) của Chính phủ thông qua một chương trình mục tiêu quốc gia.

*Báo cáo Phát triển Việt Nam 2007.* Các đối tác quốc tế của ESG đang góp phần soạn thảo Chương Giáo dục trong Báo cáo Phát triển Việt Nam 2007, trong đó mô tả các thành tựu của Việt Nam trong thời gian thực hiện Chiến lược toàn diện về Xóa đói giảm nghèo và Tăng trưởng thời kỳ 2000-2005 và xem xét các thách thức chủ yếu trong thời kỳ Kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội 2006-2010.

*Tín dụng Hỗ trợ Xóa đói giảm nghèo (PRSC).* Giáo dục là một nội dung nổi bật trong chu kỳ tín dụng PRSC đầu tiên và có khả năng vẫn là nội dung quan trọng trong chu kỳ tín dụng mới. Các đối tác quốc tế của ESG đã làm việc cùng với Bộ GD&ĐT để đề xuất các điều kiện chuyển đổi và các hoạt động thích hợp cho nội dung Giáo dục trong chu kỳ PRSC đầu tiên, và hiện đang huy động lần nữa để đề xuất một nội dung mới cho các điều kiện chuyển đổi và hoạt động của chu kỳ sắp tới trên cơ sở liên kết với các chủ đề của Báo cáo Phát triển Việt Nam 2007.

*Đánh giá Chuẩn Chất lượng Trường học cơ bản (FSQL).* Theo lời đề nghị của Bộ GD&ĐT, các đối tác quốc tế của ESG đã có nhận xét về bản phác thảo quy chế FSQL, trong đó quy định các tiêu chuẩn đầu vào tối thiểu đối với các trường phổ thông cơ sở (về các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng, trình độ giáo viên, sách giáo khoa, v.v.) nhằm đảm bảo rằng mọi học sinh được hưởng nền giáo dục có chất lượng phù hợp. Quy chế FSQL là một công cụ quan trọng để phân bổ nguồn lực một cách khách quan cho các trường học có nhu cầu cao nhất và để đánh giá tiến độ giảm thiểu các khiếm khuyết trong các trường học ở những khu vực khó khăn nhất trong cả nước. Do ý nghĩa quan trọng này, trong đợt nhận xét lần thứ hai, các đối tác quốc tế của ESG đã nêu lên hai điểm chính: thứ nhất, cần duy trì tính chất “cơ bản” của quy chế và không đề ra các tiêu chuẩn ở mức độ thiếu khả thi, vì điều này có thể chuyển nguồn lực từ các trường có nhu cầu cao nhất sang các trường có ít nhu cầu hơn; thứ hai, cần chú ý nhiều hơn đến các khía cạnh định lượng của hoạt động giáo dục.

*Chương trình hỗ trợ ngân sách mục tiêu Giáo dục cho Mọi người (EFA).* Tám trong số các tổ chức tài trợ là đối tác quốc tế của ESG<sup>3</sup>. Bảy nhà tài trợ (gồm có Ủy ban Châu Âu, Bỉ, CIDA, DFID, NZAID, AECI-Tây Ban Nha và Ngân hàng Thế giới) hỗ trợ thông qua một chương trình chung, và nhà tài trợ thứ 8 (Na Uy) hỗ trợ thông qua một chương trình tương tự nhưng độc lập. Hiện đang cung cấp nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật để trợ giúp Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) về Giáo dục – xét tổng quát, chương trình này nhằm mục đích phân phối công bằng hơn các kết quả đầu ra về giáo dục cơ bản ở Việt Nam và xây dựng năng lực trong Chính phủ (đặc biệt là Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính, cấp trung ương cũng như địa phương) để quản lý CTMTQG về giáo dục. Trong thời kỳ đánh giá, các tổ chức tài trợ đã cùng Bộ GD&ĐT đánh giá tiến độ thực hiện CTMTQG, dựa vào các hệ thống hiện có của Chính phủ về quản lý tài chính, đấu thầu và báo cáo theo biện pháp tiếp cận đã được hài hòa hóa ở mức độ cao.

---

<sup>2</sup> Các nhà tài trợ đang giữ trách nhiệm đồng chủ tọa là Ủy ban Châu Âu và UNICEF.

<sup>3</sup> Bảy nhà tài trợ (gồm có Ủy ban Châu Âu, Bỉ, CIDA, DFID, NZAID, AECI-Tây Ban Nha và Ngân hàng Thế giới) hỗ trợ thông qua một chương trình chung, và nhà tài trợ thứ 8 (Na Uy) hỗ trợ thông qua một chương trình tương tự nhưng độc lập.



### Các sáng kiến chủ đề của nhiều nhà tài trợ

Các thành viên ESG đã làm việc một cách hiệu quả xung quanh một số chủ đề được nêu lên ở nhiều tổ chức tài trợ. Các sáng kiến này bao gồm nhiều cách làm việc khác nhau, kể cả hội thảo và hoạt động phân tích như các ví dụ dưới đây.

Chiến lược giáo dục toàn diện. Trên quan điểm cung cấp cho mọi trẻ em các cơ hội công bằng nhằm tiếp cận nền giáo dục có chất lượng trong các trường lớp phổ thông tiêu biểu, từ năm 2006, Bộ GD&ĐT<sup>4</sup> Với sự hỗ trợ của UNESCO, Văn phòng khu vực Đông Á của UNICEF và tổ chức Save the Children Thụy Điển, đã bắt đầu áp dụng “Môi trường thân thiện cho học tập toàn diện” trong hệ thống giáo dục của Việt Nam. Các tài liệu do chương trình này xây dựng hiện đang được thí điểm trong Dự án Giáo dục cho Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn (dự án PEDC<sup>5</sup>) Với sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới, AusAid, CIDA, DFID và Na Uy.. Song song với việc này, một Hội nghị quốc gia cũng đã phổ biến chính sách giáo dục toàn diện và các kiến nghị chiến lược đến tất cả các nhà lãnh đạo cấp tỉnh, các chuyên gia trong nước và các đối tượng khác tham gia hoạt động giáo dục. Hội nghị đã thống nhất những bước tiếp theo của quy trình chính sách do Bộ GD&ĐT chủ trì và sẽ được bắt đầu vào tháng 1/2007. Mục tiêu của cả hai sáng kiến này là mở rộng trọng điểm giáo dục toàn diện đến tất cả mọi trẻ em đang gặp trở ngại trong học tập, bao gồm cả trẻ em khuyết tật cũng như những trẻ em khác không thuộc nhóm bị rủi ro.

Ngoài ra, với nhóm đối tượng cụ thể là trẻ em khuyết tật, Viện Chiến lược Giáo dục và Giáo trình<sup>6</sup> Với sự hỗ trợ của tổ chức Catholic Relief Services và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ, thuộc Bộ GD&ĐT đã dự thảo Chiến lược Giáo dục cho Trẻ em khuyết tật, giai đoạn 2006-2010 và Tầm nhìn đến năm 2015. Mục tiêu của Chiến lược này là xây dựng một biện pháp tiếp cận bền vững và tổng hợp để giáo dục trẻ em khuyết tật, xác định các nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ kế hoạch và liên kết giáo dục trẻ em khuyết tật với toàn bộ kế hoạch Giáo dục cho Mọi người. Bộ GD&ĐT sẽ trình bản chiến lược chính thức lên Chính phủ vào tháng 12/2006. Các thành viên ESG đã nhận xét và góp ý cho bản dự thảo lần trước trong cuộc họp vào tháng 3/2006, không kể nhận xét của từng tổ chức thành viên. Một số nội dung của chiến lược cũng được phản ánh trong Hướng dẫn Giáo dục toàn diện của Bộ GD&ĐT đã được Thứ trưởng thường trực Bộ GD&ĐT ký ban hành trong tháng 5/2006.

Sáng kiến giáo dục trẻ em gái của Liên Hợp Quốc. Trong khuôn khổ Sáng kiến Giáo dục Trẻ em gái của Liên Hợp Quốc (UNGEI), UNICEF và UNESCO đã phối hợp với Bộ GD&ĐT tiến hành một nghiên cứu có tên “Chuyển tiếp trẻ em gái dân tộc thiểu số từ cấp tiểu học lên cấp trung học cơ sở”. Nghiên cứu này được tiến hành ở 3 tỉnh để tìm hiểu nguyên nhân của tình trạng rất ít trẻ em gái dân tộc thiểu số chuyển được từ cấp tiểu học lên cấp trung học cơ sở, và đưa ra các kiến nghị nhằm giúp các trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành được bậc tiểu học và học tiếp lên bậc trung học cơ sở. Nghiên cứu này là một bước tiến quan trọng để tìm hiểu bối cảnh bất bình đẳng giới trong giáo dục tại Việt Nam và sẽ là cơ sở quan trọng để Bộ GD&ĐT đưa ra các sáng kiến chính sách trong tương lai.

Chăm sóc và phát triển nhi đồng (ECCD). Tháng 5/2006, một Diễn đàn Giáo dục<sup>7</sup> Diễn đàn Giáo dục do Bộ GD&ĐT, UNICEF, Oxfam Anh, Save the Children Anh, và Ngân hàng Thế giới tổ chức, đã được tổ chức với trọng tâm là thúc đẩy nỗ lực để xây dựng một hệ thống ECCD mạnh hơn cho quốc gia, trong đó nhấn mạnh đến các vấn đề liên quan tới chính sách, ngôn ngữ và chất lượng ECCD. Các thành viên cốt yếu của Nhóm công tác liên cơ quan về ECCD<sup>8</sup> Including UNICEF, UNESCO, Save the Children UK, Oxfam GB and Plan International, cũng đã điều phối các đóng góp kỹ thuật cho các

<sup>4</sup> Với sự hỗ trợ của UNESCO, Văn phòng khu vực Đông Á của UNICEF và tổ chức Save the Children Thụy Điển.

<sup>5</sup> Với sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới, AusAid, CIDA, DFID và Na Uy.

<sup>6</sup> Với sự hỗ trợ của tổ chức Catholic Relief Services và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ.

<sup>7</sup> Diễn đàn Giáo dục do Bộ GD&ĐT, UNICEF, Oxfam Anh, Save the Children Anh, và Ngân hàng Thế giới tổ chức.

<sup>8</sup> Including UNICEF, UNESCO, Save the Children UK, Oxfam GB and Plan International.

sáng kiến dự án khác nhau của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực ECCD; hiện tại các bên đang nỗ lực củng cố các đối tác trong những hoạt động như xây dựng tài liệu, hội thảo và xây dựng năng lực.

HIV/AIDS & Giáo dục. Cho đến gần đây, các dự án giáo dục liên quan đến HIV/AIDS, ví dụ như các kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản, vẫn còn thiếu sự điều phối và phối hợp.

Với chức năng chính là thúc đẩy sự phối hợp hiệu quả giữa các nỗ lực trong ngành giáo dục, ESG đã thành lập Tổ công tác về HIV/AIDS và Giáo dục, như một diễn đàn để tăng cường các đối tác và hài hòa hóa nhằm đạt hiệu quả tối đa. Các vấn đề mà Tổ công tác thảo luận gồm có điều phối Kế hoạch hành động quốc gia về HIV/AIDS và giáo dục sức khỏe sinh sản, y tế và dinh dưỡng trường học và các thảo luận chung xung quanh vấn đề phối hợp trong tương lai. Tổ công tác sẽ tiếp tục thúc đẩy một chiến lược toàn diện và được phối hợp toàn ngành về HIV/AIDS và y tế trường học trong ngành giáo dục.

Thập kỷ Liên Hợp Quốc về Giáo dục nhằm Phát triển bền vững. Sau khi thành lập Ủy ban quốc gia về Thập kỷ Giáo dục nhằm Phát triển bền vững (DESD) vào năm 2005, Ủy ban này đã bắt đầu hoạt động tại Hà Nội vào tháng 2/2006 với sự tham gia của đại diện các cơ quan ban ngành của Chính phủ, các học viện, các tổ chức quốc tế và giới truyền thông đại chúng. Với đại diện các Bộ GD&ĐT, KH&CN, TN&MT, VH&TT, Ủy ban này đã dự thảo một Kế hoạch hành động chi tiết sắp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cuối năm 2006, một Hội thảo vận động chính sách về DESD sẽ được tổ chức và quy tụ các đại biểu cấp trung ương và địa phương nhằm tăng cường sự hiểu biết về khung cơ cấu DESD.



## ĐỐI TÁC HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP (FSSP)

Báo cáo 6 tháng cuối năm 2006

Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp<sup>1</sup> Tên trước đây của Đối tác là “Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp và Đối tác, FSSP&P”, sau đó đã thống nhất là khi Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia mới được phê duyệt, nó sẽ thay thế Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp. Do vậy Chương trình này được đổi thành “Đối tác Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp, FSSP”, hay nói một cách ngắn gọn là Đối tác Lâm nghiệp. là khung hợp tác rộng lớn giữa Chính phủ Việt Nam và 25 đối tác hiện nay hoạt động trong Ngành lâm nghiệp. Văn bản Thỏa thuận Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác được ký kết từ tháng 11 năm 2001 và có hiệu lực đến năm 2010. Đến nay, Đối tác Lâm nghiệp đã đi được nửa chặng đường của một quá trình theo thoả thuận ban đầu.

Đối tác này được thành lập trên cơ sở Đối tác về Chương Trình Trồng mới 5 triệu hécta rừng hoạt động từ năm 1998 đến năm 2001.

Văn bản Thỏa thuận (MOA) FSSP gồm có 15 nguyên tắc hợp tác cơ bản được thỏa thuận giữa các đối tác. Văn bản Thỏa thuận còn bao gồm cả một khung chương trình quy định rõ các chuẩn mực thực hiện mục tiêu tổng thể, mục tiêu trọng tâm và các hoạt động cụ thể theo 9 Phạm vi Kết quả. Vào tháng 6 năm 2006, Đối tác đã thống nhất thay Khung FSSP với 9 Phạm vi Kết quả bằng Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia, 2006-2020). Đây là tài liệu quan trọng để phối hợp việc hỗ trợ và thực hiện bởi các Đối tác trong nước và quốc tế. Các nguyên tắc hợp tác cơ bản thì không thay đổi, và theo các nguyên tắc cơ bản về hợp tác và hài hòa hóa mà gần đây Chính phủ và các đối tác quốc tế đã thông qua Tuyên bố chung Hà Nội.

Báo cáo này do Văn Phòng Điều Phối FSSP, là Ban thư ký của Đối tác Lâm nghiệp chuẩn bị. Báo cáo cập nhật các hoạt động chính của Đối tác Lâm nghiệp trong 6 tháng cuối năm 2006 và các hoạt động dự kiến cho năm 2007. Báo cáo cũng cập nhật tình hình của Quỹ Ủy thác Ngành Lâm nghiệp (TFF) trong 6 tháng cuối năm 2006.

### Các hoạt động chính được thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2006

#### 1. Các văn bản pháp lý liên quan đến Luật Bảo vệ và phát triển rừng

Trong tháng 8 năm 2006, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định Số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/8/2006, về Quy chế Quản lý rừng, thay thế Quyết định Số 08/2001/QĐ-TTg. Theo Quy chế mới này, công tác quản lý rừng sẽ được phân cấp nhiều hơn cho các địa phương, giảm thủ tục hành chính trong các hoạt động về quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng. Đầu tháng 11 năm 2006, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Thông tư Số 99/2006/TT-BNN, ngày 06/11/2006, hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định này. Ngoài ra, Chính phủ còn ban hành Nghị định Số 119/2006/NĐ-CP, ngày 16/10/2006, về Tổ chức và Hoạt động của Kiểm lâm nhằm xác định rõ hơn vai trò của lực lượng kiểm lâm các cấp.

---

<sup>1</sup> Tên trước đây của Đối tác là “Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp và Đối tác, FSSP&P”, sau đó đã thống nhất là khi Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia mới được phê duyệt, nó sẽ thay thế Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp. Do vậy Chương trình này được đổi thành “Đối tác Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp, FSSP”, hay nói một cách ngắn gọn là Đối tác Lâm nghiệp.

Liên quan đến việc thực hiện Nghị định Số 200/2004/NĐ-CP, ngày 03/12/2004, về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh, đến nay có 29 Đề án sắp xếp đổi mới nông lâm trường quốc doanh (một đề án của Bộ NN&PTNT và 28 đề án của Ủy ban Nhân dân các tỉnh) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hiện nay Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và TFF đang hỗ trợ các Cục, Vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT soạn thảo và sửa đổi một số văn bản pháp quy. Vụ Pháp chế đã hoàn thành dự thảo Nghị định về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, và Nghị định về Định giá rừng. Những dự thảo này sẽ được trình lên Bộ Tư pháp trong tháng 11 năm 2006 để thẩm định. Sau đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT hy vọng trong tháng 12 sẽ trình các dự thảo lên Thủ tướng Chính phủ để phê duyệt. Đây là một phần nỗ lực tổng thể nhằm xây dựng một khung pháp lý được cập nhật và chặt chẽ hơn, nhằm phát triển ngành và hội nhập kinh tế toàn cầu sau khi Việt Nam gia nhập WTO.

## **2. Xây dựng Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia (2006-2020)**

Trong 6 tháng qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thành dự thảo Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia, 2006-2020. Công việc được tiến hành từ năm 2004, với sự tham gia của Tổ Chiến lược gồm 30 người đại diện các Cục, Vụ và các tư vấn trong nước và quốc tế. Các ban ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ liên quan, Quỹ Ủy thác Văn phòng điều phối (FSSP CO), Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp (TFF), Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp, ADB, Ngân hàng Thế giới, Chương trình Đối tác FAO - Hà Lan và nhiều bên liên quan chủ chốt khác đang hỗ trợ công tác xây dựng Chiến lược. Hy vọng rằng dự thảo chiến lược mới này sẽ sớm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp & PTNT đang thực hiện Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế xã hội. Ngoài mục tiêu phát triển kinh tế, kế hoạch 5 năm của ngành lâm nghiệp còn tập trung ba mục tiêu lớn khác, bao gồm: thúc đẩy môi trường bền vững, nâng cao đời sống cho nhân dân, xóa đói giảm nghèo và tăng cường quản lý ngành.

Tháng 10 năm 2006, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thành lập năm Tổ công tác để xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia và dự thảo kế hoạch 5 năm ngành lâm nghiệp giai đoạn 2007-2010. Văn phòng Điều phối Đối tác Lâm nghiệp hỗ trợ các Tổ công tác này tổ chức các cuộc họp, dự thảo sơ bộ kế hoạch hành động, xác định nguồn lực cần thiết để thực hiện kế hoạch. Sau các cuộc họp nhóm diễn ra trong tháng 10 và họp toàn thể đầu tháng 11 năm 2006, Dự thảo kế hoạch hành động đang được hoàn tất. Kế hoạch hành động này cùng với một số tài liệu liên quan khác sẽ làm cơ sở để Bộ Nông nghiệp & PTNT làm việc với các nhà tài trợ và các đối tác khác nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ thực hiện Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia.

## **3. Chương trình 661 / Trồng mới 5 triệu Ha rừng**

Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng (5MHRP) được thực hiện theo Quyết định 661, là chương trình lâm nghiệp quan trọng của Chính phủ cho giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2010. Đó là một chương trình quan trọng của Chính phủ nhằm đóng góp vào việc thực hiện Chiến lược Tăng trưởng Toàn diện và Xóa đói Giảm nghèo. Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng không chỉ nhằm mục đích trồng cây gây rừng, mà còn đề cập đến những vấn đề nghèo đói ở nông thôn và việc phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp & PTNT, đến năm 2005, Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng đã tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập cho 470.000 hộ gia đình, chủ yếu là đồng bào dân tộc, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhiều hộ dân sống ở gần rừng. Tham gia thực hiện Chương trình Trồng

mới 5 triệu ha rừng thông qua các hoạt động bảo vệ và trồng rừng, mỗi hộ gia đình có thể kiếm trung bình 5,55 triệu đồng một năm và 463.000 đồng/tháng thông qua việc tham gia các hoạt động khác của chương trình.

Tuy nhiên, tác động về xóa đói giảm nghèo của Chương trình 5 triệu ha vẫn còn hạn chế. Thu nhập của hầu hết các hộ gia đình còn thấp và chủ yếu từ các hợp đồng khoán bảo vệ rừng và trồng rừng.

Bộ NN &PTNT đã đệ trình Quốc hội Báo cáo Kết quả thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng giai đoạn 1998-2005 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2006-2010. Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI, diễn ra trong tháng 11 năm 2006, các đại biểu sẽ thảo luận về bản báo cáo này.

Hoạt động bảo vệ rừng trong Chương trình 5 triệu ha, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất đẩy mạnh việc giao rừng cho các hộ gia đình và cộng đồng, dân cư, giao, cho thuê rừng cho các tổ chức, cá nhân. Bộ Nông nghiệp còn đề xuất chỉ thực hiện khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ở những nơi có nguy cơ bị phá cao và dân chưa có khả năng hưởng lợi từ rừng, đối với những diện tích còn lại, thực hiện bảo vệ trên cơ sở tạo điều kiện để dân có hưởng lợi từ rừng, chẳng hạn như hình thức chia sẻ lợi nhuận, chứ không chỉ đơn thuần là các hợp đồng khoán bảo vệ rừng. Thay đổi này nhằm thực hiện chủ trương “xã hội hóa” ngành lâm nghiệp và khuyến khích người dân địa phương quản lý, sử dụng rừng một cách bền vững.

Đối với hoạt động tạo rừng mới, Bộ Nông nghiệp đề xuất điều chỉnh một số mục tiêu cụ thể. Đề xuất mục tiêu tạo rừng mới cho giai đoạn 2006-2010 là 1.400.000 ha, trong đó trồng mới một triệu ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh thành rừng là 400.000 ha. Mục tiêu trước đây là tạo 3.172.000 ha rừng mới. Cơ sở để điều chỉnh mục tiêu này là dựa vào kết quả tổng kiểm kê đất đai và kiểm kê rừng năm 1999-2000 và kết quả Chương trình 5 triệu ha đạt được từ năm 1999 đến 2005. Theo kết quả kiểm kê, diện tích đất lâm nghiệp ước tính hiện nay là 7,7 triệu ha, thấp hơn nhiều so với kết quả đợt kiểm kê trước năm 1997 (là 9,3 triệu ha). Hơn nữa, nguồn lực thực hiện Chương trình này của nhà nước và nhân dân còn rất hạn chế. Mục tiêu trồng rừng sản xuất cao gấp 2,5 lần mức đạt được bình quân hàng năm trong 7 năm qua. Nên cần phải điều chỉnh mục tiêu cho có tính khả thi hơn.

Những chỉ tiêu đề xuất điều chỉnh để hoàn thành thực hiện chương trình 5 triệu ha đến năm 2010 nằm trong Chiến lược lâm nghiệp quốc gia mới, mà cụ thể ở Kế hoạch 5 năm đầu của chiến lược.

#### **4. Hệ thống Thông tin và Giám sát ngành Lâm nghiệp (FOMIS)**

Cơ sở dữ liệu ban đầu của ngành Lâm nghiệp đang được hoàn thiện dần, cụ thể là bộ chỉ số để có thể giám sát việc thực hiện chiến lược và kế hoạch 5 năm cũng như cung cấp thông tin cho Việt Nam trong việc báo cáo việc thực thi các thỏa thuận môi trường đa phương (MEAs) có liên quan đến ngành lâm nghiệp mà Việt Nam đã ký cam kết như công ước đa dạng sinh học, công ước thay đổi khí hậu (UNFCCC), và công ước chống sa mạc hóa (UNCCD). Cùng với MARD, các đối tác đang nỗ lực hoàn thiện hệ thống quản lý và giám sát thông tin. Hiện nay đang có rất nhiều kế hoạch được chuẩn bị để chuyển giao FOMIS cho một đơn vị của MARD và tách ra khỏi FSSP CO.

#### **5. Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp (TFF)**

Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp của Việt Nam là một Quỹ được thành lập để hỗ trợ quản lý rừng bền vững và hướng tới người nghèo, đồng thời theo phương pháp tiếp cận toàn ngành để phát triển và hợp tác trong ngành Lâm nghiệp. Bằng cách đóng góp chung nguồn lực của một số nhà tài trợ vào một quỹ, Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp sẽ đưa ra một phương thức hiệu quả hơn để hỗ trợ các ưu tiên



chính theo ngành, các ưu tiên này được Đối tác Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp nhất trí và cập nhật hàng năm. Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp được lập vào tháng 6 năm 2004. Hai cố vấn kỹ thuật đã được tuyển dụng và làm việc cho Văn Phòng Điều phối Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp từ tháng 11 năm 2004, để hỗ trợ xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp và kêu gọi các đề xuất dự án, tăng cường năng lực quản lý Quỹ.

Tháng 6 năm 2006, Hội nghị Ban Điều hành Đối tác đã thông qua khoản hỗ trợ 12.475.420 Euro, đồng tài trợ cho dự án Phát triển Lâm nghiệp để Cải thiện Đời sống vùng Tây Nguyên (FLITCH) cùng với ADB.

Trong tháng 9 và 10 năm 2006, đã ký hai thỏa thuận hỗ trợ cho Dự án: Chương trình Thí điểm Lâm nghiệp Cộng đồng, và đồng tài trợ cho Dự án: Chương trình Đối tác Quản lý Đất lâm nghiệp bền vững. Giá trị của hai khoản hỗ trợ này là 1.840.000 Euro. Ngoài ra, TFF còn hỗ trợ 161.539 Euro cho bốn đề xuất hỗ trợ nhỏ.

Cũng trong tháng 9 năm 2006, đã thẩm định bốn đề xuất cho bốn khoản hỗ trợ lớn khác với tổng giá trị lên đến 4.801.501 Euro.

## **6. Các hoạt động khác của Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp đang được thực hiện**

Trong năm 2006, cơ cấu tổ chức của Đối tác Lâm nghiệp và TFF được đánh giá và đang trong quá trình sửa đổi. Đoàn đánh giá giữa kỳ trong tháng ba đã khuyến nghị một số thay đổi. Sau đó Văn phòng Điều phối đã tổ chức các cuộc họp với các bên tham gia để thảo luận về một số thay đổi cần thiết về thể chế trong đối tác và soạn thảo một Đề cương Nhiệm vụ mới cho các đơn vị của đối tác để hoạt động có hiệu quả hơn.

Từ nay về sau Đối tác sẽ tổ chức các cuộc họp đối tác mở rộng để tất cả các bên liên quan có nguyện vọng có thể tham gia (không chỉ các đối tác ODA quốc tế và các cơ quan nhà nước, mà còn gồm cả các thành phần tư nhân trong và ngoài nước, các hiệp hội trong nước và các bên liên quan khác). Ban Điều hành Đối tác (PSC) gồm đại diện các tổ chức đã tham gia ký Văn bản Thỏa thuận, các ban ngành liên quan cam kết hỗ trợ ngành, đối tác và theo 15 nguyên tắc hợp tác cơ bản. Ban Điều hành chuyên môn (TEC) có chức năng như “Ban Thường trực” của đối tác hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp và Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia. Vai trò sau này của Văn phòng Điều phối Đối tác Lâm nghiệp (FSSP CO) và 6 Mạng lưới Lâm nghiệp vùng cũng được làm rõ.

Việc ra quyết định và quản lý TFF sẽ thay đổi trong tương lai. Một Hội đồng Quản lý Quỹ sẽ được thành lập để phân bổ các khoản hỗ trợ TFF.

Tất cả những thay đổi trên nhằm mục đích hỗ trợ các ưu tiên của Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia mới, góp phần xóa đói giảm nghèo và cải thiện sinh kế nông thôn. Đối tác Lâm nghiệp tiếp tục làm việc theo hướng tiếp cận ngành (SWAP) và đẩy mạnh phối hợp hỗ trợ, hài hòa hóa và nâng cao hiệu quả viện trợ. Điều này phù hợp với thỏa thuận giữa Chính phủ và các đối tác Quốc tế trong Tuyên bố chung Hà Nội tháng 6 năm 2005

### **Những chỉ số đạt được dự kiến năm 2007**

- Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia 2006-2020 sẽ được phổ biến và triển khai thực hiện
- Kế hoạch hoạt động của FSSP sẽ được gắn kết hơn với kế hoạch hoạt động của chính phủ, và hỗ trợ chiến lược lâm nghiệp mới



- Năm tổ công tác hoặc các đơn vị điều phối tương ứng với 5 chương trình của chiến lược lâm nghiệp quốc gia huy động các nguồn hỗ trợ để thực hiện các kế hoạch hành động của Chiến lược Lâm nghiệp
- Hỗ trợ mạnh mẽ việc phân cấp để thực hiện các hoạt động
- Kết quả Nghiên cứu Tài chính Ngành sẽ đóng góp đầu vào về ngành lâm nghiệp cho xây dựng Khung Chi tiêu Trung hạn của Bộ Nông nghiệp & PTNT
- Nghiên cứu về Quản lý, Thực thi Pháp luật Lâm nghiệp (FLEG) cũng với các sáng kiến FLEG khác của Việt Nam sẽ góp phần cải thiện bảo vệ rừng.
- Truyền tải thông tin về các hoạt động chính của Đối tác và của ngành sẽ được cải thiện.
- Việc quản lý Quỹ Ủy thác Ngành Lâm nghiệp sửa đổi và củng cố. Quỹ Ủy thác Ngành Lâm nghiệp sẽ hỗ trợ những ưu tiên chiến lược (như đã xác định rõ trong Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia, Kế hoạch 5 năm của ngành và kế hoạch hàng năm 2007)
- Tiếp tục phát triển Hệ thống Thông tin Giám sát Ngành (FOMIS) ở cấp quốc gia để giám sát việc thực hiện chiến lược lâm nghiệp và kế hoạch 5 năm, báo cáo về tham gia các thỏa thuận môi trường quốc tế, đồng thời sẽ thử nghiệm ở cấp tỉnh.

Để biết thêm thông tin chi tiết về Đối tác Lâm nghiệp xin hãy liên lạc với Văn phòng Điều phối FSSP theo địa chỉ:

**Số 6, Ngõ 42, Phố Liễu Giai, Hà nội.**

**Điện thoại: (84-4) 7629412.**

**Email: [fspp@hn.vnn.vn](mailto:fspp@hn.vnn.vn). Website: [www.vietnamforestry.org.vn](http://www.vietnamforestry.org.vn)**

## CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Báo cáo cho Hội nghị CG 2006

### A. Bối cảnh

Được thành lập từ năm 1997, ISG đã trở thành một cầu nối hiệu quả giữa các nhà tài trợ Quốc tế và các đơn vị Việt Nam trong ngành Nông nghiệp và PTNT thông qua các diễn đàn đối thoại chính sách, chia sẻ thông tin để đảm bảo rằng tất cả các dự án, chương trình được tài trợ bởi các tổ chức quốc tế cho ngành nông nghiệp và PTNT hài hoà với các chiến lược, chính sách phát triển ngành. Do đó ISG được yêu cầu tiếp tục hoạt động để đáp ứng sự thay đổi gần đây trong ngành, Bộ NN&PTNT, và môi trường đầu tư. Khung hoạt động của ISG cho giai đoạn 2006-2010 tập trung:

1. Hỗ trợ Bộ thực hiện Kế hoạch 5 năm phát triển ngành Nông nghiệp và PTNT
2. củng cố vai trò của ISG trong việc điều phối ODA
3. Hỗ trợ Vụ Hợp tác Quốc tế thực hiện tốt hơn chức năng huy động và quản lý các nguồn lực hỗ trợ bao gồm ODA và FDI.

Tuy nhiên, hàng năm đều có những chỉnh sửa, thay đổi để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đạt được hiệu quả tốt nhất.

### B. Tiến độ thực hiện trong 12 tháng vừa qua

Năm 2006 có thể coi là năm các sự kiện quốc tế của Việt nam. Việt nam trở thành thành viên của WTO và đăng cai tổ chức Hội nghị APEC. Các sự kiện này có tác động đáng kể đến sự phát triển của ngành Nông nghiệp và PTNT. Trong bối cảnh đó, ISG đã có những hoạt động kịp thời tập trung vào 5 lĩnh vực chủ chốt (chi tiết xin xem bản đính kèm báo cáo hoạt động ISG năm 2006)

### C. Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2010 và các chiến lược, chương trình của ngành

Trong 10 năm qua, nguồn viện trợ ODA đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển Nông nghiệp và PTNT. Trong đó ISG đã đóng vai trò trong việc đảm bảo rằng tất cả các dự án, chương trình tài trợ của nước ngoài bao gồm cả các dự án FDI đều phù hợp với các chính sách của Bộ NN&PTNT và của chính phủ Việt Nam để tận dụng nguồn lực này cho việc thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội và Kế hoạch 5 năm phát triển nông nghiệp nông thôn ở tất cả các giai đoạn, bao gồm cả giai đoạn 2006-2010. Tất cả các hoạt động của ISG đều nhằm hướng tới mục tiêu này. Dưới đây là các hoạt động chính được thực hiện trong năm 2006.

**1. Hội nghị thường niên 2006 với chủ đề “Doanh nghiệp Nông nghiệp Việt nam và Tổ chức Thương mại thế giới WTO”** được tổ chức vào ngày 25 tháng 10, với sự tham gia của hơn 230 đại biểu từ các đơn vị của Bộ Nông nghiệp, các cơ quan Việt nam có liên quan, cộng đồng các nhà tài trợ bao gồm các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các nhà nghiên cứu, các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành nông nghiệp và PTNT ở Việt nam.

## **2. Nghiên cứu chuyên đề chính sách : tiến hành ba nghiên cứu**

**Nghiên cứu 1: Đánh giá các mô hình giao dịch nông sản**

**Nghiên cứu 2: Đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế trong Bộ nông nghiệp và PTNT**

**Nghiên cứu 3: Phân tích tình hình thu hút FDI trong ngành NN&PTNT**

Kết quả của các nghiên cứu trên là 3 bản khuyến nghị chính sách về thu hút FDI trong ngành nông nghiệp và PTNT, Đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho nông nghiệp và PTNT, đánh giá mô hình giao dịch nông sản đã được trình lên Bộ trưởng Bộ NN&PTNT để thông qua.

**3. Thu thập các lộ trình/chiến lược chính sách, văn bản pháp quy ngành và các tiểu ngành để hệ thống lại và xác định nhu cầu chỉnh sửa, xây dựng mới các chiến lược, chính sách, văn bản pháp quy ngành cho giai đoạn mới 2008-2015.**

## **4. Hỗ trợ các đối tác ngành**

- Hỗ trợ Nhóm công tác phối hợp giữa Chính phủ và các nhà tài trợ xây dựng Đối tác CN và VSNT. Các tài liệu quan trọng của Đối tác đã được hoàn thiện và phê duyệt. Lễ ký kết Bản ghi nhớ hình thành đối tác đã được tổ chức ngày 15 tháng 6 năm 2006 (xem thêm trên trang web ISG)
- ISG phối hợp tích cực với các đối tác RWSS-P và NDM-P để đưa ra cơ chế hỗ trợ và hợp tác trong việc chia sẻ hệ thống thông tin.
- ISG cũng làm việc, trao đổi với đối tác FSSP về việc chia sẻ thông tin.

## **5. Hỗ trợ xây dựng kế hoạch 5 năm cho lĩnh vực HTQT của Bộ**

- Hỗ trợ Vụ HTQT Bộ NN và PTNT xây dựng Kế hoạch liên quan đến Hợp tác quốc tế ngành giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch công tác năm 2006. Bản Kế hoạch 5 năm HTQT đã được hoàn thành và phổ biến đến các đơn vị.

## **6. Xây dựng mạng lưới HTQT**

- Bản đề cương thành lập Mạng lưới HTQT ngành Nông nghiệp và PTNT đã được xây dựng và Bộ trưởng thông qua trong tháng 11. Mục tiêu của mạng lưới nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả của các hoạt động hợp tác quốc tế trong bối cảnh mới khi Việt nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.
- Thành viên của Mạng lưới bao gồm đại diện của tất cả các cục, vụ, viện, trường, và trung tâm của Bộ Nông nghiệp. Đã tiến hành triển khai các công việc chuẩn bị cho việc đưa mạng lưới vào hoạt động.

**7. Diễn đàn Đối thoại chính sách và Hội thảo ba vùng về FDI:** hỗ trợ các tỉnh tăng cường thu hút FDI trong ngành Nông nghiệp và PTNT.

## **8. Hỗ trợ xây dựng phương pháp tiếp cận chương trình-ngành trong Bộ (Vụ HTQT và các cục, vụ khác)**

- Phối hợp với chương trình MSCP thúc đẩy việc thực hiện xây dựng năng lực SWAP trong Bộ Nông nghiệp và PTNT.

## **9. Hỗ trợ điều phối tài trợ quốc tế trong việc phòng chống dịch cúm gia cầm**

- Văn phòng ISG đã được Bộ trưởng Bộ NN và PTNT tặng thưởng Bằng khen theo quyết định số 287/QĐ/BNN-VP ngày 24 tháng 1 năm 2006 vì đã có thành tích trong việc phối hợp chương trình tài trợ phòng chống dịch cúm gia cầm giữa Việt Nam và cộng đồng quốc tế năm 2004-2005

## **10. Hệ thống thông tin, các xuất bản**

- Bản tin Quý ISG ( xuất bản hàng quý):
- Bản tin tháng ISG ( xuất bản hàng tháng)
- Trang Web ISG (được cập nhật thường xuyên, hàng tuần và khi có yêu cầu)
- Cơ sở dữ liệu ODA của Bộ (cập nhật thường xuyên thông tin các dự án mới)
- Đào tạo về hệ thống thông tin
- Cơ sở dữ liệu tổng hợp (ODA, FDI, văn bản pháp quy, cơ cấu tổ chức Bộ NN&PTNT, các nguồn lực tư vấn) dự kiến sẽ hoàn thành đầu tháng 1 năm 2007.
- Hỗ trợ Bộ NN và PTNT xây dựng một bản video clip và sách ngắn giới thiệu hoạt thành tựu của ngành với sự đóng góp của các hoạt động quốc tế. Bộ phim được hoàn thành trong tháng 12 năm 2006.
- Phối hợp với Chương trình cải cách hành chính của Bộ để giới thiệu và phổ biến sách ngắn giới thiệu về Bộ trong tháng 12 năm 2006.

## **D. Kế hoạch hoạt động để kết nối hỗ trợ của các nhà tài trợ với các chiến lược của ngành và Kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội.**

Dưới đây là các hoạt động chính trong 5 lĩnh vực chủ chốt của Dự thảo kế hoạch hoạt động năm 2007 của ISG.

1. Hỗ trợ Đối thoại chính sách
2. Tổ chức Hội nghị toàn thể
3. Tổ chức các hội nghị Ban điều hành
4. Tổ chức các buổi hội thảo, đối thoại về chính sách hỗ trợ của các nhà tài trợ cho ngành nông nghiệp và PTNT trong năm 2007
5. Tổ chức các buổi đối thoại về FDI giữa các đại diện FDI và chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, hiệp hội nông dân, v.v
6. Tổ chức các đối thoại chuyên đề chính sách giữa Bộ NN&PTNT với các Bộ ngành liên quan, các nhà tài trợ theo yêu cầu
7. Tiến hành các nghiên cứu chuyên đề theo yêu cầu
8. Xây dựng và đưa Mạng lưới HTQT đi vào hoạt động
9. Vận hành cơ sở dữ liệu tổng hợp
10. Duy trì hoạt động của trang web ISG
11. Duy trì hoạt động của trang web ICD
12. Phát hành các bản tin quý
13. Phát hành bản tin tháng
14. Tổ chức các Hội thảo về Cam kết Hà Nội về hiệu quả Viện trợ (CKHN)
15. Đào tạo
16. Hỗ trợ và điều phối các đối tác khác trong ngành: Đối tác Nước, đối tác Giảm nhẹ thiên tai, Đối tác Cúm gia cầm, Đối tác Lâm nghiệp

## **B. Các sự kiện và vấn đề quan trọng trong năm 2007**

Sự tham gia của các bên liên quan: Để tất cả các hoạt động của ISG có thể gắn kết các dự án tài trợ nước ngoài và các dự án FDI phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của ngành và đóng góp to lớn cho sự phát triển của ngành, ISG cần những đầu vào liên quan đến các yêu cầu

của ngành. Bởi vì văn phòng ISG không có chuyên gia cho những lĩnh vực cụ thể nên rất cần sự tham gia tích cực và kịp thời của các bên bao gồm cả các đơn vị trong nước và quốc tế đặc biệt trong việc cung cấp đầu vào thông qua việc trao đổi qua lại giữa ISG và các bên liên quan, và giữa các đơn vị liên quan. Sự tham gia tích cực đó là yếu tố cần thiết để có được những đối thoại, nghiên cứu chính sách đạt chất lượng cao.

Cơ chế ra quyết định qua email. Đây là nội dung có liên quan đến nội dung trên. Một cơ chế ra quyết định qua email sẽ giúp gia tăng sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động của ISG. Một diễn đàn qua mạng cho tất cả các thảo luận được xây dựng trên trang Web của ISG nhưng vẫn chưa được sử dụng. Có thể do thói quen từ lâu của hệ thống văn bản giấy tờ. Phải mất thời gian để chuyển sang một thói quen mới là sử dụng hệ thống qua mạng, đặc biệt đối với các cán bộ đã có tuổi. Sự thiếu thốn về máy tính có kết nối internet cũng là một nguyên nhân của vấn đề trên ở cả cấp trung ương và địa phương.

Phối hợp giữa ISG và các đối tác, dự án, chương trình khác trong ngành. Có rất nhiều đối tác mới được hình thành trong ngành. Ở một chừng mực nào đó, các đối tác này có vai trò, cơ chế vận hành tương tự như ISG. Mỗi đối tác hoạt động trong một lĩnh vực riêng cụ thể hoặc một tiểu ngành. Do đó cần có một cơ chế phối hợp rõ ràng giữa các đối tác và ISG theo hướng bổ sung, hỗ trợ cho nhau.

## Báo cáo hoạt động của ISG - 2006

### Các hoạt động của ISG giai đoạn 2006-2010 tập trung vào 5 Lĩnh vực chính

1. Thúc đẩy đối thoại chính sách
2. Hỗ trợ điều phối các chương trình/dự án tài trợ nước ngoài
3. Thu thập và phổ biến thông tin
4. Các quá trình xây dựng năng lực và quản lý
5. Theo dõi và đánh giá

#### Các hoạt động thực hiện trong năm 2006

##### Lĩnh vực 1: Thúc đẩy đối thoại chính sách

**1. Hội nghị thường niên 2006 với chủ đề “Doanh nghiệp Nông nghiệp Việt nam và Tổ chức Thương mại thế giới WTO”** được tổ chức vào ngày 25 tháng 10, với sự tham gia của hơn 230 đại biểu từ các đơn vị của Bộ Nông nghiệp, các cơ quan Việt nam có liên quan, cộng đồng các nhà tài trợ bao gồm các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các nhà nghiên cứu, các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành nông nghiệp và PTNT ở Việt nam.

**2. Hội Ban điều hành ISG lần thứ 12 và lần thứ 13:** đã thông qua báo cáo đánh giá hoạt động ISG 2005, kế hoạch công tác năm 2006, dự thảo kế hoạch công tác năm 2007.

**3. Chủ đề chính sách và Bản khuyến nghị chính sách (PAB) :** Hoàn thành 3 bản khuyến nghị chính sách về thu hút FDI trong ngành nông nghiệp và PTNT, Đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho ngành nông nghiệp và PTNT, và đánh giá hình thức giao dịch thương mại nông sản (chi tiết xin xem bản phụ lục 1)

##### 4. Các hoạt động của các Nhóm công tác chuyên đề (TAG)

TAG1 về Hội nhập kinh tế quốc tế và chính sách nông nghiệp. Ba nghiên cứu chuyên đề đang được triển khai trong khuôn khổ TAG1.

- Nghiên cứu 1: Đánh giá thực trạng các hình thức giao dịch thương mại nông sản ở Việt Nam.
- Nghiên cứu 2: Đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp và PTNT
- Nghiên cứu 3: Đánh giá sơ bộ về hoạt động kêu gọi và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài trong ngành NN&PTNT. Nghiên cứu này đã cung cấp những đầu vào hữu ích cho đối thoại tại Hội nghị Toàn thể ISG năm 2005 về “Đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn”. Dự thảo báo cáo cuối cùng của nghiên cứu này đã được hoàn thiện và đang thu nhận góp ý của Bộ NN và PTNT.

TAG2 hỗ trợ Phát triển thủy lợi, phòng chống thiên tai và cấp nước nông thôn.

- Tập trung vào việc chia sẻ thông tin, trong đó có các văn bản pháp quy và các báo cáo, đăng tải trên trang web của ISG
- Hỗ trợ hình thành Đối tác cấp nước và vệ sinh nông thôn. Đối tác này hiện đã đi vào hoạt động, văn phòng đặt tại Bộ:

Địa chỉ liên lạc: Room 400, Building A9, 2 Ngoc Ha, Ba Dinh, Ha Noi

Tel: 04 7340229, Fax: 04 7337697

Email: ngoc.rwsspvn@gmail.com



- Hỗ trợ củng cố Đối tác Giảm nhẹ thiên tai, Đối tác này cũng đã đi vào hoạt động và đặt văn phòng trong Bộ.

TAG3 về Hỗ trợ thực hiện CPRGS trong nông nghiệp và nông thôn.

- Hỗ trợ tăng cường năng lực lập kế hoạch (theo khung logic, lập kế hoạch dựa vào cộng đồng) cho các cấp địa phương.
- Hỗ trợ lồng ghép các mục tiêu của CPRGS vào quá trình thực hiện Kế hoạch 5 năm của ngành NN và PTNT.

Kết hợp với các cục, vụ trong Bộ, các đối tác và các Bộ liên quan rà soát các TAGs

**5. Thu thập chiến lược, chương trình, kế hoạch dài hạn, các văn bản pháp quy hiện đang còn hiệu lực, đang xây dựng và có nhu cầu xây dựng mới hoặc sửa đổi** để giúp Bộ hệ thống lại một cách đầy đủ, đồng thời giúp việc chuyển tải nội dung các văn bản đó tới các cộng đồng các nhà tài trợ, các nhà đầu tư của ngành, hướng các nhà đầu tư, các nhà tài trợ cho ngành một cách phù hợp và hiệu quả.

#### **6. Hỗ trợ các đối tác ngành**

- Hỗ trợ Nhóm công tác phối hợp giữa Chính phủ và các nhà tài trợ xây dựng Đối tác CN và VSNT. Các tài liệu quan trọng của Đối tác đã được hoàn thiện và phê duyệt. Lễ ký kết Bản ghi nhớ hình thành đối tác đã được tổ chức ngày 15 tháng 6 năm 2006 (xem thêm trên trang web ISG)
- ISG phối hợp tích cực với các đối tác RWSS-P và NDM-P để đưa ra cơ chế hỗ trợ và hợp tác trong việc chia sẻ hệ thống thông tin.
- ISG cũng làm việc, trao đổi với đối tác FSSP về việc chia sẻ thông tin.

#### **7. Hỗ trợ xây dựng kế hoạch 5 năm của Bộ cho lĩnh vực hợp tác Quốc tế**

- Hỗ trợ Vụ HTQT Bộ NN và PTNT xây dựng Kế hoạch liên quan đến Hợp tác quốc tế ngành giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch công tác năm 2006. Bản Kế hoạch 5 năm HTQT đã được hoàn thành và phổ biến đến các đơn vị.

#### **8. Tổ chức gặp mặt đầu Xuân 2006**

- Ngày 26 tháng 1 năm 2006, Văn phòng ISG đã hỗ trợ tổ chức buổi gặp mặt cuối năm giữa Bộ và các nhà tài trợ. Tại diễn đàn này, Bộ NN và PTNT và cộng đồng tài trợ quốc tế đã cùng nhau chia sẻ các kết quả đạt được trong năm qua và hướng tới một năm mới đầy thành công mới.
- Hơn 150 đại biểu trong nước và quốc tế đã tham dự, trong đó có hơn 20 đại sứ của các sứ quán các nước tại Việt Nam.

**9. Hỗ trợ Vụ HTQT trong công tác chuẩn bị và tổ chức Hội nghị APEC về .....tại Đà Nẵng từ ngày 3-7 tháng 5 năm 2006.** Các thông tin về hội nghị đã được chia sẻ, phổ biến qua Bản tin Tháng 5.

#### **10. Xây dựng mạng lưới Hợp tác Quốc tế**

- Bản đề cương thành lập Mạng lưới HTQT ngành Nông nghiệp và PTNT đã được xây dựng và Bộ trưởng thông qua trong tháng 11. Mục tiêu của mạng lưới nhằm củng cố và nâng cao hiệu quả của các hoạt động hợp tác quốc tế trong bối cảnh mới khi Việt nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.
- Thành viên của Mạng lưới bao gồm đại diện của tất cả các cục, vụ, viện, trường, và trung tâm của Bộ Nông nghiệp. Đã tiến hành triển khai các công việc chuẩn bị cho việc đưa mạng lưới vào hoạt động.

**11. Diễn đàn Đối thoại chính sách và Hội thảo ba vùng về FDI:** hỗ trợ các tỉnh tăng cường thu hút FDI trong ngành Nông nghiệp và PTNT.

**12. Xây dựng Bản tổng hợp Kết quả họp** tóm tắt các quyết định được đưa ra, các khuyến nghị chính sách, và những công việc cần thiết trong thời gian tới (xem phụ lục 2)

## **Lĩnh vực 2 – Hỗ trợ điều phối các chương trình, dự án nước ngoài tài trợ**

### **1. Hỗ trợ thực hiện Cam kết Hà Nội về hiệu quả Viện trợ (CKHN)**

- Văn phòng ISG đã được huy động tham gia vào các nhóm chuyên đề (do Bộ KHĐT, các cơ quan liên quan của Chính phủ chủ trì cùng với đại diện của các nhà tài trợ)
- Hỗ trợ Vụ HTQT HTQT/Bộ NN và PTNT chuẩn bị bài tham luận liên quan đến các hoạt động của Bộ NN và PTNT nhằm thực hiện Cam kết Hà Nội về hiệu quả viện trợ tại hội thảo hải Phòng và TPHCM do Bộ KHĐT tổ chức.
- ISG phối hợp với Chương trình Hợp tác song phương giữa Bộ NN và PTNT với Sida (MSCP) tổ chức hội thảo về SWAP, tại đây các vấn đề liên quan đến CKHN đã được phổ biến cho các đơn vị trong Bộ NN và PTNT (3 tháng 5)
- ISG sẽ xây dựng kế hoạch hành động hỗ trợ thực hiện CKHN, xem đó là một phần trong công tác phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức trong Bộ NN và PTNT.

### **2. Hỗ trợ Bộ NN&PTNT, các nhà tài trợ, và các đại diện đầu tư trực nước ngoài xây dựng Chương trình Phát triển Nông nghiệp Nông thôn tổng hợp.**

#### **3. Gia hạn Quỹ uỷ thác**

- Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 2153/TTg-QHQT ngày 30 tháng 12 năm 2005 đồng ý gia hạn hoạt động của Quỹ uỷ thác ISG đến hết năm 2010.
- Vốn đối ứng cho ISG đang được Bộ NN và PTNT thu xếp.
- Đã tham vấn các nhà tài trợ nòng cốt để xây dựng Bản thoả thuận (FA) mới tài trợ cho các hoạt động ISG năm 2007-2010, dự kiến ký trong tháng 12 năm 2006.

### **4. Hỗ trợ xây dựng phương pháp tiếp cận chương trình-ngành trong Bộ (Vụ HTQT và các cục, vụ khác)**

Phối hợp với chương trình MSCP thúc đẩy việc thực hiện xây dựng năng lực SWAP trong Bộ Nông nghiệp và PTNT.

### **5. Hỗ trợ điều phối tài trợ quốc tế trong việc phòng chống dịch cúm gia cầm**

- Văn phòng ISG đã được Bộ trưởng Bộ NN và PTNT tặng thưởng Bằng khen theo quyết định số 287/QĐ/BNN-VP ngày 24 tháng 1 năm 2006 vì đã có thành tích trong việc phối hợp chương trình tài trợ phòng chống dịch cúm gia cầm giữa Việt Nam và cộng đồng quốc tế năm 2004-2005.
- Theo yêu cầu của Vụ HTQT, ISG hỗ trợ Đối tác Phòng chống dịch cúm gia cầm vừa được ký kết giữa Bộ NN&PTNT với các nhà tài trợ ngày 1 tháng 11 năm 2006 tại Hà Nội.

## **Lĩnh vực 3- Thu thập và chia sẻ thông tin**

### **1. Hệ thống thông tin, các xuất bản**

- Bản tin Quý ISG ( xuất bản hàng quý):
- Bản tin tháng ISG ( xuất bản hàng tháng)
- Trang Web ISG (được cập nhật thường xuyên, hàng tuần và khi có yêu cầu)

- Cơ sở dữ liệu ODA của Bộ (cập nhật thường xuyên thông tin các dự án mới)
- Đào tạo về hệ thống thông tin
- Cơ sở dữ liệu tổng hợp (ODA, FDI, văn bản pháp quy, cơ cấu tổ chức Bộ NN&PTNT, các nguồn lực tư vấn) dự kiến sẽ hoàn thành đầu tháng 1 năm 2007.
- Hỗ trợ Bộ NN và PTNT xây dựng một bản video clip và sách ngấn giới thiệu hoạt thành tựu của ngành với sự đóng góp của các hoạt động quốc tế. Bộ phim được hoàn thành trong tháng 12 năm 2006.
- Phối hợp với Chương trình cải cách hành chính của Bộ để giới thiệu và phổ biến sách ngấn giới thiệu về Bộ trong tháng 12 năm 2006.

#### **Lĩnh vực 4- Quá trình xây dựng năng lực và quản lý**

##### **1. Tổ chức các khoá đào tạo cho cán bộ của Vụ HTQT, ISG và các đơn vị khác**

- Đào tạo tin học về mạng lưới và cơ sở dữ liệu Web cho cán bộ của Vụ HTQT dựa trên khảo sát nhu cầu đào tạo (tổ chức từ 16-19/11/2006 tại Sapa, Lào Cai)
- Đào tạo công nghệ thông tin cho cán bộ quản trị mạng của Văn phòng ISG: thường xuyên và khi có yêu cầu.
- Đào tạo nâng cao kỹ năng cho các cán bộ tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế.

##### **2. Phát triển nguồn nhân lực cho Bộ NN&PTNT, Văn phòng ISG**

- Xây dựng Hồ sơ công việc cho các vị trí trong văn phòng ISG, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu của mỗi vị trí
- Xây dựng chính sách đánh giá thực hiện công việc của nhân viên trong văn phòng.
- Kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho từng cá nhân nhằm thu hẹp khoảng cách giữa năng lực yêu cầu và năng lực hiện có.

##### **3. Quy trình xây dựng kế hoạch công tác ISG đã được thông qua và áp dụng**

(phụ lục 3 )

#### **Lĩnh vực 5- Giám sát và đánh giá**

1. Rà soát hệ thống M&E trong Bộ: Cùng với Dự án VAMESP của Bộ KH&ĐT hỗ trợ xây dựng và thực hiện hiệu quả hệ thống M&E trong Bộ NN&PTNT để tăng hiệu quả của việc sử dụng nguồn ODA. Phối hợp với chương trình MSCP xây dựng khung tăng cường năng lực M&E trong Bộ NN&PTNT.
2. Báo cáo phân tích hoạt động năm 2005 của ISG (bao gồm cả bản đánh giá tài chính) và Kế hoạch năm 2006 (+ ngân sách dự toán) đã được xây dựng và thông qua.
3. Hoàn thành Kiểm toán tài chính giai đoạn 2004-2005, và giai đoạn 2006-2010. Kết quả đã báo cáo lên các nhà tài trợ nòng cốt của ISG và được thông qua.

## Phụ lục 1: 3 Bản khuyến nghị chính sách

### Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách (PAB) số 1

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tác giả: Trần Hòa Hùng

Ngày tháng: 10/2006

## Lý do nghiên cứu

Trong thời gian qua, dòng vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN) vào lĩnh vực nông lâm nghiệp và nông thôn (NLN&NT) còn hết sức hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng cũng như thế mạnh của Việt Nam và ngày càng có xu hướng giảm sút. Mặt khác, so với hoạt động ĐTNN trong các lĩnh vực khác, hiệu quả thực hiện các dự án trong lĩnh vực này còn rất hạn chế. Do vậy, báo cáo nghiên cứu này được thực hiện với mục đích đánh giá thực trạng ĐTNN trong lĩnh vực NLN&NT, đồng thời đưa ra kiến nghị về phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả thu hút và sử dụng ĐTNN trong lĩnh vực này.

## Phương pháp nghiên cứu

- Phân tích, tổng hợp các thông tin, tài liệu, báo cáo chính thức đã công bố của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức quốc tế về các vấn đề có liên quan đến Báo cáo nghiên cứu.
- Lấy ý kiến của các doanh nghiệp, địa phương dưới hình thức phiếu điều tra và tổ chức khảo sát nhằm trao đổi trực tiếp với các đối tượng này để thu thập thông tin có liên quan đến Báo cáo nghiên cứu.
- Tổ chức các cuộc họp, hội thảo nhằm trao đổi trực tiếp giữa đại diện các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

## Phạm vi nghiên cứu

- Chính sách thu hút ĐTNN trong lĩnh vực NLN&NT, các cam kết quốc tế có liên quan và kinh nghiệm của một số nước trong khu vực (một số nước ASEAN, Trung Quốc).
- Thực trạng thu hút ĐTNN trong lĩnh vực NLN&NT.
- Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, định hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thu hút ĐTNN trong lĩnh vực này.

## Các kết quả nghiên cứu chính

### A. Thực trạng ĐTNN trong lĩnh vực NLN-NT

*Những thành tựu chủ yếu của ĐTNN vào lĩnh vực NLN-NT trong những năm qua:*

- ✓ Một là, các dự án ĐTNN trong lĩnh vực NLN-NT đã góp phần bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển trong lĩnh vực này, tạo thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- ✓ Hai là, hoạt động của các dự án ĐTNN trong lĩnh vực này đã bước đầu thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế NLN-NT, góp phần đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao giá trị hàng nông sản xuất khẩu và tiếp thu một số công nghệ mới.
- ✓ Ba là, ĐTNN trong lĩnh vực NLN-NT đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao thu nhập cho dân cư các địa phương, cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của nhiều vùng nông nghiệp và nông thôn.

#### **Một số hạn chế của ĐTNN trong lĩnh vực NLN\_NT trong thời gian qua:**

- Tỷ trọng ĐTNN vào lĩnh vực này còn thấp, chiếm khoảng 7% và liên tục giảm qua cá thời kỳ từ 1988 đến nay.
- ĐTNN vào lĩnh vực này chưa phát huy đầy đủ tiềm năng của đất nước.
- Phân bổ nguồn vốn ĐTNN không đồng đều giữa các địa phương.
- Đối tác nước ngoài trong lĩnh vực này còn thiếu tính đa dạng.

#### **Những yếu tố làm hạn chế số lượng cũng như chất lượng nguồn vốn ĐTNN vào lĩnh vực này:**

- Hoạt động sản xuất NLN nói chung và thu hút ĐTNN trong lĩnh vực này gặp nhiều rủi ro hơn các lĩnh vực khác do chịu ảnh hưởng bởi thời tiết, khí hậu, thiếu đảm bảo về điều kiện hạ tầng, đất đai và nguồn nhân lực.
- Nền nông nghiệp Việt Nam còn mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, tự cung, tự cấp, đầu tư phân tán, thiếu tính chuyên môn.
- Chiến lược, định hướng thu hút ĐTNN vào lĩnh vực này chưa được xác định rõ ràng.
- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về ĐTNN trong lĩnh vực này còn nhiều bất cập, chưa thật sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài.
- Công tác vận động, xúc tiến ĐTNN vào lĩnh vực này còn kém hiệu quả.

#### **B. Mục tiêu, quan điểm, định hướng thu hút ĐTNN trong lĩnh vực NLN-NT:**

**Mục tiêu:** Thu hút và sử dụng có hiệu quả ĐTNN là giải pháp quan trọng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

#### **Định hướng thu hút ĐTNN trong ngành NN&PTNT:**

- ✓ Đảm bảo phù hợp với quy hoạch và cơ cấu kinh tế ngành, vùng, lãnh thổ, quy hoạch vùng nguyên liệu;
- ✓ Tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng đất;
- ✓ Sử dụng có hiệu quả nguyên liệu địa phương và tạo thêm công ăn việc làm cho nông dân;
- ✓ có tính khả thi cao, nhất là về địa điểm thực hiện, thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn cung cấp nguyên liệu;
- ✓ kết hợp các dự án có quy mô tương đối lớn, có tác động quan trọng đến nền kinh tế với nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng với các dự án có quy mô vừa ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để đảm bảo cơ cấu kinh tế vùng, ngành.

#### **Các ngành hàng/sản phẩm cần thu hút ĐTNN:**

- Ngành trồng trọt và chế biến nông sản
- Ngành chăn nuôi và chế biến các sản phẩm chăn nuôi
- Ngành trồng rừng - chế biến gỗ

#### **Kết luận và khuyến nghị**

Qua nghiên cứu, một số nhóm chính sách sau được đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả thu hút ĐTNN trong ngành:

- **Nhóm giải pháp thứ nhất:** Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành/sản phẩm theo hướng gắn kết với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển đặt ra trong Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2006-2010 cũng như Chiến lược thu hút, sử dụng ĐTNN đến năm 2010 và những năm tiếp theo. Căn cứ các quy hoạch nói trên, các ngành, địa phương cần xây dựng các Danh mục dự án ưu tiên gọi vốn ĐTNN với các thông tin cụ thể về mục tiêu, địa điểm, công suất và đối tác Việt Nam để làm cơ sở cho việc tổ chức các chương trình vận động đầu tư.
- **Nhóm giải pháp thứ hai:** Hoàn thiện cơ chế, chính sách về khuyến khích ĐTNN, gồm:
  - Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư;
  - Chính sách phát triển thị trường vốn và tín dụng đầu tư;
  - Chính sách thương mại và thị trường;
  - Chính sách đất đai;
  - Chính sách phát triển nguồn nguyên liệu;
  - chính sách phát triển hạ tầng nông nghiệp và nông thôn;
  - chính sách phát triển nguồn nhân lực.
- **Nhóm giải pháp thứ ba:** Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến ĐTNN theo hướng:
  - Coi việc hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai có hiệu quả các dự án ĐTNN đã được cấp Giấy phép đầu tư là biện pháp tốt nhất để xây dựng hình ảnh, nâng cao sự hiểu biết của nhà đầu tư nước ngoài về sức hấp dẫn và cạnh tranh của ĐTNN trong lĩnh vực NLN-NT ở Việt Nam;
  - Nhanh chóng xây dựng kế hoạch và chương trình vận động đầu tư cụ thể ở trong nước và ngoài nước, tập trung vào các các ngành /dự án và đối tác đầu tư trọng điểm cần thu hút ĐTNN;
  - Bố trí đủ ngân sách cho hoạt động xúc tiến đầu tư như một khoản chi riêng thuộc kinh phí ngân sách chi thường xuyên hàng năm của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
  - Xem xét xây dựng Quỹ xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực này trên cơ sở ngân sách Nhà nước cấp (trích từ nguồn thu của khu vực ĐTNN), kết hợp với huy động đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp;
  - Triển khai nghiên cứu tiềm năng đầu tư của các nước /vùng lãnh thổ đầu tư vào lĩnh vực này để có chính sách, cơ chế vận động thích hợp;
  - Đổi mới và nâng cao chất lượng các ấn phẩm tuyên truyền ĐTNN nói chung và đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp nói riêng (bao gồm Sách hướng dẫn đầu tư, Danh mục dự án gọi vốn ĐTNN....) nhằm tạo sức hấp dẫn ban đầu của nhà đầu tư nước ngoài.
  - Những giải pháp này cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và cần đặt trong tổng thể chính sách phát triển NLN&NT nói chung. Tuy nhiên, trong thời gian trước mắt, cần thực hiện ngay các bước tiếp theo dưới đây:
    - Rà soát và hoàn thiện quy hoạch từng ngành/sản phẩm;
    - Hoàn thiện Danh mục và Tóm tắt dự án gọi vốn ĐTNN (theo Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo nghiên cứu);
    - Bố trí ngân sách cho hoạt động xúc tiến đầu tư;
    - Nghiên cứu tiềm năng đầu tư của các nước /vùng lãnh thổ;
    - Tổ chức các chương trình vận động đầu tư ở nước ngoài;
    - Soạn thảo các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền đầu tư trong lĩnh vực NLN-NT.



## Tài liệu tham khảo chính

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự thảo Báo cáo kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2006-2010, Hà Nội, tháng 1/ 2005.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các báo cáo về ĐTNN trong ngành trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông, lâm, thủy sản, Hà Nội, tháng 7/2005.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự thảo chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, Hà Nội, tháng 11/2004.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề án tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài thời kỳ 2001-2005, Hà Nội, 2001.
5. Bộ NN và PTNT, dự thảo kế hoạch 5 năm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thời kỳ 2006-2010, Hà Nội, tháng 2/2005.
6. Bộ NN và PTNT, các báo cáo về kế hoạch của ngành trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản, Hà Nội, 2004.
7. Bùi Anh Tuấn, tạo việc làm cho người lao động qua đầu tư trực tiếp nước ngoài, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 2000.
8. Cục Đầu tư nước ngoài, Thời báo kinh tế Việt Nam, Kỳ yếu đầu tư nước ngoài, Nhà xuất bản văn hoá thông tin, Hà Nội, 2004.
9. Chu Tiến Quang, Huy động và sử dụng các nguồn lực trong phát triển kinh tế nông thôn, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
10. Nguyễn Xuân Thảo, Góp phần phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, tháng 3/2005.
11. Vision and Associates, Nghiên cứu ngành – Xúc tiến đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, Hà Nội, tháng 4/2003.
12. APEC Secretariat, APEC investment Guide, Singapore, 2001.
13. ASEAN Secretariat, ASEAN investment report 2000, Jakarta, March 2001.
14. ASEAN Secretariat, Compendium of investment policy and measures in ASEAN countries, Jakarta, December 1998.
15. Ministry of commerce, the Peoples Republic of China, Foreign Market Access: 2005.
16. The Investment Division, OECD, Trends and Recent development in foreign direct investment, June 2005.
17. <http://www.economist/countries>
18. <http://www.mofcom.com>
19. <http://www.moftec.com>

## **ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐÀO TẠO HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Tác giả: Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT**

**Ngày tháng: 7/2006**

### **Lý do nghiên cứu**

Để chuẩn bị nguồn nhân lực cho thực hiện Chương trình Hành động của Chính phủ về hội nhập KTQT, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 137/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2003 về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2003 – 2010. Đây là cơ sở để các Bộ, ngành xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác hội nhập của ngành mình.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và đang chủ động tiến hành xây dựng Chương trình hành động về hội nhập KTQT riêng của ngành để hiện thực hóa chủ trương chính sách của nhà nước và chủ động trong công tác hội nhập nhằm tận dụng tối đa cơ hội cũng như chuẩn bị tốt để giải quyết những thử thách do quá trình hội nhập mang lại cho ngành nông nghiệp và PTNT.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong hành động hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo hội nhập kinh tế quốc tế trong ngành với mục tiêu: (i) Đánh giá hiện trạng đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; (ii) Đề xuất những giải pháp để xây dựng chương trình toàn diện cả nội dung và phương pháp đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho các nhóm đối tượng trong ngành.

### **Phương pháp**

Đây là nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho nên các thông tin cần thu thập dưới dạng số liệu sơ cấp, thu thập từ nhiều nguồn, nhiều đối tượng khác nhau trong ngành. Các hình thức thu thập số liệu bao gồm phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi đã được chuẩn hoá, thảo luận hội thảo có sự tham gia của các nhóm đối tượng khác nhau.

Phiếu khảo sát được thiết kế tập trung hai loại: (1) Phiếu khảo sát dành cho đơn vị nhằm để thu thập các thông tin về nhu cầu đào tạo hội nhập của các đơn vị các thông tin liên quan đến các đơn vị và do lãnh đạo cung cấp dựa trên số cán bộ và đánh giá chung của cơ quan mà họ phụ trách (2) Phiếu khảo sát dành cho cá nhân thu thập thông tin cá nhân của các cán bộ.

### **Phạm vi nghiên cứu**

Nghiên cứu này tập trung vào khảo sát và đánh giá sơ bộ về các nội dung và chương trình đào tạo liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế mà cán bộ trong ngành đã được tập huấn.

Nghiên cứu này tập trung vào các nhóm đối tượng: quản lý nhà nước, khối sản xuất kinh doanh và khối sự nghiệp bao gồm một số viện nghiên cứu chính sách và một số trường đào tạo có liên quan trực thuộc Bộ thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy lợi và ngành nghề nông thôn.

#### Mục tiêu nghiên cứu:

Mục tiêu tổng quát: làm cơ sở để xây dựng một chương trình tăng cường năng lực toàn diện về hội nhập KTQT của toàn ngành ở cấp quốc gia.

#### Mục tiêu cụ thể tập trung vào:

- Đánh giá hiện trạng nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Đề xuất những giải pháp để xây dựng chương trình toàn diện cả nội dung và phương pháp đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho các nhóm đối tượng trong ngành.

#### **Kết quả đánh giá:**

Kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo hội nhập kinh tế quốc tế của ngành khảo sát cho thấy trên 65% cán bộ thuộc khối quản lý Nhà nước, sản xuất kinh doanh, sự nghiệp và đào tạo trong ngành chưa hiểu về hội nhập. Tỷ lệ hiểu biết về hội nhập ở khối sản xuất kinh doanh cao hơn các khối khác. Riêng trong khối sản xuất kinh doanh, tỷ lệ cán bộ thuộc các doanh nghiệp Nhà nước hiểu biết về hội nhập cao hơn cán bộ thuộc các doanh nghiệp dân doanh.

Lý do chưa hiểu về hội nhập KTQT của cán bộ trong ngành là do thiếu đào tạo, các khoá đào tạo chưa tốt, kiến thức về hội nhập quá nhiều và khó hiểu, mặt khác nhiều cán bộ cho rằng công việc không trực tiếp liên quan đến đào tạo. Trong đó tất cả các khối đều cho rằng lý do cơ bản nhất dẫn đến đại bộ phận cán bộ chưa hiểu biết về hội nhập là thiếu đào tạo.

Tỷ lệ cán bộ tham gia các khoá đào tạo về HNKTQT mới chỉ chiếm khoảng 30% trong tổng số cán bộ khảo sát, còn lại khoảng 70% chưa tham gia bất kỳ khoá đào tạo nào về hội nhập KTQT. Một số khoá đào tạo đã được đào tạo trong thời gian qua như giới thiệu các diễn đàn hợp tác khu vực và quốc tế, ASEAN, APEC, WTO, các Hiệp định mậu dịch tự do..., tìm hiểu về toàn cầu hoá, các khoá học cho bộ phận cán bộ kỹ thuật như GAP, GMP, GHP, STMQ, xúc tiến thương mại, kỹ năng đàm phán, giải quyết tranh chấp.

Hầu hết các khoá đào tạo về hội nhập mới được tổ chức trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay. Các khoá đào tạo này chủ yếu là các khoá tập huấn ngắn hạn, các phương pháp giảng dạy chủ yếu dưới dạng bài giảng, phương pháp còn đơn điệu chưa phong phú. Bước đầu các khoá học cũng đã góp phần hỗ trợ được phần nào kiến thức về hội nhập cho các học viên, tuy nhiên các khoá đào tạo về hội nhập có nhiều hạn chế đối với các học viên như khả năng ngoại ngữ, nội dung kiến thức phức tạp, bài giảng thiếu tính thực tế, cử người tham dự chưa đúng, các khâu tổ chức phần nào chưa được chu đáo.

## **Phần kết luận**

### **Các giải pháp và khuyến nghị**

#### *1. Đối tượng đào tạo:*

Trước mắt nên tập trung vào phổ cập kiến thức hội nhập cho đội ngũ lãnh đạo thuộc tất cả các khối trong ngành, tiếp đến là các cán bộ thuộc khối quản lý Nhà nước và sản xuất kinh doanh, đội ngũ giáo viên thuộc các trường của ngành, sau đó sẽ mở rộng đến các nhóm đối tượng khác như các cán bộ kỹ thuật, sinh viên trong ngành... Nói chung không nên hạn chế độ tuổi đối với người tham dự các lớp đào tạo về các kiến thức chung về hội nhập trừ một số khoá học chuyên ngành đào tạo chuyên sâu.

## 2. Nội dung đào tạo:

Theo đề xuất từ kết quả phỏng vấn nội dung kiến thức hội nhập đa dạng bao gồm:

- Khung pháp lý liên quan đến quá trình hội nhập, các hiệp định liên quan trong phạm vi ngành nông nghiệp và PTNT, các văn bản ký kết, các luật định, thông lệ quốc tế, quá trình rà soát và xây dựng hệ thống pháp lý của Việt Nam liên quan đến HNKTQT;
- Tiến trình hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức quốc tế và khu vực. Giới thiệu các Hiệp định có liên quan đến ngành nông nghiệp trong WTO và các Hiệp định FTA hiện tại Việt Nam đang đàm phán và đã kết thúc đàm phán
- Tìm hiểu về tự do hóa thương mại, toàn cầu hoá, HNKTQT trong ngành nông nghiệp, các hàng rào thuế quan, phi thuế quan (hàng rào kỹ thuật, hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, Kinh doanh trong môi trường toàn cầu hoá;
- Kỹ năng đàm phán, cơ chế giải quyết tranh chấp của các tổ chức thương mại quốc tế, các Hiệp định BTA, FTA ....
- Phân tích tác động của hội nhập, quản lý hội nhập, phân tích khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam, các vấn đề khảo sát, dự báo thị trường, các hình thức tiếp cận thị trường, các kênh phân phối hàng hoá của các thị trường quan trọng, . Áp dụng các tiêu chuẩn về cơ chế sạch trong sản xuất, chế biến và kinh doanh;
- Các kiến thức bổ trợ khác như ngoại ngữ, tin học, các vấn đề liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin (thương mại điện tử, thanh toán quốc tế, thủ tục hành chính, hệ thống kiểm tra,

## 3. Các khuyến nghị liên quan đến tổ chức lớp học:

- Nên đa dạng hoá các phương thức đào tạo, loại hình đào tạo, thời lượng các khoá đào tạo nhằm tăng nhanh việc lan toả kiến thức hội nhập trong ngành.
- Vụ HTQT và Vụ Tổ chức cán bộ rà soát lực lượng cán bộ đang trực tiếp tham gia và hội nhập ở tất cả các khối tiến hành phân loại theo mức độ ưu tiên và có kế hoạch đào tạo hàng năm theo nội dung của các khoá học.

## 4. Đánh giá giám sát:

Thực hiện tốt công tác quản lý hiệu quả sau đào tạo như: Để đánh giá được các chương trình đào tạo hiệu quả, các khoá đào tạo nên áp dụng các hình thức Đánh giá tại chỗ; đánh giá sau một thời gian nhất định; đánh giá tác động của các khoá học.

## Tài liệu Tham khảo

1. Bộ NN&PTNT (2003), Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, do AusAid tài trợ, Hà Nội
2. Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (2005), Đánh giá khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nông nghiệp, Đề tài trọng điểm cấp Bộ, Hà Nội.
3. Bộ Thủy sản (2002), Đánh giá nhu cầu đào tạo cán bộ trong ngành thủy sản, Báo đánh giá-Hợp phần tăng cường quản lý hành chính, Hà Nội.  
Hoàng Hữu Cải (no date), Đánh giá nhu cầu về quản lý nguồn lực thiên nhiên của các thành phần ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, Báo cáo nghiên cứu. Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách (PAB) số 3

# NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ CÁC HÌNH THỨC GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN Ở VIỆT NAM

**Tác giả: TS. Dương Ngọc Thí và Th.S Trần Minh Vĩnh,  
Viện chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn**

Ngày tháng: 10/2006

## Lý do nghiên cứu

Trong quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, trước thực trạng giao dịch thương mại nông sản trong nước có nhiều biến đổi và đặt ra một số vấn đề bức xúc. Nhóm nghiên cứu Viện Kinh tế nông nghiệp (nay là Viện chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn) đã đề xuất và được chấp nhận triển khai nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu đánh giá các hình thức giao dịch thương mại nông sản ở Việt Nam”. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm nghiên cứu phân tích thực trạng áp dụng các hình thức giao dịch nông sản, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của từng hình thức giao dịch nông sản trong nước, từ đó đề xuất các chính sách và giải pháp đa dạng hóa các hình thức giao dịch nhằm góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh nông sản và tác động vào thị trường hiệu quả hơn.

## Phương pháp

Sử dụng các phương pháp phân tích chuỗi tiếp thị và chuỗi giá trị qua các khâu trong các hình thức giao dịch mua bán nông sản giữa nông dân với các tác nhân liên quan. Kết hợp với phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của nông dân, các hộ thu gom, các đại lý và thu nhận ý kiến của cán bộ quản lý chính quyền các cấp. Nhóm nghiên cứu đã phân tích SWOT, sử dụng các công cụ phần mềm SPSS, Excel hỗ trợ cho việc phân tích định tính và định lượng.

## Phạm vi nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn và thực hiện khảo sát nghiên cứu trên 4 ngành hàng (lúa gạo, cà phê, cây ăn quả và mía đường) tại một số tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Đắc Lắc, Bắc Giang, 2 thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Với một số lượng mẫu điều tra khảo sát là 460 lượt hộ nông dân bán 4 mặt hàng nông sản nói trên trong 2 năm 2004 -2005; 46 hộ thu gom, đại lý thu mua nông sản và khảo sát 8 chợ đầu mối nông sản.

Kết hợp tổng quan ngành hàng với điều tra khảo sát đề tài tập trung nghiên cứu phân tích giao dịch thương mại nông sản nội địa.

## Kết quả chính

Trên 4 ngành hàng lựa chọn tại các địa phương khảo sát điều tra có 4 hình thức giao dịch mua bán phổ biến, đó là:

**Đánh giá nhu cầu đào tạo hội nhập kinh tế quốc tế trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn**

**Tác giả:** Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT

**Ngày tháng:** 7/2006

**Lý do nghiên cứu**

Để chuẩn bị nguồn nhân lực cho thực hiện Chương trình Hành động của Chính phủ về hội nhập KTQT, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 137/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2003 về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2003 – 2010. Đây là cơ sở để các Bộ, ngành xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác hội nhập của ngành mình.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và đang chủ động tiến hành xây dựng Chương trình hành động về hội nhập KTQT riêng của ngành để hiện thực hóa chủ trương chính sách của nhà nước và chủ động trong công tác hội nhập nhằm tận dụng tối đa cơ hội cũng như chuẩn bị tốt để giải quyết những thử thách do quá trình hội nhập mang lại cho ngành nông nghiệp và PTNT.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong hành động hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo hội nhập kinh tế quốc tế trong ngành với mục tiêu: (i) Đánh giá hiện trạng đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; (ii) Đề xuất những giải pháp để xây dựng chương trình toàn diện cả nội dung và phương pháp đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho các nhóm đối tượng trong ngành.

**Phương pháp**

Đây là nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho nên các thông tin cần thu thập dưới dạng số liệu sơ cấp, thu thập từ nhiều nguồn, nhiều đối tượng khác nhau trong ngành. Các hình thức thu thập số liệu bao gồm phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi đã được chuẩn hoá, thảo luận hội thảo có sự tham gia của các nhóm đối tượng khác nhau.

Phiếu khảo sát được thiết kế tập trung hai loại: (1) Phiếu khảo sát dành cho đơn vị nhằm để thu thập các thông tin về nhu cầu đào tạo hội nhập của các đơn vị các thông tin liên quan đến các đơn vị và do lãnh đạo cung cấp dựa trên số cán bộ và đánh giá chung của cơ quan mà họ phụ trách (2) Phiếu khảo sát dành cho cá nhân thu thập thông tin cá nhân của các cán bộ.

**Phạm vi nghiên cứu**

Nghiên cứu này tập trung vào khảo sát và đánh giá sơ bộ về các nội dung và chương trình đào tạo liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế mà cán bộ trong ngành đã được tập huấn.

Nghiên cứu này tập trung vào các nhóm đối tượng: quản lý nhà nước, khối sản xuất kinh doanh và khối sự nghiệp bao gồm một số viện nghiên cứu chính sách và một số trường đào tạo có liên quan trực thuộc Bộ thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy lợi và ngành nghề nông thôn.

**Mục tiêu nghiên cứu:**

Mục tiêu tổng quát: làm cơ sở để xây dựng một chương trình tăng cường năng lực toàn diện về hội

nhập KTQT của toàn ngành ở cấp quốc gia.

**Mục tiêu cụ thể tập trung vào:**

- Đánh giá hiện trạng nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Đề xuất những giải pháp để xây dựng chương trình toàn diện cả nội dung và phương pháp đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế cho các nhóm đối tượng trong ngành.

**Kết quả đánh giá:**

Kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo hội nhập kinh tế quốc tế của ngành khảo sát cho thấy trên 65% cán bộ thuộc khối quản lý Nhà nước, sản xuất kinh doanh, sự nghiệp và đào tạo trong ngành chưa hiểu về hội nhập. Tỷ lệ hiểu biết về hội nhập ở khối sản xuất kinh doanh cao hơn các khối khác. Riêng trong khối sản xuất kinh doanh, tỷ lệ cán bộ thuộc các doanh nghiệp Nhà nước hiểu biết về hội nhập cao hơn cán bộ thuộc các doanh nghiệp dân doanh.

Lý do chưa hiểu về hội nhập KTQT của cán bộ trong ngành là do thiếu đào tạo, các khoá đào tạo chưa tốt, kiến thức về hội nhập quá nhiều và khó hiểu, mặt khác nhiều cán bộ cho rằng công việc không trực tiếp liên quan đến đào tạo. Trong đó tất cả các khối đều cho rằng lý do cơ bản nhất dẫn đến đại bộ phận cán bộ chưa hiểu biết về hội nhập là thiếu đào tạo.

Tỷ lệ cán bộ tham gia các khoá đào tạo về HNKTQT mới chỉ chiếm khoảng 30% trong tổng số cán bộ khảo sát, còn lại khoảng 70% chưa tham gia bất kỳ khoá đào tạo nào về hội nhập KTQT. Một số khoá đào tạo đã được đào tạo trong thời gian qua như giới thiệu các diễn đàn hợp tác khu vực và quốc tế, ASEAN, APEC, WTO, các Hiệp định mậu dịch tự do..., tìm hiểu về toàn cầu hoá, các khoá học cho bộ phận cán bộ kỹ thuật như GAP, GMP, GHP, STMQ, xúc tiến thương mại, kỹ năng đàm phán, giải quyết tranh chấp.

Hầu hết các khoá đào tạo về hội nhập mới được tổ chức trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay. Các khoá đào tạo này chủ yếu là các khoá tập huấn ngắn hạn, các phương pháp giảng dạy chủ yếu dưới dạng bài giảng, phương pháp còn đơn điệu chưa phong phú. Bước đầu các khoá học cũng đã góp phần hỗ trợ được phần nào kiến thức về hội nhập cho các học viên, tuy nhiên các khoá đào tạo về hội nhập có nhiều hạn chế đối với các học viên như khả năng ngoại ngữ, nội dung kiến thức phức tạp, bài giảng thiếu tính thực tế, cử người tham dự chưa đúng, các khâu tổ chức phần nào chưa được chu đáo.

**Phần kết luận**

Các giải pháp và khuyến nghị

*1. Đối tượng đào tạo:*

Trước mắt nên tập trung vào phổ cập kiến thức hội nhập cho đội ngũ lãnh đạo thuộc tất cả các khối trong ngành, tiếp đến là các cán bộ thuộc khối quản lý Nhà nước và sản xuất kinh doanh, đội ngũ giáo viên thuộc các trường của ngành, sau đó sẽ mở rộng đến các nhóm đối tượng khác như các cán bộ kỹ thuật, sinh viên trong ngành... Nói chung không nên hạn chế độ tuổi đối với người tham dự các lớp đào tạo về các kiến thức chung về hội nhập trừ một số khoá học chuyên ngành đào tạo chuyên sâu.

*2. Nội dung đào tạo:*

Theo đề xuất từ kết quả phỏng vấn nội dung kiến thức hội nhập đa dạng bao gồm:

- Khung pháp lý liên quan đến quá trình hội nhập, các hiệp định liên quan trong phạm vi ngành



nông nghiệp và PTNT, các văn bản ký kết, các luật định, thông lệ quốc tế, quá trình rà soát và xây dựng hệ thống pháp lý của Việt Nam liên quan đến HNKTQT;

- Tiến trình hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức quốc tế và khu vực. Giới thiệu các Hiệp định có liên quan đến ngành nông nghiệp trong WTO và các Hiệp định FTA hiện tại Việt Nam đang đàm phán và đã kết thúc đàm phán
- Tìm hiểu về tự do hóa thương mại, toàn cầu hoá, HNKTQT trong ngành nông nghiệp, các hàng rào thuế quan, phi thuế quan (hàng rào kỹ thuật, hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, Kinh doanh trong môi trường toàn cầu hoá;
- Kỹ năng đàm phán, cơ chế giải quyết tranh chấp của các tổ chức thương mại quốc tế, các Hiệp định BTA, FTA ....
- Phân tích tác động của hội nhập, quản lý hội nhập, phân tích khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam, các vấn đề khảo sát, dự báo thị trường, các hình thức tiếp cận thị trường, các kênh phân phối hàng hoá của các thị trường quan trọng, . Áp dụng các tiêu chuẩn về cơ chế sạch trong sản xuất, chế biến và kinh doanh;
- Các kiến thức bổ trợ khác như ngoại ngữ, tin học, các vấn đề liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin (thương mại điện tử, thanh toán quốc tế, thủ tục hành chính, hệ thống kiểm tra,

### 3. Các khuyến nghị liên quan đến tổ chức lớp học:

- Nên đa dạng hoá các phương thức đào tạo, loại hình đào tạo, thời lượng các khoá đào tạo nhằm tăng nhanh việc lan toả kiến thức hội nhập trong ngành.
- Vụ HTQT và Vụ Tổ chức cán bộ rà soát lực lượng cán bộ đang trực tiếp tham gia và hội nhập ở tất cả các khối tiến hành phân loại theo mức độ ưu tiên và có kế hoạch đào tạo hàng năm theo nội dung của các khoá học.

### 4. Đánh giá giám sát:

Thực hiện tốt công tác quản lý hiệu quả sau đào tạo như: Để đánh giá được các chương trình đào tạo hiệu quả, các khoá đào tạo nên áp dụng các hình thức Đánh giá tại chỗ; đánh giá sau một thời gian nhất định; đánh giá tác động của các khoá học.

### **Tài liệu Tham khảo**

1. Bộ NN&PTNT (2003), Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, do AusAid tài trợ, Hà Nội
2. Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (2005), Đánh giá khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nông nghiệp, Đề tài trọng điểm cấp Bộ, Hà Nội.
3. Bộ Thủy sản (2002), Đánh giá nhu cầu đào tạo cán bộ trong ngành thủy sản, Báo đánh giá-Hợp phần tăng cường quản lý hành chính, Hà Nội.  
Hoàng Hữu Cải (no date), Đánh giá nhu cầu về quản lý nguồn lực thiên nhiên của các thành phần ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, Báo cáo nghiên cứu.

**Nghiên cứu đánh giá các hình thức giao dịch thương mại nông sản  
ở Việt Nam**

**Tác giả:** TS. Dương Ngọc Thí và Th.S Trần Minh Vĩnh, Viện chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn

**Ngày tháng:** 10/2006

**Lý do nghiên cứu**

Trong quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, trước thực trạng giao dịch thương mại nông sản trong nước có nhiều biến đổi và đặt ra một số vấn đề bức xúc. Nhóm nghiên cứu Viện Kinh tế nông nghiệp (nay là Viện chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn) đã đề xuất và được chấp nhận triển khai nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu đánh giá các hình thức giao dịch thương mại nông sản ở Việt Nam”. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm nghiên cứu phân tích thực trạng áp dụng các hình thức giao dịch nông sản, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của từng hình thức giao dịch nông sản trong nước, từ đó đề xuất các chính sách và giải pháp đa dạng hóa các hình thức giao dịch nhằm góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh nông sản và tác động vào thị trường hiệu quả hơn.

**Phương pháp**

Sử dụng các phương pháp phân tích chuỗi tiếp thị và chuỗi giá trị qua các khâu trong các hình thức giao dịch mua bán nông sản giữa nông dân với các tác nhân liên quan. Kết hợp với phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của nông dân, các hộ thu gom, các đại lý và thu nhận ý kiến của cán bộ quản lý chính quyền các cấp. Nhóm nghiên cứu đã phân tích SWOT, sử dụng các công cụ phần mềm SPSS, Excel hỗ trợ cho việc phân tích định tính và định lượng.

**Phạm vi nghiên cứu**

Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn và thực hiện khảo sát nghiên cứu trên 4 ngành hàng (lúa gạo, cà phê, cây ăn quả và mía đường) tại một số tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Đắc Lắc, Bắc Giang, 2 thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Với một số lượng mẫu điều tra khảo sát là 460 lượt hộ nông dân bán 4 mặt hàng nông sản nói trên trong 2 năm 2004 -2005; 46 hộ thu gom, đại lý thu mua nông sản và khảo sát 8 chợ đầu mối nông sản.

Kết hợp tổng quan ngành hàng với điều tra khảo sát đề tài tập trung nghiên cứu phân tích giao dịch thương mại nông sản nội địa.

**Kết quả chính**

Trên 4 ngành hàng lựa chọn tại các địa phương khảo sát điều tra có 4 hình thức giao dịch mua bán phổ biến, đó là

(1) Mua bán tự do thông qua mạng lưới thương nhân nhỏ (người thu gom, thương lái);

- (2) Mua bán theo hình thức ký kết hợp đồng giữa doanh nghiệp với hộ nông dân;
- (3) Mua bán thông qua hợp đồng giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ, nhóm, chủ hợp đồng là tổ chức và cá nhân đại diện cho nông dân;
- (4) Mua bán giao dịch tại các chợ đầu mối bán buôn nông sản.

Ngoài ra còn có một số hình thức khác như: Một số doanh nghiệp, Công ty, Hiệp hội đã xây dựng hệ thống liên kết từ người sản xuất, người thu gom và các tác nhân khác trong phân phối một số mặt hàng nông sản; Nông dân ký gửi nông sản tại các doanh nghiệp, ứng tiền trước và thanh toán trừ dần.

- **Mua bán theo hình thức tự do** không có hợp đồng được đánh giá là có nhiều điểm mạnh, phù hợp với thói quen và tập quán mua bán truyền thống của nông dân, nên nó được áp dụng phổ biến hiện nay. Tuy nhiên giao dịch mua bán theo hình thức này có một số điểm hạn chế. Phân tích sâu theo chuỗi tiếp thị và chuỗi giá trị, trong hình thức giao dịch này chứa đựng một số khâu trung gian không làm thay đổi hình thái hiện vật, không nâng cao chất lượng sản phẩm, nhưng vẫn gia tăng giá chủ yếu do để đảm bảo lợi nhuận của các nhóm tác nhân trung gian. Giao dịch theo hình thức này người sản xuất chưa tiếp cận sát với nhà chế biến, nhà xuất khẩu. Các nhà chế biến, xuất khẩu không quản lý được chất lượng sản phẩm, nên thông thường sản phẩm làm ra có chất lượng không cao.
- **Giao dịch theo hình thức hợp đồng bằng văn bản** (kể cả hợp đồng trực tiếp giữa doanh nghiệp với từng hộ và hợp đồng với HTX, tổ nhóm hộ nông dân) có nhiều ưu thế, có thể khái quát trên "4 ổn định": ổn định vùng nguyên liệu; ổn định và đồng đều về chất lượng sản phẩm; ổn định khách hàng; từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất -kinh doanh. Nhưng hình thức này trong thực tế còn nhiều hạn chế như: Qui mô sản xuất của hộ nông dân quá nhỏ, phân tán gây khó khăn cho giao dịch của doanh nghiệp; doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư và hướng dẫn kỹ thuật để phát huy lợi thế về năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt.
- **Giao dịch mua bán tại các chợ đầu mối** bước đầu hình thành, một số chợ đã phát huy tác dụng của một trung tâm thương mại, giao dịch ở chợ đầu mối có nhiều lợi thế. Tuy nhiên hiện nay ở nước ta, các chợ đầu mối mới xây dựng, hoạt động giao dịch chỉ giới hạn mua bán buôn giữa các doanh nghiệp và thương gia trong nước, giao dịch theo hình thức giao ngay, chưa có giao dịch thứ cấp và thị trường giao sau. Các hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa đều do thương nhân đảm nhận. Các công ty kinh doanh chợ (một số chợ còn là Ban quản lý) chưa tham gia giao dịch, chỉ thực hiện một số hoạt động dịch vụ như cho thuê mặt bằng, bốc dỡ hàng hóa, bảo vệ an ninh.

## Kết luận

Thị trường nông sản Việt Nam đang trong giai đoạn vận động và phát triển theo hướng tích cực. Để đa dạng hoá và kích thích thị trường hoạt động sôi động, có hiệu quả cần quan tâm 4 trụ cột cơ bản đó là: (1) Nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng và thông tin; (2) đào tạo nguồn nhân lực bao gồm cả tuyên truyền giáo dục pháp lý, đào tạo và tập huấn chuyên môn kinh doanh thương mại thích hợp với từng nhóm tác nhân, bồi dưỡng tổ chức và chuyên gia giao dịch, môi giới; (3) Phát huy vai trò tư vấn của Sở Nông nghiệp -PTNT, Sở Thương mại cho UBND tỉnh và Thành phố trong công tác qui hoạch và định hướng phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng chương trình đào tạo chuyên môn thương mại nông sản, chỉ đạo công tác khuyến nông v.v. (4) Từng bước tiêu chuẩn hóa và minh bạch hóa các tiêu chuẩn (tiêu chuẩn chất lượng nông sản, thủ tục, mẫu hợp đồng chuẩn, phương pháp đánh giá, phân loại nông sản .v.v). Nghiên cứu hình thành cơ quan quản lý nhà nước về công tác hợp đồng và quản lý tiêu chuẩn chất lượng nông sản.

## Kiến nghị

- Tuyên truyền giáo dục xóa bỏ định kiến phân biệt đối với tư thương.
- Trong điều kiện hiện nay, vấn đề hình thức giao dịch mua bán tự do phát huy tác dụng của nó, tuy nhiên cần hướng vào các sản phẩm sản xuất đại trà không đòi hỏi chất lượng cao.
- Chiến lược lâu dài phải mở rộng hình thức giao dịch theo hợp đồng, đưa nó trở thành phổ biến. Trước mắt, đối với các mặt hàng xuất khẩu hoặc phục vụ cho các khách hàng nội địa có nhu cầu cao về chất lượng và vệ sinh ATTP, nhất thiết phải áp dụng hình thức ký kết hợp đồng. Các giải pháp chủ yếu nhóm nghiên cứu đề xuất là: (1) Doanh nghiệp hướng dẫn kỹ thuật và giám sát để bảo đảm được tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh ATTP theo yêu cầu khách hàng; đầu tư và chỉ đạo để nâng cao năng suất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh từ đó bảo đảm giá mua nguyên liệu cho người sản xuất luôn cao hơn giá sản phẩm bình thường bán trên thị trường;
- Hình thành một bộ phận từ Sở NN-PTNT hay Sở Thương mại chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hợp đồng và quản lý tiêu chuẩn chất lượng nông sản;
- Nâng qui mô của các hợp đồng bằng nhiều cách bao gồm cả mở rộng qui mô sản xuất của từng hộ và hợp tác giữa các hộ hình thành các “ Chủ hợp đồng”, các tổ, nhóm hợp tác.
- Giao dịch mua bán thông qua hợp đồng ký kết với HTX, tổ, nhóm hoặc chủ hợp đồng đại diện cho nhóm nông dân là con đường để khắc phục hạn chế về qui mô sản xuất nhỏ và phát huy tính ưu việt của kinh tế hợp tác. Các giải pháp chủ yếu để thúc đẩy hình thức này bao gồm: Phát huy tính dân chủ, tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên trong bàn bạc ký kết hợp đồng cũng như trong quá trình thực hiện; HTX, tổ, nhóm phối hợp với doanh nghiệp trong việc chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật để sản xuất có năng suất, sản phẩm có chất lượng cao và đồng đều. Nhà nước cũng nên có chính sách hỗ trợ về chi phí quản lý, chi phí cho hoạt động khuyến nông, tập huấn kỹ thuật, ưu tiên trong vay vốn tín dụng (lãi suất thấp và thời hạn vay dài hơn).
- Thừa nhận chợ đầu mối là một loại hình thị trường mới cần phát triển ở Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp toàn diện cả về qui hoạch; chính sách khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng chợ, tham gia hoạt động kinh doanh; phối hợp nhiều hoạt động tại chợ và Trung tâm; phát huy vai trò của nhà nước đối với các hoạt động dịch vụ công; lựa chọn và bồi dưỡng chuyên gia giao dịch v.v.
- Đối với hoạt động giao dịch mua bán chợ đầu mối ở nước ta có thể thực hiện một trong 2 phương thức: Phương thức 1, thương nhân đảm nhận hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa, công ty kinh doanh chợ nâng cấp các hoạt động dịch vụ như đang làm hiện nay (như mô hình chợ đầu mối ở Thái Lan); Phương thức 2, công ty kinh doanh chợ tham gia vào cả hoạt động giao dịch và dịch vụ như ở Úc, Nhật, Trung Quốc. Nhà nước cần tổng kết thực tiễn trong nước và học tập kinh nghiệm các nước để chuyển sang phương thức 2.
- Đối với hình thức liên kết, tuy còn mới mẻ, nhưng là một xu hướng phát triển hiện nay ở nhiều nước. Vì vậy, nhà nước cần thực hiện chính sách hỗ trợ trong việc làm thủ tục xây dựng thương hiệu, xây dựng sản phẩm xuất xứ địa lý để khuyến khích các chủ thể (Doanh nghiệp, Công ty, Hiệp hội) xây dựng hệ thống liên kết dọc theo sản phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bao bì đóng gói, vận chuyển và phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm.

### **Đề nghị tổ chức một số nghiên cứu sâu hơn**

1. Cần thực hiện một nghiên cứu sâu để xây dựng chính sách khuyến khích để tăng số lượng, mở rộng qui mô, phạm vi hoạt động của của các thương nhân, đại lý lớn kết hợp với phổ cập thông tin thị trường, làm cho một bộ phận lớn nông dân tiếp cận trực tiếp với thương nhân, đại lý lớn. Từ đó thu hẹp hoạt động của các hộ thu gom, thương lái.
2. Nhà nước cần nghiên cứu tổng kết thực tiễn trong nước từ các mô hình quản lý chợ đầu mối và học tập kinh nghiệm các nước để chuyển sang phương thức 2.

**Phụ lục 2:**



**Bản tổng hợp kết quả họp**

Số: MRB ngày/tháng/năm

(là ngày họp)

**Tên cuộc họp:** (chủ đề, hoặc theo trình tự thời gian)

**Mục tiêu:** (các mục tiêu của cuộc họp)

**Chủ trì:** (Tên, chức danh của chủ tọa)

**Thành phần dự họp:** (chỉ ghi số lượng, tên tổ chức; danh sách chi tiết đính kèm)

**Các tham luận và tài liệu chính:** nêu tên (các tài liệu thích hợp có thể đăng tải trên trang web của ISG)

✓ aaa

✓ bbb

✓ ccc

**Thảo luận và các kiến nghị:** (các vấn đề chính sách)

✓ aaa

✓ bbb

**Các quyết định quan trọng:**

✓ aaa

✓ bbb

(Tóm tắt các lập luận đưa ra nhằm hỗ trợ các quyết định hay các giải pháp; biên bản của các cuộc họp cần phải thực hiện để khi có yêu cầu cần cung cấp; các quyết định cần phải phản ánh được kết quả của cơ chế đưa ra quyết định).

**Các hoạt động tiếp theo:** (ai làm gì, khung thời gian)

➤ aaa

➤ bbb

**Danh sách phổ biến:** (tuy theo tính chất quan trọng của mỗi cuộc họp, danh sách người nhận MRB có thể xác định cho phù hợp)

✓ Lãnh đạo Bộ NN và PTNT

✓ Đại biểu dự họp

✓ Các chủ thể liên quan khác của ISG

**Phụ lục 3:**

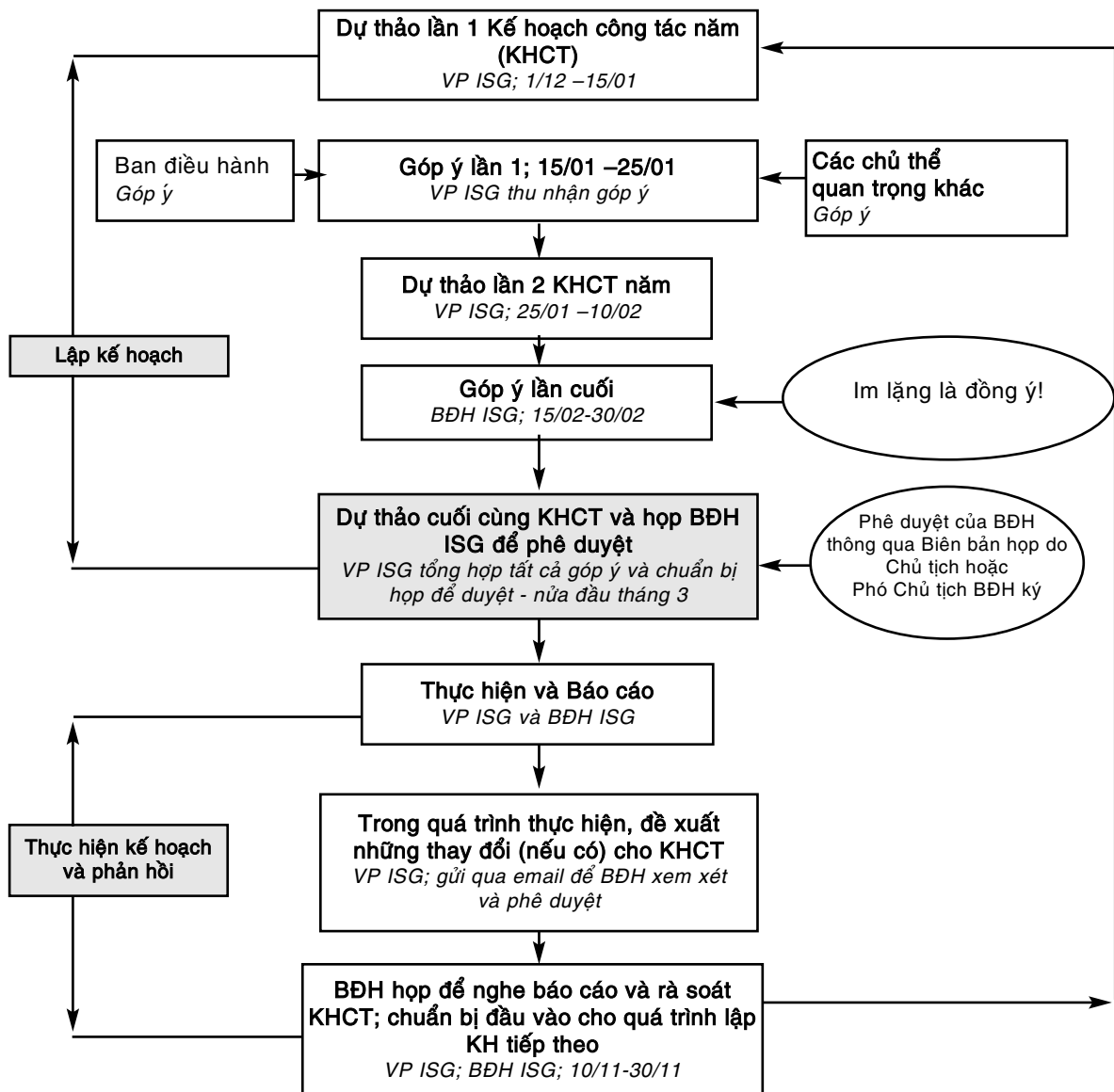
**Quy trình lập kế hoạch của Chương trình Hỗ trợ Quốc tế (ISG)**

(Giai đoạn 2006-2010)

**Giới thiệu**

Theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ISG giai đoạn 2003-2005, ISG cần có một quy trình chính thức cho việc xây dựng, phê duyệt và đánh giá thực hiện các kế hoạch công tác của ISG. Theo quy trình này, những sửa đổi/bổ sung cho các kế hoạch công tác của ISG có thể được thực hiện thành công. Từ năm 2006 trở đi, quy trình này sẽ được áp dụng và đòi hỏi sự tuân thủ của tất cả các chủ thể chính của ISG. Quy trình này được tài liệu hoá dựa trên cách thức ISG vẫn tiến hành, và cũng dựa trên chu kỳ báo cáo đặt ra trong Thỏa thuận khung (Framework Arrangement -FA). Quy trình này là cơ sở quan trọng, thể hiện sự đồng thuận giữa các thành viên của Ban điều hành ISG đối với các hoạt động và việc thực hiện các hoạt động của ISG.

**Quy trình lập kế hoạch của ISGMARD**





## DANH SÁCH CÁC ĐỐI TÁC QUỐC TẾ

### **Đối tác song phương:**

- Australia
- Đan Mạch
- Hà Lan
- Thụy Điển

### **Đối tác đa phương:**

- Ngân hàng phát triển Châu Á
- UNICEF
- Chương trình nước và vệ sinh
- Ngân hàng thế giới

### **Các tổ chức phi chính phủ quốc tế và các đối tác nước ngoài khác:**

- Bremen Overseas Research and Development Association (BORDA)
- Care International tại Việt Nam
- Church World Service (CWS)
- International Development Enterprises (IDE)
- Plan tại Việt Nam
- SNV

---

---

**Để biết thêm thông tin xin liên với chúng tôi**

Văn phòng ISG

Phong 209-210, A9, 2 Ngọc Hà, Hà Nội

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Tel: + 84 - 4 - 7336610

Fax: + 84 - 4 - 7336624

E-mail: [isgmard@fpt.vn](mailto:isgmard@fpt.vn)

Website: <http://www.isgmard.org.vn>

# ĐỐI TÁC CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN

Tài liệu đối tác cho cuộc họp nhóm Tham vấn các nhà tài trợ

Tháng 12

## F. Khái quát

Theo Quyết định số 519 – TTg – HTQT của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 3/4/2006, Biên bản ghi nhớ về việc thành lập Đối tác Cấp nước và Vệ sinh nông thôn đã được ký kết ngày 15/5 giữa Bộ trưởng Bộ NN&PTNT và 14 đối tác quốc tế. Theo quyết định số 1423, sau đó, vào ngày 16/5, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT đã thành lập Ban Điều phối Đối tác như một đơn vị trực thuộc Bộ NN&PTNT và kết nối với Vụ Hợp tác Quốc tế.

Mục đích của Đối tác CN&VSNT là tạo ra một cơ chế phối hợp nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực trong hoạt động CN&VSNT thông qua sự phối hợp và hài hòa hóa các hỗ trợ dành cho các chính sách của Chính phủ, cũng như chương trình mục tiêu quốc gia về CN&VSNT và các chương trình khác. Đối tác sẽ góp phần áp dụng trên toàn quốc một Chiến lược quốc gia về CN&VSNT và thực hiện mục tiêu của Đối tác là “giảm nghèo tại nông thôn và cải thiện điều kiện sống của người dân nông thôn thông qua tiếp cận các dịch vụ CN&VSNT một cách phổ biến, lâu dài và với chi phí hợp lý”.

Khung Chương trình Đối tác cho giai đoạn 5 năm đầu tiên nhấn mạnh đến các lĩnh vực can thiệp ưu tiên sau đây: a) tăng cường quy hoạch ngành, giám sát và năng lực thể chế, b) chú trọng vào vấn đề vệ sinh, c) năng lực cấp tỉnh và các quy trình có sự tham gia của người dân, d) mở rộng phạm vi các đổi mới, sáng tạo, và e) sự tham gia của khu vực tư nhân.

## G. Tiến độ hoạt động từ khi trình Tài liệu Đối tác lần cuối (tháng 5/2006, cho cuộc họp Nhóm tham vấn giữa kỳ với các nhà tài trợ (MYCG))

Kể từ khi ký Biên bản ghi nhớ, các nỗ lực được tập trung vào việc thành lập Ban Điều phối Đối tác, Ban Chỉ đạo Đối tác, và kế hoạch công việc ban đầu, các thủ tục ngân sách và thủ tục hoạt động. Các kết quả chính bao gồm:

- Ban Điều phối đã chuyển đến văn phòng mới tại Bộ NN&PTNT vào tháng 8/2006 và hiện đã được cung cấp đầy đủ thiết bị văn phòng và cán bộ (Giám đốc (Vụ Hợp tác quốc tế); 4 cán bộ trong nước làm việc hợp đồng, và một cố vấn quốc tế tạm thời). Hướng dẫn Quản lý đã được soạn thảo để đưa ra cuộc họp đầu tiên của Ban chỉ đạo xem xét và phê duyệt vào đầu tháng 12.
- Sau khi Bộ trưởng Bộ NN&PTNT có công văn số 3507/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/11/2006 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đối tác, 16 đại diện của Chính phủ và các đối tác quốc tế đã được bổ nhiệm, trong đó có 11 đại diện của Bộ NN&PTNT và các Bộ ngành liên quan cùng 5 đại diện của các đối tác quốc tế. Việc bổ nhiệm này và các quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo sẽ được Ban Chỉ đạo kiểm tra và trình lại Bộ NN&PTNT duyệt chính thức.
- Kế hoạch công tác năm 2006-07 và ngân sách hoạt động cho giai đoạn khởi đầu (tháng 7/06 - tháng 6/08) đã được soạn thảo và sẽ được trình lên Ban Chỉ đạo thông qua.
- Tài trợ ngân sách hoạt động cho giai đoạn khởi đầu đã được yêu cầu từ các đối tác.

## H. Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội 5 năm 2006 - 2010 và các chiến lược và chương

## **trình ngành**

Do ưu tiên cho việc thiết lập các cơ cấu và thủ tục cho Đối tác nên chương trình hoạt động để hỗ trợ Kế hoạch Phát triển kinh tế xã hội 5 năm và các chiến lược/chương trình ngành mới chỉ được chú ý rất hạn chế trong vòng 6 tháng vừa qua. Tuy nhiên, các sáng kiến sau đây đã được khởi xướng:

- **Nhóm công tác kỹ thuật về Giám sát và Đánh giá (M&E):** Sau khi tham vấn với các đối tác, Đề cương chức năng nhiệm vụ của Nhóm công tác kỹ thuật M&E thuộc Đối tác (gọi tắt là nhóm TWG) đã được soạn thảo. Nhóm này sẽ hoạt động như một diễn đàn để thảo luận các sáng kiến nhằm tăng cường sự phù hợp của các hệ thống M&E trong ngành CN&VSNT. Trước hết, nhóm sẽ đánh giá hệ thống M&E cho kết quả thực hiện của ngành hiện đang được Trung tâm CN&VSNT quốc gia và UNICEF thí điểm.
- **Tài liệu tham chiếu về ngành CN&VSNT (danh mục):** Nhóm làm việc gồm UNICEF, Plan International và tổ chức phi chính phủ quốc tế VUFO-INGO WES, với sự hỗ trợ của Đối tác, đã soạn thảo tài liệu này và sẽ được phổ biến trong thời gian sắp tới.
- **Chiến lược thống nhất và Kế hoạch hành động cho ngành vệ sinh (U3SAP):** Đối tác CN&VSNT đang tham vấn với các cơ quan chính phủ tham gia soạn thảo chiến lược vệ sinh, Chương trình Nước và Vệ sinh, và nhóm chịu trách nhiệm chuẩn bị quy trình này nhằm xác định vai trò tham vấn của Đối tác trong soạn thảo chiến lược.
- **Xác định ưu tiên các nhu cầu nghiên cứu của ngành và thành lập Ban Khoa học CN&VSNT:** Đang chuẩn bị Đề cương chức năng nhiệm vụ cho một dịch vụ tư vấn, trong đó xác định và hỗ trợ một quy trình đánh giá tập thể và xác định ưu tiên các nhu cầu nghiên cứu trong ngành, và thành lập Ban Khoa học CN&VSNT. Ủy ban này sẽ hoạt động như một cơ chế để điều phối tốt và hiệu quả các hoạt động thực hiện, phổ biến và áp dụng các sáng kiến nghiên cứu đã được ưu tiên.
- **Các bản tin vẫn hàng tháng:** Đã có ba bản tin vẫn về CN&VSNT được xuất bản để thông báo cho các đối tác về tiến độ thành lập Đối tác cũng như các biến chuyển gần đây trong ngành.

### **I. Hoạt động dự kiến để hỗ trợ sự phù hợp của hoạt động trợ giúp từ các nhà tài trợ đối với các chiến lược ngành và Kế hoạch Phát triển kinh tế xã hội**

Dự thảo Kế hoạch công việc năm 2006-2007 bao gồm 11 hoạt động chương trình ngành sẽ được Đối tác thực hiện đến tháng 12/2007 (chờ Ban Chỉ đạo thông qua):

1. Hỗ trợ hài hòa hóa và sự phù hợp của hoạt động M&E trong ngành (xem mô tả về nhóm TWG M&E ở trên)
2. Xác định ưu tiên và điều phối các nghiên cứu trong ngành (xem mô tả về Ủy ban khoa học của Đối tác ở trên)
3. Hỗ trợ soạn thảo các hướng dẫn thực hiện cho Chương trình mục tiêu quốc gia mới về C&VSNT, và sự phù hợp của các hướng dẫn từ phía các nhà tài trợ với hướng dẫn thực hiện này
4. Đánh giá Chiến lược quốc gia về CN&VSNT và hỗ trợ thiết lập khung kế hoạch hành động chiến lược và quốc gia để thực hiện Chiến lược
5. Hỗ trợ soạn thảo Kế hoạch hành động quốc gia về Phân tích chất lượng nước
6. Hỗ trợ soạn thảo Chiến lược thống nhất và Kế hoạch hành động cho ngành vệ sinh (xem mô tả ở trên)

7. Phối hợp soạn thảo một cuốn giới thiệu các biện pháp kỹ thuật hiệu quả về chi phí cho ngành vệ sinh
8. Thành lập nhóm chuyên gia không chính thức của Đối tác để thúc đẩy các biện pháp tiếp cận vệ sinh trường học an toàn, bền vững và thân thiện với học sinh
9. Thành lập nhóm chuyên gia không chính thức của Đối tác để đánh giá các phương án quy hoạch dựa vào các tỉnh và các biện pháp tiếp cận theo nhu cầu
10. Tiến hành khảo sát Truyền thông, thông tin, giáo dục (IEC) trong phạm vi cả nước và thành lập thư viện
11. Soạn thảo chiến lược quốc gia nhằm nâng cao sự tham gia của khu vực tư nhân trong ngành CN&VSNT

Việc thiết lập các hệ thống quản lý thông tin toàn ngành, bao gồm một trang web của ngành và các bản tin vẫn thường xuyên về CN&VSNT, cũng sẽ được hỗ trợ. Đối tác sẽ hỗ trợ các hoạt động tham vấn trong các đối tác về những vấn đề chính được các bên quan tâm, trong đó có a) làm rõ các trách nhiệm thể chế và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trung ương hỗ trợ CN&VSNT, và b) mở rộng việc áp dụng các cơ chế hỗ trợ ngân sách trong CN&VSNT (dựa trên học hỏi ban đầu từ Chương trình Hỗ trợ Ngân sách chương trình mục tiêu cho Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn II với sự hỗ trợ của Ausaid, Danida và Hà Lan).

#### J. Các mốc thời gian và vấn đề cốt yếu của năm 2007

Đối tác CN&VSNT vẫn đang trong giai đoạn thành lập và cần được củng cố vững chắc hơn trong năm 2007 để đảm bảo khả năng bền vững của các cơ cấu và hoạt động của Đối tác. Ngoài ra, trong giai đoạn khởi đầu, Đối tác cần phải chứng minh “giá trị gia tăng” rõ ràng của cơ cấu đối tác, đó là hoạt động như một cơ chế điều phối để “phối hợp hành động” nhằm thúc đẩy nhận thức giữa các thành viên đối tác về làm việc “phối hợp”. Điều thiết yếu trong bối cảnh này là các thành viên đối tác thấy Đối tác hoạt động có hiệu quả. Dưới đây là các yếu tố quan trọng để đạt được mức độ củng cố tổ chức, hiệu quả và giá trị gia tăng của Đối tác như mong muốn:

- **Sự tham gia của các thành viên đối tác:** Đối tác là một cơ chế phối hợp; nó phụ thuộc vào từng đối tác trong nước và quốc tế trong việc tài trợ và thực hiện các hoạt động đã thống nhất theo cách phối hợp. *Thực tế là các đối tác đã tham gia một cách tích cực trong việc xác định các hoạt động đã nêu trong Kế hoạch công việc năm 2006-07 và mong muốn tài trợ cho các hoạt động đã tạo ra nền tảng vững chắc cho các hoạt động của Đối tác trong năm 2007.*
- **Các nguồn lực hoạt động:** Để phối hợp hiệu quả, cần có năng lực và định hướng nguồn lực, phối hợp và chỉ đạo các hoạt động và quy trình đối thoại chính sách đã thống nhất. Một thành tựu quan trọng trong bối cảnh này là ngân sách hoạt động (khá khiêm tốn) cho giai đoạn 2 năm khởi đầu đã được tài trợ. Tuy nhiên, hơn 60% ngân sách là do một đối tác quốc tế tài trợ như một phần trong nỗ lực xây dựng năng lực chung cho Bộ NN&PTNT để giới thiệu và quản lý các biện pháp tiếp cận ngành, kể cả các cơ chế đối tác tiểu ngành. *Sự bền vững lâu dài của các hoạt động trong Đối tác cần được nhiều thành viên đối tác ủng hộ hơn, kể cả các đối tác quốc tế tham gia trực tiếp trong ngành CN&VSNT.*
- **Năng lực hỗ trợ các quy trình phối hợp:** Khi xây dựng nhận thức về hoạt động phối hợp giữa các bên quốc tế và trong nước của Đối tác, cần chú ý đến “quy trình” và sự nuôi dưỡng thường xuyên thói quen phối hợp. Mặc dù Ban Điều phối Đối tác, gồm 4 cán bộ trong nước làm việc hợp đồng, đã được đặt ở vị trí hợp lý để cung cấp sự hỗ trợ này nhưng Bộ NN&PTNT nhận thấy, trong giai đoạn khởi đầu, cần có sự hỗ trợ của cố vấn quốc tế trung hạn để xây dựng năng lực “quy trình” hoạt động cần thiết cho Ban Điều phối. *Điều quan trọng để chứng minh được giá*

*trị gia tăng từ sự thành lập Đối tác, đó là đảm bảo được đầu vào tư vấn này cho năm 2007.*

- ***Đảm bảo sự tham gia của các bên trong nước trong ngành CN&VSNT:*** Theo quyết định ban đầu, trong giai đoạn 2 năm khởi đầu, Đối tác sẽ được đặt ở Vụ Hợp tác Quốc tế (Bộ NN&PTNT), và sau này sẽ chuyển sang một Cục/Vụ khác thuộc Bộ có trách nhiệm quản lý nhà nước về CN&VSNT và Chương trình mục tiêu quốc gia về CN&VSNT. *Để đảm bảo tính làm chủ ở cấp ngành đối với Đối tác như một cơ chế phối hợp, và để đảm bảo sự tham gia ở cấp ngành trong các hoạt động CN&VSNT, điều quan trọng là trong năm tới, phải xây dựng các mối liên kết hoạt động mạnh mẽ với các cơ quan CN&VSNT trong nước tại cấp trung ương cũng như cấp tỉnh.*

# **GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**Tháng 12/2006**

## **1. Đánh Giá Nhóm Quan Hệ Đối Tác**

### **1.1 Tình hình của Nhóm Quan Hệ Đối Tác**

Từ khi được thành lập vào tháng 7 năm 2000, nhóm đã tập hợp các thông tin và kinh nghiệm về các dự án và chương trình trong ngành giao thông nhằm khuyến khích việc liên kết hỗ trợ và nâng cao hiệu quả tài trợ. Hiện nay nhóm đang tiến tới một diễn đàn thảo luận tích cực về các vấn đề của ngành và việc hoạch định chính sách chung. Bên cạnh các thảo luận về “Duy tu bảo dưỡng đường bộ” và “An toàn giao thông” từ các cuộc họp trước đây, cuộc họp nhóm quan hệ đối tác về giao thông lần thứ 13 chỳ trọng vào vấn đề “Cải cách Ban Quản lý Dự án (PMU) trong lĩnh vực giao thông”.

### **1.2 Cơ cấu của nhóm quan hệ đối tác**

Hiện nay Bộ Giao Thông Vận Tải và JBIC đang đồng chủ trì các cuộc họp nhóm quan hệ đối tác với các đại biểu tham gia từ các tổ chức trực thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải và các nhà tài trợ tham gia vào ngành giao thông, như ADB, AFD, JICA, KfW và wB. Các cuộc họp nhóm đối tác được tổ chức hai lần một năm. Ngoài các cuộc họp định kỳ, nhóm quan hệ đối tác cũng tổ chức các cuộc họp nhóm về những vấn đề cụ thể, nhằm thúc đẩy việc tích cực trao đổi và điều phối các hoạt động.

## **2. Thành tựu của nhóm quan hệ đối tác**

### **2.1 Cuộc Họp Của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Giao Thông lần thứ 13**

Cuộc họp của nhóm quan hệ đối tác giao thông lần thứ 13 được tổ chức vào ngày 27/11/2006. Cuộc họp này tập trung vào ba vấn đề: (i) “Duy tu bảo dưỡng đường bộ” nhằm thảo luận lộ trình thành lập hệ thống quản lý đường bộ bền vững, mối liên kết với “Khuôn khổ Chi tiêu Trung hạn (MTEF) và quỹ đường bộ phù hợp; (ii) “An toàn giao thông” nhằm thảo luận cải cách thể chế để bảo đảm việc lập kế hoạch tốt, sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ, chính quyền địa phương và các nhà tài trợ; (iii) “Cải cách BQLDA” nhằm chia sẻ quan điểm về các vấn đề đang tồn tại trong lĩnh vực quản lý dự án ODA và thảo luận phương hướng cải cách BQLDA trong khuôn khổ phạm vi rộng của cải cách hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải.

### **2.2 Tiến trình thảo luận nhóm quan hệ đối tác**

Chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng về tải sản đường bộ và những khó khăn trong việc duy tu đảm bảo chất lượng tốt của các tải sản đó, các thành viên của nhóm quan hệ đối tác đã tổ chức hàng loạt các buổi thảo luận nhằm thiết lập một hệ thống duy tu bảo dưỡng đường bộ bền vững, thích hợp và đảm bảo việc sắp xếp tổ chức cần thiết và bố trí vốn đầy đủ cho công tác duy tu bảo dưỡng.

Sự phát triển các mạng lưới đường bộ kéo theo tốc độ cơ giới hoá nhanh chóng đã làm tăng số lượng các vụ tai nạn giao thông, trở thành một vấn đề nhức nhối không chỉ về khía cạnh nhân đạo mà còn về khía cạnh kinh tế xã hội. Nhận thấy vấn đề này là một sự nguy hiểm tiềm tàng đối sự tăng trưởng kinh tế quốc gia, các thành viên của nhóm quan hệ đối tác đã xác định được rõ những hỗ trợ cần thiết trong lĩnh vực an toàn giao thông ở Việt Nam dựa trên kết quả của buổi họp lần thứ 11.

#### **(1) Duy tu bảo trì đường bộ**

Tại cuộc họp của nhóm quan hệ đối tác lần thứ 13, JBIC đã thông báo kết quả điều tra tình hình thu thập dữ liệu kiểm đếm cầu, đường và việc lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng thích hợp ở các PDOT và RRMU lựa chọn. Vấn đề đặt ra là cần thiết phải thúc đẩy việc xây dựng năng lực và tăng cường thu

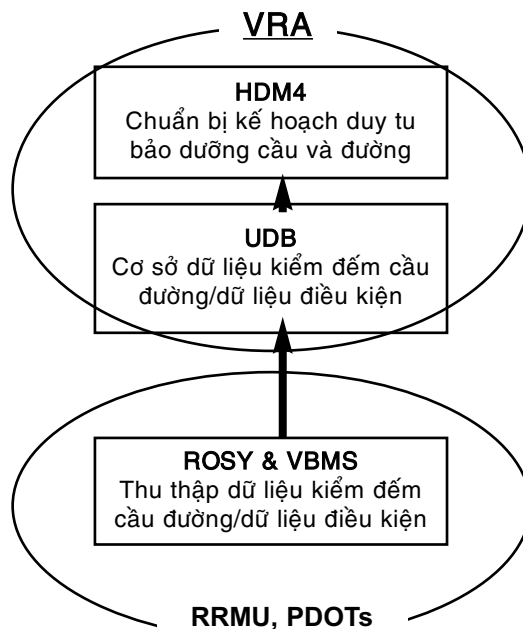


thập dữ liệu phù hợp ở các PDOT và RRMU, bên cạnh đó các dữ liệu liên quan cho ROSY BASE, VBMS và HDM-4 cần phải được ưu tiên trong quá trình thu thập dữ liệu.

Bên cạnh việc thảo luận về kế hoạch duy tu bảo dưỡng tốt hơn và nguồn ngân sách phù hợp, các thành viên của nhóm quan hệ đối tác đã khẳng định vai trò quan trọng của việc cân bằng vốn đầu tư mới và ngân sách duy tu bảo dưỡng với Khuôn khổ chi tiêu trung hạn (MTEF) bởi vì lĩnh vực giao thông được lựa chọn là một trong những ngành thí điểm áp dụng Khuôn khổ chi tiêu trung hạn từ năm 2005.

Các thành viên của nhóm quan hệ đối tác đã chia sẻ ý kiến xem xét những hỗ trợ có thể cho việc xây dựng năng lực và đặt mục tiêu hoàn thành dữ liệu điều kiện và kiểm đếm đường vào năm 2007. Bên cạnh đó, các thành viên cũng thống nhất ý kiến về việc cần thiết phải bắt đầu tiến hành lập kế hoạch ngân sách tới năm tài chính 2008 bằng việc sử dụng HDM-4 ngay cả trong bối cảnh các dự liệu còn sơ sài, chưa đầy đủ và khuyến khích Bộ Tài Chính tham gia nhiều hơn nhằm đảm bảo ngân sách trong phạm vi Khuôn khổ chi tiêu trung hạn (MTEF).

<Sơ đồ cơ cấu cơ bản của hệ thống duy tu bảo dưỡng cầu đường>



RRMU            Đơn vị quản lý đường khu vực  
 PDOT           Sở Giao thông của UBND Tỉnh

**(2) An toàn giao thông**

Trong cuộc họp lần thứ 13, JBIC chia sẻ ý kiến về dự án tiếp theo tập trung vào việc Nâng cao An toàn Giao thông Đường Bộ Quốc gia ở khu vực phía Bắc và sự phối hợp với các dự án liên quan do JICA và WB tài trợ.

Được biết JICA hiện đang có kế hoạch bắt đầu một dự án phát triển kế hoạch tổng thể về an toàn giao thông vào tháng 1 năm 2007, Nhóm đã yêu cầu JICA chia sẻ những khái niệm cơ bản và tiến độ thực

hiện dự án để Kế hoạch tổng thể phù hợp với các dự án an toàn giao thông hiện nay và trong tương lai dưới sự quản lý chung của UBATGTQG. Nhóm quan hệ đối tác tái khẳng định tầm quan trọng của việc phối hợp sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, củng cố năng lực lập kế hoạch và phối hợp của UBATGTQG và BQLATGT, kể cả việc thành lập một cơ quan an toàn giao thông tồn tại lâu dài để đảm bảo việc thực thi các biện pháp an toàn giao thông lâu bền thông qua các bộ, chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề xảy ra trong khu vực.

### **(3) Cải cách thể chế liên quan đến BQLDA**

Trong các buổi thảo luận nghiêm túc vừa qua, Quốc hội và nhiều tin tức báo chí liên quan đến việc thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực giao thông vận tải coi trọng sự cần thiết phải tiến hành cải cách thể chế để việc quản lý đầu tư công tốt hơn, bao gồm cả việc quản lý nguồn vốn ODA. Đáp lại yêu cầu này, JBIC đã và đang tiến hành một nghiên cứu về cơ chế BQLDA với mục tiêu xem xét lại các chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến việc thực hiện và quản lý hoạt động vốn ODA Nhật Bản tại Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị về việc làm thế nào để cải thiện các chính sách và văn bản này trong bối cảnh cải cách hành chính công được thực hiện trên diện rộng và dựa trên các văn bản pháp quy mới như “Nghị định sửa đổi và bổ sung một số điều khoản của Nghị định số 16/2005/ND-CP về việc quản lý các dự án đầu tư xây dựng” (Nghị định số 112) và “Nghị định ban hành quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức” (Nghị định số 131). JBIC đã chia sẻ những kết quả điều tra ban đầu và trao đổi quan điểm với các thành viên của nhóm quan hệ đối tác. Các thành viên của Nhóm xác nhận sẽ có những nỗ lực cần thiết để giải quyết các vấn đề tồn tại hiện nay và đưa ra cam kết củng cố năng lực quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả, tính minh bạch trong việc sử dụng các nguồn vốn chính phủ và vốn ODA. Các nhà tài trợ lĩnh vực giao thông đã bày tỏ những hỗ trợ bước đầu cho việc cải cách như: việc bố trí các BQLDA đầu tư dưới các cơ quan chức năng phải phù hợp với các quy định đầu tư mới và các quy định về BQLDA, đặc biệt là các quy định liên quan đến Cục đường bộ Việt Nam. Tuy nhiên, cần phải tiến hành thêm các buổi thảo luận giữa Bộ Giao thông, chính phủ và cộng đồng các nhà tài trợ. Các nhà tài trợ cũng bày tỏ thiện ý sẵn sàng cung cấp hỗ trợ để thúc đẩy hơn nữa tiến trình cải cách. Các nhà tài trợ cũng nhận thức rõ việc cần thiết phải bảo đảm tính liên tục cho các chương trình đầu tư hiện nay ở bất cứ giai đoạn chuyển tiếp sang cơ cấu thể chế mới.

### **3. Các hoạt động cho 12 tháng tới cho giai đoạn quan trọng năm 2007**

- Cục đường bộ sẽ có nỗ lực nhằm duy trì cơ sở dữ liệu về quản lý bảo dưỡng duy tu cầu và đường, đồng thời chú ý tới việc củng cố sự liên kết giữa việc lập kế hoạch và lập ngân sách để đảm bảo đủ ngân sách cho công tác này. Các nhà tài trợ tiếp tục hỗ trợ Cục trong việc xây dựng năng lực cần thiết. (Xem phần phụ lục 1).
- Bộ Giao thông và Cục đường bộ sẽ cố gắng đẩy mạnh thủ tục cần thiết để đảm bảo ngân sách cho công tác duy tu bảo dưỡng và cân bằng giữa vốn đầu tư mới và chi phí duy tu bảo dưỡng với Khuôn khổ chi tiêu trung hạn dưới sự hợp tác chặt chẽ với Bộ Tài chính. Các nhà tài trợ sẽ hỗ trợ nỗ lực này của Bộ Giao thông và Cục đường bộ.
- Bộ Giao thông sẽ tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm cải thiện công tác quản lý đầu tư công/quản lý vốn ODA, đặc biệt công tác đấu thầu, kiểm tra chất lượng, quản lý tài chính và quản lý tài sản. Các thành viên của Nhóm quan hệ đối tác sẽ tiếp tục chia sẻ những ý kiến phản hồi từ nghiên cứu BQLDA và hợp tác với các bên để tiến hành những hành động cần thiết cho công cuộc cải cách hành chính.

**Phụ lục 1: Dự thảo lộ trình giới thiệu hệ thống duy tu bảo dưỡng đường bền vững và MTEF**

\*ROSY \* HDM4

Năm tài chính (VN)	Những hành động sẽ được thực hiện	Thời gian hoàn thành	Tổ chức thực hiện	Phương hướng	Giai đoạn	Lĩnh vực xây dựng năng lực cần thiết cho VRA
2006	1. Dự thảo các qui định liên quan đến việc thu thập tất cả các dữ liệu đường cần thiết được lựa chọn (đặc biệt cho hệ thống Rosy)	Giữa tháng 12/2006	VRA	Hoàn thành dữ liệu kiểm đếm Đường trong hệ thống Rosy cho việc chuẩn bị kế hoạch ngân sách cần thiết bằng việc sử dụng HDM4 do VRA thực hiện.	Thu thập dữ liệu về Đường (đáp ứng yêu cầu ngân sách hoàn chỉnh)	Nghiên cứu Hỗ trợ đặc biệt cho việc thực hiện dự án (SAPI) của JBIC (đã hoàn thành)
	2. Ban hành qui định của VRA và chỉ đạo RRMU, PDOT tiến hành các hoạt động thu thập dữ liệu trên cả nước với hướng dẫn thực hiện nhập dữ liệu để dàng.	Cuối tháng 12/2006	VRA			
3. Thu thập và nhập tất cả các dữ liệu về đường cần thiết được lựa chọn cho hệ thống Rosy	Giữa tháng 8/2007	VRA, RRMU, PDOT	Hỗ trợ việc thu thập và nhập dữ liệu			
2007	4. Chỉ định RRMU, PDOT thí điểm và yêu cầu trình kế hoạch O&M và đề nghị ngân sách lên VRA làm cơ sở thí điểm	Giữa tháng 8/2007	RRMU, PDOT thí điểm, VRA	Gửi yêu cầu phân bổ ngân sách lên MOT và MOF bằng việc sử dụng hệ thống HDM4 làm cơ sở thử nghiệm cho năm TK2008	MTEF thử nghiệm bằng HDM4 (yêu cầu/phân bổ ngân sách bằng việc sử dụng hệ thống HDM4 làm cơ sở thử nghiệm cho năm TK2008)	Hệ thống yêu cầu/phân bổ ngân sách phát triển toàn quốc bằng hệ thống HDM4
	5. Dựa trên yêu cầu phân bổ ngân sách từ RRMU, PDOT (bao gồm RRMU và PDOT thí điểm) để nộp yêu cầu ngân sách lên MOT và MOF bằng việc sử dụng hệ thống HDM4 làm cơ sở thử nghiệm cho năm TK2008	Cuối tháng 10/2007	VRA			
	6. Phân bổ ngân sách do MOF và MOT cung cấp cho RRMU và PDOT bằng việc sử dụng hệ thống HDM4.	Cuối tháng 11/2007	VRA			
2008	7. Xem xét kết quả các hoạt động của năm TK2007 và phát triển hệ thống yêu cầu ngân sách toàn quốc	Cuối tháng 3/2008	VRA	Phát triển hệ thống yêu cầu ngân sách toàn quốc	MTEF cho giai đoạn 2009-2011 bằng HDM4	Công tác thảo luận và Chuẩn bị cho Quỹ Đường bộ
2009	Bắt đầu các hoạt động cho Quỹ Đường bộ					

\*VBMS (Hệ thống Quản lý Cầu Việt Nam)

Năm TK (VN)	Những hành động sẽ được thực hiện	Thời gian hoàn thành	Tổ chức thực hiện	Phương hướng	Giai đoạn	Lĩnh vực xây dựng năng lực cần thiết cho VRA
2007	1. Hoàn thiện đơn vị kế hoạch VBMS	Cuối tháng 2/2007	VRA	Hoàn thiện dữ liệu kiểm đếm Cầu trong hệ thống VBMS để chuẩn bị việc lập kế hoạch vốn cần thiết bằng việc sử dụng HDM4 do VRA thực hiện	Thu thập dữ liệu về Cầu (để yêu cầu vốn hoàn chỉnh)	Vốn vay chuyên ngành giao thông của JBIC (đã hoàn thành)
	2. Ban hành qui định của VRA và chỉ đạo RRMU, PDOT tiến hành các hoạt động thu thập dữ liệu trên cả nước với hướng dẫn thực hiện nhập dữ liệu để dàng.	Cuối tháng 6/2007	VRA			
	3. Thu thập và nhập tất cả các dữ liệu về cầu cần thiết được lựa chọn cho hệ thống VBMS	Cuối tháng 12/2007	VRA, RRMU, PDOT			Hỗ trợ việc thu thập và nhập dữ liệu

**CÁC DỰ ÁN TRỢ GIÚP NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TẠI VIỆT NAM  
NHÓM ĐỐI TÁC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

<b>Dự án</b>	<b>Nhà tài trợ</b>	<b>Hiện trạng</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Liên hệ</b>
Nâng cấp đường bộ	ADB	Đã hoàn thành	1993-2001	
Cảng Sài Gòn	ADB	Đã hoàn thành	1994-2001	
Dự án cải tạo nâng cấp đường giai đoạn 2	ADB	Đã hoàn thành	1997-2003	
Dự án cải tạo nâng cấp đường giai đoạn 3 (bao gồm thực hiện chính sách phát triển ngành – cấu phần ISDP)	ADB	Đã hoàn thành	1998-2005	Paul Vallely pvallely@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
GMS: Đường cao tốc TP HCM-Phnom Penh	ADB	Đã hoàn thành	1998-2005	Paul Vallely pvallely@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
GMS: Hành lang Đông - Tây	ADB	Đang thực hiện	2000-2006	Paul Vallely pvallely@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
Dự án Nâng cấp tỉnh lộ	ADB	Đang thực hiện	2001-2008	Paul Vallely pvallely@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
Mạng lưới giao thông trung bộ	ADB	Đang thực hiện	2005-2010	Paul Vallely pvallely@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
GMS: Đường sắt Hà nội – Lào Cai	ADB+ Pháp (AFD/MoF)	Đang thực hiện	2006-2010	jcagoon@adb.org freyf@groupe-afd.org thanh-binh.nguyen@missioneco.org
GMS: Đường cao tốc Kunming-Haiphong – giai đoạn 1	ADB	Đang thực hiện	2006-2011	pvallely@adb.org ytanaka@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
GMS: Hành lang vùng duyên hải phía Nam	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	2007-2011	Paul Vallely pvallely@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
Đường tàu điện ngầm TPHCM	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Chắc chắn 2008	hjenny@adb.org pvallely@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org

GMS: Đường cao tốc Kunming-Haiphong – giai đoạn 2	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Chắc chắn 2008	hjenny@adb.org pvalley@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
Đường vành đai 2 TPHCM	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	Dự kiến 2008	Paul Valley pvalley@adb.org Le Dinh Thang ldthang@adb.org
Điều phối ngành giao thông (góp ý cho KHPTKTXH và các hỗ trợ điều phối khác)	DFID/JBIC	Đã hoàn thành	11/2004-3/2006	Yoshifumi Omura y-omura@jbic.go.jp Simon Lucas: slucas@worldbank.org
Dự án sửa chữa và kiểm định cầu	Phần lan/ FINNVERA	Đang thực hiện	2003-2006	thaiduckhai@cftd-group.com Mauri.Mottonen@finnroad.fi
Báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) về khôi phục cầu Long Biên	Pháp (MoF)	Đã hoàn thành	2004	NGUYEN Thanh Binh thanh-binh.nguyen@missioneco.org
Báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) về xây dựng tuyến tàu điện trên đường 32	Pháp (MoF)	Đã hoàn thành	2004	NGUYEN Thanh Binh thanh-binh.nguyen@missioneco.org
Nghiên cứu về Kế hoạch phát triển giao thông công cộng dài hạn tổng hợp tại Hà Nội	Pháp (FFEM: AFD / MoF)	Đang thực hiện	2006-2010	freyf@groupe-afd.org thanh-binh.nguyen@missioneco.org
Hiện đại hóa hệ thống tín hiệu và liên lạc tuyến Hà nội – Vinh	Pháp (MoF)	Đang thực hiện	2006-2009	NGUYEN Thanh Binh thanh-binh.nguyen@missioneco.org
Cơ khí hóa duy tu bảo dưỡng đường ray tuyến Hà nội – Vinh	Pháp (MoF)	Đang thực hiện	2006-2009	NGUYEN Thanh Binh thanh-binh.nguyen@missioneco.org
Dự án đường sắt Việt Nam	GTZ	Đang thực hiện	2001- 2006	Nguyen Van Tau gtzvr@hn.vnn.vn
Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 5	JBIC	Đã hoàn thành	1996 – 2004	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án khôi phục các cầu trên quốc lộ 1	JBIC	Đã hoàn thành	1996 - 2005	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án khôi phục các cầu trên quốc lộ 1 giai đoạn 2	JBIC	Đang thực hiện	1999 - 2006	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án khôi phục cầu trên quốc lộ 1 giai đoạn 3	JBIC	Đang thực hiện	2003 - 2009	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 10	JBIC	Đang thực hiện	1998 -2007	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 18	JBIC	Đang thực hiện	1998 -2008	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp

Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy	JBIC	Đang thực hiện	2001 - 2008	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Bính	JBIC	Đang thực hiện	2000 - 2007	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Thanh Trì sông Hồng	JBIC	Đang thực hiện	2000 - 2008	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Cần Thơ	JBIC	Đang thực hiện	2001 – 2009	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án xây dựng đường tránh quốc lộ 1	JBIC	Đang thực hiện	2001 – 2009	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án xây dựng đường hầm Hải Vân	JBIC	Đang thực hiện	1997 – 2007	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án Nâng cao mức sống và phát triển nông thôn III (đường nông thôn)	JBIC	Đang thực hiện	1999 – 2006	Yasuhisa Ojima, JBIC y-ojima@jbic.go.jp
Dự án phát triển hạ tầng cơ sở phục vụ xoá đói giảm nghèo quy mô nhỏ (đường nông thôn)	JBIC	Đang thực hiện	2003 – 2007	Yasuhisa Ojima, JBIC y-ojima@jbic.go.jp
Dự án phát triển hạ tầng cơ sở phục vụ xoá đói giảm nghèo quy mô nhỏ II (đường nông thôn)	JBIC	Đang thực hiện	2006 - 2010	Yasuhisa Ojima, JBIC y-ojima@jbic.go.jp
Dự án cải tạo nâng cấp các cầu đường sắt tuyến Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	JBIC	Đã hoàn thành	1994 – 2005	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án cải tạo cảng Hải Phòng (Giai đoạn II)	JBIC	Đang thực hiện	2000 – 2007	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án mở rộng cảng Cái Lân	JBIC	Đang thực hiện	1996 – 2008	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án nâng cấp cảng Đà Nẵng	JBIC	Đang thực hiện	1999 – 2006	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án đầu tư hệ thống thông tin liên lạc miền duyên hải miền Bắc Việt Nam	JBIC	Đã hoàn thành	1997-2002	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án đầu tư hệ thống thông tin liên lạc miền duyên hải miền Nam Việt Nam	JBIC	Đang thực hiện	2000 – 2007	Yasuhisa Ojima, JBIC y-ojima@jbic.go.jp
Dự án xây dựng nhà ga cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	JBIC	Đang thực hiện	2002 – 2007	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp



Dự án xây dựng đường cao tốc đông - tây Sài Gòn	JBIC	Đang thực hiện	2000 – 2007	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án phát triển hạ tầng giao thông Hà Nội	JBIC	Đang thực hiện	1999 – 2006	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia	JBIC	Đang thực hiện	2004 – 2008	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án phục hồi cầu đường sắt Hanoi – TP Hồ Chí Minh	JBIC	Đang thực hiện	2004 – 2009	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án Phát triển cảng quốc tế Cái Mép-Thị Vải	JBIC	Đang thực hiện	2004 – 2012	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án nâng cấp Quốc lộ 3	JBIC	Đang thực hiện	2005-2011	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Nhật Tân	JBIC	Đang thực hiện	2006-2010	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án đường sắt nội đô tp HCMC	JBIC	Đang chuẩn bị	2006-2010	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Dự án cải thiện an toàn giao thông	JBIC	Đang chuẩn bị	2006-2010	Yoshifumi Omura, JBIC y-omura@jbic.go.jp
Nghiên cứu thiết kế chi tiết cảng quốc tế Cái Mép - Thị Vải	JICA	Đã hoàn thành	2004-2006	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Dự án cải thiện quản lý cảng	JICA	Đang thực hiện	2005-2009	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Nghiên cứu Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực cứu hộ cứu nạn và an toàn hàng hải	JICA	Đang thực hiện	2006-2009	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Dự án phát triển nguồn nhân lực cho chương trình an toàn giao thông	JICA	Đang thực hiện	2006-2009	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Nghiên cứu quy hoạch an toàn giao thông	JICA	Đang đề xuất	2006-2007	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Nghiên cứu về các trạm nghỉ ven đường	JICA	Đang đề xuất	2006-2008	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Nghiên cứu về quy hoạch tổng thể về giao thông đô thị tại Hà nội (lụ 1 hợp phần của quy hoạch tổng thể TP Hà nội)	JICA	Đang thực hiện	2004-2006	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn

Nghiên cứu tổng thể Phát triển bền vững giao thông Việt nam	JICA	Đang chuẩn bị	2007-2008	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Dự án xây dựng lại các cầu tại các huyện miền Trung	GOJ/JICA	Đề xuất	2003-/2006	Hayashi.Masayuki @jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Dự án xây dựng lại các cầu tại các tỉnh miền núi phía Bắc	GOJ/JICA	Đề xuất	2005-2008	Hayashi.Masayuki@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Dự án nâng cao năng lực đào tạo công nhân xây dựng đường cho Trường kỹ thuật nghiệp vụ GTVT 1	JICA	Đó ho#n th#nh	2001-2006	Kobayashi.Kenichi@jica.go.jp, JICA lethithuhang@jica.org.vn
Phục hồi đầu máy trên 15 tuyến đường sắt chính	KfW	Đã hoàn thành	15.03.1996 - 2000	Mr. Richter, Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Báo cáo nghiên cứu khả thi về Hệ thống Đường sắt nội đô tại Hà Nội	KfW	Đã hoàn thành	1999-2000	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Cung cấp cần trục đường sắt hiện đại	KfW	Đang thực hiện	2000-2003	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Chương trình hội thảo tại Đà Nẵng	KfW	Đang thực hiện	1999 - 2005	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Đầu máy các tuyến đường sắt chính	KfW	Đang thực hiện	2001-2007	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Tàu hút bùn	KfW	Đang thực hiện	2000-2005	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Trung tâm quản lý đường sắt Việt Nam	KfW	Đang chuẩn bị	2007-2010	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Dự án nâng cấp giao thông đô thị	WB	KỐt thóc	11/1998-6/2005	Shomik Mehndiratta smehdiratta@worldbank.org
Dự án phục hồi cảng và giao thông đường thủy nội địa	WB	KỐt thóc	03/1998 - 04/2006	Simon Ellis sellis1@worldbank.org
Dự án phòng chống lũ lụt và giao thông Đồng bằng sông Cửu Long	WB	Đang thực hiện	06/2001 - 06/2006	Maria Margarita Nunez mnunez@worldbank.org
Dự án nâng cấp mạng lưới đường bộ	WB	Đang thực hiện	5/2004-12/2008	William Paterson wpaterson@worldbank.org
Dự án an toàn giao thông đường bộ	WB	Đang thực hiện	10/2005-12/2009	William Paterson wpaterson@worldbank.org

Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội	WB	Đang chuẩn bị	2006-2011	Shomik Mehndiratta smehndiratta@worldbank.org
Dự án phát triển hạ tầng giao thông Đồng bằng sông Cửu long	WB	Đang chuẩn bị	2006-2011	Simon Ellis sellis1@worldbank.org
Dự án phát triển giao thông đồng bằng bắc bộ	WB	Đang chuẩn bị	2008-2012	Baher El-Hifnawi melhifnawi@worldbank.org
Nghiên cứu thể chế phục vụ vận tải đa phương thức	WB	Dù thắp đèn cho cuối kú	5/2005-1/2006	Baher El-Hifnawi melhifnawi@worldbank.org
Nghiên cứu về phát triển và củng cố hệ thống xe buýt tại TPHCM (PPIAF)	WB	Đã hoàn thành	6/2005-5/2006	Shomik Mehndiratta smehndiratta@worldbank.org
Dự án giao thôn nông thôn 2	WB/DFID	Đang thực hiện	01/05/2000 - 12/2005	pid1pmu18@fpt.vn Simon Lucas slucas@worldbank.org or Phuong Thi Minh Tran ptran1@worldbank.org
Dự án giao thông nông thôn 3	WB/DFID	Đang chuẩn bị	2006 - 2010	pmu5@hn.vnn.vn Simon Lucas slucas@worldbank.org Simon Ellis sellis1@worldbank.org
Nghiên cứu về mặt đường giao thông nông thôn	WB/DFID	Đang thực hiện	01/05/2003 - 7/2006	RITST hoặc Robert Petts intech- trl@fpt.vn
Cập nhật chiến lược giao thông nông thôn	DFID	Đang thực hiện	4/2005-4/2006	pmu5@hn.vnn.vn Simon Lucas slucas@worldbank.org
Giao thông nông thôn- hỗ trợ ngân sách thí điểm tại Phú Thọ và Lào Cai	DFID	Đang thực hiện	4/2005-4/2006	Simon Lucas slucas@worldbank.org



## DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

37 LÊ ĐẠI HÀNH, HÀ NỘI

Tel: 84-4-9746011; Fax: 84-4-9745991; E-mail: vnurbanforum@gmail.com

### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2006 CỦA DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM PHỤC VỤ HỘI NGHỊ CG GIỮA KỲ

#### 1. Công tác tổ chức

Ngày 5.6.2006 Diễn đàn Đô thị đã kết nạp Đại sứ quán Đức làm thành viên thứ 21 của Diễn đàn Đô thị Việt Nam. Cộng hoà Liên bang Đức thông qua tổ chức GTZ cùng với KfW đã hỗ trợ ngành xây dựng rất tích cực trong lĩnh vực quản lý nước thải và chất thải rắn đô thị, bao gồm cho vay đầu tư ưu đãi một số tỉnh và hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực cho các cơ quan chuyên ngành từ trung ương tới địa phương. Sự tham gia của Đại sứ quán Đức sẽ là một đóng góp lớn cho đối thoại chính sách và chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực đô thị nói chung và trong hạ tầng kỹ thuật đô thị nói riêng.

#### 2. Các hoạt động chính

Trong 6 tháng qua, Diễn đàn Đô thị Việt Nam tập trung vào công tác hỗ trợ xây dựng chính sách thông qua 2 nhóm công tác của Diễn đàn:

**Nhóm 1:** Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam tới năm 2020. Nhóm với sự hỗ trợ chuyên gia từ WB, UN-HABITAT và SDC đã hoàn thành được đề cương chi tiết của định hướng để làm cơ sở cho các bước triển khai tiếp theo, dự kiến kết thúc vào tháng 6 năm 2007. Đầu tháng 12 năm 2006, nhóm sẽ có chương trình làm việc tập trung với đoàn chuyên gia về quy hoạch không gian đến từ Thụy Sĩ, do SDC đài thọ.

**Nhóm 2:** Soạn thảo nghị định nước thải và công trình ngầm đô thị. Nhóm đã nhận được sự hỗ trợ của WB, Đức, JBIG về chuyên gia và đã tổ chức Hội thảo tham vấn thành công vào tháng 10/2006.

Một vấn đề mà Diễn đàn cũng rất quan tâm là Chiến lược Phát triển Thành phố (CDS) và mối quan hệ giữa CDS với hệ thống quy hoạch đô thị Việt Nam hiện nay cũng như một loạt các vấn đề khác về đánh giá môi trường chiến lược (SEA). Do vậy Diễn đàn cũng đã tham gia tích cực vào các Hội thảo chuyên đề triển khai CDS tại các thành phố Hạ Long và Cần Thơ (WB tài trợ), Nam Định và Đồng Hới (do SDC tài trợ) được tổ chức tháng 7/2006 do WB tổ chức, hội thảo về SEA và CDS tháng 11/2006 do SDC tổ chức.

Diễn đàn đã có LOGO riêng của mình (như thể hiện ở trên), dự kiến sẽ duyệt tại cuộc họp sắp tới của Ban điều phối cũng như sẽ có trang mạng của Diễn đàn đặt tại Trang chủ của Bộ Xây dựng tại địa chỉ: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn).

#### 3. Kế hoạch hoạt động 6 tháng đầu năm 2007

Tiếp tục triển khai các hoạt động của 2 nhóm công tác cho tới khi các văn bản pháp lý tương ứng được hoàn thành và phê duyệt để ban hành. Tại nhóm 1 khi công tác soạn thảo điều chỉnh định hướng phát triển đô thị đã hội tụ đủ nội dung sẽ tổ chức các hội thảo để lấy ý kiến các thành viên Diễn đàn vào tháng 3 năm 2007.

Nửa đầu năm 2007 cũng là thời gian kết thúc của dự án CDS do WB hỗ trợ tại 2 thành phố Hạ Long và Cần Thơ, do vậy cũng sẽ có hội thảo tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp thực hiện CDS tại một thành phố cụ thể, để tìm kiếm khả năng nhân rộng thông qua việc lồng ghép vào chiến lược phát triển đô thị chung của quốc gia.

Song song với hoạt động CDS của 2 thành phố trên là giai đoạn khái quát hoá và bền vững hoá các kết quả tích cực của việc triển khai CDS tại thành phố Nam Định và Đồng Hới do SDC tài trợ. Kinh nghiệm của SDC sẽ được chia sẻ cho các thành phố đang và sẽ thực hiện CDS như Đà Nẵng.

Trong hơn 2 năm qua, JICA đã cùng với Thành phố Hà Nội thực hiện thành công chương trình phát triển tổng thể Thủ đô Hà Nội. Đây là một cách tiếp cận mới mang tính đa ngành trong việc kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch không gian, quy hoạch ngành và quy hoạch kinh tế xã hội. Dự kiến JICA sẽ tổng hợp những kinh nghiệm đạt được trong quá trình thực hiện dự án để chia sẻ với các thành viên của Diễn đàn vào tháng 1 năm 2007.

Trong chương trình hỗ trợ chung cho Đà Nẵng của WB, có một hợp phần là nâng cao năng lực cho chính quyền các cấp thành phố Đà Nẵng với sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài và của Hiệp hội Đô thị Việt Nam. Diễn đàn sẽ đóng góp vai trò trong việc tổ chức và triển khai các khoá đào tạo ngắn hạn về các lĩnh vực quy hoạch, phát triển và quản lý đô thị bền vững cho cán bộ các cấp của thành phố, xứng đáng là thành phố hạt nhân của khu vực miền trung đất nước.

Đầu năm 2007, quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội sẽ được hoàn thành và trình lên Thủ tướng Chính phủ. Các nội dung của quy hoạch sẽ được công bố rộng rãi trong các thành viên của Diễn đàn để lấy ý kiến đóng góp cho các chương trình phát triển địa phương và vùng.

Diễn đàn sẽ có kế hoạch bổ sung cập nhật các thông tin cơ bản và thông tin hoạt động cho trang mạng của Diễn đàn đặt tại Trang Chủ của Bộ Xây dựng, đồng thời ra đều đặn bản tin hàng quý của Diễn đàn, tiến tới ra 2 tháng 1 kỳ.

#### **4. Khó khăn**

Không có điều phối viên chuyên trách để tập hợp, phân tích thông tin, xây dựng kế hoạch, kết nối các hoạt động của các thành viên để Diễn đàn có một tiếng nói chung.

Người báo cáo

Phạm Khánh Toàn, TS.

Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Xây dựng

Điều phối viên Diễn đàn Đô thị Việt Nam

# QUAN HỆ ĐỐI TÁC TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT

## CẬP NHẬT CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN PHÁP LUẬT DO CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ NƯỚC NGOÀI HỖ TRỢ (Cập nhật tháng 11 năm 2006)<sup>10</sup>

Dựa vào các đóng góp của các cơ quan Việt Nam và các nhà tài trợ, chúng tôi đã cập nhật danh mục các dự án trong lĩnh vực pháp luật được các tổ chức quốc tế và nước ngoài hỗ trợ. Danh mục này được chia thành 5 nhóm:

1. Hỗ trợ thực thi Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và điều phối các hoạt động hợp tác về pháp luật và tư pháp;
2. Hỗ trợ xây dựng pháp luật;
3. Hỗ trợ xây dựng thể chế;
4. Hỗ trợ tăng cường năng lực và thi hành/thực thi pháp luật; và
5. Hỗ trợ tiếp cận pháp luật.

Các ý kiến góp ý và đóng góp xây dựng nhằm hoàn thiện Danh mục này xin được gửi về: [vie02015.vn@undp.org](mailto:vie02015.vn@undp.org)

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
<b>Hỗ trợ thực thi Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và điều phối các hoạt động hợp tác về pháp luật và tư pháp</b>			
	<p>Tăng cường năng lực quản lý thực thi Chiến lược Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ thành lập Ban Chỉ đạo Liên ngành và Ban Thư ký thực thi Chiến lược</li> <li>▪ Hỗ trợ hình thành cơ chế điều phối giữa các cơ quan Việt Nam và các nhà tài trợ liên quan, xây dựng cơ sở dữ liệu về các dự án do nước ngoài tài trợ trong lĩnh vực pháp luật</li> <li>▪ Hỗ trợ hình thành và triển khai Quỹ phát triển hệ thống pháp luật để thực hiện một số các nội dung ưu tiên ở trung ương và địa phương được xác định trong quá trình thực hiện Dự án trên cơ sở Chiến lược xây dựng pháp luật và Chiến lược Cải cách Tư pháp và các kế hoạch hành động cụ thể của các bộ, ngành để thực hiện hai Chiến lược nêu trên</li> </ul>	<p>Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ban Nội chính TW, Tòa án NDTC, Thanh tra Chính phủ, Hội Luật gia Việt Nam, và một số Sở tư pháp - UNDP/ Sida/ DANIDA/Na-uy/ Ai-len (Dự án VIE/02/015: 2003-2007)</p>	<p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP Tel: 7336722, Fax: 7340104, Email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org <b>Ông Jonas Lovkrona</b>, Trợ lý Trưởng đại diện, Trưởng bộ phận Quản trị, UNDP Tel: 9421495, Email: jonas.lovkrona@undp.org <b>Ông Lưu Tiến Dũng</b>, Cán bộ chương trình, UNDP Tel: 9421495/ext.103, Email: luu.tien.dung@undp.org <b>Bà Charlotta Bredberg</b>, Bí thư thứ nhất, ĐSQ Thụy Điển, Sida Tel: 7260402, Email: charlotta.bredberg@sida.se <b>Bà Lê Thu Hiền</b>, Cán bộ chương trình, Sida, ĐSQ Thụy Điển Tel: 7260400, 7260402 (direct), 0904237337, Fax: 8232195 Email: mrs.hien@sida.se <b>Bà Charlotte Laursen</b>, tham tán, DANIDA Tel: 8231888, Email: chalau@um.dk <b>Bà Snofrid Byrlokken Emterud</b>, Bí thư thứ nhất, ĐSQ Na-uy Tel: 974 2930, Fax: 9742970, Email: snofrid.emterud@mfa.no</p>

<sup>10</sup> Bảng cập nhật thông tin này do Dự án VIE/02/015 "Hỗ trợ thực thi Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam" tập hợp với sự đóng góp của các cơ quan/tổ chức Việt Nam và quốc tế.

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
			<b>Bà Ngô Hương</b> , Cố vấn phát triển (Quản trị), ĐSQ Na-uy, Direct line: 84 4 974 2953/ Fax: 84 4 974 3301, Email: nmho@mfa.no <b>Ông Sean Hoy</b> , ĐSQ Ai-len Tel: (04)9743291, Email: sean.hoy@ireland.com <b>Bà Nguyễn Thị Minh Hải</b> , Cố vấn Quản trị, ĐSQ Ai-len Tel: 974 3291 (Ext. 112), Fax: 974 3295, Email: hai.nguyen@ireland.vn
<b>Hỗ trợ xây dựng pháp luật</b>			
<b>Tăng cường quy trình xây dựng pháp luật</b>	Nâng cao năng lực soạn thảo, thẩm định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của các văn bản quy phạm pháp luật thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (ở cấp trung ương và địa phương)</li> <li>Nghiên cứu khả năng ban hành Luật sửa nhiều luật và luật thống nhất về ban hành VBQPPL</li> </ul>	Bộ Tư pháp (Dự án VIE/02/015)  Bộ Tư pháp - USAID (Dự án STAR (Dự án đang thực hiện): 2002-2005	<b>Ông Lê Thành Long</b> , Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlolong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org <b>Ông Nguyễn Quốc Việt</b> , Vụ trưởng, Vụ PLHS-HC, BTP, tel: 8438829 <b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ việc thực hiện nhiệm vụ rà soát, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Tư pháp (Dự án VIE/02/015)	<b>Ông Lê Thành Long</b> , Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlolong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường sự tham gia của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội vào quá trình lập pháp</li> <li>Nâng cao chất lượng xây dựng chính sách thông qua việc cải thiện thủ tục làm việc của các Ủy ban Quốc hội</li> <li>Nâng cao năng lực chuyên môn của đại biểu quốc hội và cán bộ của Quốc hội</li> <li>Tăng cường hợp tác nghị viện quốc tế của Quốc hội</li> </ul>	Văn phòng Quốc hội - DANIDA Dự án đang thực hiện: 01/2006-12/2009	<b>Bà Charlotte Laurson</b> , Tham tán phát triển, DANIDA Tel: 8231888, Email: chalaus@um.dk <b>Ông Jacob Gammelgaard</b> , Cố vấn kỹ thuật, Dự án Cải cách pháp luật DANIDA (JOPSO) Mobile: 0919019863, Email: theruleoflaw@mail.dk
	Hỗ trợ quá trình kiểm tra và xây dựng pháp luật	Quốc hội (Ủy ban pháp luật và Ủy ban về các vấn đề xã hội) – Dự án CIDA (PIAP) đang thực hiện	<b>Bà Lynne Racine</b> , Tham tán phát triển, CIDA, Tel: 734 5000, Email: lynne.racine@international.gc.ca <b>Bà Vũ Thị Yến</b> , Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000, Email: Vu.YenThi@international.gc.ca <b>Ông Michael McCabe</b> Tel: 9331800, Email: mmccabe@piap.org.vn
<b>Xây dựng pháp luật để Hỗ trợ thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) và gia nhập WTO</b>	Hỗ trợ đánh giá tác động của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ đối với hệ thống pháp luật Việt Nam	Bộ Tư pháp-USAID (Dự án STAR)	<b>Ông Hoàng Phước Hiệp</b> , Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế Tel. 8431386/7340982, Fax 8431431, Email: hiephp@moj.gov.vn <b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Tạo lập môi trường pháp lý cho việc thực hiện BTA và gia nhập WTO. Hoạt động này liên quan tới việc hỗ trợ cải cách pháp luật trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế và thương mại chủ chốt cũng như hoàn thiện thủ tục và nâng cao năng lực của toà án trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại, sở hữu trí tuệ và đầu tư.	36 cơ quan Nhà nước và Chính phủ, 10 UBND tỉnh, thành phố - USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực của Chính phủ Việt Nam và các cơ quan/ tổ chức khác của Việt Nam trong việc gia nhập WTO và đáp ứng các cam kết và yêu cầu của các điều ước quốc tế liên quan đến thương mại trong khu vực và quốc tế.</li> </ul>	Bộ Thương mại, Bộ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội Dự án hỗ trợ thương mại đa phương II(MUTRAP II) ASIE/2003/005711 Dự án đang thực hiện: (10/1/2005 – 30/6/2008) Bộ Thương Mại-EU	<b>Văn phòng Dự án MUTRAP II</b> , Suite A201 Ham Long Building, 14-16 phố Hàm Long, Hà Nội Tel: 9454314/15, Fax: 9454311, E-mail: mutrap@mutrap.org.vn <b>Bà Trần Thị Thu Hằng</b> , Giám đốc Dự án <b>Ông Peter Naray</b> –Trưởng nhóm chuyên gia KT Châu Âu Tel: 9454316, E-mail: peter_naray@mutrap.netnam.vn <b>Bà Vũ Thị Tuấn Anh</b> - Cán bộ chương trình, phái đoàn Ủy ban châu Âu Tel. 9341300-Ext. 8217, E-mail: Anh.VU@cec.eu.int
	Rà soát các văn bản hiện có về phòng vệ trong thương mại phù hợp với quyền và nghĩa vụ của Việt Nam theo WTO	Bộ Thương mại-EU (MUTRAP II)	<b>Văn phòng Dự án MUTRAP II</b> E-mail: mutrap@mutrap.org.vn <b>Bà Trần Thị Thu Hằng</b> , Giám đốc Dự án
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ Quốc hội và Bộ Tư pháp trong việc xây dựng Chương trình hành động lập pháp chuẩn bị gia nhập WTO (đã hoàn thành)</li> <li>Tiếp tục thực hiện kết quả của Chương trình hành động lập pháp chuẩn bị gia nhập WTO (đã hoàn thành)</li> </ul>	Quốc hội/ Bộ Tư pháp - WB  Bộ Tư pháp /WB	<b>Ông Phạm Minh Đức</b> , Chuyên gia KT cao cấp, WB <b>Ông Ngô Đức Mạnh</b> - Giám đốc Trung tâm thông tin, Văn phòng Quốc hội Tel: 08043590, Email: ngoducmanh@yahoo.com <b>Ông Nguyễn Khánh Ngọc</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, BTP Tel/ Fax: 7334302, Email: khanhngoc_n@yahoo.com <b>Ông Cao Xuân Phong</b> , PGĐ Trung tâm pháp luật so sánh, Viện Khoa học Pháp lý, BTP Tel: 8430934
	Xây dựng khung thể chế và pháp luật để giải quyết việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với Việt Nam và đối với hàng hóa nước ngoài tại Việt Nam (đã hoàn thành)	Bộ Thương mại - Quỹ CEG (AusAID)	<b>Ông Graham Alliband</b> , Giám đốc Quỹ CEG Facility Tel: 936 0290, Fax 936 0289, Email: Galliband@ceg.edu.vn
	Hỗ trợ nghiên cứu pháp luật cần thiết phục vụ cho việc hội nhập kinh tế (nghiên cứu các loại văn bản quy phạm pháp luật cần được sửa đổi phù hợp với việc gia nhập WTO) (đã hoàn thành)	Bộ Tư pháp - JICA/LCP	<b>Ông Morinaga Taro</b> , Dự án JICA Tel: 04-9-426558 (Office) 095 3357315 (Mobile) Fax: 04-9-426561, Email: tkmorinaga@fpt.vn
	Hậu gia nhập WTO: Tạo thuận lợi cho việc thực hiện các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam: <ul style="list-style-type: none"> <li>Giám sát việc rà soát pháp luật đối với các sáng kiến lập pháp và việc thông qua các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của WTO;</li> <li>Xây dựng các Công cụ kiểm tra, rà soát để hài hoà hoá pháp luật và các Công cụ pháp lý phục vụ cho việc hội nhập hơn nữa trong WTO và cơ chế hội nhập kinh tế trong các Công cụ pháp lý trong nước.</li> </ul>	Bộ Tư pháp - CIDA (Dự án LERAP) Dự án đang thực hiện: 2001-2007	<b>Bà Lynne Racine</b> , Tham tán phát triển, CIDA, <b>Bà Vũ Thị Yến</b> , Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 Vu.YenThi@international.gc.ca <b>Ông Isabeau Vilandré</b> , Luật sư Tel: 84-4 9436695/6 - 0904 172387, Fax: 84-4 9436694, Email: lerap@fastmail.fm <b>Ông Nguyễn Khánh Ngọc</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, BTP Tel: 7334302, Email: khanhngocn@yahoo.com



Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xây dựng các tình huống giả định về tác động của các quy định của WTO tới pháp luật trong nước trong tương lai</li> <li>▪ Nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế</li> </ul>		
<b>Hỗ trợ soạn thảo các luật và quy định cụ thể</b>	<p>Bộ luật Thi hành án (đang diễn ra)</p> <p>Sửa đổi Luật Bầu cử địa phương và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân</p> <p>Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính</p> <p>Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự</p> <p>Soạn thảo Luật Khiếu nại và giải quyết khiếu nại</p> <p>Soạn thảo Luật về Trưng cầu dân ý, khảo sát kinh nghiệm quốc tế và phân tích các chế định hiện hành của Việt Nam về trưng cầu dân ý</p> <p>Soạn thảo Luật Tương trợ tư pháp</p> <p>Soạn thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (đã hoàn thành)</p>	<p>Bộ Tư pháp/ Quốc hội (Ủy ban pháp luật) - JICA/ USAID (Dự án STAR)/ Dự án VIE.02.015/Nhà Pháp luật Việt-Pháp</p> <p>Văn phòng Quốc hội – UNDP</p> <p>Toà án NDTC - USAID (Dự án STAR)</p> <p>Toà án NDTC- USAID (Dự án STAR)</p> <p>Thanh tra Chính phủ/ Dự án VIE.02.015</p> <p>Hội Luật gia Việt Nam – Dự án VIE.02.015 Nhà pháp luật Việt-Pháp</p> <p>Bộ Tư pháp-AusAID</p> <p>Bộ Ngoại giao / Quốc hội (Ủy ban đối ngoại) - Dự án VIE/02/015 - USAID (Dự án STAR)</p>	<p><b>Ông Nguyễn Bình</b>, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự, kinh tế, BTP Tel: 8438836</p> <p><b>Ông Morinaga Taro</b>, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558 (Office) - 0953357315 Fax: 04-9-426-561, Email: tkmorinaga@fpt.vn</p> <p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc Dự án VIE/02/015 Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org</p> <p><b>Ông Nguyễn Văn Bình</b>, Giám đốc Nhà pháp luật Việt-Pháp Tel: 8351899, 0903450535, Email: nguyen.vanbinh@maisondudroit.org</p> <p><b>Ông John Bentley</b>, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn</p> <p><b>Ông Ngô Cường</b>, Phó Viện trưởng Viện KH xét xử, TANDTC Tel: 9343168</p> <p><b>Ông John Bentley</b>, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn</p> <p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc DA Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org</p> <p><b>Ông Phạm Quốc Anh</b>, Chủ tịch Hội Luật gia VN</p> <p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc DA Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org</p> <p><b>Ông Nguyễn Văn Bình</b>, Giám đốc Nhà pháp luật Việt-Pháp Tel: 8351899 - 0903450535, Email: nguyen.vanbinh@maisondudroit.org</p> <p><b>Ông Hoàng Phước Hiệp</b>, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế Tel: 8431386/7340982, Fax: 8431431, Email: hiephp@moj.gov.vn</p> <p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc DA Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org</p> <p><b>Bà Lê Thị Tuyết Mai</b>, Chuyên viên pháp lý, Vụ PLQT và ĐUQT, BNG Tel: 0912373803, Fax: 19938 19, Email: mailtt@mofa.gov.vn</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ hài hòa hóa dự thảo luật bình đẳng giới với Công ước chống phân biệt đối xử với phụ nữ - Công ước CEDAW (Đã hoàn thành)	VP Quốc Hội - UNIFEM/CIDA	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Ông Nguyễn Hoàng Mai</b> , Phó VT, Vụ các vấn đề xã hội, VP Quốc hội Tel: 08048138
	Hỗ trợ nâng cao nhận thức và các hoạt động đào tạo về quyền phụ nữ được coi là quyền con người và pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ cho các đại biểu Quốc hội và các đại biểu HĐND trong khuôn khổ Công ước CEDAW	Quốc hội - UNIFEM	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Bà Nguyễn Thị Kỳ</b> , Giám đốc, Trung tâm đào tạo dân cử, Văn phòng Quốc hội Tel: 08046001, Email: ttbd@qh.gov.vn
	Hỗ trợ soạn thảo luật và các quy định về buôn bán người, di cư bất hợp pháp và tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nhằm giúp Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các Nghị định thư.	Bộ Tư pháp - UNODC	<b>Ông Nguyễn Công Hồng</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hành chính - hình sự, BTP Tel: 7335117, Email: hongnc@moj.gov.vn
	Một số nghị định thi hành Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính	Bộ Công an - Dự án VIE/02/015	<b>Ông Lê Thành Long</b> , Quản đốc DA Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org <b>Ông Trần Đình Nhã</b> , Vụ trưởng, Vụ Pháp chế, Bộ Công an
	Hỗ trợ việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Luật Cạnh tranh (đã hoàn thành)	Bộ Thương mại – CIDA (PIAP)	<b>Bà Lynne Racine</b> , Tham tán phát triển, CIDA, Tel: 734 5000, Email: lynne.racine@international.gc.ca <b>Bà Vũ Thị Yến</b> , Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 Vu.YenThi@international.gc.ca <b>Ông Micheal McGabe</b> Tel: 9331800, Email: mmccabe@piap.org.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Pháp sản doanh nghiệp (đã hoàn thành)	Toà án NDTC - JICA/LCP	<b>Ông Morinaga Taro</b> , Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558 - 095-335-7315 Fax: 04-9-426-561, Email: tkmorinaga@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Pháp lệnh về Giao dịch bảo đảm	Bộ Tư pháp – JICA/LCP Bộ Tư pháp - ADB	<b>Bà Nguyễn Thuý Hiền</b> , Cục trưởng Cục Đăng ký giáo dịch bảo đảm quốc gia, BTP Tel: 7334160 <b>Ông Morinaga Taro</b> , Dự án JICA Email: tkmorinaga@fpt.vn <b>Ông Shinsuke Kawazu</b> , Cố vấn, Văn phòng Cố vấn trưởng, ADB Tel: (632) 632-5215, Fax: (632) 636-2501 Email: skawazu@adb.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Đăng ký bất động sản (đang thực hiện) Hỗ trợ xây dựng dự thảo Nghị định về các biện pháp bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ dân sự	Bộ Tư pháp – JICA/LCP Nhà Pháp luật Việt-Pháp	<b>Bà Nguyễn Thuý Hiền</b> , Cục trưởng Cục Đăng ký giáo dịch bảo đảm quốc gia, BTP Tel: 7334160 <b>Ông Morinaga Taro</b> , Dự án JICA Email: tkmorinaga@fpt.vn <b>Ông Nguyễn Văn Bình</b> , Giám đốc Nhà pháp luật Việt – Pháp Tel: 8351899 - 0903450535, Email: nguyen.vanbinh@maisondudroit.org

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Bồi thường Nhà nước (đang thực hiện)	Bộ Tư pháp – JICA/LCP	<b>Ông Morinaga Taro</b> , Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558 - 095 3357315 Fax: 04-9-426561, Email: tkmorinaga@fpt.vn
	Sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng (đã hoàn thành)	Ngân hàng Nhà nước/Quốc hội (Ủy ban Kinh tế Ngân sách)/- USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo luật mới, chi tiết về sở hữu trí tuệ, chuyển giao Công nghệ và tiêu chuẩn hoá (đã hoàn thành)	Bộ Khoa học và Công nghệ/ MCI/Quốc hội (Ủy ban khoa học và Công nghệ) - USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Công cụ chuyển nhượng (đã hoàn thành)	Quốc hội (Ủy ban Kinh tế Ngân sách)/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - USAID (STAR Dự án)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ soạn thảo, thẩm định và thông qua Luật Kiểm toán (đã hoàn thành)</li> <li>▪ Hỗ trợ đánh giá hai năm thi hành Luật Ngân sách và các văn bản thi hành liên quan đến các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị phụ trách về chi tiêu của địa phương (VD: Nghị định 73 về ngân sách địa phương)</li> <li>▪ Hỗ trợ đánh giá hai năm thực hiện Pháp lệnh xây dựng, xem xét và quyết định về ngân sách nhà nước</li> </ul>	Quốc hội (Ủy ban Kinh tế Ngân sách)-UNDP-DFID-CIDA (Dự án VIE/02/008)	<b>Ông Trịnh Tiến Dũng</b> , Trợ lý Trưởng đại diện/ cán bộ chương trình, UNDP Email: trinh.tien.dung@undp.org <b>Ông Nguyễn Hoàng Anh</b> , Giám đốc Dự án vie02008, Ủy ban Kinh tế Ngân sách của Quốc hội Email: vie02008.vn@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Kiểm toán và soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Kiểm toán	Kiểm toán Nhà nước – GTZ/ DANIDA	
	Hỗ trợ soạn thảo nghị định sửa đổi (thay thế Nghị định 90) về quản lý nợ nước ngoài	Bộ Tài chính -UNDP – AusAID- Seco (Dự án VIE/01/010)	<b>Bà Trương Thái Phương</b> , Phó Giám đốc Dự án, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại Bộ Tài chính Email: truong.thai.phuong@mof.gov.vn <b>Ông Trịnh Tiến Dũng</b> , Trợ lý Trưởng đại diện/ cán bộ chương trình, UNDP Email: trinh.tien.dung@undp.org
	Hỗ trợ khảo sát về cải cách tài chính Công: thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế thu nhập, Thuế giá trị gia tăng	Bộ Tài chính - Pháp	
	Luật Thuế thu nhập cá nhân	Bộ Tài chính – UNDP (Dự án Vie/03/010)	<b>Bà Nguyễn Thị Thanh Nga</b> , Cán bộ chương trình UNDP Email: nguyen.thi.thanh.nga@undp.org
	Hỗ trợ nghiên cứu sửa đổi Luật hải quan và các quy định theo các yêu cầu của Công ước Kyoto	Bộ Tài chính – DHRD (Japan)	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ soạn thảo các quy định của Chính phủ về đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép để thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (Bộ Kế hoạch và đầu tư) - UNDP	<b>Bà Đỗ Thị Nguyệt Nga</b> , Cán bộ chương trình, UNDP Email: do.thi.nguyet.nga@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Đầu tư chung và Luật Doanh nghiệp hợp nhất	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (Bộ Kế hoạch và đầu tư) / Ban Nghiên cứu của Thủ tướng – USAID (Dự án STAR)	<b>Bà Đỗ Thị Nguyệt Nga</b> , Cán bộ chương trình, UNDP Email: do.thi.nguyet.nga@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo các quy định về trị giá tính thuế hải quan, phân loại hải quan, kiểm tra sau thông quan và các biện pháp biên giới đối với việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, sửa đổi Luật Hải quan.	Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) - USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Giao dịch điện tử (đã hoàn thành)	Quốc hội (Ủy ban Khoa học và Công nghệ) - USAID (Dự án STAR)/ ADB	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn <b>Ông Shinsuke Kawazu</b> , Cố vấn, Văn phòng Cố vấn trưởng, ADB Email: skawazu@adb.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Du lịch và các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Du lịch (đã hoàn thành)	Tổng cục Du lịch – SNV (Hà Lan)	
	Hỗ trợ soạn thảo và hoàn thiện nghị định của Chính phủ về ủy quyền trách nhiệm quản lý Nhà nước cho chính quyền địa phương nhằm Hỗ trợ phi tập trung hoá quản lý tài chính Nhà nước	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ rà soát và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ quy định về các quỹ đầu tư và phát triển địa phương.	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Trưng thu và trưng mua thông qua nghiên cứu kinh nghiệm so sánh	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ thực thi Nghị định sửa đổi Nghị định số 10 về giảm nhẹ tác động tiêu cực của xã hội hoá đối với người nghèo	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Đất đai 2003	Bộ Tài nguyên Môi trường – Sida (chương trình SEMLA)	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và các văn bản quy phạm pháp luật thi hành	Bộ Tài nguyên Môi trường – Sida (Chương trình SEMLA) UNDP (Dự án Xóa đói giảm nghèo và môi trường - Chương trình 21) VIE/01/021	<b>Ông Đào Xuân Lai</b> , Cán bộ chương trình, UNDP Email: dao.xuan.lai@undp.org
	Nghị định về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng và Nghị định về nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – TFF (Hà Lan, Phần Lan, Thụy Điển và Thụy sĩ)	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ cung cấp đầu vào và bình luận về dự thảo luật ngăn chặn và kiểm soát bạo lực trong nước, và xác định vai trò của ngành y tế trong việc ngăn chặn bạo lực trong nước	Bộ Y tế - Tổ chức Y tế thế giới (WHO)	<b>Ông Nguyễn Huy Quang</b> , Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp chế, Bộ Y tế Email: ttrangls@yahoo.com <b>Bà Sarah De Hovre</b> , Cán bộ kỹ thuật, Tổ chức Y tế thế giới Email: dehovres@vtn.wpro.who.int <b>Bà Margaret Sheehan</b> , Cán bộ kỹ thuật, Tổ chức Y tế thế giới Email: sheehanm@vtn.wpro.who.int <b>Ông Nguyễn Phương Nam</b> , Cán bộ kỹ thuật, Tổ chức Y tế thế giới Email: namn@vtn.wpro.who.int
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Đa dạng sinh học	UNDP (Dự án Xoá đói giảm nghèo và môi trường)	<b>Ông Đào Xuân Lai</b> , Cán bộ chương trình, UNDP Email: dao.xuan.lai@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Năng lượng nguyên tử	Bộ Khoa học Công nghệ - JICA, KOICA, Pháp, IAEA	
	Nghị định hướng dẫn Luật Thủy sản (quản lý khai thác thủy sản, xây dựng quỹ khôi phục nguồn thủy sản, xử lý vi phạm về thủy sản)	Bộ thủy sản – Na-uy	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Công nghệ thông tin	Bộ Bưu chính, Viễn thông - KOICA	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về bảo vệ sức khỏe cộng đồng	Bộ Y tế – WHO	
	Hỗ trợ soạn thảo Pháp lệnh và các nghị định về hiến, lấy và cấy ghép mô và bộ phận cơ thể	Bộ Y tế – WHO Nhà Pháp luật Việt - Pháp	<b>Ông Nguyễn Văn Bình</b> , Giám đốc Nhà pháp luật Việt-Pháp Tel: 8351899 - 0903450535, Email: nguyen.vanbinh@maisondudroit.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật chống tham nhũng và phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (đã hoàn thành)	Thanh tra Chính phủ – UNDP, Sida	<b>Ông Nguyễn Văn Thanh</b> , Viện trưởng Viện Nghiên cứu thanh tra, Thanh tra Chính phủ Tel: 0904 295999 <b>Ông Lưu Tiến Dũng</b> , Cán bộ chương trình UNDP Email: luu.tien.dung@undp.org; <b>Ông Ngọc</b> , Sida
	Hỗ trợ hoàn thiện các nghị định về chứng khoán và xây dựng Luật Chứng khoán mới	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Quốc hội (Ủy ban kinh tế ngân sách) - USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo và thực hiện Chiến lược quốc gia về rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hà Lan, Phần lan, Thụy sỹ, Thụy Điển và 24 nhà tài trợ khác	
	Hỗ trợ sửa đổi Luật và các văn bản quy phạm pháp luật thực thi Luật Bảo vệ và phát triển rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quỹ tín thác về quản lý rừng (TFF) và FSDP	
	Hỗ trợ soạn thảo một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc Dự án cải cách hành chính	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – GTZ (Dự án REFAS)	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Bình đẳng giới (đã hoàn thành)	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam - ADB (Quỹ hợp tác xoá đói giảm nghèo) TA No. 4453 VIE Thời gian thực hiện: 2005-2007	<b>Bà Nguyễn Thanh Hoà</b> , Giám đốc Dự án Tel: 971 8324, Fax: 971 3143 <b>Bà Lê Thị Ngân Giang</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật và chính sách, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam Email: giangltn@gmail.com, banlpcs@yahoo.com <b>Bà Nguyễn Nhật Tuyên</b> , Cán bộ về giới và phát triển xã hội, ADB Tel: 933 1374, Email: nguyentuyen@adb.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Thanh niên Việt Nam và Nghị định hướng dẫn thi hành	Nhóm Công tác thanh niên của Liên Hợp quốc - Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam – ILO-UNICEF	<b>Bà Lê Thị Minh Châu</b> , Cán bộ chương trình Tel: 9425706 <b>Ông Chu Xuân Việt</b> , Tổng Thư ký, UB TNiên QG
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Giáo dục mới	Bộ Giáo dục và đào tạo - Ủy ban châu Âu (EC)	<b>Ông Phạm Đỗ Nhật Tiến</b> , nguyên giám đốc dự án, Trợ lý Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội Tel: 8.694794 - 8.694911 <b>Bà Nguyễn Lâm Giang</b> , Cán bộ chương trình, Văn phòng Phái đoàn Ủy ban châu Âu Tel: 9341300/Ext.8269, Email: giang.nguyen@cec.eu.int
<b>Pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ</b>	Hỗ trợ xây dựng pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, bao gồm pháp luật về sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền, chỉ dẫn địa lý và giống cây trồng và đảm bảo việc tuân thủ TRIPS. Hỗ trợ liên quan tới các văn bản luật, nghị định, thông thư trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Chương trình hợp tác về quyền sở hữu trí tuệ giữa EC-ASEAN (ECAPII), Cục sở hữu trí tuệ Chương trình Ủy ban châu Âu do Văn phòng hài hoà hoá thị trường nội địa (OHMI) và Văn phòng quản lý sáng chế Châu Âu (EPO) thực hiện	<b>Ông Niclas Morey</b> , Giám đốc ECAP II, Vụ Sở hữu trí tuệ, Bộ Thương mại, Thái Lan Tel +66/2/5474678, Fax +66/2/5474677, Email: nmorey@ecap2.net <b>Ông Stephane Passeri</b> , cán bộ điều hành ECAP II, Vụ Sở hữu trí tuệ, Bộ Thương mại, Thái Lan.. Tel +66/2/5474678, Fax +66/2/5474677, Email: spasseri@ecap2.net <b>Bà Nguyễn Minh Thu</b> , Trợ lý ECAP II, National Cục Sở hữu trí tuệ, Hà Nội, Việt nam, Tel+84/4/557/2091, Email: tnguyen@ecap2.net
<b>Hỗ trợ nghiên cứu, soạn thảo một số văn bản, chương trình hành động quốc gia và một số tài liệu khác về bảo vệ trẻ em và thanh niên</b>	Hỗ trợ hoàn thiện và phổ biến Chiến lược quốc gia về bảo vệ trẻ em 2006-2010, tầm nhìn 2020 và các dự án quốc gia	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	<b>Bà Phạm Kiều Oanh</b> , Cán bộ chương trình về Bảo vệ trẻ em, Tel: 9425706, Email: pkoanh@unicef.org <b>Ông Vũ Đình Phương</b> , Vụ trưởng Vụ Quan hệ quốc tế (UBDS-GĐ-TE) Tel: 7474036
	Hỗ trợ xây dựng hai Nghị định thư thực thi Công ước về quyền trẻ em	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	<b>Bà Julie Bereron</b> , Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: jbereron@unicef.org <b>Ông Vũ Đình Phương</b> , Vụ trưởng Vụ Quan hệ quốc tế (UBDS-GĐ-TE) Tel: 7474036
	Hỗ trợ xây dựng hướng dẫn quốc gia về hội nhập pháp luật liên quan đến quyền trẻ em và các chương trình tiểu khu vực và lĩnh vực thuộc SEDP	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	<b>Bà Phạm Kiều Oanh</b> , Cán bộ chương trình về Bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: pkoanh@unicef.org <b>Ông Nguyễn Đình Tốn</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và tài chính (UBDS-GĐ-TE) Tel: 7471505
	Hỗ trợ hoàn thiện chính sách và hướng dẫn về đăng ký khai sinh trẻ em	Bộ Tư pháp (Vụ hành chính tư pháp) - UNICEF	<b>Bà Phạm Kiều Oanh</b> , Cán bộ chương trình về Bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: pkoanh@unicef.org <b>Ông Nguyễn Quốc Cường</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Hành chính tư pháp (BTP) Tel: 08048076

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về chống bạo lực trong gia đình	Quốc hội (Ủy ban các vấn đề xã hội) - UNICEF, UNFPO, WHO, UNAIDS	<b>Bà Julie Bereron</b> , Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org
	Hỗ trợ xây dựng hướng dẫn về mạng lưới bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	<b>Bà Phạm Kiều Oanh</b> , Cán bộ chương trình về Bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: pkoanh@unicef.org <b>Ông Nguyễn Đình Thiết</b> , Vụ trưởng, Vụ trẻ em (UBDS-GĐ-TE) Tel: 7474036
	Hỗ trợ xây dựng thuật ngữ về bảo vệ trẻ em	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	<b>Bà Nguyễn Thuý Hồng</b> , Cán bộ chương trình về Bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: nthong@unicef.org <b>Ông Nguyễn Đình Thiết</b> , Vụ trưởng, Vụ trẻ em (UBDS-GĐ-TE) Tel: 7474036
	Hỗ trợ ban hành Quy tắc về Công tác xã hội	Bộ Lao động Thương binh xã hội - UNICEF	<b>Bà Nguyễn Thuý Hồng</b> , Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: nthong@unicef.org <b>Ông Nguyễn Hải Hựu</b> , Vụ trưởng Vụ Bảo vệ xã hội, BLD,TB-XH Tel: 9362926 <b>Bà Nguyễn Thị Lan</b> , Giám đốc Trung tâm đào tạo cán bộ, UNDSGĐTE Tel: 8437774
	Hỗ trợ soạn thảo Danh mục chú giải từ ngữ về tư pháp vị thành niên, soạn thảo Bộ luật xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật thi hành án	Bộ Tư pháp - UNICEF	Bà Julie Bereron, Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org <b>Ông Nguyễn Công Hồng</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hành chính - hình sự, BTP Tel: 7335117, Email: hongnc@moj.gov.vn
	Hỗ trợ soạn thảo hướng dẫn liên ngành về thủ tục tư pháp đối với người phạm tội vị thành niên và nạn nhân trẻ em	Bộ Công an, Viện Kiểm sát NDTC, Toà án NDTC - UNICEF	<b>Bà Julie Bereron</b> , Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org <b>Ông Nguyễn Mạnh Tế</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Điều tra tội phạm (C14), Bộ Công an, Tel: 7223168
	Hỗ trợ hoàn thành đánh giá pháp lý về bảo vệ trẻ em	Bộ Lao động Thương binh xã hội - UNICEF	<b>Bà Julie Bereron</b> , Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org <b>Ông Nguyễn Hải Hựu</b> , Vụ trưởng Vụ Bảo vệ xã hội, BLD,TB-XH Tel: 9362926
	Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành giáo dục mầm non nhằm thực thi Luật Giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Mầm non) - UNICEF	<b>Bà Nguyễn Thị Thanh Nga</b> , Cán bộ chương trình Tel: 9425706, Email: ntnga@unicef.org <b>Ts. Lê Thị Ánh Tuyết</b> , Giám đốc Dự án, Vụ Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo) Tel: 8684671, Email: anh-tuyet@hn.vnn.vn
	Hỗ trợ xây dựng Nghị định về dạy và học bằng tiếng dân tộc	Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF	<b>Bà Ngô Kiều Lan</b> , Cán bộ chương trình Tel: 9425706, Email: nklan@unicef.org <b>Ông Trịnh Quốc Thái</b> , Vụ trưởng Vụ Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo) Tel: 8692526
	Hỗ trợ soạn thảo Chương trình hành động thực thi Luật Giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế) - UNICEF	<b>Bà Ngô Kiều Lan</b> , Cán bộ chương trình Tel: 9425706, Email: nklan@unicef.org <b>Ông Nguyễn Huy Bằng</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ GDĐT Tel: 8691410, Email: nhbang@moet.gov.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ xây dựng các nghị định thi hành Luật giáo dục thông qua tham vấn ý kiến giáo viên và học sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Trung học cơ sở)- UNICEF	<b>Bà Lê Thị Minh Châu</b> , Cán bộ chương trình Tel: 9425706, Email: ltmchau@unicef.org <b>Ông Lê Quân Tân</b> , Vụ trưởng Vụ trung học cơ sở, Bộ GDĐT Tel: 869 5711, Fax: 869 4085
	Hỗ trợ xây dựng các nghị định thi hành Luật giáo dục thông qua tham vấn ý kiến giáo viên và học sinh về các văn bản pháp quy về y tế học đường	Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF	<b>Bà Lê Thị Minh Châu</b> , Cán bộ chương trình Tel: 9425706, Email: ltmchau@unicef.org <b>Ts. Phùng Khắc Bình</b> , Vụ trưởng, Vụ quản lý sinh viên, Bộ GDĐT Tel: 868 2061, Fax: 869 4029
	Hỗ trợ soạn thảo các nghị định hướng dẫn thi hành Luật thanh niên	Hội Thanh niên Việt Nam, Hội Phụ nữ Việt Nam - UNICEF	<b>Bà Lê Thị Minh Châu</b> , Cán bộ chương trình Tel: 9425706, Email: ltmchau@unicef.org <b>Ông Nông Quốc Tuấn</b> , Chủ tịch Hội Thanh niên VN <b>Bà Dương Thị Xuân</b> , Hội Phụ nữ Việt Nam Tel: 971 9916, Fax: 971 3143
	Hỗ trợ xây dựng các văn bản hướng dẫn về việc cải cách lại các trung tâm bảo trợ xã hội Hỗ trợ xây dựng các văn bản hướng dẫn thi thành, các chương trình đào tạo và xây dựng mô hình thí điểm về hình thức chăm sóc thay thế	Bộ Lao động Thương binh xã hội - UNICEF	<b>Ts. Sakiko Tanaka</b> , Ban Bảo vệ trẻ em, UNICEF Việt Nam Tel: 942 5706-11, Email: stanaka@unicef.org <b>Siobhan King</b> , Cán bộ chương trình tình nguyện, Ban Bảo vệ trẻ em, UNICEF Tel (844) 942 5706 ext 224, Email: sking@unicef.org <b>Ts. Nguyễn Hải Hựu</b> , Vụ trưởng Vụ Bảo trợ xã hội, (Bộ Lao động Thương binh xã hội) Tel: 844-936 2916/0913 219 815, Email: huubtxh@hn.vnn.vn
<b>Hỗ trợ xây dựng thiết chế</b>			
<b>Tăng cường sự giám sát của Quốc hội</b>	Nâng cao chức năng giám sát của Quốc hội, tăng cường kiến thức và kỹ năng giám sát của các đại biểu Quốc hội và các cán bộ Văn phòng Quốc hội. Tăng cường Công khai thông tin trong Quốc hội để đảm bảo tính Công khai minh bạch, quy trình tham gia của nhân dân và dân chủ. Phát triển dịch vụ thông tin nội bộ của Văn phòng Quốc hội hỗ trợ các đại biểu Quốc hội.	Văn phòng Quốc hội- Sida	<b>Bà Charlotta Bredberg</b> , Bí thư thứ nhất, ĐSQ Thụy Điển, Sida Tel: 7260402, Email: charlotta.bredberg@sida.se
	Tăng cường năng lực xây dựng pháp luật và giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân địa phương nhằm thúc đẩy quyền về giáo dục và văn hóa của trẻ em nữ trong khuôn khổ CEDAW	Văn phòng Quốc hội – UNIFEM/CIDA (đang chuẩn bị)	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Quản lý Chương trình Đông Nam Á của CEDAW, UNIFEM Tel: 7345392, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Ông Hoàng Công Bình</b> , Phó Vụ trưởng, Vụ Văn hóa, giáo dục, thanh niên và trẻ em, VQQH Tel: 08044280, Email: vu-vanhhoa@qh.gov.vn
	Tăng cường năng lực xây dựng pháp luật và giám sát của Quốc Hội và hội đồng nhân dân các cấp nhằm thúc đẩy quyền của phụ nữ và trẻ em nữ thiểu số trong khuôn khổ CEDAW	Văn phòng Quốc hội – UNIFEM (đang chuẩn bị)	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Quản lý Chương trình Đông Nam Á của CEDAW, UNIFEM Tel: 7345392, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Ông Trịnh Hưng Thịnh</b> , Vụ trưởng, Vụ Dân tộc thiểu số, VPQH Tel: 08046216



Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
<p><b>Chương trình hỗ trợ thể chế (ISP) cho Việt Nam</b></p>	<p>Hỗ trợ thể chế cho Việt Nam nhằm góp phần thực hiện Chiến lược xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ các chương trình cải cách của Việt Nam nhằm hướng tới một nền quản trị công khai minh bạch và có trách nhiệm hơn dựa trên nhà nước pháp quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả xây dựng pháp luật các cơ quan lập pháp (Quốc hội và HĐND các cấp) nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hệ thống hoá và phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hội nhập quốc tế và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường;</li> <li>▪ Cải thiện việc phân tích chính sách hỗ trợ quá trình xây dựng pháp luật;</li> <li>▪ Nâng cao năng lực quản lý và pháp lý của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp</li> </ul> </li> <li>- Tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của các cơ quan pháp luật và tư pháp (Bộ Tư pháp, Toà án NDTC và Viện Kiểm sát NDTC) trong việc thi hành các chức năng được giao nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xây dựng hệ thống quản lý lý lịch tư pháp quốc gia</li> <li>▪ Tin học hoá công tác đăng ký hộ tịch và quốc tịch;</li> <li>▪ Nâng cao năng lực cán bộ xây dựng và thẩm định văn bản QPPL;</li> <li>▪ Nâng cao năng lực của Học viện tư pháp</li> <li>▪ Nâng cao năng lực chấp hành viên, thẩm phán, thư ký toà và kiểm sát viên</li> </ul> </li> </ul>	<p>Bộ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, TANDTC, VKSNDTC - Ủy ban Châu Âu (EC) (Chương trình ASIE/2004/4339) Giai đoạn thực hiện: 3.2006-6.2009</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Ông Trương Công Hùng</b>, Giám đốc Dự án Tel: 9421585/401 - 0904172657, Email: hungtc@qh.gov.vn</li> <li>2. <b>Bà Nguyễn Thị Thái Tiên</b>, Trợ lý hợp phần VPQH Tel: 080466424 - 0912824646, Email: tienntt@qh.gov.vn</li> <li>3. <b>Bà Nguyễn Bích Ngọc</b>, Chuyên viên chính, Vụ Hợp tác quốc tế, BTP, Trợ lý hợp phần Bộ Tư pháp, Tel: 7333150, Email: ng_bich_ngoc@yahoo.com</li> <li>4. <b>Ông Trần Văn Thư</b>, Chuyên viên, Viện Khoa học xét xử, TANDTC, Trợ lý hợp phần Toà án NDTC Tel: 8264307, 0912441790, Email: tranvanthu68@hotmail.com</li> <li>5. <b>Bà Vũ Thị Hải Yến</b>, Trợ lý hợp phần Viện KSNĐTC Tel: 8255058 (413)</li> <li>6. <b>Bà Vũ Thị Tuấn Anh</b>, Cán bộ chương trình, Phái đoàn EC Tel. 9341300-Ext. 8217, Email: Anh.VU@cec.eu.int</li> <li>7. <b>Ông G. Fourlanos</b>, Cố vấn trưởng Nhóm chuyên gia châu Âu (ETAT) Tel: 04-9421585, Fax: 04-9428990, Mobile: 0904740637 Email: fourlanos@yahoo.com, gerasimos.fourlanos@isp.org.vn</li> </ol>
<p><b>Hỗ trợ thực hiện các cam kết khu vực về chống buôn bán người</b></p>	<p>Hỗ trợ thực hiện các cam kết khu vực và kế hoạch hành động về chống buôn bán người qua biên giới thông qua xây dựng Bản ghi nhớ giữa Bộ Công an Việt Nam và Trung Quốc về phối hợp chống buôn bán người qua biên giới, xây dựng cơ chế phối hợp giữa Công an và Bộ đội biên phòng nhằm chống các tội phạm buôn bán người qua biên giới.</p>	<p>Bộ Công an- UNICEF</p>	<p><b>Bà Nguyễn Thị Hà</b>, Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: nthiha@unicef.org <b>Ông Nguyễn Mạnh Tê</b>, Phó Cục trưởng, Cục Điều tra về hình sự và trật tự xã hội (C14), BCA Tel: 7223168</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ xây dựng cơ chế phụ hồi, hồi hương và tái hoà nhập cho các nạn nhân bị buôn bán qua biên giới	Bộ Lao động thương binh xã hội - UNICEF	<b>Bà Nguyễn Thị Hà</b> , Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em, Tel: 9425706, Email: ntiha@unicef.org <b>Ông Nguyễn Văn Minh</b> , Vụ trưởng Vụ Phòng chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động thương binh xã hội Tel: 9347317
	Hỗ trợ tăng cường hệ thống thanh tra về quyền trẻ em và thanh tra trẻ em	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	<b>Bà Phạm Kiều Oanh</b> , Cán bộ chương trình về Bảo vệ trẻ em, Tel: 9425706, Email: pkoanh@unicef.org <b>Bà Ninh Thị Hồng</b> , Vụ trưởng Vụ Thanh tra (Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em)
<b>Hỗ trợ hệ thống trợ giúp pháp lý</b>	Tăng cường tiếp cận công lý thông qua dịch vụ trợ giúp pháp lý và tăng cường năng lực Cục Trợ giúp pháp lý và các Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý tại 63 tỉnh, thành (2005-2009)	Bộ Tư pháp-Sida, SDC,NOVIB,SCS	<b>Bà Tạ Thị Minh Lý</b> , Cục trưởng, Cục Trợ giúp pháp lý, BTP Tel: 8431389 - 0903444108 <b>Bà Charlotta Bredberg</b> , Bí Thư thứ hai, Sida Tel: 7260402, Email: charlotta.bredberg@sida.se <b>Bà Nguyễn Thanh Giang</b> , Cán bộ chương trình cao cấp, SDC Tel: 9346627, Email: giang@sdc.net <b>Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến</b> , Cán bộ phụ trách, SCS Tel: 8232393, Email: nguyenyen@scsweden.org.vn <b>Clarita Benzon</b> , NOVIB, Hà Lan Email: clarita.benzon@novib.nl
<b>Xây dựng thiết chế cho Hội luật gia Việt Nam</b>	Tăng cường năng lực cho Hội luật gia Việt Nam: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xây dựng năng lực thiết chế</li> <li>▪ Tham gia vào cải cách pháp luật và tư pháp</li> <li>▪ Trợ giúp pháp lý và phổ biến thông tin pháp luật</li> </ul>	Hội luật gia Việt Nam – UNDP Đang diễn ra: 9/2006-9/2009	<b>Ông Lưu Tiến Dũng</b> , Cán bộ chương trình, UNDP Tel: 9421495, Email: luu.tien.dung@undp.org <b>Bà Lê Thị Kim Thanh</b> , Phó Tổng thư ký, HLGVN Tel: 7763756, Email: vla@fpt.vn
	Tăng cường năng lực nhằm thúc đẩy quyền của phụ nữ như là quyền con người cho HLGVN và các chi nhánh ở các tỉnh	Hội luật gia Việt Nam - UNIFEM/CIDA	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình Đông Nam Á của CEDAW, UNIFEM Tel: 7345391, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Bà Lê Thị Kim Thanh</b> , Phó Tổng thư ký, HLGVN Tel: 7763756, Email: vla@fpt.vn
<b>Hỗ trợ các cơ quan tư pháp địa phương</b>	Hỗ trợ đào tạo về quyền của phụ nữ và trẻ em cho các cán bộ tư pháp quận/huyện	Bộ Tư pháp -UNIFEM	<b>Bà Julie Bereron</b> , Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org <b>Ông Nguyễn Công Hồng</b> , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hành chính - hình sự, BTP Tel: 7335117, Email: hongnc@moj.gov.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
<b>Xây dựng hệ thống tư pháp thân thiện cho người vị thành niên</b>	<p>Xây dựng hệ thống tư pháp thân thiện cho người vị thành niên thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hoàn thiện pháp luật, chính sách và cam kết trong nước về vấn đề tư pháp vị thành niên, đặc biệt là trẻ em bị lạm dụng;</li> <li>▪ Nâng cao nhận thức và kiến thức về hệ thống tư pháp thân thiện cho người vị thành niên của xã hội, cán bộ thi hành pháp luật và cán bộ tư pháp;</li> <li>▪ Tăng cường năng lực pháp lý cho cán bộ thi hành pháp luật, kiểm sát viên và cán bộ tòa án về hệ thống tư pháp thân thiện cho người vị thành niên;</li> <li>▪ Phát triển các quyền dựa trên mô hình ngăn chặn, giải quyết và kiểm soát việc thi hành các quyền như là ổn định chỗ ở cho người phạm tội vị thành niên và thành lập hệ thống tòa án và tố tụng dân sự thân thiện đối với nạn nhân/nhân chứng vị thành niên.</li> </ul>	<p>Bộ Tư pháp/Hội luật gia Việt Nam/Bộ Công an/Uỷ ban dân số gia đình và trẻ em và một số cơ quan khác -UNICEF</p>	<p><b>Bà Julie Bereron</b>, Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org <b>Ông Nguyễn Công Hồng</b>, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hành chính - hình sự, BTP Tel: 7335117, Email: hongnc@moj.gov.vn <b>Bà Lê Thị Kim Thanh</b>, Phó Tổng thư ký, HLGVN Tel: 7763756, Email: vla@fpt.vn</p>
<b>Hỗ trợ hiện đại hóa Cục Sở hữu trí tuệ (NOIP)</b>	<p><b>Hiện đại hóa thiết chế cho Cục Sở hữu trí tuệ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tự động hóa</li> <li>▪ Đào tạo cán bộ</li> <li>▪ Tiếp cận hệ cơ sở dữ liệu về quyền sở hữu trí tuệ</li> <li>▪ Tiếp cận các công ước quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ</li> <li>▪ Đơn giản hóa thủ tục</li> <li>▪ Nâng cao hệ thống tìm kiếm về quyền sở hữu trí tuệ</li> <li>▪ Hoàn thành thư viện về quyền sở hữu trí tuệ</li> </ul> <p><b>Hỗ trợ xây dựng chương trình giảng dạy về quyền sở hữu trí tuệ tại các trường đại học:</b> Nâng cao việc giảng dạy về quyền sở hữu trí tuệ tại các trường đại học ở Việt Nam</p> <p><b>Quyền sở hữu trí tuệ: chỉ dẫn địa lý:</b> Hỗ trợ tăng cường cơ chế bảo vệ của Việt Nam về chỉ dẫn địa lý nhằm mục đích nhiều sản phẩm sẽ được đăng ký hơn.</p> <p><b>Quyền sở hữu trí tuệ: Nâng cao nhận thức về quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam:</b> Nâng cao nhận thức về quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam thông qua phổ biến thông tin bằng tờ rơi, đĩa CD, đĩa DVD và phim trên internet về tầm quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ</p>	<p>Chương trình hợp tác về quyền sở hữu trí tuệ giữa EC-ASEAN (ECAP II), Cục sở hữu trí tuệ</p>	<p><b>Ông Niclas Morey</b>, Giám đốc ECAP II, Vụ Sở hữu trí tuệ, Bộ Thương mại, Thái Lan. Tel +66/2/5474678, Fax +66/2/5474677, Email: nmorey@ecap2.net <b>Ông Stephane Passeri</b>, cán bộ điều hành ECAP II, Vụ Sở hữu trí tuệ, Bộ Thương mại, Thái Lan.. Tel +66/2/5474678, Fax +66/2/5474677, Email: spasseri@ecap2.net <b>Bà Nguyễn Minh Thu</b>, Trợ lý ECAP II, National Cục Sở hữu trí tuệ, Hà Nội, Việt Nam Tel+84/4/557/2091, Email: tnguyen@ecap2.net</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
<b>Nâng cao kỹ năng cho đại biểu Quốc hội với tư cách là đại diện của nhân dân</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nâng cao kỹ năng chung cho đại biểu Quốc hội</li> <li>▪ Nâng cao kỹ năng giao tiếp với cử tri</li> <li>▪ Kỹ năng giải quyết khiếu nại và tố cáo, phân tích chính sách, kỹ năng thảo luận, thuyết trình và đánh giá dự luật.</li> </ul>	Văn phòng Quốc hội -DANIDA	<b>Bà Charlotte Laurson</b> , Tham tán phát triển, ĐSQ Đan Mạch (DANIDA) Tel: 8231888, Email: chalau@um.dk <b>Ông Jacob Gammelgaards</b> , Cố vấn trưởng Dự án cải cách pháp luật của DANIDA (JOPSO) Tel: (844) 9428910, Fax:(844) 9428911 Mobile: 0919019863, Email: theruleoflaw@mail.dk
	Tăng cường hiểu biết cho các Đại biểu Quốc hội và các đại biểu HĐND các cấp về tình hình trẻ em bị xâm hại ở Việt Nam, phương hướng phòng ngừa, khung pháp lý về phòng ngừa trẻ em bị xâm hại và trách nhiệm của đại biểu QH và HĐND các cấp.	Quốc hội (Ủy ban Văn hoá, giáo dục, thanh niên và trẻ em) - UNICEF	<b>Ông Hoàng Công Bình</b> , Phó Vụ trưởng, Vụ Văn hóa, giáo dục, thanh niên và trẻ em, VQQH Tel: 08044280, Email: vu-vanhua@qh.gov.vn <b>Bà Hoàng Tuyết Mai</b> , Cán bộ chương trình, UNICEF Việt Nam Tel: 942 5706/Ext.: 269, Email: htmai@unicef.org
	Tăng cường năng lực đại biểu HĐND giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền của trẻ em và phụ nữ (2006 - 2010) Tăng cường năng lực lập pháp và giám sát của QH và HĐND các cấp nhằm tăng cường quyền của trẻ em và phụ nữ trong khuôn khổ các Công ước quốc tế đã ký kết (Công ước về quyền trẻ em (CRC) và Công ước chống các hình thức phân biệt đối xử (CEDAW)	Quốc hội (Ủy ban Văn hoá, giáo dục, thanh niên và trẻ em) - UNICEF	<b>Ông Hoàng Công Bình</b> , Phó Vụ trưởng, Vụ Văn hóa, giáo dục, thanh niên và trẻ em, VQQH Tel: 08044280, Email: vu-vanhua@qh.gov.vn <b>Ông Vũ Tuấn Minh</b> , Chuyên viên pháp luật, UNICEF Việt Nam Tel: 942 5706, Email: vtminh@unicef.org
<b>Tăng cường năng lực xây dựng và thi hành pháp luật</b>	Hỗ trợ tăng cường các hoạt động phục vụ đại biểu Quốc hội thông qua tổ chức các tọa đàm quốc tế và trong nước	Văn phòng Quốc hội (Trung tâm Thông tin, Thư viện và nghiên cứu lập pháp) - FES	<b>Ts. Felix Schmidt</b> Viện Friedrich Ebert Stiftung International P.O.Box 44, 7, Ba Huyen Thanh Quan, Hanoi, Vietnam Tel.: +84 4 8455108 - 8452632, Fax: +84 4 8452631 E-Mail: fesvn@netnam.vn - Website: www.fes-vietnam.org
	Nâng cao năng lực pháp luật và kinh nghiệm quốc tế cho các công chức về Luật biên giới quốc gia	Bộ Ngoại giao – Cộng đồng Pháp ngữ Bỉ	
	Nâng cao năng lực thực thi chính sách đất và môi trường bao gồm việc thực thi Luật Đất đai 2003	Bộ Tài nguyên Môi trường – Sida (Chương trình SEMLA)	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nâng cao kiến thức về pháp luật và thực tiễn về xác định biên giới: kinh nghiệm quốc tế và áp dụng vào bối cảnh Việt Nam</li> <li>▪ Các khóa đào tạo và phổ biến pháp luật cho cán bộ pháp luật, lực lượng bộ đội biên phòng và người dân ở vùng sâu, vùng xa gần biên giới: Sóc Trăng, Kiên Giang, Tây Ninh, Hà Giang, Lào Cai, Đắc Lắc và Gia Lai</li> </ul>	Bộ Ngoại giao – Cộng đồng Pháp ngữ tại Wallonie-Bruxelles (Bỉ)  Bộ Ngoại giao –LASRAI II (AusAID)	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ phân tích so sánh giữa pháp luật Việt Nam với CEDAW	Quốc hội –UNIFEM/CIDA (đang chuẩn bị)	<p><b>Ông Vũ Ngọc Bình</b>, Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391, Email: vungoc.binh@unifem.org, vungoc.binh@unifem.org</p> <p><b>Ông Nguyễn Chí Dũng</b>, Cố vấn, Trung tâm đào tạo dân cử, VPQH Tel: 08046003, Email: ttbd@qh.gov.vn</p>
<b>Tăng cường hệ thống tòa án nhân dân</b>	<p>Đảm bảo các số liệu tin cậy và kịp thời về hoạt động của tòa án luôn sẵn có cho cán bộ tòa án và người sử dụng hệ thống tòa án.</p> <p>Xây dựng tính độc lập của tòa án thông qua việc tăng cường năng lực và điều kiện làm việc của thẩm phán, hội thẩm nhân dân và các cán bộ tòa án khác</p> <p>Nâng cao sự minh bạch và tính chặt chẽ trong hoạt động của tòa án thông qua phổ biến các bản án.</p> <p>Tăng cường năng lực tòa hành chính</p> <p>Nâng cao bình đẳng giới trong hệ thống tòa án thông qua việc tăng cường tham gia và tiếp cận của phụ nữ trong tố tụng tại tòa.</p>	Tòa án Nhân dân tối cao - DANIDA	<p><b>Bà Charlotte Laursen</b>, Tham tán phát triển, ĐSQ Đan Mạch (DANIDA) Tel: 8231888, Email: chalaus@um.dk</p> <p><b>Ông Jacob Gammelgaards</b>, Cố vấn trưởng Dự án cải cách pháp luật của DANIDA (JOPSO) Tel: (844) 9428910, Fax:(844) 9428911 Mobile: 0919019863, Email: theruleoflaw@mail.dk</p>
	<p><b>Nâng cao kỹ năng chuyên môn và thực tiễn của bộ máy tư pháp trong tố tụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xây dựng sách cho thẩm phán (bao gồm cả đĩa CD)</li> <li>▪ Tổ chức các hội thảo trong khoảng thời gian 20 ngày và tổ chức một số khóa đào tạo diễn ra trong năm ngày cho thẩm phán địa phương</li> </ul>	Tòa án Nhân dân tối cao - Quỹ CEG (AusAID) (đã hoàn thành vào tháng 3/2006)	<p><b>Ông Graham Alliband</b>, Quản lý Quỹ CEG Tel: 936 0290, Fax 936 0289 Email Galliband@ceg.edu.vn</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Biên soạn “Cuốn sổ tay hướng dẫn viết bản án” đối với các bản án sơ thẩm và phúc thẩm trong vụ án dân sự và hình sự (đang diễn ra)</li> <li>▪ Tổ chức các hội thảo giới thiệu về “Cuốn sổ tay hướng dẫn viết bản án (sắp tiến hành)</li> <li>▪ Đưa ra đề xuất chung chính thức lên Hội đồng thẩm phán TANDTC về xây dựng và sử dụng án lệ (đang diễn ra)</li> </ul>	Tòa án Nhân dân tối cao –JICA/LCP	<p><b>Ông Kokubu Takafumi</b>, Chuyên gia pháp lý dài hạn, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558(Office), Fax: 04-9-426-561 E-mail: t-kokubu@mbp.nifty.com</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đào tạo chuyên môn tư pháp (thẩm phán và cán bộ tòa án)</li> <li>▪ Hỗ trợ cải cách thủ tục và quản lý tòa</li> </ul>	TANDTC/Bộ Tư pháp –CIDA (JUDGE)	<p><b>Bà Lynne Racine</b>, Tham tán phát triển, CIDA, ĐSQ Canada Tel: 734 5000, Email: lynne.racine@international.gc.ca</p> <p><b>Bà Vũ Thị Yến</b>, Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000, Email: Vu.YenThi@international.gc.ca</p> <p><b>Ông Chu Trung Dũng</b>, Chuyên viên, Viện Khoa học xét xử, TADNTC, Tel: 0904451918</p> <p><b>Bà Đặng Hoàng Oanh</b>, Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế, BTP Tel/Fax: 7340104 - 0982363696 Email: oanhdanghoang@yahoo.com</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ rà soát và cải cách thủ tục tố tụng tòa án phù hợp với CEDAW	Tòa án Nhân dân tối cao UNIFEM/CIDA (đang chuẩn bị)	<p><b>Ông Vũ Ngọc Bình</b>, Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391, Email: vnbinh@unicef.org</p> <p><b>Ông Ngô Cường</b>, Phó Viện trưởng Viện KH xét xử, TANDTC Tel: 9343168</p>
	Hỗ trợ tăng cường năng lực Toà kinh tế thông qua đào tạo thẩm phán và cán bộ toà án, nghiên cứu và hỗ trợ ban hành các bản án của Toà án	Tòa án Nhân dân tối cao-DANIDA (trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ khu vực doanh nghiệp)	<p><b>Ông Ngô Cường</b>, Phó Viện trưởng Viện KH xét xử, TANDTC, Tel: 9343168</p> <p><b>Bà Bùi Thị Nhàn</b>, Chuyên viên Viện Khoa học xét xử, TANDTC Tel: 8264307, Email: lrp_spc@netnam.vn</p> <p><b>Henrik Vistisen</b>, Tham tán, ĐSQ Đan Mạch Tel: 8231 888, Email: hevist@um.dk</p> <p><b>Pernille Kjaerulff</b>, Cố vấn pháp luật cao cấp, Email: pernillekjaerulff@yahoo.com</p> <p><b>Bà Nguyễn Mai Phương</b>, Giám đốc cấu phần Email: maiphuong_nguyen75@yahoo.com</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ rà soát các vụ án (dân sự, hình sự và hôn nhân-gia đình) liên quan tới trẻ em và phụ nữ trong khoảng thời gian 2001-2004 nhằm chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm giữa các thẩm phán trong hệ thống tòa án.</li> <li>▪ Hỗ trợ xuất bản cuốn sổ tay về quyền phụ nữ và trẻ em cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân và các bộ tòa án.</li> <li>▪ Hỗ trợ đào tạo về quyền phụ nữ và trẻ em cho thẩm phán cấp huyện, hội thẩm nhân dân và cán bộ tòa án</li> <li>▪ Hỗ trợ rà soát hoạt động truy tố và các vụ án trong khoảng thời gian 2001-2004 nhằm chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm và tập quán tốt giữa các kiểm sát viên để tránh truy tố sai</li> </ul>	Tòa án Nhân dân tối cao-UNICEF (đã hoàn thành)	<p><b>Ông Vũ Ngọc Bình</b>, Cán bộ Dự án về nâng cao quyền Tel: 9425706, Email: vnbinh@unicef.org</p> <p><b>Ông Ngô Cường</b>, Phó Viện trưởng Viện KH xét xử, TANDTC Tel: 9343168</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có kỹ năng về các biện pháp quản lý tư pháp và phương pháp truy tố hiện đại</li> <li>▪ Xây dựng hoạt động truy tố mang tính hiệu quả và có trách nhiệm thông qua tăng cường tiếp cận và tích hợp công nghệ thông tin ở mọi cấp</li> <li>▪ Nâng cao năng lực của VKSNDTC để tiến hành nghiên cứu về hình sự học và để thu thập và phổ biến các số liệu về tội phạm.</li> <li>▪ Thực hiện giám sát chuyên nghiệp và chặt chẽ đối với những người bị mất quyền tự do tại mọi giai đoạn tố tụng</li> </ul>	Viện Kiểm sát NĐTC - DANIDA	<p><b>Bà Charlotte Laursen</b>, Tham tán phát triển, ĐSQ Đan Mạch (DANIDA) Tel: 8231888, Email: chalau@um.dk</p> <p><b>Ông Jacob Gammelgaards</b>, Cố vấn trưởng Dự án cải cách pháp luật của DANIDA (JOPSO) Tel: (844) 9428910, Fax:(844) 9428911 Mobile: 0919019863, Email: theruleoflaw@mail.dk</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ rà soát hoạt động công tố trong năm 2001-2004 nhằm chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động công tố nhằm tránh việc truy tố sai pháp luật (đã hoàn thành)	Viện Kiểm sát NDTC - UNICEF	<b>Ông Nguyễn Quốc Công</b> , Vụ trưởng Vụ 3, VKSNDTC Tel: 8255058
	Hỗ trợ rà soát và cải cách thủ tục truy tố đáp ứng các yêu cầu của Công ước CEDAW, trong đó bao gồm hoạt động đào tạo kiểm sát viên về Công ước và các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới	Viện Kiểm sát NDTC - UNIFEM/CIDA	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Ông Nguyễn Quốc Công</b> , Vụ trưởng Vụ 3, VKSNDTC Tel: 8255058
<b>Tăng cường năng lực lập báo cáo về quyền con người</b>	Xây dựng và tăng cường năng lực cho các tổ chức phi chính phủ ở địa phương trong việc chuẩn bị báo cáo về thực thi CEDAW	Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ-UNIFEM/CIDA	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391 <b>Bà Vương Thị Hạnh</b> , Giám đốc Trung tâm tăng cường giáo dục và trao quyền cho phụ nữ (CEPEW) Tel: 7526789, Email: cepew@fmail.vnn.vn
	Hỗ trợ Chính phủ trong việc thực hiện và báo cáo về CEDAW, bao gồm đối thoại với Ủy ban CEDAW của Liên hợp quốc và đưa ra các bình luận	Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ-UNIFEM/CIDA	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391 <b>Bà Trần Thị Mai Hương</b> , Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ(NCFAW) Tel: 8210068, Email: ncfaw@hn.vnn.vn
	Hỗ trợ đào tạo thạc sĩ về CEDAW (đang chuẩn bị)	UNIFEM – Viện Nghiên cứu quyền con người, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391 <b>Ông Đặng Dung Chí</b> , Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu quyền con người, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Tel: 7912274, Email: chidd@vtic.com.vn
	Hỗ trợ đào tạo thẩm phán, hội thẩm nhân dân và cán bộ tòa án về quyền con người của phụ nữ, xây dựng pháp luật về bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ sử dụng khung pháp lý CEDAW	Tòa án Nhân dân tối cao - UNIFEM/CIDA	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Điều phối viên quốc gia, Chương trình CEDAW Đông Nam Á, UNIFEM Tel: 7345391 <b>Ông Nguyễn Văn Thông</b> , Hiệu trưởng, Trường đào tạo cán bộ tòa án, TANDTC Tel: 8347133
<b>Tăng cường năng lực cho lực lượng cảnh sát và cơ quan điều tra</b>	Hỗ trợ thực thi Luật phòng chống ma túy tăng cường khả năng chống buôn bán ma túy	Bộ Công an – UNODC	
	Tăng cường năng lực cho lực lượng cảnh sát trong việc thực thi pháp luật xử phạt vi phạm hành chính thông qua việc hỗ trợ thực thi luật nhằm xử lý các vi phạm hành chính	Bộ Công an - Dự án VIE/02/015	<b>Ông Lưu Tiến Dũng</b> , Cán bộ chương trình, UNDP <b>Ông Trần Đình Nhã</b> , Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Công an Tel: 0913202491

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ thực hiện các sáng kiến chung của tiểu khu vực về chống buôn bán người (COM-MIT) và Chương trình hành động quốc gia về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em 2004-2010</li> <li>▪ Hỗ trợ thực hiện các hoạt động chung về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em xuyên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc</li> <li>▪ Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện Thỏa thuận giữa Việt Nam và Campuchia về chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, thực hiện và giám sát thực hiện Thỏa thuận tiểu khu vực sông Mê Kông về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em</li> </ul>	<p>Bộ Công an, Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội, Hội liên hiệp phụ nữ VN, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em, lực lượng biên phòng - UNICEF</p>	<p><b>Bà Nguyễn Thị Hà</b>, Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: nthiha@unicef.org <b>Ông Nguyễn Mạnh Tề</b>, Phó Cục trưởng, Cục Điều tra về hình sự và trật tự xã hội (C14), BCA Tel: 7223168</p>
	<p>Hỗ trợ Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia (NPA) chống buôn bán phụ nữ và trẻ em 2004-2010</p>	<p>Hội liên hiệp phụ nữ VN - UNICEF</p>	<p><b>Bà Nguyễn Thị Hà</b>, Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: nthiha@unicef.org <b>Bà Dương Thị Xuân</b>, Trưởng ban, HLHPNVN Tel: 9719916</p>
	<p>Hỗ trợ Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội Nam trong việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia (NPA) chống buôn bán phụ nữ và trẻ em 2004-2010</p>	<p>Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội - UNICEF</p>	<p><b>Bà Nguyễn Thị Hà</b>, Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: nthiha@unicef.org <b>Ông Nguyễn Văn Minh</b>, Vụ trưởng, Vụ Ngăn chặn tệ nạn xã hội, BLĐTBXH Tel : 9347317 <b>Ông Nguyễn Mạnh Tề</b>, Phó Cục trưởng, Cục Điều tra về hình sự và trật tự xã hội (C14), BCA Tel: 7223168</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ xây dựng tổ tay về vai trò của luật sư trong quá trình tiếp xúc các tội phạm vị thành niên, nạn nhân trẻ em và nhân chứng trẻ em</li> <li>▪ Nghiên cứu tài liệu về hệ thống trợ giúp pháp lý và các mô hình phù hợp cho trẻ em tại Việt Nam (đề xuất kiến nghị và phương hướng hoạt động)</li> </ul>	<p>Hội Luật gia Việt Nam - UNICEF</p>	<p><b>Bà Julie Bereron</b>, Cán bộ Dự án bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org</p>
	<p>Xây dựng bộ chương trình đào tạo và tiến hành các khoá đào tạo nguồn cho cán bộ thực thi pháp luật, các bộ toà án và kiểm sát, các nhân viên xã hội ... về vấn đề tư pháp vị thành niên</p>	<p>Ủy ban dân số gia đình và trẻ em và các cơ quan pháp luật khác – UNICEF</p>	<p><b>Bà Julie Bereron</b>, Cán bộ Dự án bảo vệ trẻ em Tel: 9425706/email: Jbereron@unicef.org</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xây dựng bộ chương trình đào tạo và tiến hành các khoá đào tạo nguồn cho cán bộ công an về phương pháp điều tra thân thiện đối với trẻ em là nạn nhân, tội phạm và nhân chứng</li> <li>▪ đào tạo cán bộ các trường giáo dưỡng trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật</li> </ul>	<p>Bộ Công an - UNICEF</p>	<p><b>Bà Julie Bereron</b>, Cán bộ Dự án bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org <b>Ông Nguyễn Mạnh Tề</b>, Phó Cục trưởng, Cục Điều tra về hình sự và trật tự xã hội (C14), BCA Tel: 7223168</p>



Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ các trung tâm phục hồi chức năng cho trẻ em là nạn nhân của các vụ buôn bán người</li> <li>▪ Hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán</li> <li>▪ Tăng cường công tác phòng ngừa nạn buôn bán người tại cộng đồng</li> <li>▪ Có kế hoạch hỗ trợ các mô hình điều tra về nạn nhân trẻ em và tội phạm trẻ em</li> </ul>	<p>Hội Liên hiệp phụ nữ trẻ em - UNICEF</p> <p>Bộ Công an, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em - UNICEF</p>	<p><b>Bà Nguyễn Thị Hà</b>, Cán bộ Dự án về bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: nthiha@unicef.org</p> <p><b>Bà Dương Thị Xuân</b>, Trưởng Ban liên lạc, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam Tel: 9719916</p> <p><b>Bà Julie Bereron</b>, Cán bộ Dự án bảo vệ trẻ em Tel: 9425706, Email: Jbereron@unicef.org</p> <p><b>Ông Hà Đình Bốn</b>, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em Tel: 7334730</p>
	Hỗ trợ thực hiện Báo cáo quốc gia của Việt Nam về thực thi Công ước quyền trẻ em	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em - UNICEF	<p><b>Mr. Vũ Tuấn Minh</b>, Chuyên viên pháp luật, UNICEF Việt Nam Tel: 942 5706, Email: vtminh@unicef.org</p> <p><b>Bà Cao Thanh Thủy</b>, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em, Tel. 843 1653</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ rà soát chính sách và văn bản pháp luật về gia đình</li> <li>▪ Hỗ trợ tiến hành điều tra trên phạm vi quốc gia các vấn đề về gia đình, trong đó có bạo lực gia đình nhằm hỗ trợ soạn thảo Luật chống bạo lực gia đình</li> </ul>	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em - UNICEF	<p><b>Ông Lê Đỗ Ngọc</b>, Vụ trưởng Vụ Gia đình, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em Tel: 7471569</p> <p><b>Bà Nguyễn Thị Vân Anh</b>, Cán bộ chương trình Tel: 9425706, Email: ntvannah@unicef.org</p>
	Hỗ trợ rà soát pháp luật về sự tham gia của trẻ em tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Viện Khoa học pháp lý) – SCS	<p><b>Bà Dương Thanh Mai</b>, Viện trưởng, Viện Khoa học pháp lý, BTP Tel: 8231131</p> <p><b>Ông Michael Ekstrom</b>, Quản đốc quốc gia SCS. Tel.: 8 232393, Email: Michael@scsweden.org.vn</p>
	Đóng góp vào việc tăng cường năng lực đào tạo về tư pháp vị thành niên	Trường đào tạo kiểm sát viên/VKSNDTC, Học viện Tư pháp, SCS	<p><b>Ông Ngô Văn Đôn</b>, Hiệu trưởng, Trường đào tạo kiểm sát viên Tel: 034. 829 594</p> <p><b>Ông Michael Ekstrom</b>, Quản đốc quốc gia SCS Tel: 8 232393, Email: Michael@scsweden.org.vn</p>
<p><b>Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và việc phối hợp giữa các ngành để thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS</b></p>	Hỗ trợ tăng cường năng lực của các ban Đảng các cấp trong hoạt động ban hành, chỉ đạo, giám sát, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và các chính sách liên quan đến Công tác phòng chống HIV/AIDS, tạo môi trường thuận lợi để thực hiện các giải pháp đề ra trong Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS một cách hiệu quả	CCSE-UNDP/Sida	<p><b>Bà Thanh Vân</b>, Cán bộ chương trình UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 9421495, ext 150</p> <p><b>Bà Katja S Gray</b>, chuyên gia về HIV/AIDS của UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 9421495 ext.162, Email: katja.gray@undp.</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và việc phối hợp giữa các cơ quan dân cử và cơ quan chính phủ ở các cấp khác nhau để thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS:</li> <li>▪ Hỗ trợ các cơ quan dân cử tăng cường nhận thức, cập nhật kiến thức và các chính sách/ văn bản pháp luật về phòng chống HIV/AIDS</li> <li>▪ Hỗ trợ tăng cường năng lực của Quốc hội và các cơ quan dân cử các cấp trong việc xây dựng và phổ biến các nghị quyết, chính sách và pháp luật liên quan đến hoạt động phòng chống HIV/AIDS (đây chỉ là một vài kết quả hoạt động của Dự án)</li> </ul>	Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội/CCIC-UNDP/Sida	<p><b>Bà Thanh Vân</b>, Cán bộ chương trình UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 9421495 ext 150</p> <p><b>Bà Katja S Gray</b>, chuyên gia về HIV/AIDS của UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 9421495 ext.162, Email: katja.gray@undp.org</p>
<b>Thực thi quyền sở hữu trí tuệ</b>	Hỗ trợ việc tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ (IPR) thông qua các cán bộ thực thi của Chính phủ	Bộ Công an – USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Nâng cao năng lực của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa địa phương trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và nâng cao nhận thức và sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân Hà Nội và Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ thông qua việc nâng cao nhận thức, phối hợp và tổ chức các hội thảo đào tạo	Tòa án Nhân dân tối cao – USAID (Dự án STAR), Tòa án ND Hà Nội, TP Hồ Chí Minh – USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Nâng cao nhận thức và sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân Hà Nội và Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ thông qua việc nâng cao nhận thức, phối hợp và tổ chức các hội thảo đào tạo. Tăng cường năng lực cho cán bộ cấp cơ sở (Trung tâm bản quyền Việt Nam) trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ của các nhạc sỹ và tác giả thông qua việc tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức	Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm bản quyền Việt Nam - USAID (Dự án STAR )	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Tăng cường năng lực cho cán bộ cấp cơ sở (Trung tâm bản quyền Việt Nam) trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ của các tác giả, nghệ sĩ Việt nam thông qua các tọa đàm nâng cao nhận thức	Trung tâm bản quyền Việt Nam - USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, bao gồm khả năng thành lập tòa án chuyên về sở hữu trí tuệ</li> <li>▪ Hoàn thiện hệ thống cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt nam bằng việc dần thay thế các cơ quan liên quan đến việc thực thi bằng một hệ thống minh bạch và tập trung hơn</li> <li>▪ Đào tạo các cơ quan tư pháp, hải quan và cảnh sát</li> </ul>	Chương trình hợp tác về quyền sở hữu trí tuệ EC-ASEAN (ECAP II), Cục sở hữu trí tuệ, các cơ quan tư pháp, hải quan và cảnh sát Việt Nam	<p><b>Ông Niclas Morey</b>, Giám đốc ECAP II, Vụ sở hữu trí tuệ, Bộ Thương mại Thái Lan. Tel: +66/2/5474678, Fax: +66/2/5474677, Email: nmorey@ecap2.net</p> <p><b>Ông Stephane Passeri</b>, cán bộ điều hành ECAP II, Vụ Sở hữu trí tuệ, Bộ Thương mại, Thái Lan.. Tel: +66/2/5474678, Fax: +66/2/5474677 Email: spasseri@ecap2.net</p> <p><b>Bà Nguyễn Minh Thu</b>, Trợ lý ECAP II, National Cục Sở hữu trí tuệ, Hà Nội, Việt nam Tel: +84/4/557/2091, Email: tnguyen@ecap2.net</p>
<b>Đăng ký giao dịch bảo đảm</b>	Hỗ trợ việc nâng cao năng lực và đào tạo cho các cán bộ làm tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm	Bộ Tư pháp (Cục ĐKQGDBĐ)-ADB (thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật VIE/3436 về LSDS do ADB tài trợ)	<p><b>Bà Nguyễn Thuý Hiền</b>, Cục trưởng Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm, BTP Tel: 7334160</p> <p><b>Ông Shinsuke Kawazu</b>, Cố vấn, Văn phòng Cố vấn trưởng, ADB Tel: (632)632-5215, Fax: (632) 636-2501 Email: skawazu@adb.org</p> <p><b>Ông Đào Việt Dũng</b>, Cán bộ chương trình, ADB Tel: 933 1374/ ext. 125, Email: dvdung@adb.org</p>
<b>Tăng cường năng lực cho Cục quản lý cạnh tranh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tổ chức các khóa học về kỹ năng điều tra vi phạm pháp luật cạnh tranh, lạm dụng vị trí độc quyền trên thị trường</li> <li>▪ Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các văn bản và quy định pháp luật về quản lý cạnh tranh</li> <li>▪ Phổ biến các văn bản và quy định pháp luật về cạnh tranh</li> </ul>	Bộ Thương mại (Cục quản lý cạnh tranh)-JICA Bộ Thương mại – FSP (hỗ trợ Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế)	
<b>Tăng cường năng lực cho cán bộ cấp cơ sở trong việc thi hành pháp luật</b>	Hỗ trợ tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương trong việc phổ biến pháp luật tới công chúng, hòa giải cấp cơ sở tại một số tỉnh được lựa chọn: Hải Phòng, Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Tiền Giang, Lâm Đồng (số lượng các tỉnh được thụ hưởng từ hoạt động này sẽ tăng lên và sẽ được xác định trong năm 2007)	Bộ Tư pháp - Dự án VIE/02/015	<p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc Dự án Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca - vie02015.vn@undp.org</p> <p><b>Ông Lưu Tiến Dũng</b>, Cán bộ chương trình UNDP Tel: 9421495/ext.103, Email: luu.tien.dung@undp.org</p>
	Hỗ trợ tăng cường năng lực pháp lý cho cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở tại tỉnh Lạng Sơn	Ban Nội chính trung ương-Dự án VIE/02/015	<p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc Dự án Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca,ie02015.vn@undp.org</p> <p><b>Ông Lưu Tiến Dũng</b>, Cán bộ chương trình UNDP Tel: 9421495/ext.103, Email: luu.tien.dung@undp.org</p> <p><b>Ông Nguyễn Đình Lực</b>, Vụ trưởng, Vụ Pháp chế, BNCTU Tel: 08045143</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Tăng cường năng lực cho cán bộ pháp luật cấp cơ sở thông qua việc đánh giá nhu cầu pháp luật và chuẩn bị tài liệu tập huấn về pháp luật	Bộ Tư pháp (Dự án VIE/02/015)	<p><b>Ông Lê Thành Long</b>, Quản đốc Dự án Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca - vie02015.vn@undp.org</p> <p><b>Ông Lưu Tiến Dũng</b>, Cán bộ chương trình UNDP Tel: 9421495/ext.103 luu.tien.dung@undp.org</p> <p><b>Ông Nguyễn Tất Viễn</b>, Vụ trưởng, Vụ PBGDPL, BTP Tel: 8231130</p>
<b>Hội nhập kinh tế quốc tế</b>	Tăng cường năng lực giải quyết tranh chấp thương mại trong WTO và nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc về xây dựng và rà soát pháp luật để gia nhập WTO tại TQ	Bộ Tư pháp - CIDA (LERAP)	<p><b>Ông Hoàng Phước Hiệp</b>, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế BTP Tel: 8421386 - 7340982, Fax: 8431431 Email: hiephp@moj.gov.vn</p> <p><b>Bà Lynne Racine</b>, Tham tán phát triển, CIDA, Tel: 7345000, Email: lynne.racine@international.gc.ca</p> <p><b>Bà Vũ Thị Yến</b>, Cán bộ chương trình, CIDA Đại sứ quán Canada, 31 Hùng Vương, Hà Nội Tel: 7345000, Email: Vu.YenThi@international.gc.ca</p>
	Nâng cao năng lực thực thi các quy định về kiểm dịch giữa bốn nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - (Newzealand)	
	Nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và cán bộ làm điều tra và áp dụng các biện pháp chống bán phá giá	Bộ Thương mại - CEG Facility (AusAID)	<p><b>Ông Graham Alliband</b>, Giám đốc Quỹ CEG Facility Tel: 9360290, Fax 9360289 Email: Galliband@ceg.edu.vn</p>
	Tổ chức khoá đào tạo cho doanh nghiệp những kiến thức cơ bản về yêu cầu của WTO và chính sách hội nhập của Việt Nam	Bộ Thương Mại - Italy	
<b>Đào tạo luật tại các trường đại học luật</b>	<p><b>Tăng cường đào tạo luật tại Việt Nam:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nâng cao kiến thức về phương pháp giảng dạy của giảng viên dạy luật</li> <li>▪ Đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho giảng viên dạy luật</li> <li>▪ Xây dựng giáo trình giảng dạy</li> <li>▪ Tăng cường quản lý dự án và quan hệ quốc tế</li> </ul>	Đại học luật Hà Nội và TP Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục – đào tạo –Sida (đang diễn ra: 6/2005-11/2009)	<p><b>Ông Lê Minh Tâm</b>, Hiệu trưởng Đại học Luật Hà Nội, Tel: 8359653, Fax: 8359654</p> <p><b>Bà Charlotta Bredberg</b>, Bí thư thứ nhất, ĐSQ Thụy Điển, Sida Tel: 7260402, Email: charlotta.bredberg@sida.se</p>
	<p><b>Hợp tác giữa ĐH Luật Hà Nội và Đại học Tổng hợp Paris II về đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ tại Việt Nam và Pháp (bằng do Đại học tổng hợp Paris II cấp):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cung cấp giảng viên dạy luật bằng tiếng Pháp, và cung cấp học bổng cho những sinh viên xuất sắc nhất</li> <li>▪ Xây dựng giáo trình đào tạo chung</li> </ul>	Đại học luật Hà Nội và Bộ Giáo dục – đào tạo –Sida (đang diễn ra từ tháng 11/1997)	<p><b>Ông Lê Minh Tâm</b>, Hiệu trưởng, Đại học Luật Hà Nội Tel: 8359653, Fax: 8359654</p> <p><b>Ông Nguyễn Văn Bình</b>, Giám đốc Nhà pháp luật Việt-Pháp Tel: 8351899 - 0903450535, Email: nguyen.vanbinh@maisondudroit.org</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
<b>Đào tạo tư pháp</b>	Hỗ trợ xây dựng và thực hiện khóa đào tạo cử nhân pháp luật Việt - Nhật trong 2 năm, làm cơ sở cho việc nghiên cứu về pháp luật Nhật Bản (đang diễn ra – đang bắt đầu tuyển sinh đợt 3)	Đại học quốc gia Hà Nội- JICA/LCP	<b>Ông Morinaga Taro</b> , Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426558 - 095 3357315 Fax: 04-9-426-561, Email: tkmorinaga@fpt.vn
	<b>Đào tạo về pháp luật thương mại quốc tế:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phân phát giáo trình giảng dạy về pháp luật thương mại quốc tế -các vấn đề lý luận và thực tiễn</li> <li>▪ Tổ chức các khóa đào tạo về pháp luật thương mại quốc tế và tiếng Anh cho học viên và giảng viên</li> <li>▪ Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về pháp luật thương mại quốc tế</li> <li>▪ Dịch các văn bản và tài liệu liên quan sang tiếng Anh và Việt</li> </ul>	Bộ Tư pháp (ĐHL Hà Nội)-USVTC (7/2003-7/2006)	<b>Ông Lê Minh Tâm</b> , Hiệu trưởng, Đại học Luật Hà Nội Tel: 8359653, Fax: 8359654
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Góp ý bằng văn bản, hội thảo và khóa đào tạo tại Nhật Bản để hỗ trợ các cơ sở đào tạo tư pháp để trở thành nơi đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao; xây dựng giáo trình đào tạo chung cho thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư; biên soạn 04 cuốn giáo trình (về lĩnh vực pháp luật dân sự, tố tụng dân sự, kỹ năng xét xử dân sự và kỹ năng xét xử hình sự); (đang diễn ra)</li> <li>▪ Góp ý bằng văn bản và tổ chức tọa đàm xây dựng cuốn sổ tay kiểm sát viên trong lĩnh vực điều tra tội phạm và xét xử hình sự sơ thẩm. Tổ chức các hội thảo giới thiệu cuốn sổ tay nêu trên (đang diễn ra)</li> </ul>	Bộ Tư pháp (Học viện tư pháp) – JICA/LCP	<b>Ông Kokubu Takafumi</b> , Chuyên gia pháp lý dài hạn, Dự án JICA Tel: 04-9-426558, Fax: 04-9426561 Email: t-kokubu@mbp.nifty.com <b>Ông Morinaga Taro</b> , Cố vấn trưởng, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558 (Office) - 095 3357315 (Mobile) - Fax: 04-9-426561 Email: tkmorinaga@fpt.vn
<b>Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu pháp luật và phổ biến thông tin pháp lý</b>	Phổ biến Luật Du lịch để tăng cường năng lực quản lý trong lĩnh vực du lịch và thực hiện phát triển bền vững ngành du lịch và giảm nghèo	Tổng cục du lịch- UNWTO/AECI/SNV	Vụ Pháp chế, Tổng cục du lịch
	Nâng cao năng lực thi các quy định về kiểm dịch giữa bốn nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar	Bộ Y tế	
	Nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và cán bộ làm điều tra và áp dụng các biện pháp chống bán phá giá	Bộ Thương mại - CEG Facility (AusAID)	<b>Ông Graham Alliband</b> , Giám đốc Quỹ CEG Facility Tel: 936 0290, Fax: 936 0289 Email: Galliband@ceg.edu.vn
	Tổ chức khoá đào tạo cho doanh nghiệp những kiến thức cơ bản về yêu cầu của WTO và chính sách hội nhập của Việt Nam	Bộ Thương Mại - Italy	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ xuất bản các quyết định của toà án (xuất bản hai tập quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao)</li> <li>▪ Hỗ trợ xây dựng website đăng tải các quyết định của Toà án nhân dân tối cao</li> </ul>	Toà án NDTC- USAID (Dự án STAR)  Toà án NDTC - EC	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Xây dựng lộ trình cho Công báo Chính phủ để đăng tải luật và các văn bản quy phạm trên mạng	Văn phòng Chính phủ - DANIDA/ SCOG và USAID (Dự án STAR)	<b>Bà Charlotte Laursen</b> , Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) Tel: 8231888, Email: chalaus@um.dk
	Hỗ trợ nâng cao tính minh bạch trong hoạt động lập pháp của Quốc hội	Văn phòng Quốc hội - USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ diễn đàn kinh tế trên mạng nhằm đăng tải các dự thảo quy định để các doanh nghiệp đưa ra bình luận bằng cách xây dựng website thuộc Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam đăng tải các dự thảo văn bản pháp luật lấy ý kiến nhân dân	Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam - USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ xuất bản các tài liệu tham khảo về BTA/WTO và những cải cách và nghiên cứu pháp luật liên quan tới ảnh hưởng kinh tế của BTA	Văn phòng Quốc hội - Dự án STAR	<b>Ông Ngô Đức Mạnh</b> - Giám đốc Trung tâm thông tin, VP Quốc hội Tel: 08 043590, Email: ngoducmanh@yahoo.com <b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Nâng cao nhận thức và xây dựng hỗ trợ những thay đổi trong việc thực thi BTA và việc gia nhập WTO và tác động kinh tế của BTA	Quốc hội/TANDTC/Bộ Thương mại/Ban Nội chính TƯ/Bộ Tư pháp và các cơ quan khác – USAID (Dự án STAR)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tăng cường năng lực cho cán bộ của Bộ Tư pháp trong việc tiếp cận thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia</li> <li>▪ Tăng cường phổ biến pháp luật</li> <li>▪ Xây dựng thư viện pháp luật</li> </ul>	Bộ Tư pháp (Viện Khoa học pháp lý)	<b>Bà Dương Thanh Mai</b> , Viện trưởng, Viện Khoa học pháp lý, BTP Tel: 8231131
	Hỗ trợ việc phổ biến luật và các quy định về biên giới quốc gia	Bộ Ngoại giao – AusAID (Dự án LASRAI)	
	Hỗ trợ tuyên truyền Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế	Bộ Ngoại giao – VIE/02/015, USAID (Dự án STAR)	<b>Ông Lê Thành Long</b> , Quản đốc Dự án Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org <b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ xây dựng hệ cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia và phổ biến và thông tin pháp luật về CEDAW và pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ tại các bộ, cơ quan các cấp, bao gồm việc nâng cao website về Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ	Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ -UNIFEM/CIDA	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Quản lý Chương trình Đông Nam Á của CEDAW, UNIFEM Tel: 7345392, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Bà Trần Thị Mai Hương</b> , Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ (NCFAW) Tel: 8210068, Email: ncfaw@hn.vnn.vn
	Hỗ trợ phổ biến và thông tin pháp luật về CEDAW và pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ trong hệ thống Đảng	Ban dân vận Trung Ương Đảng - UNIFEM	<b>Ông Vũ Ngọc Bích</b> , Quản lý Chương trình ĐN Á của CEDAW, UNIFEM Tel: 7345392, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Bà Nguyễn Thị Cần</b> , Vụ trưởng, Vụ Dân vận, Ban dân vận Trung Ương Đảng Tel: 08043061, Email: bichlien_thuykhue@yahoo.com

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ phổ biến CEDAW và Luật bình đẳng giới mới tại cơ sở	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam – UNIFEM (đang chuẩn bị)	<b>Ông Vũ Ngọc Bình</b> , Quản lý Chương trình Đông Nam Á của CEDAW, UNIFEM Tel: 7345392, Email: vungoc.binh@unifem.org <b>Bà Dương Thị Xuân</b> , Trưởng Ban liên lạc, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tel: 9719916
	Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động phổ biến về quản lý nhà nước về khoản nợ nước ngoài (trên cơ sở Nghị định 90)	Bộ Tài chính – UNDP (Dự án VIE/01/010)	<b>Ông John Bentley</b> , Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR Tel: 9349814, Email: johnbentley@fpt.vn
	Tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng phổ biến pháp luật	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn -UNDP (Dự án VIE/02/016)	
	Hỗ trợ phổ biến thông tin pháp luật và hỗ trợ hòa giải cơ sở	Tòa án Nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp –CIDA (JUDGE)	<b>Bà Lynne Racine</b> , Tham tán phát triển, CIDA Tel: 734 5000, Email: lynne.racine@international.gc.ca <b>Bà Vũ Thị Yến</b> , Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000, Email: vu.Yenthi@inernational.gc.ca
<b>Hoà giải cơ sở</b>	Hỗ trợ tăng cường năng lực hòa giải viên cơ sở thông qua xây dựng tài liệu tập huấn và cuốn cẩm nang về kĩ năng hòa giải viên	Bộ Tư pháp - Dự án VIE/02/015	<b>Ông Lê Thành Long</b> , Quản đốc Dự án Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlng250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org <b>Ông Nguyễn Tất Viễn</b> , Vụ trưởng, Vụ PBGDPL, BTP Tel: 8231130
<b>Trợ giúp pháp lý</b>	Tăng cường năng lực của Cục Trợ giúp pháp lý nhằm thực hiện các hỗ trợ pháp luật, nâng cao năng lực của các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhằm thực hiện các hỗ trợ pháp luật, nâng cao năng lực của tổ hoà giải, luật sư, sinh viên luật nhằm thực hiện các hỗ trợ pháp luật (đã hoàn thành)	Bộ Tư pháp - Dự án VIE/02/015	<b>Ông Lê Thành Long</b> , Quản đốc Dự án Tel: 7336722, Fax: 7340104 Email: lethanhlng250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org
	Hỗ trợ tăng cường năng lực Cục trợ giúp pháp lý và 10 Trung tâm trợ giúp pháp lý cấp tỉnh tại Việt Nam (Giai đoạn 1)	Bộ Tư pháp –SDC (Dự án cho Cục TGPL)	<b>Bà Tạ Thị Minh Lý</b> , Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, BTP Tel: 8431389 - 0903444108
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường năng lực cho người hỗ trợ quyền trẻ em nhằm thúc đẩy sự tham gia của trẻ em và cung cấp ý kiến tư vấn cho trẻ em tại các trung tâm trợ giúp pháp lý (thuộc Hội nông dân Việt Nam)</li> <li>- Đưa các quy định trong Công ước về quyền trẻ em vào Chương trình phổ biến pháp luật của các trung tâm trợ giúp pháp lý (theo Chỉ thị 26/TTg)</li> </ul>	Trung tâm trợ giúp pháp lý và phổ biến pháp luật cho nông dân/Hội nông dân Việt Nam -SCS	<b>Ông Michael Ekstrom</b> , Quản đốc quốc gia SCS Tel: 8 232393, Email: Michael@scsweden.org.vn

**Từ viết tắt trong Danh mục:**

ADB:	Ngân hàng phát triển châu Á
AECI:	Cơ quan hợp tác quốc tế Tây Ban Nha (Agencia Española de Cooperación Internacional)
AusAID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Ôxtrâyliya (Australian International Development Agency)
CEG Facility:	Quỹ xây dựng năng lực quản trị quốc gia hiệu quả Ôxtrâyliya - Việt Nam (Capacity Building for Effective Governance Facility)
CIDA:	Cơ quan Phát triển quốc tế Canada (Canadian International Development Agency)
DANIDA:	Cơ quan Phát triển quốc tế Đan Mạch (Danish International Development Agency)
DFID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Anh
EC:	Ủy ban Châu Âu
FES:	Viện Friedrich Ebert (Đức) (Friedrich Ebert Stiftung)
GTZ:	Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Đức (Deutsche Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit)
JICA/LCP:	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản / Dự án hợp tác pháp luật (Japan International Cooperation Agency / Legal Cooperation Project)
IAEA:	Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (International Atomic Energy Agency)
KOICA:	Cơ quan Hợp tác quốc tế Đại hàn dân quốc (Korean International cooperation Agency)
LERAP:	Dự án Hỗ trợ cải cách pháp luật do CIDA tài trợ (CIDA funded Legal Reform Assistance Project)



MUTRAP II:	Dự án hỗ trợ thương mại đa biên cho Việt Nam giai đoạn II (Multilateral Trade Assistance Project Vietnam II)
NORAD:	Cơ quan Phát triển Na uy (Norway Agency for Development)
REFAS:	Dự án hỗ trợ cải cách hệ thống quản lý rừng (Support to the Reform of the Forest Administration System)
SBV:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SCOG:	Dự án Tăng cường năng lực cho Văn phòng Chính phủ (Strengthening the capacity of the Office of the Government Project)
SDC:	Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ (Swiss Agency for Development and Cooperation)
SECO:	Bộ Kinh tế đối ngoại Thụy Sĩ
SEMLA program:	Chương trình hợp tác tăng cường năng lực quản lý đất đai và môi trường giữa Việt Nam và Thụy Điển (Vietnam – Sweden Cooperation Program on Strengthening Capacity of land and environment management)
Sida:	Cơ quan Phát triển quốc tế Thụy Điển (Swedish International Development Agency)
SNV:	Tổ chức Phát triển quốc tế Hà Lan (Netherlands-based International Development Organisation)
STAR:	Dự án Hỗ trợ thúc đẩy thương mại do USAID tài trợ (Support for Trade Acceleration Project, funded by USAID)
UNDP:	Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (United Nations Development Programme)
UNICEF:	Quỹ nhi đồng Liên Hợp quốc (United Nations Children's Fund)
UNODC:	Văn phòng kiểm soát ma túy và tội phạm Liên Hợp quốc (United Nations Office on Drugs and Crimes)
USAID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (Agency for International Development of the United States)
WB:	Ngân hàng Thế giới (World Bank)
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organisation)
WTO:	Tổ chức Thương mại Thế giới (The World Trade Organisation)

## QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

(Tài liệu phục vụ Hội nghị Nhóm Tư vấn (CG), tháng 12/2006)

### I. Bối cảnh:

Năm 2006 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2006-2010 nên lĩnh vực tài chính ngân sách được đặc biệt chú trọng. Bên cạnh đó, trước yêu cầu ngày càng cao của cả Chính phủ và các nhà tài trợ nhằm đẩy nhanh tiến trình cải cách quản lý tài chính công, quan hệ đối tác trong lĩnh vực quản lý tài chính công đã được triển khai mạnh mẽ trên diện rộng, đồng thời cũng tập trung đi sâu vào một số lĩnh vực cụ thể.

### II. Quá trình triển khai quan hệ hợp tác trong năm 2006:

1. Các cuộc trao đổi thông tin trong nhóm công tác do Chính phủ chủ trì vẫn được duy trì thường xuyên nhằm đánh giá kết quả của các hoạt động cải cách trong lĩnh vực quản lý tài chính công. Phương pháp tiếp cận chuyên sâu theo nhóm đã được áp dụng và đạt kết quả cao, trong đó:
  - *Xây dựng Tài liệu Duy nhất* tổng hợp các chiến lược, chương trình và kế hoạch hành động hiện tại của ngành tài chính và các tiểu ngành đang được của Bộ Tài chính thực hiện với sự tài trợ của Quỹ MTFD và sẽ cho ra đời một bản Tài liệu Duy nhất để các nhà tài trợ làm căn cứ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính theo một khuôn khổ cải cách đồng bộ và nhất quán. Tài liệu này cũng đáp ứng Tuyên bố Hà nội về hiệu quả viện trợ và hài hòa hóa thủ tục.
  - *Thực hiện các khuyến nghị của Đánh giá chi tiêu công 2004*: Tổ công tác đã được thành lập và đi vào hoạt động đã nâng cao chất lượng và hiệu quả các khuyến nghị, cập nhật kết quả thường xuyên cho các bên liên quan.
  - *Cải cách quản lý tài sản công và trách nhiệm thanh toán của Chính phủ*:  
Tổ công tác đã được thành lập và đã xây dựng kế hoạch hoạt động, giúp cho việc hoạt động trong các năm tới sẽ đúng quỹ đạo và hiệu quả.
  - *Cải cách lĩnh vực thuế* được xác định dựa vào đơn vị nòng cốt là Ban Cải cách của Tổng cục Thuế đã và đang hoạt động như một tiểu nhóm điều phối, tiếp nhận và thực hiện các HTKT cho lĩnh vực thuế.
2. Hỗ trợ kỹ thuật ngày một gia tăng. Hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức song phương và đa phương trong lĩnh vực quản lý tài chính công trong năm 2006 tập trung chủ yếu vào các công việc sau:
  - *Chi NSNN*: hỗ trợ xây dựng định mức NSNN cho thời kỳ ổn định ngân sách mới 2007-2009; lập kế hoạch tài chính trung hạn và chi tiêu trung hạn; triển khai hợp đồng TABMIS... và đặc biệt là thực hiện khuyến nghị của Báo cáo đánh giá chi tiêu công 2004.
  - *Thu NSNN*: các HTKT tiếp tục tập trung hỗ trợ cho Kế hoạch chiến lược cải cách thuế và chuẩn bị cho dự án Hiện đại hoá quản lý thuế vay vốn WB. Quá trình hội nhập quốc tế đặt ra nhiều yêu cầu cải cách đối với ngành hải quan và việc đưa dự án Hiện đại hoá ngành Hải quan vay vốn WB vào hoạt động là một minh chứng cụ thể.
  - *Quản lý nợ Chính phủ*: Đây là một lĩnh vực được quan tâm trong các HTKT gần đây với mục tiêu hướng tới quản lý thống nhất và toàn diện nợ cả nợ trong nước và nợ nước ngoài nhằm đảm bảo an toàn và chủ động ngân sách.

- *Quản lý giá*: Đây là một lĩnh vực vẫn nhận được rất ít tài trợ. Hiện tại Quỹ MDTF đang hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về thẩm định giá ở Việt Nam.
  - *Quản lý tài sản công*: Cũng giống như lĩnh vực quản lý giá, có ít tài trợ cho lĩnh vực này. Quỹ MDTF đang hỗ trợ cải tiến và hoàn thiện hệ thống pháp lý về quản lý tài sản nhà nước. Gần đây Chính phủ Úc (AusAid) đang quan tâm đến hỗ trợ xây dựng Luật Quản lý Tài sản Nhà nước.
  - *Cải cách DNNN*: Lĩnh vực này nhận được tương đối nhiều hoạt động HTKT bao gồm hỗ trợ tăng cường năng lực quản lý tài chính DNNN thông qua nghiên cứu, cải tiến phương pháp quản lý việc sử dụng vốn nhà nước tại các DNNN; hỗ trợ xử lý nợ và tài sản tồn đọng của DNNN,...
  - *Các lĩnh vực khác* (đào tạo, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, thị trường chứng khoán, chính sách tài chính,...): nhiều hỗ trợ tập trung cho việc nâng cao năng lực thông qua các hoạt động tư vấn, khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn, hội thảo, tập huấn và chuyên đề nghiên cứu.
3. Với sự kết thúc của 6 dự án và triển khai của 6 dự án mới, trong đó có 2 dự án vay vốn WB với số vốn lớn, cùng với các hoạt động hợp tác song phương với những đối tác mới như Mỹ, Hàn Quốc, Séc, Hungary,... lĩnh vực quản lý tài chính công đòi hỏi vai trò điều phối, phối hợp giữa các bên trong Nhóm đối tác phải được tăng cường và đẩy mạnh hơn nữa.

### **III. Những kết quả của quan hệ đối tác trong lĩnh vực tài chính công:**

#### **1. Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý tài chính - ngân sách:**

##### **1.1 Tiếp tục tổ chức thực hiện Luật NSNN được Quốc hội thông qua năm 2002:**

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách chế độ trong lĩnh vực NSNN: Chính phủ đã ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2007 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách địa phương (2007-2010) trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả đạt được của hệ thống định mức cũ, đồng thời khắc phục những tồn tại, bất hợp lý theo hướng nâng định mức chi cho khu vực nghèo, địa phương nghèo, đảm bảo kinh phí thực hiện những chế độ, chính sách Nhà nước mới ban hành; thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn phát triển mới theo Nghị quyết của Đảng; đáp ứng yêu cầu chiến lược tài chính - ngân sách giai đoạn 2006 - 2010.
- Tăng cường công khai minh bạch trong quản lý tài chính công: Việc công khai đã đáp ứng yêu cầu của Luật Ngân sách nhà nước đặt ra về công khai ngân sách, các chỉ tiêu đã được Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp quyết định, phê chuẩn đã được công bố công khai. Ngoài ra, còn mở rộng nội dung công khai ngân sách và kinh phí của các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí; công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; các dự án công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN; công khai các khoản hỗ trợ của NSNN cho các cá nhân, dân cư,...
- Phát hành cuốn sách công khai dự toán năm 2006 và quyết toán NSNN năm 2004.
- Lần đầu tiên xây dựng và ban hành được các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN, áp dụng cho giai đoạn 2007-2010 (Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12/9/2006 về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN giai đoạn 2007-2010).

##### **1.2 Tổ chức triển khai thực hiện các khuyến nghị của Báo cáo đánh giá chi tiêu công năm 2004:**

- Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính phối hợp với Ngân

hàng thế giới công bố bản Báo cáo Đánh giá chỉ tiêu công Việt Nam năm 2004 và căn cứ vào các khuyến nghị đưa ra trong Báo cáo; Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan với sự hỗ trợ của WB và các nhà tài trợ tổ chức thực hiện các khuyến nghị nêu trong báo cáo và định kỳ đánh giá kiểm điểm những kết quả đã đạt được.

- Việc triển khai thực hiện các khuyến nghị của báo cáo đánh giá chỉ tiêu công năm 2004 đã nhận được sự tham gia của các bộ và các cơ quan có liên quan. Các Bộ đã chủ động xây dựng kế hoạch, các bước triển khai để thực hiện các khuyến nghị này. Vì vậy phần lớn các nội dung của các khuyến nghị chỉ tiêu công năm 2004 đã được triển khai trong năm 2006.

### 1.3 Triển khai dự án “Cải cách quản lý tài chính công”:

- Nghiên cứu xây dựng đối với các quy định và quy trình nghiệp vụ để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu lực quản lý khi vận hành triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc - TABMIS.
- Xây dựng kế hoạch Tài chính trung hạn và kế hoạch chi tiêu trung hạn (MTF&EF) đầu tiên thí điểm cho 4 lĩnh vực giáo dục, y tế, giao thông và nông nghiệp và bắt đầu triển khai thí điểm cho 4 tỉnh (Hà Nội, Phú Thọ, Bình Dương, Vĩnh Long), đặt nền móng quan trọng cho việc xây dựng MTF&EF các năm tiếp theo.
- Cấu phần Quản lý nợ: Nghiên cứu và xây dựng đề án quản lý nợ. Trong đó nghiên cứu và phân tích hiện trạng cũng như đưa ra kiến nghị và giải pháp cho việc quản lý nợ trong tương lai, nhằm mục tiêu thống nhất quản lý nợ của Việt nam.

### 1.4 Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững và xóa đói giảm nghèo:

- Ngân sách nhà nước tiếp tục ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng bền vững và xóa đói giảm nghèo. Hệ thống định mức phân bổ ngân sách nhà nước năm 2007 đã ưu tiên nhiều hơn cho các địa phương nghèo, khó khăn và làm cơ sở cho việc ổn định ngân sách trong giai đoạn tới 2007-2010.
- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá và phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công, các cơ quan hành chính nhà nước. Chính phủ đã ban hành một loạt các Nghị quyết, Nghị định và Thông tư hướng dẫn có liên quan để thực hiện nhiệm vụ này.
- Tăng cường quản lý và sử dụng các khoản chi ngân sách cho các chương trình mục tiêu quốc gia từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương một cách có hiệu quả.

## 2. Cải cách quản lý hành chính thuế:

- Bên cạnh việc tích cực triển khai thí điểm cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, chuẩn bị áp dụng trên toàn quốc năm 2007, Chính phủ còn tập trung thực hiện cải cách thuế bước 3 theo Kế hoạch cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế giai đoạn 2005-2010 với nội dung trọng tâm là cải cách quản lý thuế. Mục tiêu về quản lý thuế của kế hoạch cải cách là "nâng trình độ quản lý thuế của Việt nam ngang tầm với các nước trong khu vực, xây dựng ngành thuế Việt Nam tiên tiến, hiện đại và chuyên nghiệp nhằm đảm bảo thực thi tốt pháp luật thuế; đảm bảo quản lý thuế công bằng, minh bạch và hiệu lực, hiệu quả; phục vụ tốt tổ chức, cá nhân nộp thuế và phù hợp với chuẩn mực quốc tế, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân nộp thuế; tăng cường việc thanh tra, giám sát của cơ quan thuế; đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" với 10 chương trình hành động.
- Một số dự thảo Luật Thuế mới được soạn thảo và trình Quốc hội xem xét nhằm cải cách lĩnh vực thuế cả về bề rộng và bề sâu. Đặc biệt dự thảo Luật quản lý thuế đã được Quốc Hội thông

qua là một hành lang pháp lý vững chắc nhằm cải cách công tác quản lý thuế trong thời gian tới.

### **3. Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp:**

- Trong năm qua, Chính phủ đã cấu trúc lại hơn 1000 DNNN, trong đó cổ phần hóa hơn 800 doanh nghiệp; việc cổ phần hóa các doanh nghiệp, cùng với việc thay đổi cách thức quản trị công ty đã làm tăng hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp và giảm gánh nặng cho NSNN.
- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) được thành lập để quản lý phần vốn của nhà nước tại các công ty cổ phần, qua đó Chính phủ xóa bỏ cơ chế chủ quản đối với các doanh nghiệp này và áp dụng cơ chế đầu tư thông qua SCIC.

### **4. Thúc đẩy phát triển thị trường vốn và thị trường tài chính:**

- Thực hiện cơ chế kết hợp giữa cổ phần hóa và niêm yết trên thị trường chứng khoán, đồng thời ban hành những quy định mới về quản trị công ty và công bố thông tin. Luật Chứng khoán đã được ban hành từ tháng 6 năm 2006 và sẽ được thực thi từ 1/1/2007. Thị trường chứng khoán chính thức có bước phát triển khá, cho đến tháng 11 năm 2006, đã có 74 công ty niêm yết với tổng giá trị vốn hóa thị trường đạt 7.7% GDP năm 2005. Tiến trình tự do hoá thị trường chứng khoán đã được mở rộng, nhà đầu tư nước ngoài đã được nắm giữ 49% cổ phiếu của công ty cổ phần niêm yết.

## **IV. Một số nội dung chủ yếu sẽ tập trung triển khai trong năm 2007 trong lĩnh vực quản lý tài chính công:**

Tiếp tục triển khai các hoạt động cải cách trong lĩnh vực quản lý quản lý tài chính công theo từng nhiệm vụ cụ thể:

1. Quản lý ngân sách, bao gồm việc tăng cường khuôn khổ pháp lý, năng lực cán bộ, xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) và xây dựng kế hoạch chi tiêu công trung và dài hạn, nâng cao tính minh bạch trong ngân sách và tăng cường phân cấp, tự chủ tài chính;
2. Quản lý thu ngân sách, bao gồm công tác củng cố hệ thống quản lý hành chính thuế và cải cách hải quan theo hướng hiện đại hoá;
3. Quản lý nợ, bao gồm việc củng cố hệ thống ghi chép nợ trong nước và nợ nước ngoài, xây dựng chiến lược quản lý nợ và phát triển cơ chế quản lý rủi ro;
4. Hoàn thiện văn bản pháp quy hướng dẫn Luật Chứng khoán; cấu trúc lại thị trường theo hướng mở rộng thị trường chính thức, thu hẹp thị trường tự do, từng bước mở cửa thị trường chứng khoán theo tiến trình hội nhập; tăng cường quản lý giám sát và cưỡng chế - thực thi;
5. Quản lý tài chính doanh nghiệp, bao gồm hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý tài chính đối với doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản lý tài chính đối với khu vực doanh nghiệp; thúc đẩy tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước;
6. Quản lý tài sản công, bao gồm việc thành lập hệ thống theo dõi tốt hơn tài sản vật chất của Nhà nước và yêu cầu quản lý việc sử dụng tài sản công đã được xác định trong hệ thống văn bản pháp lý;
7. Quản lý giá, bao gồm việc xây dựng một hệ thống thẩm định giá, cải tiến cơ chế điều hành chính sách giá cả, đặc biệt là giá nguyên liệu đầu vào trong khuôn khổ nền kinh tế thị trường.

## V. Các biện pháp tăng cường mối quan hệ đối tác:

1. Để tăng cường trao đổi thông tin và phối hợp giữa các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ cho lĩnh vực quản lý tài chính công, Bộ Tài chính thành lập nhóm công tác chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế và triển khai quan hệ với cộng đồng các nhà tài trợ trong lĩnh vực quản lý tài chính công, với nhiệm vụ và cơ chế hoạt động như sau:
  - Nhiệm vụ:
    - Tăng cường trao đổi thông tin và đối thoại chính sách;
    - Tăng cường điều phối các nguồn tài trợ nhằm nâng cao hiệu quả trong huy động và sử dụng các nguồn tài trợ.
  - Tổ chức và hoạt động:
    - Nhóm sẽ do Thứ trưởng Bộ Tài chính phụ trách công tác đối ngoại chủ trì, lãnh đạo Vụ Hợp tác quốc tế là thành viên thường trực và các thành viên khác là lãnh đạo của các đơn vị vụ cục liên quan trong Bộ Tài chính. (như Vụ NSNN, Tổng cục Thuế, KBNN, Cục Quản lý Công sản, Cục Tài chính Doanh nghiệp, Cục Quản lý giá...).
    - Cuộc họp của nhóm với đại diện các cơ quan liên quan và các nhà tài trợ được duy trì thường xuyên 6 tháng/ lần, trong đó cuộc họp giữa năm do lãnh đạo Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì và cuộc họp cuối năm do Thứ trưởng chủ trì.
    - Nhóm sẽ làm đầu mối thúc đẩy và tạo điều kiện để triển khai việc trao đổi thông tin, đối thoại chính sách và xây dựng các chương trình, dự án hỗ trợ trong lĩnh vực quản lý tài chính công.
2. Tăng cường quan hệ hợp tác với:
  - các cơ quan liên quan của Việt Nam và các nhà tài trợ quốc tế quan tâm và tham gia các hoạt động của Nhóm.
  - Bộ Tài chính hoan nghênh các cơ quan của Việt Nam và các nhà tài trợ tham gia nhóm công tác. Khi có nhà tài trợ muốn tham gia Nhóm, đề nghị có thư thông báo cho Bộ Tài chính.
  - Hoạt động phối kết hợp tiếp tục được tăng cường thông qua vai trò chủ trì của Bộ Tài chính.
  - Các nhà tài trợ quan tâm và đáp ứng kịp thời những nhu cầu hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên của Chính phủ.
  - Đảm bảo trao đổi thông tin 2 chiều giữa Chính phủ và các nhà tài trợ.

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN MỚI ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NĂM 2006**  
**DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐANG TRÌNH PHÊ DUYỆT VÀ VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ**  
**CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI BỘ TÀI CHÍNH CÁC NƯỚC**

STT	Tên chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA	Mục tiêu	Đầu mối liên lạc	Ghi chú
<b>DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN MỚI TRONG NĂM 2006</b>							
	DỰ ÁN ODA KHÔNG HOÀN LẠI	<b>3,018,702</b>					
1	Dự án thử nghiệm về thông quan hàng chuyển phát nhanh phục vụ cho tuần lễ cấp cao APEC2006	USTDA	10/2006 - 1/2006	601,893	Thí điểm hệ thống tiếp nhận và xử lý tờ lược khai hàng hoá điện tử (e-Manifest) nhằm hỗ trợ VN làm tốt hơn công tác thông quan cho các đại biểu dự hội nghị APEC 2006, nâng cao hình ảnh của VN	Ban HTQT - Tổng Cục Hải quan Anh Dương Văn Tâm Phó vụ trưởng Vụ HTQT - TCHQ	
2	Nền tài chính công (Cấu phần 2 thuộc Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô)	Đức	1/2006 - 12/2009	1,250,000	Hỗ trợ thực hiện chính sách ngân sách và chính sách tài khoá, nền tài chính công phù hợp với các CMQT ở mức độ cao hơn	Vụ NSNN - Bộ Tài chính 28 Trần Hưng Đạo Tel: 220.28.28 Chị Trần Kim Hiền	
3	Nghiên cứu khả thi DA nâng cấp và phát triển TTGDCK Hà Nội	USTDA	6/2006 - 6/2007	420,000	Tài trợ cho các khoản chi phí về sản phẩm và dịch vụ cần thiết để thiết lập nghiên cứu khả thi của Dự án Nâng cấp mở rộng TTGDCK Hà Nội.	Ủy Ban Chứng khoán nhà nước Tel: 04.9340763/ Fax: 04. 9340740 Chị Ngà - Chuyên viên Ban HTQT	
4	Xây dựng các quy định và hướng dẫn hoạt động quản lý quỹ tài sản và quỹ đầu tư	Quỹ First - Anh	7/2006 - 2/2007	385,000	(1) Phát triển hơn nữa TTCK tập trung của VN (2) Phát triển môi trường quản lý để hỗ trợ và giám sát hoạt động của các quỹ đầu tư dựa trên định hướng đã nêu trong Luật Chứng khoán.	Ủy Ban Chứng khoán nhà nước Tel: 04.9340763/ Fax: 04. 9340740 Chị Thuỷ - Chuyên viên Ban HTQT	
5	Phát triển năng lực Ngân sách giới	Canada	8/2006 - 8/2007	89,809	Xây dựng năng lực và phát triển kỹ năng trong việc phân tích, xây dựng, đánh giá và giám sát ngân sách từ khía cạnh giới (theo hướng lồng ghép giới vào chu trình NS)	Dự án phát triển năng lực NS giới Học viện tài chính Số 7 Lý Thường Kiệt	

6	Hệ thống thông tin thống kê tài chính VN	USTDA	2006 - 1/2008	272,000	Thiết kế hệ thống thông tin thống kê tài chính quốc gia (NFSIS) hiện đại và tăng cường năng lực cán bộ của BTC về quản lý số liệu đầu vào, phân tích và báo cáo	Cục Tin học và Thống kê tài chính Bộ Tài chính
7	Xây dựng năng lực cho đội ngũ giảng viên chủ chốt cho công cuộc hiện đại hoá ngành Hải quan Việt Nam	JICA	2004 - 2007	2360000	Các giảng viên chủ chốt được huấn luyện để tổ chức đào tạo thực tế về xác định trị giá hải quan, kiểm tra sau thông quan và phân loại hàng hoá HS trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế và đóng vai trò làm giảng viên tại các khóa học.	Tổng cục hải quan - Tel: 8724164 JICA: Mr. Kensuke Tsuji TEL:(84-4)8315005 - FAX:(84-4)8315009 E-mail: Tsuji.Kensuke@jica.go.jp
8	DA HTKT giữa TCT và JICA về cải cách hành chính thuế	JICA	2005 - 2008	1700000	Tăng cường khả năng của Tổng cục thuế trong việc đào tạo cán bộ và chỉ đạo công việc đối với các Cục thuế tỉnh/ thành phố	Tổng cục Thuế -Tel: 9712287 JICA: Mr. Kensuke Tsuji TEL:(84-4)8315005 - FAX:(84-4)8315009 E-mail: Tsuji.Kensuke@jica.go.jp
<b>DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐANG TRÌNH BTC PHÊ DUYỆT VÀ VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ</b>						
<b>DỰ ÁN ODA KHÔNG HOÀN LẠI</b>						
1	VN hướng tới các CMQT về giám sát hoạt động bảo hiểm	Quỹ First - Úc	11/2006 - 3/2007	249,000	(1) Tăng cường sự lành mạnh, an toàn, tăng trưởng bền vững của thị trường bảo hiểm VN; (2) Hỗ trợ BTC trong việc ban hành các quy định quản lý giám sát phù hợp với CMQT của Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế	Vụ Bảo hiểm - Bộ Tài chính  Bộ đã đồng ý về nguyên tắc Vụ BH phối hợp với các cơ quan liên quan và nhà tài trợ xây dựng văn kiện cụ thể dự án để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2	Dự án HTKT chuẩn bị Hiện đại hoá quản lý hành chính thuế	Nhật	2006 - 2007	1,000,000	Tư vấn và giúp đỡ BTC (TCT) trong quá trình triển khai công việc chuẩn bị cho DA vay WB phục vụ chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2010	Tổng cục thuế - Bộ Tài chính  Vận động tài trợ từ Quỹ Phát triển nguồn nhân lực PHRD
3	Dự án Hiện đại hoá quản lý hành chính thuế	WB	2007 - 2010	Dự kiến 120 triệu USD	Hỗ trợ cho ngành thuế thực hiện Kế hoạch cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế thành công, theo đúng định hướng đã xây dựng và đảm bảo tính bền vững của chương trình cải cách.	Tổng cục thuế - Bộ Tài chính  Đề xuất vay vốn WB
4	Quỹ MDTF (Giai đoạn II)	9 nhà tài trợ	7/2007 - 2010	Dự kiến 5 triệu USD	Hỗ trợ cho toàn bộ 6 cấu phần của Chương trình HĐH ngành tài chính	Quỹ MDTF P. 503 Toà nhà dự án - Số 4-Ngõ I-Hàng Chuối Tel: 04.9719650 Người liên lạc: Anh Nguyễn Chí Tuấn Trợ lý giám đốc nguyenchituan@mof.gov.vn
5	Dự án Quỹ đầu tư phát triển địa phương	WB		Dự kiến 120 - 150 triệu USD	Thiết lập các quỹ đầu tư phát triển địa phương.	Vụ Tài chính Ngân hàng và các tổ chức tín dụng - Bộ Tài chính  Đề xuất vay vốn WB



HỢP TÁC VỚI BỘ TÀI CHÍNH CÁC NƯỚC VÀ VỚI CÁC ĐỐI TÁC KHÁC						
1	Hợp tác với BTC Mỹ	Mỹ			Hợp tác trao đổi thông tin, hội thảo, đào tạo Phía VN tổng hợp nhu cầu HTKT và gửi BTC Mỹ.	Vụ Hợp tác quốc tế - BTC 28 Trần Hưng Đạo Tel: 04.220.28.28/ Ext 7021 Anh Quách Mạnh Lâm Chuyên viên phòng CTDA
2	Hợp tác với Hungary	Hungary			Phía VN đang trao đổi về các nhu cầu và đề xuất HTKT phù hợp với thể mạnh của Hungary.	Vụ Hợp tác quốc tế - BTC 28 Trần Hưng Đạo Tel: 04.220.28.28/ Ext 7021 Anh Quách Mạnh Lâm Chuyên viên phòng CTDA
3	Hợp tác với Bộ Kinh tế tài chính Hàn Quốc	Bộ Kinh tế tài chính Hàn Quốc			Đã ký MOU tháng 9/2006 với hình thức hỗ trợ đào tạo, hội thảo, hội nghị, nghiên cứu khảo sát, trao đổi thông tin, trao đổi cán bộ	Vụ Hợp tác quốc tế - BTC 28 Trần Hưng Đạo Tel: 04.220.28.28/ Ext 7166 Anh Trần Đức Trung Chuyên viên phòng CTDA
4	Hợp tác với CH Séc	CH Séc			Dự kiến sẽ có hoạt động hợp tác đầu tiên trong năm 2007: 01 đoàn khảo sát của BTC VN sang học tập kinh nghiệm tại CH Séc	Vụ Hợp tác quốc tế - BTC 28 Trần Hưng Đạo Tel: 04.220.28.28/ Ext 7170 Chị Mai Thị Lê Mai Chuyên viên phòng CTDA
5	Hợp tác với HSBC	HSBC			Đã ký MOU tháng 9/2006. Cam kết hỗ trợ (1) Phát triển thị trường trái phiếu (2) Quản lý rủi ro (3) Quản lý các Quỹ tài chính (4) Đào tạo và nâng cao năng lực cho BTC	Vụ Hợp tác quốc tế - BTC 28 Trần Hưng Đạo Tel: 04.220.28.28/ Ext 7166 Anh Trần Đức Trung Chuyên viên phòng CTDA

# CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÔNG

(Hà Nội, tháng 11 năm 2006)

## I. THÔNG TIN CHUNG

### Quan hệ đối tác về CCHC

Quan hệ đối tác về CCHC là một diễn đàn hợp tác giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ nhằm thực hiện mục tiêu của Chương trình tổng thể CCHC 2001-2010. Năm 2006, có 26 Dự án hỗ trợ CCHC trên cả nước, cùng với trên chục cơ quan tài trợ quốc tế, các cơ quan quản lý ODA của Chính phủ Việt Nam và Bộ Nội vụ (với tư cách là cơ quan đầu mối) tham gia diễn đàn này. Diễn đàn quan hệ đối tác được bắt đầu từ năm 2003, với mục tiêu:

- Đẩy mạnh việc chia sẻ thông tin và đối thoại giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ nhằm thực hiện mục tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ cải cách hành chính;
- Phối kết hợp hỗ trợ tổ chức thực hiện và quản lý những hoạt động CCHC;
- Tạo diễn đàn chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và kết quả thí điểm về CCHC trên cơ sở đó nhân rộng những mô hình, thực tiễn thành công; và
- Chuẩn bị báo cáo về tiến độ, kết quả và kế hoạch thực hiện CCHC cho Hội nghị thường niên và bán thường niên của Nhóm tư vấn (CG).

Những hoạt động chính của quan hệ đối tác CCHC được tiến hành thông qua các cuộc họp bán thường niên, thường niên các dự án CCHC và diễn đàn đối tác về CCHC, cũng như các cuộc họp không chính thức diễn ra trong năm. Ngoài ra, mạng website về CCHC và tờ Thông tin về CCHC và các chuyến nghiên cứu khảo sát lẫn nhau của các Dự án CCHC cũng là một phương thức hữu hiệu trong việc truyền tải và chia sẻ thông tin về CCHC.

### Khái quát về kết quả CCHC và Quan hệ đối tác CCHC năm 2006

Năm 2006 là năm bản lề của Giai đoạn II Chương trình Tổng thể CCHC của Việt Nam (2006-2010). Trong năm 2006, đã tổng kết Giai đoạn I của Chương trình tổng thể CCHC (2001-2005), và xây dựng kế hoạch hành động cho Giai đoạn II (2006-2010) trên cơ sở những bài học và kinh nghiệm thu được qua 5 năm thực hiện.

Khuôn khổ chung cho Giai đoạn II của CTTTCCHC được xây dựng vào đầu năm ngay sau khi báo cáo tổng kết và kế hoạch hành động CCHC 2006-2010 được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn và ban hành theo Quyết định số 94/2006/QĐ-TTg ngày 27/4/2006. Kế hoạch này bao gồm 69 nhiệm vụ thuộc 6 chương trình hành động về i) cải cách thể chế, ii) cải cách tổ chức bộ máy, iii) xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, iv) cải cách tài chính công, v) hiện đại hoá nền hành chính, và vi) công tác chỉ đạo và điều hành thực hiện CCHC.

Cũng trong năm 2006, Cải cách Hành chính đã được đặc biệt quan tâm. Trong bài phát biểu mới đây của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã nhấn mạnh đến việc thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của CCHC nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Kết quả chính của chương trình tổng thể CCHC năm 2006 bao gồm:

- Ban hành những văn bản quy phạm pháp luật mới nhằm nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong các cơ quan quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp và các viện nghiên cứu (Nghị định 43, 130 và 115);

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tất cả các cơ quan hành chính áp dụng ISO;
- Quyết định mở rộng việc thực hiện cơ chế dịch vụ một cửa trong các cơ quan bộ, ngành trung ương và áp dụng dịch vụ một cửa liên thông;

Ngoài ra, công tác điều hành và quản lý cải cách hành chính cũng đã có những cải tiến đáng kể về chất lượng. Trên 130 cán bộ chuyên trách về CCHC được đào tạo, bồi dưỡng; đồng thời số lượng lớn cán bộ, công chức cả cấp trung ương và địa phương được tham gia các khoá đào tạo, tập huấn về phương pháp quản lý hiện đại, xây dựng kế hoạch theo kết quả đầu ra, hệ thống quản lý và giám sát, và áp dụng phương pháp mới có sự tham gia v.v...

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho việc thúc đẩy chương trình cải cách hành chính trong thời gian tới. Cụ thể:

- Dự thảo Luật Tổ chức Chính phủ tập trung vào việc xây dựng hệ thống và cơ cấu chính phủ phù hợp với điều kiện quản lý mới.
- Nâng cấp văn bản quy phạm pháp luật về dân chủ cơ sở để nâng cao hiệu lực của văn bản.
- Dự thảo luật công vụ cho phù hợp với một nền công vụ được cải cách.

Cộng đồng quốc tế trong khuôn khổ Quan hệ đối tác cũng đã rất tích cực hỗ trợ Chính phủ thực hiện mục tiêu CCHC thông qua các dự án hỗ trợ CCHC, chia sẻ kinh nghiệm, thực tiễn, và tư vấn chính sách. Một số kết quả chính đạt được trong quan hệ đối tác như sau:

- Mở rộng phạm vi áp dụng các mô hình Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng (ISO) trong các cơ quan hành chính ở một số tỉnh và thành phố.
- Thí điểm Hệ thống quản lý thực thi công việc (PMS) trong một số lĩnh vực ở TP HCM.
- Áp dụng Thẻ báo cáo và điều tra ý kiến người dân nhằm tạo cơ hội cho người dân tham gia vào công tác quản lý, đồng thời nâng cao trách nhiệm trong công tác cung ứng dịch vụ công.
- Hoàn thiện hệ thống chia sẻ thực tiễn tốt để phổ biến rộng rãi các mô hình điển hình.

Để hỗ trợ giai đoạn II của Chương trình tổng thể CCHC, nhiều cuộc họp đã được tổ chức giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ quốc tế nhằm hỗ trợ xây dựng kế hoạch và định hướng về CCHC, và xác định phương thức hỗ trợ đối với những nỗ lực CCHC của Chính phủ.

Mặc dù đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận, nhưng CCHC vẫn chưa theo kịp với sự phát triển kinh tế và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Các bên đều thống nhất rằng cần phải có phương pháp tiếp cận mới và có những thay đổi về chiến lược. Cần phải có những thay đổi cơ bản về phương thức quản lý của Chính phủ, định hướng lại vai trò của nền công vụ là phục vụ nhân dân, mở rộng việc áp dụng mô hình đã được kiểm nghiệm thành công; nâng cao hiệu quả điều phối và phối hợp của CCHC và đề cao hơn nữa vai trò của nhân dân và của cơ quan truyền thông.

Bên cạnh đó, vai trò của Quan hệ đối tác trong việc hỗ trợ thực hiện các mục tiêu trên cần được cải tiến. Cần thu hút sự tham gia đồng đủ, tích cực và mang tính xây dựng cao của các thành viên trong các hoạt động đối tác.

## **II. HỖ TRỢ CỦA QUAN HỆ ĐỐI TÁC CCHC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CCHC NĂM 2006.**

### **A. Hỗ trợ thông qua các dự án song phương và đa phương.**

Quan hệ đối tác CCHC năm 2006 đã hỗ trợ thực hiện Chương trình TTCCHC thông qua 26 Dự án CCHC và Dự án có thành tố CCHC theo quan hệ song phương và đa phương, các cuộc đối thoại về

CCHC, và sự lồng ghép CCHC với Kế hoạch Phát triển KT-XH để đạt Mục tiêu Thiên niên kỷ. Thông qua các hoạt động đối tác, Bộ Nội vụ cùng với cộng đồng tài trợ quốc tế và các cơ quan của Chính phủ đã chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn điển hình, đồng thời tiếp tục nghiên cứu cải tiến phương pháp xây dựng kế hoạch và thực hiện CCHC. Một số dự án với quy mô lớn hơn, như Dự án CCHC Bộ Nội vụ, của Bộ NNTPNT và TP HCM đã đóng góp tích cực cho việc chia sẻ thông tin và thực tiễn điển hình, trong khi các dự án khác trên cả nước đang tích cực thí điểm một số mô hình quản lý mới. Năm 2006, Quan hệ đối tác về CCHC đã có nhiều đóng góp cho CCHC và mang lại những kết quả và những tác động chính sách như sau:

### **1) Đóng góp cho việc tăng cường thể chế**

Quan hệ đối tác về CCHC (Thông qua Dự án Hỗ trợ thực hiện Chương trình TTCCHC do UNDP và các nhà tài trợ đồng chính kiến tài trợ) đã hỗ trợ xây dựng và sửa đổi một số văn bản quy phạm pháp luật và cung cấp cho Chính phủ kinh nghiệm quốc tế nhằm cải tiến chất lượng văn bản QPPL liên quan đến CCHC, gồm:

- Luật Tổ chức Chính phủ sửa đổi.
- Dự thảo Luật về Hội
- Pháp lệnh Dân chủ Cơ sở
- Quyết định về việc áp dụng ISO
- Đánh giá 3 năm thực hiện cơ chế một cửa
- Đánh giá 3 năm thực hiện Quyết định 178 về tuyên truyền CCHC

Bên cạnh đó, cộng đồng tài trợ cũng đã đề nghị tập trung nhiều hơn cho công tác cải tiến cung ứng dịch vụ công cho nhân dân và doanh nghiệp, và nó đã trở thành một nhiệm vụ lớn của CCHC trong giai đoạn 2006-2010.

### **2) Đóng góp cho việc nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực trong nền công vụ**

*Theo dõi và đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng*

Để đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo, Bộ Nội vụ và Ngân hàng phát triển Á Châu (ADB) đã phối hợp xây dựng một hệ thống theo dõi và đánh giá đào tạo. Bộ Nội vụ đã tiến hành một số nghiên cứu về đánh giá chất lượng, hiệu quả và tác động của đào tạo. Dự thảo đầu tiên về các tiêu chí đánh giá có thể sẽ được hoàn tất vào cuối năm 2006.

*Đào tạo theo chức danh*

Với sự hỗ trợ của SDC, Bộ Nội vụ và ADB đã tiến hành một cuộc khảo sát về Đánh giá nhu cầu đào tạo cho cán bộ lãnh đạo cấp xã tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk, và đã tổ chức hai khoá thí điểm đào tạo theo chức danh cho chủ tịch xã ở hai tỉnh nghèo vào tháng 2 và tháng 3 năm 2006. Với những kết quả khả quan từ hai khoá thí điểm, Bộ Nội vụ và ADB đã tiến hành nhân rộng các chương trình đào tạo kỹ năng và theo chức danh cho cán bộ cơ sở của các địa phương khác.

Dự án của Học viện HCQG do Đan Mạch tài trợ cũng đã hoàn thành 15 bộ tài liệu giảng dạy theo chuyên đề cho cán bộ công chức địa phương, các bộ tài liệu này sẽ được đưa vào sử dụng tại các cơ sở đào tạo CBCC trên cả nước.

*Quản lý theo kết quả*

Dự án Hỗ trợ Chương trình Tổng thể CCHC đã tổ chức các khoá đào tạo cho các tỉnh về phương pháp lập kế hoạch, quản lý, giám sát theo kết quả đầu ra, góp phần cải tiến phương pháp quản lý hành chính nhà nước.

### **3) Nâng cao hiệu quả và chất lượng thực thi công vụ**

#### *Áp dụng ISO*

Năm 2006, Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng (ISO – 9000) đã được đưa vào sử dụng tại tất cả 25 Sở và một số quận, huyện của TP HCM. Mô hình thí điểm đã được mở rộng sang 4 tỉnh (Nghệ An, Bình Định, Bình Thuận và Kiên Giang) trong khuôn khổ của Quỹ hỗ trợ CCHC (PSF), và mô hình cũng được thí điểm tại Bộ NN&PTNT. Việc áp dụng quy trình tiêu chuẩn chất lượng vào hệ thống hành chính đã góp phần làm thay đổi văn hoá hành chính thông qua việc nâng cao trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và chất lượng dịch vụ. Những thí điểm này đã làm cơ sở để Thủ tướng Chính phủ ra quyết định về việc áp dụng hệ thống chất lượng (ISO) trong tất cả các cơ quan hành chính trên cả nước.

#### *Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin*

Công tác chuẩn bị xây dựng Trung tâm thông tin tại 13 xã nghèo đã được hoàn tất và sẽ được đưa vào sử dụng đầu năm 2007. Các trung tâm này sẽ là những trung tâm đầu tiên ở Việt Nam mở một kênh cho nông dân truy cập thông tin về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Sáng kiến CNTT này cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các xã nghèo ở nông thôn tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách của chính phủ về lập kế hoạch và phát triển nông thôn.

### **4) Đề xuất sáng kiến về quản lý theo kết quả trong công tác quản lý và lập kế hoạch phát triển KT-XH.**

Hệ thống quản lý thực thi công việc theo kết quả (PMS) trong 3 lĩnh vực (Địa chính, Kinh doanh, và Xã hội) đã được thí điểm tại 3 sở và 2 huyện của TP HCM, và một số tỉnh khác như Lào Cai, Bến Tre cũng đang tiến hành thử nghiệm hệ thống này. PMS được coi là một công cụ quản lý hữu hiệu trong công tác quản lý và lập kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội. Đặc biệt, sáng kiến thí điểm này đã bắt đầu mang lại những thay đổi lớn về văn hóa làm việc và góp phần nâng cao hiệu quả thực thi công việc, nâng cao trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, và nâng cao trình độ của cán bộ, công chức. Ngoài ra, Dự án Tăng cường Năng lực lập kế hoạch ngân sách Chính quyền địa phương (SLGP) và các khoá đào tạo tại địa phương cũng có nhiều đóng góp cho mục tiêu này.

### **5) Góp phần đẩy mạnh sự tham gia của công chúng vào quá trình CCHC**

Để đẩy mạnh sự tham gia của nhân dân vào quá trình cải cách hành chính, một số sáng kiến mới về CCHC đã được đưa vào thực hiện năm 2006.

#### *Áp dụng thí điểm hệ thống Thẻ báo cáo vào Việt Nam.*

Cơ quan Hợp tác phát triển Thụy sỹ và Ngân hàng Thế giới đã hỗ trợ thực hiện thí điểm Thẻ báo cáo điều tra về sự hài lòng của khách hàng/người dân đối với các dịch vụ công tại 4 thành phố: Đà Nẵng, Hải Phòng, Nam Định và Tp HCM. Mục đích của hoạt động thí điểm này là thu thập thông tin và ý kiến phản hồi của người dân về chất lượng và kết quả của hoạt động cung ứng dịch vụ công. TP HCM rất tâm đắc với kinh nghiệm thí điểm về áp dụng Thẻ báo cáo, và quyết tâm tiếp tục thực hiện thí điểm này. Bộ Nội vụ cũng quan tâm đến việc thí điểm mở rộng mô hình Thẻ báo cáo để góp phần xây dựng Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá về CCHC.

#### *Tổ chức khảo sát, thăm dò kiến đóng góp của người dân*

Để đánh giá hiệu quả và cải thiện chất lượng tuyên truyền CCHC cũng như đánh giá sự hài lòng của khách hàng/người dân đối với chất lượng dịch vụ công, năm 2006, Dự án Hỗ trợ CCHC đã giới thiệu mô hình thăm dò ý kiến người dân một cách độc lập. Mặc dù quá trình này còn đang ở giai đoạn khởi động, nhưng đây cũng là mô hình đầu tiên về thăm dò ý kiến nhân dân ở diện rộng về sự nhận thức

của người dân đối với nội dung và tác động của CCHC.

## **6) Góp phần tăng cường những mối quan hệ đối tác về CCHC nhằm tạo cơ hội chia sẻ, học hỏi và nhân rộng các mô hình, thực tiễn tốt giữa các cơ quan, đơn vị và giữa các địa phương**

*Các cuộc hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn tốt về CCHC.*

Hai cuộc hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn tốt do Dự án Hỗ trợ CCHC tài trợ đã được tổ chức tại TP HCM và Đà Lạt. Tại các cuộc hội thảo này, kinh nghiệm và mô hình tốt của các dự án song phương và đa phương đã được thảo luận và chia sẻ. Ngoài ra, cuộc hội thảo chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương có dự án với các địa phương không có dự án CCHC được tổ chức tại TP HCM đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các đại biểu và các chính quyền địa phương. Một cuộc hội thảo chia sẻ khác cũng sẽ được Dự án CCHC Bộ NNPTNT tổ chức vào tháng 12 năm 2006 với sự tham gia của các bộ, ngành trung ương.

*Thiết lập hệ thống chia sẻ thực tiễn tốt và thông tin trực tuyến.*

Gần đây, Dự án Hỗ trợ CCHC đã tập trung xây dựng hệ thống chia sẻ thực tiễn tốt và thông tin trực tuyến và đưa lên website CCHC, dự kiến sẽ bắt đầu vào cuối năm 2006. Hệ thống này sẽ mở một diễn đàn trực tuyến mới nhằm đẩy mạnh việc học hỏi, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm CCHC.

## **7) Tăng cường năng lực quản lý chương trình CCHC**

*Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác CCHC của các tỉnh*

Để nâng cao năng lực quản lý chương trình CCHC, năm qua với sự tài trợ của Dự án Hỗ trợ Chương trình CCHC, đã tiếp tục tổ chức đào tạo tập huấn cho trên 130 cán bộ làm công tác CCHC ở tất cả các tỉnh/thành phố trên cả nước. Ngoài ra, một số cán bộ làm chuyên trách về CCHC còn được tham gia các chuyến nghiên cứu khảo sát nước ngoài trong khuôn khổ của chương trình tăng cường năng lực CCHC cho các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành.

*Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá*

Với sự hỗ trợ của Dự án Hỗ trợ CCHC, hệ thống giám sát đánh giá mới được bắt đầu xây dựng từ năm 2006, gồm theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện CCHC, cải tiến cung ứng dịch vụ công, và thăm dò ý kiến, thái độ và sự hài lòng của người dân thông qua việc áp dụng hệ thống Thẻ báo cáo.

## **8) Chiến lược tuyên truyền và chia sẻ thông tin.**

Thông qua việc áp dụng phương pháp mang tính chiến lược trong công tác lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp tuyên truyền về CCHC, việc đánh giá dựa trên các nghiên cứu, và việc sử dụng cơ chế trao đổi thông tin hai chiều và thông tin theo chiều ngang, năm 2006 đã có nhiều cố gắng nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ công chức, trong nhân dân và các các tổ chức cá nhân liên quan. Cụ thể:

*Thông tin tuyên truyền đến người dân*

Ngoài việc thí điểm sử dụng hệ thống thẻ báo cáo như đề cập ở phần 4, việc thông tin, giao tiếp với người dân còn được thực hiện qua các trang web (đóng góp ý kiến về CCHC trực tuyến), sử dụng các “đường dây nóng” tại các tỉnh để người dân phản ánh những thắc mắc về CCHC, và các hoạt động lấy ý kiến đóng góp tại cấp cơ sở với sự tham gia của các tổ chức quần chúng.

*Thông tin tuyên truyền cho đội ngũ CBCC*

Năm 2006 đã tiến hành thăm dò ý kiến và thái độ của độc giả về chất lượng Tờ thông tin CCHC nhằm cải tiến chất lượng của Tờ thông tin CCHC. Ngoài ra, Vụ CCHC Bộ Nội vụ cũng đã tổ chức một số

đợt tập huấn về công tác quản lý và truyền thông về CCHC.

*Thông tin giữa các đối tác về CCHC.*

Năm 2006 đã thực hiện một số cơ chế mới, bao gồm các cuộc họp không chính thức hàng tháng giữa Dự án Hỗ trợ CCHC, cộng đồng tài trợ và một số báo cáo viên được mời để bàn bạc và tham gia ý kiến về CCHC. Bản tin điện tử về CCHC đã được quyết định xây dựng, và bắt đầu từ năm 2007 sẽ tập trung cải tiến chất lượng về thông tin CCHC cho cộng đồng tài trợ quốc tế. Các hoạt động chia sẻ thông tin và các cuộc đối thoại về CCHC cũng đã được tổ chức với sự tham gia của các đại diện Chính phủ, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành, địa phương và đại diện của cộng đồng tài trợ.

*Hệ thống chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn. Đã được đề cập trong phần 6.*

## **9) Những đóng góp khác.**

*Quản lý cán bộ công chức*

Một hội thảo quốc tế về quản lý cán bộ công chức được Bộ Nội vụ và ADB phối hợp tổ chức vào ngày 15-16 tháng 6 năm 2006. Hội thảo này đã cung cấp thông tin đầu vào và đề xuất kiến nghị cho việc soạn thảo Luật công vụ, và dự kiến đệ trình lên Quốc hội vào cuối năm 2007. Theo đề nghị của Bộ Nội vụ, ADB đã đồng ý tiếp tục hỗ trợ cho việc xây dựng Luật công vụ.

*Kế hoạch chống tham nhũng*

Bộ NN&PTNT đã xây dựng xong kế hoạch tổng thể về chống tham nhũng vào năm 2006. Kế hoạch này là một ví dụ điển hình về nỗ lực thực hiện luật phòng chống tham nhũng tại các bộ, ngành trung ương và việc lồng ghép hoạt động phòng chống tham nhũng vào chương trình CCHC và các chương trình cải cách khác. Ngoài ra, Cơ quan hợp tác phát triển Thụy điển (Sida) và các nước Canada, Đan Mạch, Hà Lan và Na Uy cũng đã hỗ trợ Thanh tra Chính phủ thực hiện chương trình “Tăng cường năng lực cho toàn ngành thanh tra từ 2006-2010”. Chương trình bắt đầu vào tháng 10 năm 2006.

## **B. Diễn đàn đối tác về CCHC**

Năm 2006, Diễn đàn đối tác về CCHC cũng đã có những bước tiến đáng kể trong việc điều phối thúc đẩy và kết nối các nỗ lực hỗ trợ và thực hiện CCHC. Bên cạnh những hoạt động trao đổi song phương, việc tổ chức các hoạt động đối tác mang tính chiến lược (như Hội thảo quốc tế về CCHC được tổ chức vào tháng 11/2006, và nhiều cuộc họp không chính thức khác) đã tạo những cơ hội tốt cho Chính phủ và cộng đồng tài trợ trao đổi, chia sẻ thông tin về CCHC và những vấn đề liên quan khác.

Năm 2006 là thời điểm thích hợp để đánh giá hiệu quả của quan hệ đối tác về CCHC nhằm cải tiến và xác định phương thức thích hợp trong việc hỗ trợ thực hiện Chương trình CCHC của Chính phủ trong những năm tới. Cũng như Chương trình TTCCHC, Quan hệ đối tác về CCHC có phạm vi khá rộng và thu hút được sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị, cộng đồng tài trợ và các ban quản lý dự án CCHC trên cả nước. Dự án Hỗ trợ Chương trình TTCCHC, UNDP cùng với Vụ CCHC và Vụ HTQT Bộ Nội vụ đóng vai trò tích cực trong việc tổ chức đối thoại chính sách giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ. Bên cạnh đó, nhiều dự án CCHC khác cũng đã tích cực đẩy mạnh việc chia sẻ và trao đổi thông tin, kinh nghiệm với các bên liên quan và với các dự án CCHC khác thông qua các cuộc tập huấn, hội thảo, các chuyển nghiên cứu khảo sát và thông qua Tờ thông tin CCHC và trang web về CCHC. Đến nay, cơ chế điều phối và trao đổi thông tin chủ yếu là thông qua các Diễn đàn đối tác thường niên và bán thường niên, các cuộc hội thảo, các cuộc họp không chính thức, v.v... và thông qua Tờ thông tin và trang web CCHC.

Nhìn từ góc độ của các cơ quan của Chính phủ và các Dự án CCHC, đặc biệt là các dự án cấp địa

phương, thấy rằng những cuộc họp như thế này là hữu ích, bởi vì đây là nơi để các bên có thể chia sẻ kinh nghiệm, thông tin và những thực tiễn điển hình về CCHC. Tuy nhiên, các nhà tài trợ cũng cho rằng mặc dù họ đánh giá rất cao những nỗ lực của Chính phủ đối với việc thực hiện và quan tâm đặc biệt đến CCHC, nhưng họ cũng mong muốn có nhiều cuộc đối thoại hơn nữa với Chính phủ, đồng thời mong muốn được chia sẻ nhiều hơn nữa những thông tin về định hướng và kế hoạch CCHC. Ngoài ra, việc tổ chức các cuộc đối thoại giữa các bên cần được thường xuyên hơn để cải tiến mức độ trao đổi thông tin giữa chính phủ và cộng đồng tài trợ về tiến độ cũng như kết quả đạt được của từng bên. Hơn nữa, một số nhà tài trợ cho rằng quan hệ đối tác về CCHC chưa phát huy một cách đầy đủ về đối thoại chính sách cũng như phối hợp thực hiện những nỗ lực CCHC khác nhau. Cộng đồng tài trợ mong muốn Chính phủ thông báo cho họ một cách rõ ràng về kế hoạch hành động Giai đoạn II của Chương trình Tổng thể CCHC, với những ưu tiên và lộ trình cụ thể.

Cuộc hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, thực tiễn về CCHC giữa các dự án với các địa phương không có dự án CCHC được tổ chức thành công tại TP HCM. Tuy nhiên, cần tổ chức nhiều hơn nữa các cuộc hội thảo chia sẻ tương tự để các bên có thể chia sẻ nhiều hơn, và sâu hơn những vấn đề về CCHC.

Tất cả những quan sát và kiến nghị trên sẽ được coi là cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động đối tác về CCHC trong giai đoạn II của Chương trình TTCCHC.

### **C. Tiếp tục cam kết những hỗ trợ mới cho CCHC của cộng đồng tài trợ**

Ngoài việc tiếp tục hỗ trợ các dự án CCHC đang được thực hiện tại các Bộ, ngành, địa phương trên cả nước, một số nhà tài trợ có những cam kết hỗ trợ mới cho những nỗ lực này, cụ thể:

#### *Chương trình hỗ trợ chung của UNDP – và các nhà tài trợ đồng quan điểm (LMDG)*

UNDP và LMDG dự kiến trong năm 2007 sẽ hoàn thiện Văn kiện chương trình hỗ trợ thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC giai đoạn II trên cơ sở những bài học và kinh nghiệm thực tế được đúc kết từ giai đoạn trước và từ các Dự án CCHC khác. Một ban soạn thảo chương trình đã được thành lập với sự tham gia của các đơn vị chủ chốt, gồm Chính phủ, Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Đại diện của các nhà tài trợ. Việc thành lập ban soạn thảo chương trình và các cuộc thảo luận/đối thoại giữa các bên đã tạo được niềm tin tưởng lẫn nhau và làm cho các bên tự tin hơn khi tham gia vào chương trình CCHC trong tương lai.

#### *ADB (Ngân hàng phát triển Á châu)*

Chương trình hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động thuộc Chương trình TTCCHC đã được điều chỉnh lại về mặt thời gian (từ năm 2008 đến năm 2010) để phù hợp kế hoạch thời gian giai đoạn II của Chương trình TTCCHC. Để hỗ trợ việc xây dựng Chương trình này, ADB đã phê chuẩn khoản ngân sách dành cho hỗ trợ kỹ thuật vào tháng 3 năm 2006. Ngân sách này sẽ dành cho hoạt động tư vấn kỹ thuật và giúp tiến hành nghiên cứu, tham khảo ý kiến cho việc thiết kế chương trình hỗ trợ.

#### *BTC (Cơ quan hợp tác kỹ thuật Bỉ)*

Giai đoạn 1 của Dự án “Hỗ trợ thực hiện chương trình CCHC của TP Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang” sẽ kết thúc vào cuối năm 2006. Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Bỉ tiếp tục hỗ trợ giai đoạn 2 cho tỉnh Hậu Giang, tập trung chủ yếu vào ba lĩnh vực chính là cải tiến hệ thống lập kế hoạch có sự tham gia của người dân ở cấp tỉnh, huyện và xã; nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công; và tăng cường năng lực cho trường chính trị tỉnh. Giai đoạn 2 dự kiến sẽ bắt đầu vào năm 2007.

#### *NORAD (Cơ quan hợp tác phát triển Na-uy)*

Để tiếp tục hỗ trợ thực hiện CCHC tại tỉnh Ninh Bình, Dự án CCHC giai đoạn II đã được Chính phủ



Na-uy tài trợ với khoảng thời gian thực hiện là từ 2006-2010. Tỉnh Ninh Bình, với sự cam kết mạnh mẽ của các cấp lãnh đạo, đã coi CCHC là động lực chính để thực hiện thành công của cải cách kinh tế và thực hành tiết kiệm chống tham nhũng. Dự án CCHC tỉnh Ninh Bình sẽ tập trung hỗ trợ ở cả ba cấp (tỉnh, huyện, xã) trên các lĩnh vực quản lý ngân sách, lập kế hoạch, và cung ứng dịch vụ công.

#### *SIDA (Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy điển)*

Với sự cam kết ủng hộ và tài trợ từ phía SIDA-Thụy điển, Bộ Nội vụ hiện đang xây dựng Văn kiện dự án về xác định cơ cấu công chức và biên chế trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước; Học viện Chính trị QG HCM đang dự thảo VK dự án về nâng cao năng lực lãnh đạo và điều hành; và tỉnh Quảng Trị đang xây dựng dự án về phân cấp quản lý ngân sách cấp xã. Các dự án này dự kiến sẽ được phê duyệt và đưa vào thực hiện năm 2007.

#### *SDC (Cơ quan Hợp tác phát triển Thụy sỹ)*

Giai đoạn 1 của dự án “Hỗ trợ thực hiện CCHC tại tỉnh Cao Bằng” do SDC-Thụy sỹ tài trợ sẽ kết thúc vào 31/12/2006, Giai đoạn 2 (2007-2010) sẽ bắt đầu ngay sau đó, với mục tiêu chính là tăng cường năng lực cho chính quyền cơ sở nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả, trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và dân chủ. Giai đoạn 2 sẽ tập trung vào 4 lĩnh vực: cải cách quy trình và thủ tục hành chính; cải cách cung ứng dịch vụ công; phát triển doanh nghiệp địa phương; và thực hiện dân chủ ở cơ sở.

### **III. BÀI HỌC THU ĐƯỢC TỪ HOẠT ĐỘNG ĐỐI TÁC NĂM 2006 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2007**

#### **A. Những vấn đề còn tồn tại**

Bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ mà quan hệ đối tác đã đạt được, góp phần thực hiện mục tiêu chung của Chương trình Tổng thể CCHC, hoạt động quan hệ đối tác về CCHC vẫn còn một số bất cập, cần được giải quyết. Cụ thể:

- Thiếu một hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá theo kết quả để phân tích tiến độ và kết quả của CCHC.
- Chất lượng đối thoại chính sách cần được nâng cao. Cộng đồng tài trợ mong muốn tổ chức các cuộc đối thoại với quy mô lớn hơn và thường xuyên hơn để bàn về các vấn đề chính sách CCHC, đặc biệt là về những vấn đề ưu tiên, định hướng trong tương lai, và sự gắn kết cải cách hành chính với các chương trình cải cách khác.
- Cần cải tiến phương pháp chia sẻ kinh nghiệm cũng như các mô hình CCHC giữa các tỉnh và các địa phương trong quá trình thực hiện CCHC.
- Thông tin hai chiều giữa các bên tham gia là cần thiết và cần được đẩy mạnh hơn nữa nhằm thúc đẩy tiến độ và chất lượng CCHC, đồng thời cần quan tâm hơn nữa đến nhu cầu và sự hài lòng của khách hàng.
- Sự phối hợp và hợp tác giữa các dự án CCHC với nhau và giữa chương trình CCHC với các chương trình cải cách khác cần được củng cố.

Những tồn tại trên cũng đã được cộng đồng tài trợ và Chính phủ xem xét, bàn bạc và đã đưa ra một số biện pháp để giải quyết, ví dụ như xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát đánh giá, thông tin giao tiếp hai chiều giữa các bên tham gia, và cải tiến chất lượng đối thoại chính sách. Tuy nhiên, thời gian tới, nhiệm vụ được đề xuất dưới đây cần được quan tâm xem xét và thực hiện.

## **B. Phương hướng nhiệm vụ, biện pháp khắc phục và kết quả dự kiến cho năm 2007.**

Sự phối hợp giữa Chính phủ và cộng đồng tài trợ, và đặc biệt là giữa các cơ quan của chính phủ với nhau đóng một vai trò quan trọng đối với sự thành công của Chương trình TTCCHC, vì vậy hoạt động đối tác về CCHC vẫn cần được tiếp tục duy trì và cải thiện chất lượng để đạt được mục tiêu đề ra.

Năm 2006, Chính phủ đã đưa ra 7 lĩnh vực cần hỗ trợ để cộng đồng tài trợ xem xét tài trợ trong thời gian tới, gồm:

- 1) Tăng cường năng lực Ban chỉ đạo CCHC và các ban thư ký CCHC ở tất cả các cấp, đặc biệt là tăng cường năng lực trong công tác điều phối thực hiện các sáng kiến mới về CCHC;
- 2) củng cố và kiện toàn các thể chế mới đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế thị trường và phục vụ cho chính sách phân cấp, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.
- 3) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức để thực hiện tốt vai trò phục vụ của mình trong một nền kinh tế thị trường.
- 4) Hiện đại hoá nền hành chính, đặc biệt quan tâm đến chính phủ điện tử
- 5) Trao đổi và chia sẻ thông tin về nhu cầu, định hướng và kết quả của CCHC với sự tham gia của các bên.
- 6) Thí điểm và kiểm nghiệm các sáng kiến mới về CCHC.
- 7) Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên trách về CCHC để làm công tác tham mưu về định hướng và chính sách và giúp thực hiện các sáng kiến về CCHC.

Bảy lĩnh vực này sẽ tạo cơ sở cho cộng đồng quốc tế xem xét và hỗ trợ cho những năm tiếp theo, đặc biệt là cho Chương trình mới hỗ trợ CCHC. Ngoài ra, năm 2007 cũng cần thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổ chức nhiều hơn các cuộc họp không chính thức và các cuộc hội thảo ở phạm vi hẹp tập trung thảo luận sâu những chủ đề cụ thể, nhằm giúp cho các bên hiểu rõ hơn về những vấn đề quản lý và CCHC.
- Xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống theo dõi, giám sát đánh giá; thiết lập hệ thống chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn và thúc đẩy hơn nữa sự tham gia của công chúng và cơ quan truyền thông vào quá trình CCHC.
- Tạo điều kiện kết nối CCHC với các chương trình cải cách khác (chương trình chống tham nhũng, chương trình cải cách hệ thống luật pháp ...)
- Đánh giá và phổ biến/nhân rộng những mô hình, thực tiễn tốt về CCHC
- Tổ chức một số cuộc hội thảo quốc tế về một số chủ đề liên quan, như: (i) phân cấp quản lý, (ii) nâng cao hiệu quả khu vực công thông qua việc áp dụng chính phủ điện tử, (iii) xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá, (iv) quản lý công chức công vụ, và (v) phương pháp tổ chức và quản lý công tác CCHC tại địa phương vùng nông thôn.
- Hoàn thiện và đưa vào thực hiện Chương trình Hỗ trợ Đẩy mạnh thực hiện giai đoạn II của Chương trình TTCCHC do UNDP và các nước LMDG tài trợ. Chương trình này sẽ hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý Chương trình TTCCHC, tăng cường tham mưu và đối thoại chính sách về những định hướng quan trọng của CCHC, thúc đẩy hơn nữa sự tham gia của người dân và đổi mới hoạt động của chính quyền địa phương, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn điển hình về CCHC. Chương trình mới này sẽ áp dụng những nguyên tắc mới của

Tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả tài trợ, và tập trung vào những vấn đề như hài hoà hoá nguồn lực, quản lý tài chính và đảm bảo tính tự chủ của Chính phủ.

Những kế hoạch và kiến nghị trên có được thực hiện thành công vào năm 2007 hay không, điều này phụ thuộc vào ý chí và quyết tâm của Chính phủ, cộng đồng tài trợ, đồng thời phụ thuộc vào năng lực và nguồn lực cũng như công tác phối hợp tốt giữa các bên tham gia vào chương trình TTCCHC.



**Phát hành tại:**

Trung tâm Phát triển Thông tin Việt Nam

63 Lý Thái Tổ, Hà Nội

Tel : (844) 934 6845

Fax: (844) 934 6847

Website: [www.vdic.org.vn](http://www.vdic.org.vn)